NĂM THỨ MƯỜI SÁU • # 181 • MAY 2004

THẾ KỶ 21

14775 Moran Street Westminster CA 92683 USA
E-mail: theky@kicon.com
Điện thoại *Trị sự:* (714) 775-6301 *Tòa soạn:* (714) 890-6002

NGHỊ QUYẾT 36, TẠI SAO?
NGÔ NHÂN DỤNG

PHẬN ĐÀN BÀ LÊ MINH HÀ

MẬT MÃ NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

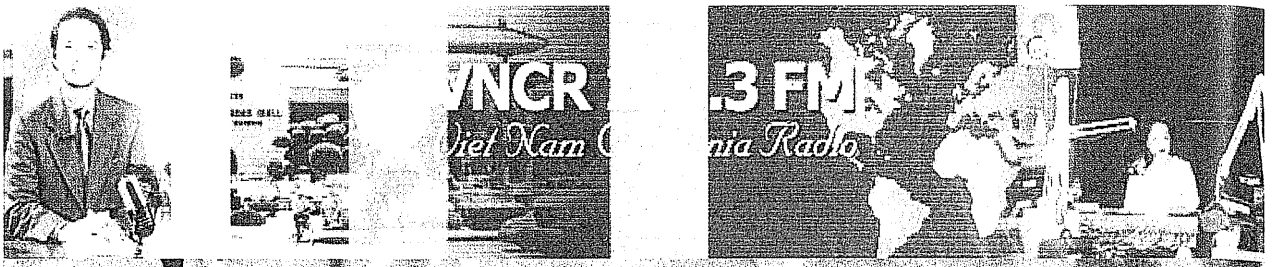

Mời Độc giả Thế Kỷ 21

(Nhiều bài đăng trên tạp chí **Thế Kỷ 21** được sử dụng trong các chương trình với sự bảo trợ của **Thế Kỷ 21**)

vào nghe đài VNCR và đọc tin hàng ngày

WWW.RADIOVNCR.COM

Nghe Chương Trình Cũ

Để nghe được VNCR Internet Radio với chất lượng âm thanh rõ và trung thực, quý vị phải có **Windows Media Player 9.0** hoặc mới hơn.

WindowsMedia Player 9 Series FREE

Quý vị đang dùng **Windows Media Player 9.0**

Nghe Đài Theo Ngày

◂ Tháng 4 Năm 2004 ▸

S	M	T	W	T	F	S
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	

5AM đến 8AM — NGHE TIN TỨC PHÁT LẠI
RADIO NEWS ON YOUR SCHEDULE

12PM đến 4PM — NGHE TIN TỨC TRỰC TIẾP
RADIO NEWS ON YOUR SCHEDULE

Đọc tin

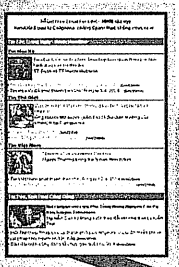

Email miễn phí

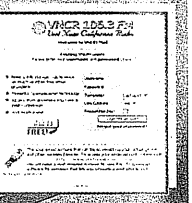

VNCR 106.3 FM

Vietnam California Radio (Orange County)

Thứ hai-thứ sáu: 5:00 AM đến 8:00 AM
(Giờ California) 12:00 PM đến 4:00 PM

KXMX 1190 AM

Los Angeles & Orange County

Thứ Bảy: 1:00 PM đến 12:00 AM
Chủ nhật: 2:00 PM đến 12:00 PM
(Giờ California)

KSON 1240 AM

San Diego

Thứ Bảy & Chủ nhật:
12:00 PM đến 7:00 AM
(Giờ California)

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

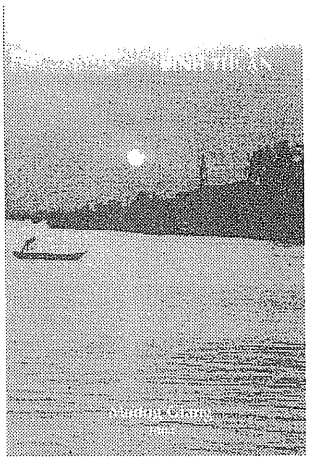

QUA NHỮNG NẺO ĐƯỜNG BÌNH THUẬN
Biên khảo, ký sự của **MƯỜNG GIANG**
Dày 864 trang, đây là một cuốn sách đầy đủ nhất về đất Bình Thuận, khảo cứu về lịch sử, văn hóa, địa lý, chủng tộc, phong tục, tập quán...từ khi đất này còn là của Chiêm Thành cho đến ngày nay. Với lối viết biên khảo pha lẫn ký sự, cuốn sách có sức hấp dẫn cao vì trình bày rất nhiều pha kịch tính của lịch sử, đọc thú vị, lôi cuốn. **Giá 25 Mỹ kim.**

PHAN VĂN HÙM Thân Thế và Sự Nghiệp
Biên khảo của Bác Sĩ **TRẦN NGƯƠN PHIÊU**
Phan Văn Hùm là một nhà cách mạng, một học giả của miền Nam đã bị Cộng sản Việt Minh giết chết cùng nhiều người yêu nước khác trên toàn quốc trong khoảng thời gian 1945, 46. Cuốn sách này là một tập tài liệu rất đầy đủ về thân thế và sự nghiệp của nhà cách mạng họ Phan, mà tác giả là một trí thức miền Nam có cơ duyên nắm được nhiều nguồn tài liệu và quen biết để viết ra những điều đáng tin cậy nhất.
Giá 18 Mỹ kim.

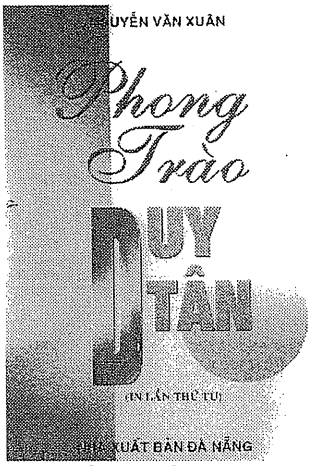

PHONG TRÀO DU Y TẬN
Biên khảo của **NGUYỄN VĂN XUÂN**
Nhà xuất bản Lá Bối in cuốn sách này lần đầu vào năm 1970, và đây là lần xuất bản thứ tư của cuốn sách biên khảo rất có giá trị này. Cuốn sách nói về một phong trào xuất hiện tại đất Quảng Nam cách đây một trăm năm, vận động canh tân xứ sở để mưu đồ độc lập phú cường cho đất nước. Đó là phong trào Duy Tân, từ Quảng Nam đã nhanh chóng lan nhanh các nơi khác để thành một cuộc vận động rộng khắp.**Giá 8 Mỹ kim.**

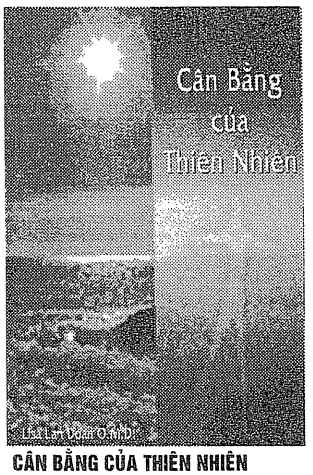

CÂN BẰNG CỦA THIÊN NHIÊN
Biên khảo của bác sĩ (O.M.D)
LISA LAN DOAN - Quyển sách định rõ những học thuyết trị liệu của ngành Y học Đông phương, gồm có ba phần: Dinh dưỡng, phân tích các thức ăn cần thiết cho cơ thể; Thể dục (hướng dẫn phương pháp Yoga); Tinh thần hướng thượng (tu luyện Tâm). Xuyên suốt tác phẩm là ý niệm CÂN BẰNG hướng dẫn con người luôn ở vị trí trung dung để có đời sống hài hòa, hạnh phúc. **Giá 20 Mỹ kim.**

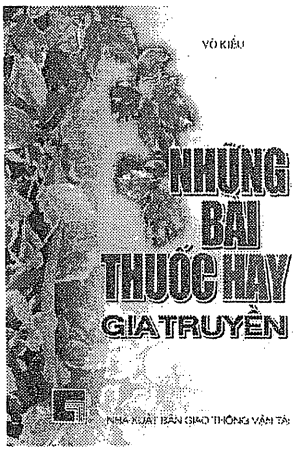

NHỮNG BÀI THUỐC HAY GIA TRUYỀN
Của **VÕ KIỀU** biên soạn
Sách tập rrung nhiều bài thuốc dân gian, nhất là của đồng bào miền núi, để cấp cứu khi bị rắn hay các loại độc vật cắn; khi bị tai nạn té trặc gân gãy xương...; các bệnh thông thường nhức đầu chóng mặt, đau tai đau mắt...; bệnh trẻ em và trẻ sơ sinh... Cuốn sách rất cần cho dân chúng những nơi xa các phương tiện y tế có thể tự mình chữa trị cho chính mình hoặc người thân khi gặp trường hợp cấp bách. **Giá 8 Mỹ kim.**

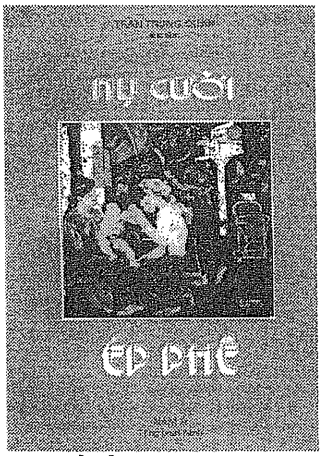

NỤ CƯỜI ÉP PHÊ
TRẦN TRỌNG QUÂN sưu tầm
253 truyện cười đã được sưu tầm trong sách này. Một cuốn sách truyện cười đem cho ta nhiều cái lợi: đọc, cười một mình để tâm hồn vui vẻ; cố nhớ những chuyện hay, để khi có họp mặt bạn bè đem ra kể, gây bầu không khí vui tươi cho mọi người; nếu là nhà báo, thỉnh thoảng có thể trích ít truyện đưa vào báo của mình để mua vui cho độc giả...
Giá 14 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí THẾ KỶ 21
14775 Moran Street, Westminster, CA 92683
Tel.: (417) 585 - 4666, (714) 839 - 8746
Email: tapchitheky@aol.com (trị sự) theky21@kicon.com (biên tập)

Tạp chí THẾ KỶ 21: Một tặng phẩm đầy ý nghĩa

PHIẾU ĐẶT MUA/GIA HẠN/TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận/Full name: _____

Địa chỉ/ Address: _____

_____

Phone/Fax/E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số/ Check, Money Order #: _____

Số tiền/Amount: _____

	1 năm/1 year	2 năm/ 2 years	Ghi chú/Notes
Media Mail (AirMail)	US $50.00	US $90.00	
Hạng nhất / First class	US $64.00	US $120.00	
Canada	US $68.00	US $130.00	
Châu Âu/Europe(Air Mail)	US $88.00 $90.00 US	US $170.00 US $170.00	Mới (New)
Châu Á, Châu Úc/Asia, Australia(Air Mail)	US $98.00 US $106.00	US $185 US $196.00	Mới (New)

Có hiệu lực từ ngày 1 tháng 11 năm 2002 (Effective Nov. 1, 2002)

Suyễn, mất ngủ, đau bao tử, dị ứng mũi v.v... ĐỪNG LO đã có THUỐC CHUYÊN TRỊ RẤT HIỆU QUẢ

GẦN 40 NĂM KINH NGHIỆM PHỤC VỤ QUÍ THÂN CHỦ TRONG CÁC LÃNH VỰC SỨC KHỎE - SỰ NGHIỆP - TÌNH YÊU THEO Ý MUỐN

Prof. PUNG NAVANN nguyên Y Sĩ riêng của Tổng Thống Cộng Hòa Cao Miên với hơn 600 loại thuốc Bào Chế Thiên Nhiên, được chế biến kỹ lưỡng theo công thức đặc biệt riêng của Prof. Pung Navann, đem về uống ngay.
** Tất cả các loại thuốc Bào Chế 100%Thiên Nhiên củaProf. Pung Navann tuyệt đối không có hóa chất, không có chất thuốc tây (như thuốc giúp ngủ hoặc thuốc an thần), không có chất thuốc cầm chừng bớt đau (như chất Aspirine, Motrine, Tylenol, Cortisone...) vì vậy, không thể nào làm cho mục xương. Tuyệt đối không có chất kích thích, không có chất làm cho bị ghiền.*

Prof. Pung Navann là người đầu tiên có các loại thuốc bào chế 100% thiên nhiên

CHUYÊN TRỊ

– Tạo cho da thịt hồng hào, tươi mát. - Bổ gan, mát gan; Bổ phổi, mát phổi.
– Đả thông kinh mạch. - Tăng cường và phục hồi sức khỏe.
– Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa đau cổ, mỏi cổ; đau vai, mỏi vai, đau lưng, mỏi lưng, đau thắt lưng, mỏi thắt lưng, và đau dưới thắt lưng [gồm phong thấp đau nhức (Rheumatism) hoặc khớp xương sưng nhức đỏ nóng không phải vì khí hậu (Goût).]
– Chữa trị và phòng ngừa đau nhức tứ chi, đau nhức toàn cơ thể.
– Ăn ngon, Ngủ ngon, tinh thần thoải mái. - Giải trừ cơ thể bị uể oải.
– Làm cho những người tay chân bị lạnh và sợ lạnh được ấm lại như tuổi trẻ.
– Làm cho khỏi bị cảm. - Làm cho khỏi đổ mồ hôi tay và chân.
– Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa các loại Nhức đầu kinh niên.
– Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa Di tinh, mộng tinh, xuất tinh sớm, bất lực, nữ giới lãnh cảm,
* Có thuốc đặc biệt trị các bệnh phụ nữ như: Kinh nguyệt không đều, có kinh quá sớm hoặc quá trễ, hoặc khi sớm khi trễ, đường kinh quá nhiều, đường kinh qúa ít, có kinh trên 7 ngày mà chưa dứt, đau bụng khi hành kinh, ra máu giữa chu kỳ đường kinh, tắt kinh (vì không mang thai), sa tử cung.

* Trong thời gian hành kinh: 1. Vú căng chướng và đau. 2. Nhức đầu. 3. Cơ thể hoặc khớp xương đau nhức. 4. Đi cầu nhiều lần hoặc tiêu chảy. 5. Lỡ miệng. 6. Nổi mề đay phong ngứa. 7. Chóng mặt, choáng váng. 8. Tánh tình nóng nảy, quạu cọ hoặc tâm tính thay đổi (như la mắng, vui buồn vô lý).

Ngoài ra: còn có thuốc chuyên trị những triệu chứng khi sắp hoàn toàn tắt kinh (trên 40 đến trên 50 tuổi)

– Trị huyết trắng. Chữa trị cho những cô gái hoặc đàn bà âm đạo bị khô, để cho thuận lợi việc giao hợp.
– Không mệt mỏi sau khi giao hợp. - Giúp cho dương vật được cứng cáp.
– Giúp cho tuổi trẻ được sức khỏe tốt, trí nhớ tốt, đầu óc tỉnh táo và sáng suốt.
– Giúp cho người già cả (gồm Nam và Nữ) ăn ngon, ngủ ngon. Khỏe khoắn. Không sợ lạnh, làm ấm lại như tuổi trẻ và trường thọ v.v...

NGOAI RA THUỐC CÒN ĐẶC BIỆT CHUYÊN CHỮA TRỊ:

a) Các loại bệnh bao tử gồm: loét bao tử (Gastric Ulcer); loét dạ tràng (Duodenal Ulcer).
b) Các chứng ho kinh niên, đờm nhiều, nặng ngực, khó thở hoặc bệnh hen suyễn.
c) Viêm mũi kinh niên (Chronic sinusitis) hoặc dị ứng mũi kinh niên (Chronic Nasal Allergy).
d) Các loại bệnh gan.
e) Các loại mụn và nám (trên mặt, trước ngực, sau lưng hoặc các nơi khác trên cơ thể). Phần lớn đều biến mất sau một thời gian dùng thuốc.
f) Táo bón kinh niên; Trĩ nội, trĩ ngoại.
g) Bệnh tiểu đường, rất hiệu quả cho những người mới bị (Ngoại trừ bệnh nhân đã phải chích insuline)
h) Triệu chứng khô môi, khô miệng, khô cổ, viêm cổ.
i) Bệnh áp huyết thấp; bệnh áp huyết cao j) Bệnh chảy máu cam
k).Viêm đường tiểu (cả nam lẫn nữ) như: Tiểu ra máu hoặc đi tiểu thấy rát và đau, sau khi thông qua phòng lab hoá nghiệm nước tiểu phát hiện có máu trong nước tiểu - Tiểu ra thấy đục - Tiểu ra thấy sạn nhỏ màu nâu đậm. Bị mắc tiểu hoặc lúc muốn tiểu mà kèm hăm không nổi
- Viêm nhiếp hộ tuyến cấp tính hoặc chậm tính. Nhiếp hộ tuyến sưng to làm cho đi tiểu khó khăn và sau khi đi tiểu rồi còn bị nhiều thêm đôi chút.
- Gần 40 năm nghiên cứu thành công về các bệnh nan y và các bệnh bất trị; Nay Prof. Pung Navann đã nghiên cứu thành công thêm thuốc chuyên trị triệu chứng rụng tóc và mọc tóc.

Prof. Pung Navann

- Nguyên Y Sĩ riêng của Thái Tử Sisowath Monireth (cậu ruột của Quốc Vương Norodom Sihanouk) Chủ tịch Hội Đồng Tối Cao của Hoàng Cung Cấm Bắt.
- Nguyên Y Sĩ riêng của Thống Chế Lon Nol, Tổng Thống nước Cộng Hòa Cao Miên.
- Nguyên Y Sĩ riêng của Quốc Trưởng Cheng Heng, nước Cộng Hòa Cao Miên.
- Nguyên Ủy viên Bộ Y Tế Nước Cộng Hòa Cao Miên.

THUỐC BÀO CHẾ THIÊN NHIÊN CỦA PROF. PUNG NAVANN
BÁN TRỰC TIẾP KHÔNG QUA MỘT TRUNG GIAN
NÀO HẾT ĐỂ TRÁNH SỰ GIẢ MẠO
Chỉ được bán tại:
14360 Brookhurst St. · Garden Grove, CA 92843 USA
Nhận gởi thuốc khắp nơi trên thế giới.
Nói bảy thứ tiếng Việt, Miên, Anh, Pháp, Bắc Kinh, Triều Châu và Quảng Đông.
Xin gọi số: Tel: (714) 531-6330

Kính gởi Bác Sĩ PUNGNAVANN:
Thưa bác sĩ, tôi tên là Trần Thị Kim Thấm, hiện cư ngụ tại thành phố Riverside. Tôi bị chứng bịnh mất ngủ, ban đêm thức nhiều lần, đã nhiều năm qua tôi ăn uống không biết ngon. Gần nhất là năm 1995, tôi lại mang thêm chứng bịnh đau bao tử, ăn không tiêu, bị nghẹn, tôi đã đi chữa trị nhiều bác sĩ nhưng bịnh cứ trở lại mãi. Tôi được nghe danh tiếng của Bác Sĩ Pungnavann và tìm đến gặp bác sĩ. Qua hai tuần uống thuốc của bác sĩ và theo đúng lời chỉ dẫn, bệnh tình của tôi đã giảm hơn 50%, rồi 4 tuần sau đó, sức khỏe tôi đã bình phục và đến tuần thứ 5 bệnh tình tôi đã dứt hẳn, ăn ngon, ngủ yên giấc và không còn bịn nghẹn như trước nữa. Quả thật hiệu nghiệm. Gần 1 năm nay, bệnh tôi không trở lại. Tôi không biết nói gì hơn, xin thành thật cảm ơn Bác Sĩ và cầu chúc cho bác sĩ được trường cửu để cứu nhân độ thế. Kính chào Bác Sĩ.
PS: Xin Bác Sĩ phổ biến để những người có bệnh có dịp may chữa trị.
K.T.

Kính gởi Bác Sĩ Pungnavann,
Tôi Sơn Nguyễn hiện ở tiểu bang Minnesota thành phố Brooklynn Center, tôi bị bệnh phong tê thấp từ Việt Nam, sang Hoa Kỳ được 5 năm, chân tay bị đau nhức và ra mồ hôi ở tay và bàn chân. Riêng hai mắt cá chân cứ sưng lên và đỏ làm cho đau nhức không đi lại được. Tôi đã đi rất nhiều bác sĩ chữa trị nhưng không hết. Tôi nhờ bác sĩ PungNavann ở California chữa trị cho tôi, nay tôi đã lành bệnh không còn sưng và đau nhức tay chân, không còn ra mồ hôi.
Nay tôi viết mấy hàng chữ gửi đến Bác Sĩ lời cảm ơn đã giúp cho tôi được khỏi bệnh và tôi cũng xin giới thiệu với bà con nếu ai bị bệnh giống tôi nên đến Bác Sĩ PungNavann để được giúp đỡ.

Bịnh Suyễn kinh niên chú ý

Tôi tên là Dương Thu Hà hiện cư ngụ tại Dallas-Texas bị bịnh suyễn suốt hơn 30 năm nay, mấy tuần nay uống thuốc của Bác Sĩ Pung Navann bịnh tôi đã khỏi nhiều không còn khó thở và khò khè như trước. Tôi được ngủ ngon giấc không phải thức dậy bơm thuốc nữa. Tôi vui mừng lắm, viết vài dòng cảm ơn Bác Sĩ đã chữa được chứng bịnh ngặt nghèo của tôi từ mấy chục năm qua. Tiện đây tôi cũng giới thiệu đến độc giả xa gần, nếu quí vị nào có chứng bịnh kinh niên này đừng e ngại uống thử vài tuần xem sao. Sẽ thấy được kết quả và chừng đó sẽ tin là tôi nói đúng sự thật. Một lần nữa xin cảm tạ vị Bác Sĩ Pung Navann rất nhiều.
Thư này em viết cho Bác Sĩ và mong Bác Sĩ đăng lên báo để đồng bào Việt Nam ở hải ngoại được biết đến sự may mắn được hết bệnh kể từ khi uống thuốc và lòng thương người của Bác Sĩ này.

Kính gởi Bác Sĩ Pung Navann,
Tôi bị bệnh dị ứng mũi đã hơn 10 năm... Sáng nào tôi cũng bị nhảy mũi và nghẹt không thở được, đêm nào tôi cũng phải dùng thuốc xịt mũi ít nhất là hai lần mới thở được, và tôi cũng có đi khám rất nhiều Bác Sĩ Mỹ để chữa trị, nhưng bệnh mũi của tôi chỉ đỡ khi dùng thuốc, khi hết thuốc thì đâu cũng vào đó, nhưng có một ngày tôi đọc báo thấy có thân chủ viết thư khen tặng Bác Sĩ Pung Navann - là một Bác Sĩ rất hay và trị bệnh như thần, tôi nghe vậy đành thử xem sao có câu ôphước chủ may thầyọ và tôi đến phòng mạch B.S Navann và những điều làm cho tôi vừa ý nhất là B.S Navann rất thành thật và tỉ mỉ giải thích cho tôi biết tường tận cách trị bệnh của B.S, và cho tôi biết phải uống bao nhiêu lần thuốc và cách trị liệu thế nào để bệnh dị ứng mũi của tôi khỏi hẳn. Sự thật lúc đầu tôi cũng không tin tưởng lắm nhưng tôi nghĩ tôi phải thử mới biết, thành ra tôi nghe lời theo sự chỉ dẫn của B.S Pung Navann và kết quả ngoài sức tưởng tượng của tôi... Sau khi tôi uống thuốc do B.S chỉ định thì bệnh mũi của tôi hết hẳn... và sau đó không hề tái phát. Tôi rất vui mừng và tôi có vài lời cám ơn B.S Pung Navann và thành thật chúc B.S Navann thành công trong sự bào chế thuốc để cứu nhân độ thế.
Kính thư

MOSAIC CULTURAL ENCOUNTER

giới thiệu

Đàn Tranh Huyền Thoại

Một chương trình nhạc dân tộc Việt Nam với tiếng đàn tranh

VÕ VÂN ÁNH

cùng **VIET SPRING FOLK ENSEMBLE**

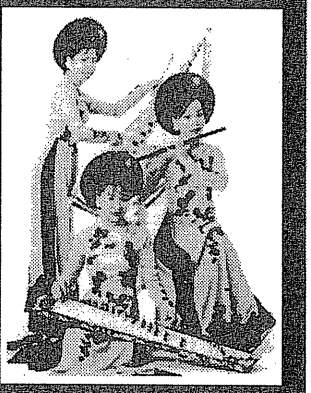

3 giờ chiều CHỦ NHẬT,
6 THÁNG 6, 2004
tại DANIEL RECITAL HALL,
California State University, Long Beach
1250 ATHERTON STREET, LONG BEACH, CA

Giá Vé: $50 $25 $15
Vé có bán tại
NHÀ SÁCH TỦ QUỲNH
9581 Bolsa Avenue
Westminster, CA

Liên lạc:
ĐANCHI: (714) 553-6505
hoặc NHƯ NGỌC: (714) 454-3127
E-MAIL:
mosaiceventinfo@yahoo.com

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
VĂN HÓA - VĂN HỌC - LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ, Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt Phạm Phú Thiện Giao, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiêu Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiêu Nhân, Hoàng Khải Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyên Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: Đi chợ mua hoa sen, tranh **Bé Ký**.
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Vũ Thái Hòa, Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Đinh Cường**
Hý họa: **Val, Babui**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: **Trần Công Nhung, Vũ Quí Hạo Nhiên, Từ Nguyên**, tư liệu

MỤC LỤC

Số 181 – Tháng Năm 2004

KINH TẾ – CHÍNH TRỊ – THỜI SỰ
9. Nghị quyết số 36 báo động người VN ở nước ngoài – **Ngô Nhân Dụng**
13. Kinh tế trong mùa tranh cử – **Xuân Quang**
16. Chiến tranh của Mỹ ở Iraq: Một năm sau – **Cổ Lũy**
25. Trí tuệ Việt Nam: Hệ thống quản trị nội dung – **Lê Lô**

TIỂU LUẬN – BIÊN KHẢO
32. Mẹ mìn và bản Nghị quyết không đầu – **Tưởng Năng Tiến**
37. Mật mã – **Nguyễn Đức Tường**
114. Người Pháp đã ngụy tạo và bóp méo lịch sử Việt Nam như thế nào? – **Nguyễn Quốc Trị**

ÂM NHẠC – HỘI HỌA
104. Câu chuyện âm nhạc – **Sơn Điệm Vũ Ngọc Ánh**
112. Phỏng vấn họa sĩ Vũ Thái Hòa – **Từ Nguyên**

VĂN
71. Phận đàn bà – **Lê Minh Hà**
80. Đổi đời – **Trần Công Nhung**
83. Trước vực. Sau khe – **Nguyễn Văn Thà**
88. Thịt chó thời cúm gà – **Vũ Quí Hạo Nhiên & Nguyễn Việt Dũng**
91. Những viên sỏi – **Hồ Phú Bông**
98. Chuyến tàu trong đêm – **Nguyễn Tường Thiết**

THƠ
64. Chùa xưa tìm lại – **Đào Phú Cường**. 69. Cái bóng – **Khánh Hà**. 75. Tạ người xông đất – **Hoàng Chiều Nhân**. 85. Trời mây – **Hoàng Huy Khánh**. 95. Sâm Thương một nỗi – **Hoàng Lộc**. 101. Phụng Hiệp – **Chu Vương Miện**. 107. Xôn xao rơi giữa – **Trần Công Nghị.**

MỤC THƯỜNG LỆ
6. Bạn đọc viết
8. Tòa soạn và Bạn đọc - Thư Trị sự
48. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
54. Đời sống quanh ta – **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm, Từ Nguyên**
62. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**

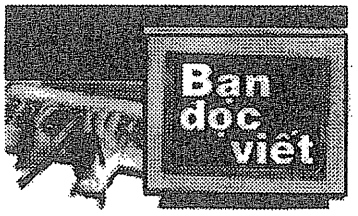

Cất vào kho quá sớm?

Tôi vừa nhận được báo Thế Kỷ 21 số tháng 4-2004. Đọc mục Bạn Đọc Viết tôi ngạc nhiên là Thế Kỷ 21 đã không *cải chính* hay *tìm tòi thử nghiệm* trang Web của báo Tuổi Trẻ Online trước khi trả lời bạn Lê Hùng Phương ở mục **Một tuyên bố buồn cười**, và Thế Kỷ 21 đã viết là Tuổi Trẻ Online *đã bị cấm không được đăng bài viết của TS Nguyễn Nhã nữa.*

Xin cải chính dùm là: các bài viết về Hoàng Sa, Trường Sa vẫn còn xuất hiện trên Tuổi Trẻ Online, nhưng vì nó đã được đăng từ tháng January 2004 cho đến bây giờ vẫn còn có người đọc viết vài mẩu tin liên hệ đến bài phỏng vấn Gs Nguyễn Nhã. Theo tôi nghĩ thì vì bài viết đã đăng xong thì họ phải bỏ vào Kho Tư liệu của họ (mà mình gọi là Văn Khố = Archives), bởi thế khi độc giả tìm đọc thì không thấy nó.

***Le-Huong Pham** (Internet)*

Xin cám ơn bạn đọc Le-Huong Pham đã mách bảo điều này. Quả thật Tòa soạn Thế Kỷ 21 đã sơ suất không tìm xem lại Tuổi Trẻ Online, mà chỉ căn cứ trên tin tức của một số báo chí hải ngoại, nói rằng bài phỏng vấn Nguyễn Nhã đã biến mất trên Website ấy sau bốn tiếng đồng hồ xuất hiện. Có thể loạt bài về Hoàng Sa đó có bị dẹp bỏ một thời gian ngắn, hoặc không bị dẹp bỏ, nhưng vì đem 'cất vào kho' sớm quá, nên đã gây hiểu lầm như thế chăng?

Công lý

Đọc đoạn *Công lý* do tác giả Trần Quán Niệm viết trong mục Đời Sống Quanh Ta, Thế Kỷ 21 số 180, tôi thấy có nhiều cái cảm động. Một vụ xử oan tày trời, trả giá bằng một mạng người, may cái số của anh chàng Nicholas Yarris còn lớn (chứ chưa hẳn là số con rệp như tác giả viết) nên sau 22 năm ngồi tù chờ ngày lên ghế điện, anh lại được trắng án và được tự do. Bị kết án 22 năm mà bản án chưa được thi hành, quả đó là chuyện rất lạ! Có thể người ta cảm thấy lờ mờ có cái gì không ổn nên cứ chần chờ chăng?

Cảm động vì ở nước Mỹ có những tổ chức như "tổ hợp tình nguyện gồm các luật sư đặc trách đảm nhiệm nghiên cứu những bản án có nhiều nghi vấn." Chế độ dân chủ thật sự có những cái có lợi như vậy. Biết rằng công lý của con người, dù cố gắng hoàn thiện tới đâu cũng vẫn có "hằng triệu điều không hiểu được" như câu thơ Mai Thảo đã viết, nên người ta vẫn phải phòng ngừa bằng nhiều cách, để lo bảo vệ cho con người. Mà cái hay của chế độ pháp trị là cơ quan công quyền sẵn sàng lắng nghe những điều sửa sai chính mình do những tổ chức tư nhân.

Điều cảm động nữa là thái độ rất bao dung của anh Yarris sau khi được giải oan. Vào tù năm 20 tuổi, ra tù năm 42, anh đã nói những lời rất điềm đạm như kẻ đã hiểu thấu bản chất của xã hội loài người nó là như thế, không thể nào tránh được những lầm lẫn. Chỉ có cách cố gắng làm sao ngày càng giảm thiểu các lầm lẫn, bằng cách đặt ra các định chế kiểm soát lẫn nhau. Mà cái đó thì chỉ có trong chế độ dân chủ. Chứ còn chế độ độc tài, lãnh tụ hoặc đảng lãnh đạo bao giờ cũng đúng, thì khí oan hẳn là ngút trời. Nhân trường hợp này chúng ta không khỏi liên tưởng tới vụ chính quyền CSVN hành quyết một người đàn bà Canada gốc Việt một cách rất vội vã tại Hà Nội cách đây mấy năm, mặc dù đã có sự can thiệp của chính quyền Canada vì thấy có nhiều ẩn khuất trong vụ án ma túy này. Người ta không thấy có lý do gì phải hành hình một cách quá vội vã như vậy, nếu không vì nhu cầu bịt miệng nhân chứng của một vụ buôn ma túy mà chắc chắn có nhiều viên chức to đầu của chế độ dính vào. Nhớ lại vẫn thấy đau đớn và tởm lợm.

Anh Yarris còn có cái may là thoát nạn nhờ sự tiến bộ của khoa học, "phương pháp so sánh DNA đã đạt đến mức hoàn chỉnh để được công nhận tại tòa như một bằng chứng xác tín." Đây là yếu tố chính để anh thoát nạn: những tiến bộ khoa học đã được ứng dụng nhanh chóng vào tư pháp. Tiến bộ khoa học nào xem ra cũng ít nhiều "đoạt quyền Thượng Đế" cả, nhưng dù có đụng chạm đến uy quyền tối thượng của Thượng Đế mà mang lại bao cái lợi lạc cho đời sống con người thì cũng nên lắm. Chắc trong trường hợp này Thượng Đế sẽ mỉm cười mà khen loài người một câu: "Giỏi lắm!"

Hữu Nguyên
(Pomona University)

Nhớ về Sài Gòn

Vừa rồi quý vị đã làm một số đặc biệt về Sài Gòn khá đầy đủ, nhưng theo tôi vẫn còn thiếu chiều sâu. Tạm đầy đủ ở chỗ giống như một bữa cỗ dọn nhiều món, mỗi thứ một ít, nhiều hương nhiều vị, thậm chí tìm tòi được một số món cầu kỳ, nhưng thiếu hẳn một cái gọi là chủ lực, tức là món chính. Lịch sử có, tâm tình có, tài liệu có, truyện thơ về Sài Gòn đều đủ cả, nhưng hầu như không cái nào đủ mạnh để gọi là "đại diện" cho Sài Gòn cả. Có phải tôi khó tính quá không? Có phải tôi chờ đợi hơi nhiều nơi những nhớ thương ứ đọng ở vô số trái tim trong nhiều năm qua? Hay là Sài Gòn, tuy lớn lao là thế, tuy nhớ thương là thế, nhưng

lại không đủ bề dày lịch sử văn hóa để tạo nên những bài viết quan trọng? Hay là tự bản chất, Sài Gòn không cần một điểm lớn quan trọng nào mà nó chính là một tập hợp của bao cái nho nhỏ như thế? Nó có thể là cái đang trở mình, đang thành hình hàng ngày, mỗi một tâm tình, mỗi một sự việc nho nhỏ mới đúng là hơi thở thật của nó. Nói cách khác, Sài Gòn là một thực thể động, trong khi Hà Nội là tĩnh. Viết về cái tĩnh dễ hơn cái động, vì mọi chuyện thành hình rồi, trong khi cái động thì đang biến dạng.

Ngoài những hình ảnh đường phố, dinh thự thời Pháp thuộc, hình ảnh các đội banh Sài Gòn xưa rất có giá trị và khó kiếm hơn. Thời gian sau này tôi để ý nhiều loại hình ảnh xưa mà người Pháp chụp ở Đông Dương được công bố rất nhiều nơi, kể cả Internet, nên tìm hình tài liệu tương đối không khó khăn, nhưng một bức hình như tướng Mai Hữu Xuân chụp chung với đội AJS thì quả là hiếm và quý lắm. Nhưng có điều này lạ: hình như trừ tấm ảnh chụp Bé Ký đi trên đường phố Sài Gòn (chắc khoảng cuối thập niên [19]50), còn lại toàn là hình ảnh thời Pháp thuộc và thời hiện nay dưới chế độ cộng sản, chứ không có một tấm ảnh nào thời Việt Nam Cộng Hòa! Thời chúng ta chơi máy ảnh biết bao nhiêu, chẳng lẽ hình ảnh đã đốt hết năm 1975 rồi sao?

***Bùi Quý Anh** (Đức Quốc)*

Giống nhau

Trong số Thế Kỷ 21 'Nhớ về Sài Gòn' vừa rồi, nơi trang 24 dưới tiểu tựa 'Giở lại những trang viết cũ' tôi đọc thấy câu này: "Tôi khám phá ra rằng tại một số nơi Paris rất giống Sài Gòn, khiến gây nơi tôi những hoài niệm rất bất ngờ."

Thú thật đọc câu này tôi thấy tức cười quá, vì thật ra phải nói Sài Gòn giống Paris mới đúng, chứ sao lại nói ngược thế. Đem hai cái sinh trước và sinh sau ra so sánh thì bao giờ cũng nói cái sau giống cái trước, người ta nói con giống cha, em giống anh/chị chứ không nói ngược lại.

Và theo tôi, giữa Hà Nội và Sài Gòn, thì Hà Nội còn giống Paris nhiều hơn nữa (dĩ nhiên đây là nói Hà Nội trước khi bị cộng sản chiếm đóng).

"Một độc giả" ở Canada

Nhà Bè

Không biết câu chuyện ông Thủ Huồng thực hư thế nào, nhưng nhờ đó mà biết được nguồn gốc của Nhà Bè, thật là sung sướng. Sung sướng vì nước mình có những chuyện hay ho quá, cái tên Nhà Bè đã nghe từ hồi nhỏ, đến bây giờ mới biết được nguồn gốc của nó, với một câu chuyện vô cùng ý nghĩa, vừa thâm thuý về triết học vừa nặng tính cách giáo dục dân chúng. Chuyện Thủ Huồng là điểm gây thích thú lớn nhất cho tôi trong cả số báo Nhớ Về Sài Gòn vừa rồi.

Câu ca dao quá nổi tiếng sau đây khiến ai nấy đều biết đến địa danh Nhà Bè:

Nhà Bè nước chảy chia hai
Ai về Gia Định Đồng Nai thì về

Câu hò thật là mênh mông, không ngờ tại địa điểm ấy ngày xưa đã xảy ra một câu chuyện thật mà giống như cổ tích "*tương truyền lúc xưa dân cư xa cách, nước sông mặn, ghe thuyền qua lại có khi phải chịu đói khát, có ông Võ Thủ Hoằng phát tâm cứu tế...*" Đó chính là một trong các trang sử thành lập miền Nam, một trang sử vào loại đẹp đẽ nhất. Ngày nay chúng ta nói mãi hai tiếng Nhà Bè mà có mấy ai biết đến "cái nhà trên bè" chuyên việc giúp đỡ bà con tứ xứ của ông Thủ Hoằng. Câu chuyện có thật vì đã được ghi trong sách *Đại Nam Nhất Thống Chí*, cùng cái tên Nhà Bè tồn tại đến ngày nay, có thật mà đẹp như một chuyện thần thoại.

Đáng lẽ câu chuyện này phải được cổ tích hóa để biến thành một trong các cổ tích truyền thống của ta như chuyện Tấm Cám, Ăn khế trả vàng..., hoặc ít ra cũng phải được kể phổ biến trong vùng lưu vực của sông Nhà Bè.

Nguyễn An (San Francisco)

Không tới thì hơn

Đọc trên Internet thấy tin một phái đoàn của Quốc hội CSVN dự trù tới Little Saigon thuộc Orange County, California vào ngày Thứ Bảy 24 tháng 4, 2004. Họ sẽ đến theo cung cách ngoại giao, ngồi xe limousine có cảnh sát hộ tống. Tôi tự hỏi họ đến đây để làm gì, nhất là giữa thời điểm tháng Tư nhạy cảm này. Chắc là không ai bắt họ phải làm chuyện này, họ đến là do ý thích của họ thôi. Tại sao họ lại quyết định làm một việc chắc chắn không vui vẻ gì, về phía họ cũng như cư dân người Mỹ gốc Việt tại vùng này? Theo tôi họ có quyết định này là vì mấy lý do:

- Đến với tư cách quốc khách có cảnh sát Mỹ hộ tống, phái đoàn sẽ ngụ ý "dằn mặt" người Việt chống cộng tại Little Saigon: chúng ông đến tận hang ổ của chúng mày đây này, giỏi làm gì được chúng ông?

- Tiếp theo Nghị Quyết 36, họ tới với cộng đồng người Việt Nam lớn nhất thế giới để ra cái điều đi "vỗ về" con dân. Trót lọt với vùng Thủ đô tị nạn Little Saigon thì đi đâu chắc cũng lọt.

Nhưng cuối cùng họ đã không đến! Chính quyền vùng Orange County khuyến cáo họ đừng đến, vì "sợ không bảo đảm được an ninh" cho họ. Thôi thế cũng được, ổn thỏa cho cả hai bên! Chứ nếu họ đến đây rồi lại nổ mấy vụ biểu dương lực lượng như hồi vụ Trần Trường thì chỉ cái khoản giữ gìn trật tự chính quyền sẽ phải tốn

tiền cũng khá bộn!

Phan Tiến Kim (Internet)

Sắc hương khác với phấn son

Đọc bài của bạn Phạm Xuân Đài tôi thấy bạn hay trích dẫn Phạm Duy lắm, hình như lời ca của Phạm Duy đã có sẵn trong kho ngôn ngữ của bạn, có dịp là lấy ra xài liền. Nhưng lâu lâu cũng bị tổ trác, lần này bạn trích dẫn sai.

Trang 22, số Thế Kỷ 21 Nhớ về Sài Gòn, có câu: "Chúng ta đã biết từ đời nhà Trần, công chúa Huyền Trân đã làm một công việc mà nhạc sĩ Phạm Duy đã gọi là 'đổi phấn son lấy cõi giang san,' nghĩa là kết hôn với vua Chiêm Thành để mang lại châu Ô và châu Rí về cho nhà Trần."

Đúng ra câu hát của Phạm Duy là "Đổi **sắc hương** lấy cõi giang san" chứ không phải là phấn son. Câu này trích từ Trường ca Con Đường Cái Quan, đoản khúc thứ 9 Ai Đi Trên Dặm Đường Trường, cả đoạn Lữ Khách hát như sau:

Năm tê trong lúc sang Xuân
Tôi theo Công Chúa Huyền Trân tôi lên đường
Đường máu xương đã lắm oán thương
Đổi sắc hương lấy cõi giang san.
Tôi đi theo bước ái tình
Đi cho trăm họ được hòa bình ấm no.
Đèo núi cao nghe gió vi vu
Thổi phấn son vô tới kinh đô.

Sắc hương mới là giá trị thật của người đàn bà (về một phương diện, dĩ nhiên), còn phấn son chỉ là thứ tô điểm thêm. Mỗi người có một hương sắc riêng, duy nhất, không ai giống ai, trong khi son phấn là sản phẩm phụ tùng, ai cũng có thể có, nếu thích. Để làm một món hàng trao đổi cả một giải đất nước của người ta, thì hẳn nhiên phải là sắc hương thứ thiệt. Đánh nhau giành đất mãi, *đường máu xương đã lắm oán thương*, thì bây giờ cũng giành đất nhưng bằng phương cách hòa bình, đổi sắc đẹp lấy đất. Chứ nếu đem phấn son ra mà đổi thì sức mấy ông vua Chàm chịu đổi, vì phấn son thì dĩ nhiên ổng cũng có thiếu gì! Phải là một trang quốc sắc kìa!

Thời bạn Phạm Xuân Đài cùng chúng tôi hát Con Đường Cái Quan đến nay dễ cũng đã 40 năm. Lâu quá, "có quyền" lẫn lộn chút chút trong khi vội viết bài, nhất là câu cuối "Thổi phấn son vô tới kinh đô" cũng dễ làm lẫn lộn. Bạn bè nhớ được thì nhắc bạn vậy thôi, cốt để cho độc giả đừng hiểu lầm, chứ chẳng phải bắt bẻ hay sửa sai gì bạn đâu.

V. L. bạn cũ (Internet)

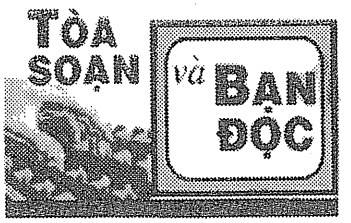

Thưa quý độc giả và văn hữu,

Số Thế Kỷ 21 đặc biệt Nhớ Về Sài Gòn vừa rồi được bà con đón nhận rất nồng hậu. Thế mới biết lòng nhớ thương thành phố thân yêu ấy vẫn không nguôi trong lòng người dân Việt Nam sau bao nhiêu năm tháng xa quê hương. Nhất là giữa thời điểm này, tháng Tư...

Số Thế Kỷ 21 tháng Sáu 2004 sẽ là số tưởng niệm Thạch Lam, nhà văn tài năng vào bậc nhất của Tự Lực Văn Đoàn, chẳng may qua đời sớm lúc tuổi mới ngoài ba mươi, để lại một số tác phẩm không nhiều nhưng giá trị cao: Sợi Tóc, Nắng Trong Vườn, Ngày Mới, Hà Nội Băm Sáu Phố Phường... Chúng tôi vẫn tiếp tục chờ đón các bài viết của quý văn hữu và độc giả đóng góp vào chủ đề này.

Phan Thanh Giản là một nhân vật lịch sử suốt đời tận tụy với nước non nhưng lại chịu nhiều oan trái. Trước cái thế nước phải mất vào tay người Pháp vào thế kỷ 19, người lão thần này đành phải đem cái chết ra để tỏ dạ trung trinh của mình, dù thế vẫn phải chịu nhiều búa rìu kết án, từ đời nhà Nguyễn cho đến đảng Cộng sản Việt Nam. Chúng tôi dự trù sẽ làm một số đặc biệt về Phan Thanh Giản vào tháng Chín năm nay, tìm hiểu và phanh phui những sự thật về một tình trạng có thể gọi là bất công đối với nhân vật mà cả dân chúng Việt Nam và đặc biệt dân miền Nam nói riêng, rất yêu mến và kính trọng.

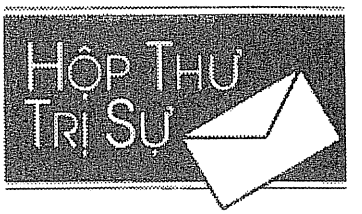

ĐỘC GIẢ GIA HẠN

Khai Doan CA – Lib: Glenroy Public AUSTRALIA – Than Trong Hien France – Ha Van Tho France – Ton That Trach France – Tra Lu Canada –Lai The Hung, Canada. Doan G Lien, CA-

Tran Tuan Kathy, CA- Duong D Nhu TX- Bui K Hau TX – Ngo T Bach Tuyet, NSW – Le D Hac, TX - Ngo Thanh Tung, CA- Tran Thanh FL- Tran Anh Dao, CA- Tran Binh Nhung, CA Le Huong, CA- Nguyen Van Cuong, Norway (dieu-chinh)- Tran Van Phe MN – Jeanne Marie Adams, Lyon, FRANCE.

ĐỘC GIẢ MỚI

Nguyen Tri CA – Phan Van Binh- Japan – Medex Drugs CA- Vo D Thai Alex CA-

Lam Nhut AU, CA.

ĐỘC GIẢ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ

Le Huu Nghia CA - Nguyen Van Hai PA 19067-

Nghị quyết số 36
báo động người Việt Nam ở nước ngoài

NGÔ NHÂN DỤNG

Cuối tháng Ba năm 2004, Bộ Chính trị đảng Cộng Sản Việt Nam đã đưa ra Bản "Nghị quyết về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài." Nghị quyết này được hầu hết các tờ báo ở trong nước đăng lên, cùng với những bài phỏng vấn các quan chức cộng sản để giải thích và cổ động; chứng tỏ đây là một kế hoạch tuyên truyền có quy mô rộng lớn, cơ quan quyền lực cao nhất ban xuống. Do đó, người Việt ở ngoại quốc cần phải bầy tỏ ý kiến để đồng bào trong nước biết phản ứng và thái độ của gần ba triệu người Việt Nam trước chiến dịch tuyên truyền này.

Trước hết, tại sao đảng cầm quyền trong một nước lại phải ban hành một nghị quyết về những người dân sống ở ngoại quốc, trong đó ra lệnh cho các cơ quan chính phủ, quốc hội, các đoàn thể ngoài chính phủ, kể hết các tỉnh ủy, thành ủy, các ban cán sự đảng, kể cả "Ban cán sự đảng ngoài nước" thi hành, theo dõi việc thực hiện nghị quyết? (Bộ Chính trị vô tình tiết lộ có một ban cán sự đảng ngoài nước; không ai biết nó ở đâu, nó làm những việc gì, nhưng nghe như một thứ hội kín hoặc cơ quan tình báo hoạt động ở các quốc gia khác mà không báo cho các quốc gia đó biết!)

Người bình thường sống ở một quốc gia bình thường phải đặt câu hỏi: Tại sao nước Việt Nam lại có thứ nghị quyết như thế? Có nước nào như nước ấy không? Câu trả lời là không.

Vậy tại sao đảng Cộng Sản ở Việt Nam lại phải làm công việc đó? Lý do chính là họ quen thói cai trị một quốc gia theo lối độc quyền, toàn trị từ lâu rồi. Bây giờ họ muốn chính thức mở rộng chế độ toàn trị đó ra ngoài, cho người Việt Nam ở nước ngoài ... được hưởng!

Vấn đề chính liên quan tới người dân một nước đi sinh sống ở nước ngoài là gì? Họ tất nhiên có những liên hệ với người ở trong nước; họ đi, về, trao đổi với người trong nước, theo nhu cầu của hai bên. Những trao đổi đó là chuyện bình thường, không khác gì với những trao đổi giữa người từ vùng này sang vùng khác trong một nước; cũng không khác gì giao tiếp giữa người một nước với người ngoại quốc.

Tất cả những tương giao nhân loại, những tương giao giữa đồng bào với đồng bào, đều có thể diễn ra một cách bình thường. Nếu mọi người được tự do. Khi mọi người được tự do thì tất cả mọi trao đổi chỉ diễn ra khi mỗi bên đều cảm thấy có ích lợi cho mình. Đó là quy tắc đơn giản nhất, của hệ thống thị trường, bao gồm cả lãnh vực kinh tế lẫn những lãnh vực khác.

Đảng Cộng Sản Việt Nam ban hành một nghị quyết về chính sách đối với người Việt ở nước ngoài chỉ vì: Từ trước đến nay họ cấm đoán đủ thứ, bây giờ cần báo tin sẽ nới lỏng dây trói. Họ đặt ra đủ thứ rào cản, hạn chế, không những đối với người ở nước ngoài mà cả đối với người trong nước. Phải báo tin từ nay đảng cởi trói. Nhưng mục tiêu của việc cởi trói là gì lại là chuyện khác. Tất nhiên, mục đích là làm lợi cho đảng.

Bản nghị quyết của Bộ Chính trị về công tác chiếu cố người Việt Nam ở nước ngoài mở đầu viết rằng, "Đông đảo bà con (ở hải ngoại) hoan nghênh công cuộc đổi mới và chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước ..." (viết hoa trong nguyên văn.) Không biết Bộ Chính trị Cộng Sản Việt Nam tìm đâu ra số "đông đảo bà con" đó. "Đại đoàn kết" là khẩu hiệu Hồ Chí Minh đã hô hào, trong khi đó ông ta vẫn ra lệnh thủ tiêu những người yêu nước như Khái Hưng, Tạ Thu Thâu, Huỳnh Phú Sổ, Trương Tử Anh, vân vân.

Bản nghị quyết còn khoe khoang rằng nhờ đảng Cộng Sản làm cho đất nước phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nên đã "củng cố thêm niềm tự hào dân tộc và tinh thần yêu nước của người Việt Nam ở nước ngoài!" Người Việt Nam nào cũng vốn có lòng yêu nước, ai cũng muốn tự hào về dân tộc mình. Nhưng đảng Cộng Sản chỉ làm cho người Việt cảm thấy xấu hổ chứ không có gì tự hào cả. Có một đất nước nào ở vùng Á Đông hiện nay nghèo khổ, chậm tiến và thiếu tự do

như nước Việt Nam hay không? Ngay người dân Cam Bốt cũng còn được sống tự do hơn. Có quốc gia nào ở Đông Nam Á xuất cảng món hàng đàn bà con gái đi ngoại quốc nhiều bằng nước Việt Nam hay không? Dân Miến Điện cũng không nhục nhã như vậy. Điều đáng kể là bà con ở hải ngoại đứng trước những việc làm đáng xấu hổ của đảng Cộng Sản nhưng vẫn không mất niềm tin ở dân tộc. Vì thế vẫn có hàng trăm ngàn người Việt về nước đi giúp bà con họ hàng, làng xóm; các nhóm đi cấp học bổng, những đoàn bác sĩ đi chữa bệnh miễn phí, những người đi giúp xây dựng từng ngôi trường, đào từng giếng nước, vân vân. Niềm tin và niềm tự hào dân tộc là do công lao và phúc ấm tổ tiên xây dựng nên tình máu mủ đồng bào, bây giờ Bộ Chính trị đảng lại đi nhận vơ coi như là do công trình của đảng!

Rồi như thường lệ, Bộ Chính trị đảng Cộng Sản phải vu cáo, chụp mũ những người bất đồng ý kiến, không những người ở trong nước mà cả những người ở nước ngoài. Bản nghị quyết viết, "Một số người đi ngược lại lợi ích chung của dân tộc, ra sức chống phá đất nước, phá hoại mối quan hệ, hợp tác giữa nước sở tại với Việt Nam."

Đó vẫn là luận điệu quen dùng của các tên lãnh chúa độc tài, dù cộng sản hay không cộng sản. Họ tự đồng hóa họ với đất nước, tự coi chính họ là dân tộc. Như vua chúa đời xư nói, "Quốc gia chính là Ta!" Ai không đồng ý với họ, từ chuyện nhỏ tới chuyện lớn, thì bị gán cho là "chống phá đất nước, đi ngược lại với dân tộc." Khi một chính quyền sở tại, như chính phủ Mỹ mời các quan chức cao cấp cộng sản như Vũ Khoan, Phạm Văn Trà sang thăm, đón tiếp long trọng, thì người Việt Nam ở Mỹ phải đi biểu tình phản đối. Vì chúng ta phải nhắc nhở cho chính quyền Mỹ biết rằng cái chế độ mà các ông Khoan, ông Trà là đại diện vẫn đang bỏ tù những người đang đòi tự do, dân chủ một cách hòa bình, như các ông Phạm Quế Dương, Nguyễn Đan Quế, Nguyễn Văn Lý, Thích Huyền Quang. Họ vẫn cho các công an đánh đập tàn nhẫn các mục sư và giáo hữu Tin Lành. Chế độ đó vẫn đang cho nhân viên, công an các sứ quán bóc lột những người lao động làm việc ở nước ngoài. Vẫn dọa dẫm, bòn rút các đồng bào sống ở Nga, mà khi một công dân Việt Nam bị công an Nga đánh, giết, thì chính quyền Cộng Sản Việt Nam không dám can thiệp. Người Việt Nam ở nước ngoài cảm thấy nhục nhã vì trong nước mình vẫn còn một chính quyền như vậy. Chống lại một chính quyền bất nhân và bất lực đó là vì người Việt ở bên ngoài muốn giúp dân tộc tiến lên, muốn cho đất nước được mở mày mở mặt với lân bang. Bộ Chính trị đảng Cộng Sản là đối tượng của các phong trào chống đối, chứ không ai chống lại nước Việt Nam, không ai chống lại dân tộc Việt Nam. Luận điệu của Bộ Chính trị trong bản nghị quyết này không ai tin được. Họ nói cho họ nghe với nhau, đúng là lối nói năng "tùy tiện viết ra những lời lẽ du dương phù phiếm vô nghĩa nhìn chung là lăng nhăng," không đánh lừa được ai cả.

Người Việt Nam ở trong và ngoài nước, nếu được tự do, thế nào cũng thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau. Người Việt ở nước ngoài lúc nào cũng thiết tha muốn giúp đồng bào nghèo khổ trong nước, muốn cùng chung sức xây dựng quê hương tiến bộ, giầu mạnh, dân chủ, tự do. Đó là một sự thật. Những ước muốn này phát khởi tự nhiên từ tấm lòng những người cùng máu mủ. Cũng nhờ phúc ấm tổ tiên để lại nên đồng bào biết thương yêu đùm bọc lẫn nhau. Không cần ai dậy bảo chúng ta điều đó, không cần ai ra lệnh cho tay chân thúc dục chúng ta nghĩ và làm như vậy.

Dân tộc Việt Nam chắc chắn không cần đến một nhóm người gọi tên là Bộ Chính trị, vốn không được ai kính trọng; không những thế còn bị nhiều người khinh rẻ; đưa ra một chính sách, bầy đặt những công tác với mục đích thao túng đời sống người Việt ngoài nước giống như họ vẫn làm đối với đồng bào trong nước. Nếu nước ta được sống trong một xã hội tự do, dân chủ thì việc đóng góp của Việt kiều vào việc cải thiện cuộc sống đồng bào trong nước sẽ gia tăng hàng chục, hàng trăm lần và tốt đẹp hơn nữa. Và nếu đồng bào trong nước được sống tự do thì việc tương giao, hỗ trợ Việt kiều sống ở nước ngoài cũng tự động gia tăng hàng chục, hàng trăm lần.

Hành động ban bố một chính sách của đảng Cộng Sản, việc đặt định ra những kế hoạch công tác của đảng đó đối với người Việt ở nước ngoài, hành động này bắt nguồn từ một quan niệm sai lầm và hủ lậu về vai trò của chính quyền một nước. Trong một chế độ tự do, người dân tự ý làm những việc gì ích lợi nhất cho họ, chỉ phải tránh những việc mà luật pháp cấm đoán. Do đó, chính quyền được đặt ra để làm thêm những gì mà người dân tự họ không làm được. Ngược lại, một chế độ độc tài coi họ có quyền ra lệnh, sai bảo, dậy dỗ dân chúng, nếu không được phép của họ thì dân không được làm. Nghĩa là tất cả mọi việc đều coi như bị cấm, trừ khi được chính quyền cho

phép.

Đó cũng là do thói quen lâu đời của đảng Cộng Sản; họ vẫn tự coi là cha, là mẹ của dân, là chủ nhân ông của cả đất nước, tự coi họ có quyền dậy dỗ, sai bảo những người Việt Nam sống ở trong nước cũng như bên ngoài. Bây giờ, vẫn theo tập quán hủ lậu đó, họ lên mặt khuyên bảo Việt kiều phải hội nhập vào đời sống các nước định cư, phải tôn trọng luật pháp, vân vân. Gần ba chục năm nay có cần ai dậy dỗ cho người Việt ở Úc, ở Pháp, ở Mỹ như vậy đâu? Nhưng người Việt ở nước ngoài vẫn được các quốc gia sở tại kính trọng! Cũng như vậy, Bộ Chính trị đảng Cộng Sản lại ra lệnh cho guồng máy nhà nước của họ, ra lệnh cho Mặt trận Tổ quốc tay sai của họ, ra lệnh cho các đoàn thể, cho cán bộ và dân chúng phải làm cái này cái nọ theo chính sách "ưu đãi" Việt kiều! Điều duy nhất mà người dân Việt Nam cần là được sống tự do, thì họ không nói đến! Chúng ta cần phản đối quan niệm hủ lậu, lỗi thời, và tác hại đó.

Hãy nhìn vào các tập thể kiều dân các nước sống ở Âu châu và Mỹ châu. Bất cứ quốc gia nào có kiều dân ở nước ngoài thì người trong nước và ngoài nước cũng tìm cách liên lạc và hỗ trợ lẫn nhau. Vì hai khối người này có nhiều nhu cầu khác biệt, có những khả năng dị biệt và có thể bổ túc lẫn cho nhau. Khi quốc gia được sống tự do thì những tương quan và việc hỗ trợ này tự động diễn ra, vì nhu cầu của mọi người, không cần ai "chỉ đạo" hết. Một quy tắc đơn giản của hệ thống thị trường là khi người ta được trao đổi tự do với nhau thì việc trao đổi sẽ diễn ra vì cả hai bên đều thấy có ích lợi cho mình. Điều này đúng trong bất cứ tương quan xã hội nào, càng đúng hơn trong mối tương giao giữa người cùng máu mủ sống ở trong hay ở ngoài nước.

Có những người Ấn Độ ở trong nước lo xuất cảng các món ăn, cà ri, hương liệu, xuất cảng các cuốn phim, các hình tượng thần thánh từ nước họ sang bán ở Mỹ, ở Canada. Có những người Ấn khác học xong nghề kỹ sư ở M.I.T., Caltech, đi làm ở Mỹ, học hỏi kinh nghiệm rồi về nước làm việc, hoặc có tiền thì đầu tư, tạo thêm công việc cho đồng bào của họ. Tất cả các hành động đó đều tự phát vì những người đó thấy có ích lợi cho chính họ. Họ không cần một đảng nào chỉ đạo, dậy dỗ cả. Chính phủ Ấn Độ từ thời đảng Quốc Đại đến thời đảng Dân tộc Ấn Bharatiya Janata không cần đưa ra một nghị quyết nào để khuyến khích người Ấn Độ ở nước ngoài đầu tư vào trong nước. Nếu có, họ đã làm những chính sách nâng đỡ nhà đầu tư dù đó là người Ấn ở trong hay ngoài nước, hoặc người nước khác vào xứ Ấn làm ăn. Chính phủ Ấn Độ cũng không cần ra lệnh cho ai khuyến khích người trong nước phải giúp người ở ngoài học tiếng Hindi, hay thơ cúng các thần thánh, bảo vệ văn hóa, phong tục.

Tại sao họ không cần đến một nghị quyết? Vì khi chính phủ Ấn Độ công nhận mọi người Ấn hoặc người ngoại quốc có quyền tự do đầu tư, quyền tư hữu được bảo vệ không lo bị bọn quan chức, công an và cả guồng máy tham nhũng cưỡng ép đòi chia chác, thì người nào có tiền tự nhiên thấy cơ hội là họ đầu tư. Chính phủ Ấn Độ cũng không cần làm nghị quyết về việc bán sách báo, mở mạng lưới và cung cấp văn hóa phẩm cho các kiều dân. Vì khi hàng triệu người Ấn Độ ở nước ngoài có nhu cầu đó tự nhiên có những người Ấn Độ ở trong nước đem ra cung cấp.

Hãy kể một thí dụ khác. Người Phi Luật Tân đang làm việc ở Mỹ có hàng triệu người, và hàng trăm ngàn người khác đang làm việc giữ trẻ, giúp việc trong nhà và làm lao động ở Hồng Kông, Đài Loan, Singapore, vân vân. Khi có tiền họ tự động gửi về giúp gia đình hoặc trở về làng cũ mở xí nghiệp, mở cửa hàng kinh doanh sinh lợi. Vì xứ họ cho tự do kinh doanh. Khi có tin những người Phi xuất ngoại lao động bị các chủ nhân ở Hồng Kông, Đài Loan bạc đãi, đánh đập hoặc trả lương quá thấp, thì chính phủ Phi Luật Tân ra lệnh sứ quán của họ can thiệp, sứ quán họ giúp các nạn nhân kiện thưa những kẻ phạm lỗi ra tòa. Chính phủ họ làm công việc đó không phải vì có một đảng chính trị nào "chỉ đạo"! Lý do giản dị là vì chính phủ ở Phi Luật Tân thay đổi luôn, mỗi đời tổng thống có thể thuộc một đảng khác nhau. Nhưng guồng máy chính quyền ở một nước như Phi Luật Tân (cũng còn nghèo nàn và cũng chỉ đang xây dựng tập lối sống dân chủ trước nước ta vài chục năm mà thôi,) guồng máy đó coi việc bảo vệ các kiều bào ở nước ngoài là bổn phận tự nhiên của họ. Các công chức bộ Ngoại giao được trả lương để làm những công việc đó mà không cần một nghị quyết của đảng nào ra lệnh cho họ cả. Trong khi đó thì guồng máy ngoại giao của đảng Cộng Sản Việt Nam, từ Đông

Âu sang Á châu, chỉ lo buôn bán quyền hành, mỗi lần đóng triện, dùng con dấu là một cơ hội làm tiền; còn khi đồng bào mắc nạn thì không thèm ngó tới.

Vậy thì tại sao đảng Cộng Sản Việt Nam phải ban hành một bản nghị quyết về công tác đối với người Việt ở hải ngoại, ra lệnh cho các báo các đài, các mạng lưới internet dưới tay họ phải đăng nguyên văn đầy đủ, phải phỏng vấn đủ hạng quan chức để quảng cáo cho cái nghị quyết này? Lý do chính là vì họ vẫn muốn đóng vai cha mẹ dân, không những dân trong nước mà cả kiều dân ở nước ngoài. Mối tương quan giữa người Việt ở trong và ở ngoài nước không được bình thường, không được tốt đẹp là vì nước Việt Nam không có tự do. Người Việt Nam ở trong nước không được tự do. Người Việt ở ngoài về tới phi trường Nội Bài, phi trường Tân Sơn Nhứt là cũng bắt đầu mất tự do. Đảng Cộng Sản hãy cởi trói cho mọi người dân; hãy cho mọi sinh hoạt, trao đổi được tự do, tự nguyện chính người dân sẽ phát triển cho tốt đẹp hơn. Thay vì như vậy, đảng Cộng Sản lại muốn giữ nguyên chính sách chuyên chế độc quyền của họ; và trong vòng dây trói đó họ ban ra những mệnh lệnh, những lời khuyên bảo vô ích.

Khi một đảng tự chiếm độc quyền cai trị quốc gia, muốn "lãnh đạo" tất cả mọi mặt từ chính trị, kinh tế đến văn hóa xã hội, thì họ tập thói quen bất cứ việc gì cũng muốn làm một cái nghị quyết để ra lệnh cho cả nước phải làm theo. Dần dần, họ không thể quan niệm được là có những việc cứ để yên con người ta thường tự động làm lấy, với kết quả tốt đẹp, không cần ai lãnh đạo cả! Chế độ Stalin coi cả nước là một trại lính, mọi việc ăn uống, nhà cửa, quần áo đều lệ thuộc đảng. Đảng tự coi họ có trách nhiệm lo cả những chuyện luân lý, ăn ở của người dân, vì chủ nghĩa cộng sản cũng giống như một thứ tôn giáo. Ngày xưa đảng Cộng Sản ở Trung Quốc và Việt Nam tự coi họ phải lo cả việc dựng vợ gả chồng cho mỗi đảng viên, chuyện mỗi công dân được kết hôn cũng là trách nhiệm của đảng! Ngày nay họ đã bắt đầu nới lỏng dây trói đó nhưng cái thói quen độc quyền lãnh đạo không sao bỏ được! Mà đó là nguyên nhân chính khiến cả dân tộc, cả đất nước không tiến lên, không phát triển được!

Nếu nước Việt Nam được tự do, người Việt Nam được tự do, thì người ngoài nước sẽ đem tiền về đầu tư, vì chính họ thấy có lợi. Họ sẽ tạo công việc làm, chuyển giao các hiểu biết kỹ thuật và kinh nghiệm quốc tế cho đồng bào trong nước. Rồi người sống ở ngoài có nhu cầu thì người trong nước sẽ tự động xuất cảng các sản vật, từ thực phẩm cho đến sách báo, băng nhạc ra bán và được người ở ngoài đón nhận.

Sở dĩ ngày nay vẫn có những phong trào chống đối các sản phẩm văn hóa từ trong nước đem ra chính là vì đảng Cộng Sản vẫn ngăn cấm không cho các sản phẩm văn hóa từ ngoài đem về nước. Đảng Cộng Sản chiếm độc quyền thông tin, văn hóa đến nỗi một nhà văn như Nguyễn Huy Thiệp phải mang cả cái Hội Nhà văn ra bêu riếu. Đảng Cộng Sản được đem sách, báo, băng nhạc từ trong nước ra bán khắp thế giới, nhưng không cho mang từ ngoài vào. Những trường ca Mẹ Việt Nam, Con đường Cái quan của Phạm Duy, cùng những bản nhạc ông viết từ thời kháng chiến chống Pháp cũng không được phép đem trình diễn ở Việt Nam. Một nhà tu hành như Hòa thượng Thích Nhất Hạnh đã phải nói với các phóng viên các báo Los Angeles Times và Register ở Quận Cam rằng ông đã được mời sang thuyết pháp ở những nước cộng sản như Trung Quốc nhiều lần, nhưng ông vẫn không được phép về Việt Nam giảng dậy đạo Phật cho đồng bào ông nghe. Trong lúc sách của ông bán được ở Nam Hàn hàng triệu cuốn và có cuốn sách mới ra đang được dịch sang tiếng Nepal thì ở Việt Nam những người muốn đọc sách ông phải in lậu, bán lậu.

Chính sách độc quyền về văn hóa tư tưởng đó là lý do khiến tất cả mọi người nghi ngờ các sản phẩm văn hóa do cộng sản gạn lọc rồi cho phép đem ra nước ngoài. Người Việt ở nước ngoài không kỳ thị, không nghi ngờ thiện chí và khả năng của các văn nghệ sĩ sống ở trong nước. Nhưng khi các tác phẩm của họ được lọc lựa qua guồng máy tuyên truyền của đảng Cộng Sản thì, sau những kinh nghiệm đau đớn đã từng bị cộng sản lừa bịp, ai cũng phải nghi ngờ các ẩn ý của nhóm người độc quyền và độc ác đó.

Tóm lại, bản nghị quyết của đảng Cộng Sản Việt Nam về người Việt ở ngoại quốc chỉ chứng tỏ họ còn khư khư bảo vệ một quan niệm lỗi thời. Khi nước Việt Nam được tự do, người Việt Nam được sống dân chủ thì mối tương quan trong nước, ngoài nước sẽ tự động cải thiện và giúp cho cả dân tộc cùng tiến bộ. Có như vậy đồng bào trong nước mới sớm có ngày ngẩng mặt lên mà không hổ thẹn vì thua kém tất cả các nước chung quanh.

KINH TẾ TRONG MÙA TRANH CỬ

XUÂN QUANG

LTS: Trong mùa tranh cử Tổng Thống Hoa Kỳ năm nay, hàng tháng TK 21 sẽ theo dõi và trình bày các lập trường tranh cử (platform) của hai ứng cử viên George Bush của đảng Cộng Hòa và John Kerry của đảng Dân Chủ. Hiện nay các lập trường tranh cử mới ở bước sơ khởi, sẽ còn thay đổi đến tháng Bảy, khi các ứng cử viên được chính thức chọn.

Bài đầu tiên này phân tích lập trường về Kinh tế của hai ứng cử viên, vào thời điểm cuối tháng Tư, 2004.

Tổng quát tình hình

Kinh tế Hoa Kỳ suy thoái từ 2001 và nay có dấu hiệu hồi phục. Kể từ ngày Tổng thống Bush nhận chức năm 2001 đến nay, kinh tế Mỹ đã mất trên 2.2 triệu việc làm và chưa có dấu hiệu phục hồi. Khi đánh giá kinh tế Hoa Kỳ trong thời điểm này, người ta cần chú ý một số điểm sau đây: mức tiêu thụ, đầu tư các doanh nghiệp, chính sách thuế vụ và tiền tệ, tình trạng việc làm, lạm phát, giá dầu, xuất khẩu, tình hình chính trị Iraq/khủng bố. Hiện nay thâm thủng ngân sách là một mối lo trong trung hạn.

Liệu TT Bush có thể thuyết phục cử tri là chính sách kinh tế của ông là đúng, giúp tăng trưởng kinh tế và công việc làm tăng hay không?

Tỷ lệ thất nghiệp đã giảm từ 6.3% tháng 6 năm 2003 xuống còn 5.7% vào tháng 3, 2004. Mặc dù kinh tế trong hai quý chót của 2003 tăng cao sau nhiều năm suy thoái, nhưng tỷ lệ thất nghiệp chưa giảm đủ và các cử tri lo sợ mất "job" vì việc được đưa ra cho các nước ngoài qua "outsourcing." Hiện tượng "outsourcing (đưa việc ra nước ngoài)" ngày trở thành mối lo. Trong nhiều năm, các doanh nghiệp Mỹ đã mang nhiều công nghiệp dùng nhân công như sản xuất giầy, đồ chơi, v.v. ra nước ngoài, nhất là Trung Quốc (TQ). Nay các doanh nghiệp Mỹ tiếp tục mang một số dịch vụ ra nước ngoài (Ấn Độ), như trong các lĩnh vực quảng cáo điện thoại (Telemarketing), dịch vụ kế toán, tổng kết, kiểm tra vé máy bay, dịch vụ vi tính v.v. và các dịch vụ này được chuyển qua hệ thống viễn thông/internet cao cấp. Các doanh nghiệp làm "outsourcing" để giảm phí tổn, để có sức cạnh tranh cao nhưng hậu quả của việc này là nay Mỹ có xu hướng "bảo vệ mậu dịch."

Chương trình kinh tế/thương mại phe Bush

TT Bush đã làm đúng theo lời hứa khi tranh cử năm 2000 và cho giảm thuế lợi tức trong năm 2001 [$1.35 ngàn tỷ], 2002, và 2003. Ông cho giảm thuế cá nhân, giảm thuế lời cổ phiếu (dividend) và lời đầu tư (capital gain). TT Bush cũng giảm các thủ tục kinh doanh; tiếp tục ký các hiệp ước thương mại tự do; tăng đầu tư năng lượng; và giảm chi phí cho kinh tế bằng cách bớt kiện tụng và giảm bồi thường trong ngành y khoa.

Trong mùa tranh cử 2004, TT Bush muốn các vụ giảm thuế tạm thời trước đây trở thành vĩnh viễn, kể cả thuế trên cổ phiếu.

TT Bush tin vào thuyết "trickle down - nhỏ dần xuống." Quy trình "nhỏ dần" đi từ chỗ là nếu giảm thuế, các thành phần kinh tế sẽ có lợi tức tiêu xài cao hơn, do đó kích thích nhu cầu sản xuất và kéo theo nhu cầu đầu tư. Đối với các nhà tư bản, việc giảm thuế tiền lời trên cổ phiếu và trên tiền lời đầu tư sẽ cho họ có thêm khả năng đầu tư và sẽ khuyến khích họ đầu tư thêm vào kinh tế.

Các vụ giảm thuế là những biện pháp vĩ mô nhưng theo phe Cộng Hòa thì nó sẽ bớt chi phí kinh doanh, sẽ tăng lợi tức cá nhân và sẽ giúp tăng đầu tư. Nếu các giảm thuế tạm thời bị bãi bỏ, nó sẽ không khuyến khích đầu tư và do đó giảm tạo thêm việc làm. Hơn nữa TT Bush muốn trợ cấp $3,000/người để tái huấn luyện và tìm việc cho những người bị mất việc. Ông sẽ tiếp tục ký các hiệp ước thương mại tự do với nhiều nước.

Sau ba năm TT Bush cầm quyền, kinh tế bắt đầu tăng trưởng nhưng Mỹ mất gần 2.3 triệu việc làm. Hơn nữa vì nhiều lý do khác nhau kể cả vụ đánh Iraq, bội chi ngân sách Mỹ tăng, nợ công ở mức cao nhất cho đến nay, trong khi Cục dự trữ liên bang (FED) vẫn giữ lãi suất ở mức thấp (1%) để kích kinh tế.

Chương trình kinh tế/thương mại phe Kerry

Với sự hỗ trợ của các cựu cố vấn kinh tế của TT Clinton, chương trình kinh tế cho ứng cử viên TNS Kerry gồm: bãi bỏ giảm thuế đối những

người giàu để dành cho dân nghèo; trợ cấp các chương trình xây hạ tầng như xa lộ, trường học, làm sạch ô nhiễm, đầu tư vào năng lượng và gây thêm ba triệu việc làm trong 500 ngày.

Khi thuyết trình tại Wayne State University bang Michigan, TNS Kerry nói là sẽ lo về vụ việc làm cho công nhân viên Mỹ. Ông nói ông không phải là một "tax-and-spend liberal," (đánh thuế và xài bừa bãi) vì ông muốn giảm thuế, giúp các doanh nghiệp mướn người. TNS Kerry hứa bỏ các 'lợi lộc về thuế vụ' cho các doanh nghiệp gọi là "Benedict Arnold," hay các doanh nghiệp vừa hưởng trợ cấp thuế vụ vừa mang việc ra nước ngoài. Theo TNS Kerry, chương trình bỏ các "lợi lộc về thuế vụ" được ước lượng tốn $ 12 tỷ.

Để ngăn các doanh nghiệp bớt đưa các công việc ra nước ngoài, phe Kerry sẽ chấm dứt các "lợi lộc về thuế vụ" và không được "nhận các hợp đồng chính phủ liên bang" đối với các doanh nghiệp xuất khẩu việc làm. Hơn nữa, các doanh nghiệp mang tiền về Mỹ sẽ được 'giảm thuế' trong một thời gian (corporate holiday tax break) ông sẽ đánh thuế 10% mà thôi. Tăng trưởng kinh tế và việc làm sẽ được thực hiện qua việc giảm các 'thuế vụ" giảm từ 35% xuống còn 33.25%. Các vụ giảm thuế sẽ kích thích các doanh nghiệp đầu tư nhiều hơn, gây việc làm. Hơn nữa, ông sẽ giảm gánh nặng phụ cấp xã hội và y tế (job and health care tax credit) cho các doanh nghiệp để khuyến khích họ mướn thêm nhân công. Các doanh nghiệp nhỏ sẽ được khất thuế (tax credit) để bù cho gánh nặng phụ cấp xã hội và y tế để khuyến khích họ mướn thêm nhân công

Theo TNS Kerry, chương trình giảm thuế sẽ giúp các doanh nghiệp có thêm lợi tức để mướn thêm nhân công. Ông không cho các doanh nghiệp "nhận các hợp đồng của chính phủ liên bang" xuất khẩu việc làm. Để giảm bội chi ngân sách, ông sẽ tăng thuế cho nhà giàu với lợi tức trên 200,000.

Phe dân chủ chỉ trích TT Bush, cho là dưới thời TT Clinton, chính sách kinh tế đã giúp tạo 22 triệu việc làm trong tám năm trong khi dưới thời Bush đã mất 2.2 triệu nhân công. Các chuyên gia kinh tế phe Kerry lý luận là đối với các nhà tư bản, việc giảm thuế lợi tức, giảm chi phí làm ăn, giảm gánh nặng y tế xã hội sẽ giúp các doanh nghiệp khuếch trương và theo đó gây thêm việc làm. Theo Gene Sperling, cố vấn kinh tế của Kerry, đây là thay đổi thuế lớn nhất trên thế giới từ hồi TT John F. Kennedy vào 1962.

Đối với thương mại thì TNS Kerry ủng hộ thương mại NAFTA, WTO và chấp nhận TQ vào WTO với điều kiện các hiệp ước này cần có các tiêu chuẩn bảo vệ lao động và môi trường.

Chương trình kinh tế của phe Kerry "hứa tạo việc làm" qua vụ giảm thuế lợi tức doanh nghiệp, bớt thuế cho các doanh nghiệp mướn nhân công, hoãn thuế cho các doanh nghiệp mang lời từ nước ngòai về. Phe Kerry cho là chương trình này sẽ gây thêm 10 triệu việc làm trong bốn năm.

Bình luận

Các kinh tế gia cho là khó mà giảm chi phí quốc phòng khi khủng bố còn lộng hành trong khi các chi tiêu về bảo hiểm y tế sẽ tăng. Họ cũng đánh giá chương trình bảo hiểm y tế của TNS Kerry khá tốt vì nó sẽ giúp một số trong 26 triệu người không có bảo hiểm.

Đối với các doanh nghiệp, việc chính là họ làm ăn hữu hiệu, có lời và có khả năng cạnh tranh, do đó khó mà giảm "outsourcing." Outsourcing có lợi cho kinh tế Mỹ vì giúp thay đổi cơ cấu kinh tế, giúp nâng khả năng cạnh tranh. Các biện pháp thuế vụ chỉ có thể làm chậm nhưng sẽ không chấm dứt outsourcing. Nói tóm, outsourcing chỉ là một chiêu bài tranh cử. Lập trường kinh tế của hai bên như sau:

LẬP TRƯỜNG KINH TẾ TT BUSH	VẤN ĐỀ	ĐỀ NGHỊ CỦA TNS KERRY
Hiện nay mức thuế doanh nghiệp là 35%. TT Bush muốn giảm nhưng chưa đưa ra đề nghị cụ thể nào	**Mức thuế doanh nghiệp cao nhất**	Giảm từ 35% xuống còn 33.5%
Các doanh nghiệp có thể kéo dài thời gian đóng thuế trên tiền lời doanh nghiệp ở ngoại quốc trên 10 năm	**Tiền lời ở ngoại quốc**	Bỏ các trợ cấp thuế vụ trên tiền lời ở ngoại quốc
Tiền lời các doanh nghiệp Mỹ mang về sẽ bị đánh thuế theo quy định	**Tái đầu tư tiền lời**	Đánh thuế 10% trên các tiền lời mang về Mỹ trong 1 năm
Giảm thuế năm 2003 cho các doanh nghiệp nhỏ trung bình là $ 2200/ năm	**Thuế trên các doanh nghiệp nhỏ và vừa**	Sẽ cho các doanh nghiệp nhỏ khất thuế tới mức $ 22 tỷ để trả các chi phí mướn thêm nhân công
Giảm thuế năm 2003 cho các các nhân	**Thuế lợi tức**	Tăng thuế cho các cá nhân lãnh trên $200,000/ năm.
Tăng ngân sách chống khủng bố	**Iraq**	Khác là làm việc này thông qua LHQ

Phe Cộng Hòa được coi là thiên doanh nghiệp (pro-business) do đó không muốn một nền hành chính nặng nề, tiêu xài vô trách nhiệm và thiên về "tự do thương mại." Phe Dân chủ thiên lao động và nghiệp đoàn và ủng hộ các chương trình xã hội. Phe Cộng Hòa thường giảm thuế trong khi phe Dân chủ thường tăng thuế tài trợ các chương trình xã hội.

Chính phủ TT Bush đã giảm thuế, tăng trưởng có phần hồi phục nhưng việc quan trọng là tỷ lệ thất nghiệp còn 5.6 % (tỷ lệ bình thường là 5%). Vì nhiều lý do chính trị, nay TT Bush của Cộng hòa lại gây thâm thủng ngân sách và làm mất việc làm. Đây chỉ là hiện tượng nằm trong chu kỳ kinh tế lên xuống trong nhiều năm.

Các kinh tế gia cho là việc giảm thuế lợi tức doanh nghiệp của TNS Kerry tốt nhưng nghi ngờ có thể giảm "outsourcing." Thuế vụ ảnh hưởng rất nhỏ trong việc đưa các công việc ra nước ngoài vì yếu tố đưa việc ra nước ngoài là giảm chi phí và sự có mặt trên các thị trường nước ngoài.

Trong một nền kinh tế mở như Mỹ, "outsourcing" là chuyện thường. Các doanh nghiệp cạnh tranh ráo riết, tìm cách giảm chi phí sản xuất và dịch vụ. Trong nhiều thập niên Mỹ đã làm việc này như việc các công ty Nike, Balance, Levi, vv. dọn sản xuất sang các nước có nhân công rẻ ở Áchâu. Mỹ cũng thành công về outsourcing nhất là trong các dịch vụ tài chính với thế giới. Một số dịch vụ như thanh toán tiền các thẻ tín dụng (credit card) của các công ty AMEX, Visa, Master Card, vv đều được thế giới 'outsource' cho Mỹ trong nhiều thập niên qua. Các công ty Mỹ đặt tại New York, San Francisco đã dùng nhân công ở các tiểu bang rẻ tiền (outsource) như Arizona, Las Vegas, để làm việc này. Nhờ sự tiến bộ của internet và viễn thông, các công ty này lại tiếp tục trao lại một số dịch vụ cho các nước có nhân công rẻ làm việc này. Phong trào "outsourcing" ngày càng gia tăng trong nhiều ngành và lĩnh vực. Đối với các doanh nghiệp, việc chính là họ làm ăn hữu hiệu, có lời và có khả năng cạnh tranh.

Về lâu về dài, outsourcing có lợi cho kinh tế Mỹ (một nền kinh tế mở) vì họ có thể mua một số hàng hóa (ví dụ giầy Nike) và dịch vụ (dịch vụ telemarketing) rẻ hơn do đó lời doanh nghiệp cao và khả năng tiết kiệm/đầu tư cùng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp cũng tăng. "Outsourcing" cũng là cách thay đổi cơ cấu kinh tế. Trong kinh tế thay đổi cơ cấu, rời nơi sản xuất, outsourcing là một nhu cầu cần thiết cạnh tranh. Bộ trưởng Ngân Khố Snow và GS G. Mankiw của Hội đồng cố vấn kinh tế của TT Bush cũng nghĩ đây là một thực tế.

Mặt trái của việc này là một số công nhân viên sẽ mất việc. Đây là vấn đề chính. Liệu chính phủ phải làm sao để giúp những người này? Làm sao tái huấn luyện nhân công để họ có thể tìm việc khác? Trong số 2.2 triệu việc bị mất thì chỉ có một tỷ lệ nhỏ là do "outsourcing" mà thôi. Chiêu bài này ăn khách với TNS Kerry có thể "được điểm" ở các tiểu bang Middlewest nơi mất nhiều việc làm vì vấn đề "outsourcing". Các biện pháp thuế đánh trên các doanh nghiệp dùng "outsourcing" chỉ làm chậm lại quy trình nhưng không thể giải quyết vấn đề outsourcing. Nói tóm, outsourcing chỉ là một chiêu bài tranh cử.

Kết luận

Liệu phe Cộng Hòa hay phe Dân chủ có thể thuyết phục cử tri là họ có thể giải quyết tốt vấn đề này? Phe nào có chương trình hữu hiệu giúp người mất việc?

Theo chúng tôi thì trong năm bầu cử này, yếu tố kinh tế có phần quan trọng. Nhưng, vấn đề Iraq cũng có thể là cái gai cho TT Bush, làm cho ông giữ được hay mất chức Tổng thống. Tại sao? Vì khác với kinh tế là một vấn đề nội bộ, vấn đề Iraq có nhiều yếu tố ngoài tầm tay, có thể gây nhiều cú "sốc" cho cử tri. Nhưng căn bản thì cử tri dựa trên chính sách của mỗi ứng cử viên mà quyết định lá phiếu của mình./.

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU

CHIẾN-TRANH CỦA MỸ Ở IRAQ:

Một Năm Sau

CỔ LŨY

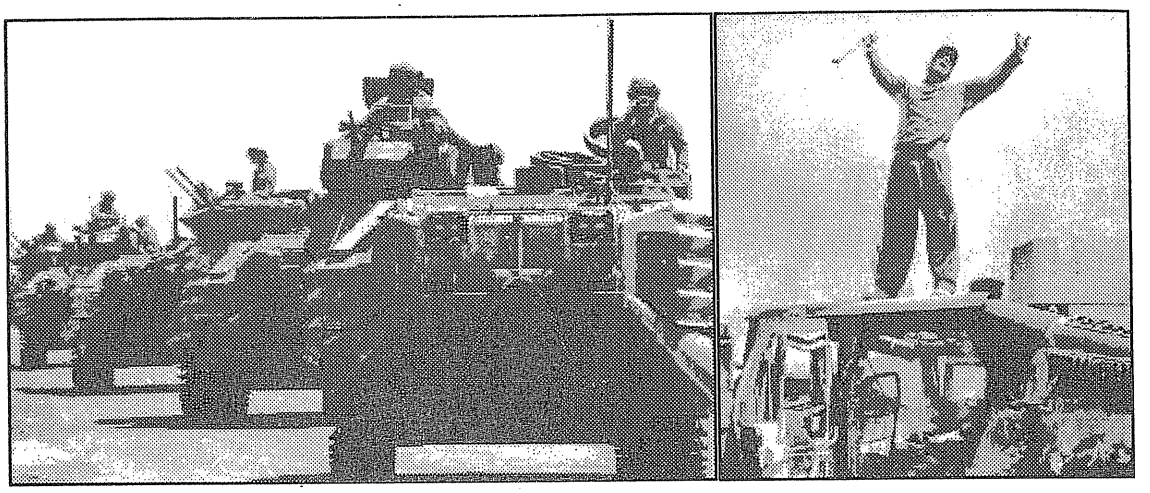

Tháng Tư năm 2003, khi bắt đầu thu thập tài liệu sách vở để viết về cuộc chiến của Mỹ ở Iraq (cho số THẾ-KỶ 21, 171, tháng Bảy, 2003) sau khi quân đội chiếm đóng Mỹ tiến chiếm thủ đô Baghdad và lật đổ tượng Saddam Hussein ngày 9 tháng Tư, chúng tôi đã mở bài như sau: "Cuộc chiến của Mỹ ở Iraq kể như đã xong rất nhanh chóng về mặt quân sự (giống như ở A-Phú-Hãn—Afghanistan) —mặc dầu qua lời các sĩ quan chỉ huy, sinh mạng của lính Mỹ bị đe dọa hơn bao giờ hết vì công tác cảnh binh hàng ngày cùng những chống đối của dân chúng Iraq, ở cả thành phố lớn lẫn vùng hẻo lánh xa xôi. Mỗi tuần lại có báo cáo vài lính Mỹ thiệt mạng vì súng đạn, tấn công thù nghịch, hoặc tai nạn." Tuần lễ kỷ niệm đúng một năm sau, từ bắc tới nam Iraq bùng nổ trong một cơn nước lửa với hơn năm-mươi lính Mỹ thiệt mạng và cả ngàn người dân Iraq thương vong: Công trường nơi có tượng Saddam Hussein cũ được bao quanh bằng xe thiết giáp với loa phóng thanh đe dọa bắn tại chỗ nếu người Iraq xuất hiện khuấy phá. Lực lượng hùng hậu và thiện chiến Mỹ không dám vào hai thành phố Fallouja (thuộc giáo phái Hồi Sunni ở phía bắc), Najaf (thuộc giáo phái Hồi Shiite phía nam) và khu ổ chuột Sadr City (hơn một triệu người Shiite và dân quân Amadhi ở ngay thủ đô Baghdad); tiểu đoàn đầu tiên do Mỹ huấn luyện thuộc "Quân-đội Iraq Mới" không tuân lệnh tấn công người Iraq. Mối lo âu binh sĩ Mỹ sẽ phải đương đầu với chiến tranh du kích trong thành phố đắt giá (như ở Mogadishu, Somalia thời 1993) đã tránh được năm trước nay đã thành sự thật và đòi hỏi những biện pháp quân sự cũng như giải pháp chính trị cấp bách —cũng để đối phó với dư luận dân chúng Mỹ không bằng lòng cách chính quyền hành xử ở Iraq.

Lời mở bài năm ngoái tiếp theo: "Về mặt chính trị Hoa-Kỳ gặp nhiều khó khăn hơn với tình hình bất ổn, thiếu an ninh trật tự cùng những dịch vụ nhà nước tối thiểu, và tình trạng trì trệ trong công cuộc tái thiết..." Đầu tháng Năm 2003, trên hàng không mẫu hạm Abraham Lincoln đậu ngoài khơi thành phố San

Diego (California) tổng thống George W. Bush hân hoan tuyên bố cuộc tiến chiếm Iraq như đã hoàn tất. Một năm sau, về mặt chính trị Hoa-Kỳ gặp khó khăn nhiều hơn nữa với những "khủng hoảng liên tục" (lời của "phó vương" Mỹ ở Iraq, ông L. Paul Bremer III) —đồng thời chính-quyền George W. Bush phải đi vào bầu cử tổng-thống chỉ còn sáu tháng nữa.

Bài sau đây nhìn lại năm trước và tình hình hiện tại cũng như chiều hướng sẽ tới.

Cổ Lũy

Một năm trước những tính toán lạc quan về quân sự của Hoa-Kỳ trước khi tấn công Iraq đã thành sự thật. Rằng quân lực Iraq chỉ chống đối qua loa và lực lượng Mỹ sẽ nhanh chóng tiến chiếm thủ đô Baghdad và lật đổ ông Saddam Hussein. Rằng thêm nữa quân Iraq sẽ không chịu tuân lệnh sử dụng vũ khí có tầm tác hại lớn (WMD) , hoặc sẽ bị lực lượng Mỹ ngăn cản sử dụng WMD. Rằng số thương vong dân sự sẽ không lớn lắm.

Những tính toán chính trị, ở mặt khác,không xảy ra đúng như Hoa-Kỳ mong muốn. Rằng đa số dân chúng Iraq sẽ hân hoan đón mừng "giải phóng" khỏi ách Saddam (dân chúng hân hoan lẻ tẻ mấy ngày đầu, và ông Bush "thất vọng" vì không đủ người Iraq lật đổ tượng Saddam, phải nhờ đến xe cần trục nhà binh Mỹ buộc giây kéo đổ; nay thì dân phản đối Mỹ bằng biểu tình và bạo động). Rằng một chính quyền Iraq có Mỹ ủng hộ và ủng hộ Mỹ sẽ được đặt để nhanh chóng (cho đến nay vẫn chưa có chính phủ tạm). Rằng những xung đột phe nhóm, chủng tộc và tôn giáo sẽ hạn chế và dễ khống chế (bất ngờ lớn: nhóm giáo phái Hồi Shiite có ủng hộ của đa số dân Iraq và Iran ngay cạnh đang tích cực sửa soạn chính quyền Hồi giáo kiểu Iran; nhóm Hồi giáo thiểu số Sunni như đang hợp tác liên kết với phe Shiite chống kẻ thù chung, quân đội chiếm đóng Mỹ). Rằng ngọn sóng bài Mỹ ở các nước Hồi giáo khác sẽ không đưa đến hậu quả ghê gớm (từ giữa tháng Năm năm trước cho đến nay bom và chất nổ "khủng bố Hồi giáo" đe dọa hoặc nổ khắp từ bắc Phi châu sang đông và tây Phi châu, "Trung Đông," Chechnya và đông cùng nam Á châu — và mới đây khốc liệt Tây-Ban-Nha— nhằm vào những nước hòa hoãn hay ủng hộ Mỹ ở Iraq). Rằng lực lượng Mỹ sẽ rút ra khỏi Iraq sau giai đoạn chiếm đóng tương đối ngắn từ sáu tháng tới một năm (tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld và tướng chỉ huy trưởng mặt trận Iraq Ricardo Sanchez mới tuyên bố Mỹ cần phải ở lại Iraq nhiều năm nữa).

Những tính toán bi quan có thể đang thành hình. Rằng người Iraq có thể sẽ chống đối "giải phóng" Mỹ bằng những bắn sẻ và khủng bố, những biểu tình bất bạo động lẫn bạo động. Rằng người thiểu số Kurd ở phía bắc, người Hồi giáo phái Sunni (khoảng 25 đến 30 phần trăm dân số) ở trung, và người Hồi giáo phái Shiite (khoảng 60 đến 65 phần trăm) ở nam và trung Iraq có sự ủng hộ quyết liệt của anh em Shiite (ở Iran ngay cạnh và từng nắm chính quyền từ cuối thập niên 1970) sẽ tranh chấp dành quyền lợi và quyền lực đưa đến nội chiến, kẹp cứng quân lực Mỹ vào giữa. Rằng quân đội Mỹ sẽ phải ở lại Iraq cả chục năm hoặc cả thế hệ để giữ trật tự. Rằng điều này sẽ đưa đến oán ghét và chống đối Mỹ trong khắp Iraq và thế giới Hồi giáo làm gia tăng khủng bố khắp nơi.

I. NHÌN LẠI LÝ-DO CUỘC CHIẾN

Trong những tuyên bố công khai Tổng thống George W. Bush cùng các nhân vật quan trọng trong chính quyền ông đã đưa ra ba lý do chính cho chiến tranh Mỹ ở Iraq và lật đổ ông Saddam Hussein: 1) giải giới toàn bộ lò WMD của ông Saddam; 2) giảm thiểu mối đe dọa khủng bố quốc tế; và 3) triển dương dân chủ ở Iraq và những khu vực lân cận. Đây là những lý do hay mục tiêu vĩ đại cho cuộc chiến vội vã —nhưng có thật là như vậy chăng?

A. Vũ khí có tầm tác hại lớn (WMD: Weapons of Mass Destruction)

Trước khi tấn công Iraq, trong giai đoạn sửa soạn tâm lý và dư luận chính trị trong nước cũng như thế giới, lý do chính quyền Bush thường đưa ra là mối đe dọa nguy hiểm của WMD từ phía Iraq. Nếu Iraq tấn công Hoa-Kỳ bằng WMD , tai họa lớn lao sẽ xảy ra gấp bội những tai họa trong vụ tấn công 11 tháng Chín trước đây —và tổng thống có quyền sử dụng những biện pháp mạnh mẽ và hữu hiệu để đánh phủ đầu (preemptive strike) nhằm ngăn chặn đe dọa WMD. Theo giáo sư Michael T. Klare ở Massachusetts (xin xem lời giới thiệu về ông Klare của Cổ-Lũy trong bài "*Dầu hỏa, Khủng-bố và An-ninh của Mỹ,*" THẾ-KỶ 21, tháng Năm, 2003) nếu WMD là mối bận tâm lớn lao của tổng thống Bush, ông đã bận tâm không đúng chỗ. Những tài nguyên dồi dào của Mỹ —quân lực, tiền bạc và thế lực, ảnh hưởng

chính trị lớn lao trên toàn thế giới– có thể được sử dụng đúng chỗ hơn: Bắc-Hàn hoặc Hồi-Quốc (Pakistan). Bất cứ ai có chút ít hiểu biết về mối đe dọa WMD trên thế giới cùng các giả thiết quốc phòng của Mỹ hoặc theo rõi tin tức quốc tế đều thấy là mối đe dọa WMD lớn nhất trong giai đoạn hiện nay nằm ở Bắc-Hàn cộng sản và Pakistan. Hai nước này là đe dọa lớn nhất vì nhiều lý do sau đây. Cả hai có nhiều WMD gấp bội Iraq. Pakistan có đến vài tá đầu đạn nguyên tử cùng với phi đạn và máy bay đủ khả năng chuyên chở những đầu đạn này hàng trăm dặm. Pakistan cũng bị nghi là đã phát triển vũ khí hóa học. Bắc-Hàn bị xem là có đủ chất plutonium để chế dăm sáu bom nguyên tử. Bắc-Hàn cũng tàng trữ nhiều vũ khí hóa học và phi đạn liên lục địa —hiện nay có tầm hoạt động đến các tiểu bang phía tây Hoa-Kỳ. Ngược lại, Iraq không có vũ khí nguyên tử, ít nhất là cho đến giai đoạn này (giới khoa học và tình báo quốc tế đều xác nhận phải vài năm nữa, và với điều kiện thuận tiện nhất, Iraq mới đủ khả năng). Iraq có thể có vài vũ khí hóa học và sinh học và khoảng một tá phi đạn loại Scud. Từng được sử dụng trong chiến tranh Kuwait (1991) ngày nay không chắc Iraq còn giữ được những phi đạn này, và cũng không chắc nếu còn những phi đạn này có sử dụng được không, hoặc tầm hiệu lực quân sự đi đến đâu. Cho đến nay, với cả trăm ngàn lính, với đủ khí cụ tối tân cùng chuyên viên khoa học kỹ thuật và tình báo ở ngay trong Iraq Hoa-Kỳ vẫn chưa thấy một dấu vết nào về vũ khí hóa học, sinh học hay hạch nhân. Mới đây, thất vọng vì chính quyền Bush không đưa nổi một bằng chứng về WMD thượng nghị sĩ thâm niên và lão thành Robert Byrd (Dân chủ, Virginia) tuyên bố trước thượng viện là chính quyền dùng WMD "đánh lừa" dân chúng Mỹ để xâm lăng Iraq, và nhiều người trong giới truyền thông nhại chữ WMD (Weapon of *Mass Distraction*) để nói về vũ khí ngoại giao ông Bush dùng để đánh lạc dư luận quần chúng về những trì trệkinh tế trong nước. Từ tháng Sáu WMD bắt đầu thành vấn đề chính trị khó khăn cho chính quyền Bush.

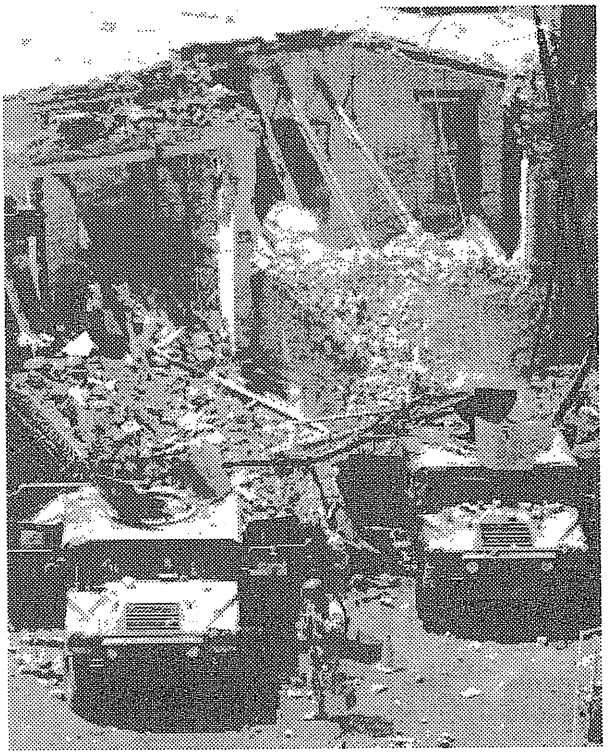

Mối đe dọa WMD của Iraq là lý do chính hai chính quyền Mỹ (tổng thống Bush) và Anh (thủ tướng Tony Blair) đưa ra để tấn công Iraq và lật đổ Saddam Hussein. Tổng thống Bush trong diễn văn hàng năm về Tình hình Liên bang trước quốc hội đầu năm 2002 tuyên bố: "Chính quyền Iraq đã âm mưu phát triển anthrax, hơi độc và vũ khí nguyên tử hơn một thập niên." Tháng Mười ở Ohio ông tuyên bố chế độ Saddam Hussein "hiện có trong tay và sản xuất vũ khí hóa học và sinh học. Và chế độ đang tìm kiếm vũ khí nguyên tử." Tháng Tám trước đó, phó tổng thống Dick Cheney nói trước hội Cựu Chiến binh Viễn chinh: "Nói một cách giản dị, không còn nghi ngờ gì nữa, Saddam Hussein hiện có WMD. Rõ ràng Saddam Hussein đang thu thập những vũ khí này để sử dụng chống lại những nước bạn, những đồng minh và cả chúng ta." Tháng sau đó tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld tuyên bố với các phóng viên: "Ta biết là họ có WMD. Hoàn toàn không có chút nghi ngờ gì về WMD." Bên kia bờ Đại-Tây-Dương, ông Tony Blair cả quyết giới quân sự Iraq "có thể tấn công bằng vũ khí hóa học và sinh học trong vòng 45 phút." Nhưng trước đó, Cơ quan Tình báo Quốc phòng (Defense Intelligence Agency, DIA, thuộc bộ quốc phòng) báo cáo: "Không có tin tức đáng tin cậy nào cho thấy Iraq đang sản xuất hoặc tàng trữ vũ khí hóa học, hay Iraq đã hoặc sẽ thiết lập cơ sở sản xuất vũ khí hóa học ở

đâu." Cũng trong tháng Chín, trước Liên-Hiệp-Quốc ông Bush tuyên bố Iraq mua những ống nhôm có cường độ cao nhằm gia tăng phẩm chất uranium để có thể chế bom nguyên tử "trong vòng một năm." Mười-hai ngày sau, ông Blair tiết lộ tài liệu cho thấy Iraq "tìm mua số lượng uranium lớn từ Phi châu," và "có thể sản xuất bom nguyên tử trong vòng từ một đến hai năm." Khoảng giữa tháng Mười-hai bộ Ngoại giao Mỹ xác nhận nguồn uranium là ở Niger, Phi châu và ông Bush nhắc lại điều này trong diễn văn Tình hình Liên bang 2003 và cả quyết "chính phủ Anh có tài liệu cho biết mới đây Saddam Hussein tìm mua số lượng uranium lớn ở Phi châu" để sản xuất bom nguyên tử, dù CIA đã báo cho Bạch-ốc là tài liệu không đáng tin cậy. Ông Mohamed ElBaradei, chủ tịch Cơ quan Nguyên tử năng Quốc tế thuộc Liên-Hiệp-Quốc (LHQ), xác định tháng Ba vừa qua rằng tài liệu về uranium ở Niger là tài liệu giả mạo rất thô thiển được bán từ Niger qua tình báo Ý tới tình báo Anh (mới đây cố vấn an ninh của tổng thống Condoleezza Rice cũng xác nhận điều này). Cuối tháng Ba ông Rumsfeld khẳng định: " Ta biết WMD nằm ở đâu . Chúng nằm ở quanh thành phố Tikrit và Baghdad và đông, tây, nam và chếch về phía bắc," dù phái bộ thanh tra chuyên môn LHQ dưới quyền tiến sĩ Hans Blix đã có mặt ở Iraq từ sau 1991không đồng ý.

Gần một năm sau khi tấn công chớp nhoáng và xâm chiếm Iraq mà không có một dấu hiệu gì về WMD, tổng thống cả quyết là Iraq có "chương trình," hay kế hoạch sản xuất WMD, và Saddam Hussein là người "nguy hiểm" để tránh mũi dùi dư luận đối lập tố cáo chính quyền bóp méo sự thật để đánh lừa dân chúng về mối đe dọa của WMD. Nặng nhất có lẽ là tuyên bố của ông Paul Wolfowitz, thứ trưởng quốc phòng và một trong những kiến trúc sư chính của chiến tranh Iraq (và cũng là nhân vật nòng cốt của khối tân bảo thủ, neo-conservative, thân Do-Thái), trên tờ nguyệt san *Vanity Fair* đầu tháng Sáu năm ngoái: "Sự thật là, phần lớn bởi những lý do hành chánh, chúng tôi thỏa thuận chọn cái cớ WMD vì [giới lãnh đạo chính quyền] dễ đồng ý với nhau hơn cả." Quốc hội Anh đã mở màn điều tra những tuyên bố về WMD trước chiến tranh của chính quyền Blair, và phe Dân chủ quốc hội Mỹ cũng đang nhắm theo hướng này. Hai phát triển đáng ngạc nhiên là việc truy lùng WMD ở Iraq, từ giữa tháng Sáu, được trao trọn vào tay giám đốc CIA George Tenet, người đứng sau những tuyên bố đao to búa lớn về WMD của những nhân vật nòng cốt chính quyền Bush. Những nhân vật này nay kêu gọi thế giới hãy kiên nhẫn chờ đợi bằng chứng về WMD—dù trước đây chính họ không kiên nhẫn để cho phái đoàn thanh tra LHQ làm công tác này. Ông Tenet cũng chọn ông David Kay, một chuyên viên trong phái đoàn thanh tra LHQ —mà trước đây chính quyền Bush không tin tưởng chút nào— để cầm đầu nhóm 1300 chuyên viên Mỹ truy lùng WMD ở Iraq sau khi tướng James Conway, chỉ huy Thủy quân Lục chiến Mỹ ở đây, cho những tin tức tài liệu của CIA về WMD là hoàn toàn sai lạc.

Sau khi hoàn tất tám-mươi-lăm phần trăm công tác truy lùng WMD ông David Kay quyết định từ chức vì không có dấu hiệu gì về WMD ở Iraq. Cuối tháng Giêng ra điều trần trước Quốc hội ông Kay tuyên bố, "Theo ước lượng của tôi chúng ta hoàn toàn sai lầm về WMD ở Iraq... Và đây là chuyện không thể tưởng tượng được." Ông phủ nhận tất cả những xác quyết của chính quyền về WMD trước đây: những toán truy tầm dưới quyền ông không tìm thấy một mảy may bằng chứng gì về vũ khí hóa học, sinh học và chương trình tái lập vũ khí hạch nhân. Ông cũng không tìm thấy bằng chứng nào về việc Saddam Hussein chuyển vũ khí bất hợp pháp cho Al Qaeda hay bất cứ tổ chức khủng bố khác.

Tổng thống Bush và tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld nay không nhắc nhở gì đến WMD nữa, Nhưng phó tổng thống Cheney vẫn khăng khăng nói rằng Hoa-Kỳ có bằng chứng "hiển nhiên" về WMD ở Iraq mặc dù mới đây ngoại trưởng Colin Powell xác nhận "bằng chứng" về WMD ông trình bày trước Liên-Hiệp-Quốc ngay trước khi Hoa-Kỳ xâm chiếm Iraq là hoàn toàn sai lạc —nhưng đổ lỗi cho giới tình báo yếu kém.

Năm ngoái nhiều quan sát viên đã ghi nhận sự nghiệp chính trị của ông Powell, người đã định tranh cử tổng thống nhiều lần, kể như chấm dứt với "bằng chứng" lem nhem về WMD để tiến chiếm Iraq. Năm nay nhiều người nhắc lại mức tín nhiệm của dân chúng vào chính quyền Bush đã đi xuống rõ rệt vì WMD: không chỉ riêng phe Dân chủ đối lập mà đa số dân chúng tin chính quyền đã nói láo hoặc phóng đại lý do chính đi vào chiến tranh này.

B. Chống khủng bố

Chính quyền Bush cũng lý luận rằng xâm

chiếm Iraq và lật đổ Saddam Hussein là đỉnh cao và thành công lớn lao của cuộc chiến chống khủng bố. Không có bằng cớ về liên hệ giữa Saddam và Al Qaeda, Taliban hoặc bin Laden, chính quyền đưa ra lý luận mơ hồ rằng thái độ thù nghịch của Saddam đối với Mỹ nuôi sống và làm hứng khởi đe dọa khủng bố chống Mỹ. Dựa vào đây chính quyền kết luận rằng nếu triệt hạ được Saddam khủng bố quốc tế sẽ thấm đòn nặng và khả năng khủng bố sẽ yếu hẳn đi. Những thăm dò dư luận cho thấy trước chiến tranh hai phần ba dân chúng Mỹ tin rằng Saddam Hussein giúp Osama bin Laden tấn công khủng bố Hoa-Kỳ trong vụ 11 tháng Chín.

Trong diễn văn Tình hình Liên bang tháng Giêng 2003 tổng thống Bush tuyên bố rõ rệt rằng Saddam Hussein trợ giúp và bảo vệ khủng bố, kể cả các thành viên Al Qaeda. Điều này có đúng phần nào: Iraq , cũng như đa số các nước Hồi giáo A-Rập, đều trợ giúp tiền bạc cho các nhóm Palestine chống Do-Thái. Sau chiến tranh, phóng viên của tờ *Los Angeles Times* có đi thăm một trại huấn luyện của nhóm Hồi giáo cực đoan Ansar al Islam ở phía bắc Iraq và tìm thấy bằng cớ là thành viên Al Qaeda có đến đây sau khi chạy trốn khỏi Afghanistan. Nhưng điểm đáng chú ý là trại huấn luyện này nằm trong khu vực tự trị của người thiểu số Kurd và Saddam Hussein không có quyền hành gì trong vùng. Sự thật là liên hệ giữa Saddam và khủng bố —nếu có liên hệ nào đó— là một liên hệ thù nghịch. Những tổ chức, phong trào Hồi giáo cực đoan, khủng bố đều có mục tiêu lật đổ bất cứ chính quyền trong thế giới Hồi nào không chịu theo Hồi giáo chính thống và thay vào đó bằng chính quyền Hồi giáo cực đoan (ví dụ như ở Iran và Algerie). Theo lý thuyết của Al Qaeda, những chính quyền nặng phần đời hơn phần đạo như chính quyền đảng Baath của Saddam, chính quyền ở Ai-Cập (Egypt) , Jordan và Saudi Arabia phải bị đạp đổ (Đây cũng là lý do tại sao hoàng tộc Saudi Arabia bỏ ra nhiều tiền bạc có lẽ hơn ai hết nhằm mua chuộc Al Qaeda và bin Laden để được yên thân. Điều này ai cũng rõ, trừ giới chính quyền Mỹ ngoảnh mặt làm ngơ vì Saudi Arabia là nước sản xuất và cung cấp dầu cho Hoa-Kỳ nhiều nhất). Nếu Hoa-Kỳ lật đổ Saddam và thay vào đó bằng một chính quyền không bị chi phối bởi tôn giáo hơn cả chính quyền Saddam (như đúng ý Mỹ, tổng thống Bush và một số giới lãnh đạo Tin-lành Mỹ có ảnh hưởng lớn với tổng thống) và được hỗ trợ bởi sức mạnh quân sự Mỹ, ngọn lửa Hồi giáo cuồng tín cực đoan chẳng khác gì được đổ thêm dầu.

Điều dễ thấy hơn nữa là phản ứng dân chúng Hồi giáo đối với cuộc tranh chấp giữa Do-Thái và người anh em Hồi Palestine. Đa số người Ả-rập Hồi giáo, dù ưa hay ghét Saddam Hussein, đều xem Hoa-Kỳ là nước đạo đức giả (nếu không nói là tệ hơn nữa): một mặt chấp nhận (ngay cả ủng hộ) chính sách khủng bố của nhà nước (state terrorism) Do-Thái đối với người Palestine bị Do-Thái chiếm đóng, một mặt lên án và tìm cách trừng phạt Saddam vì ông đối xử tàn bạo với dân chúng trong nước Iraq. Nhận xét này là căn bản tinh thần và hành động chống đối Do-Thái-Mỹ trong thế giới Hồi giáo. Việc Hoa-Kỳ xâm lăng Iraq không làm giảm mà thật sự gia tăng tinh thần và hành động nói trên. Thật khó tưởng tượng việc Hoa-Kỳ xâm lăng Iraq là một cao điểm trong chiến tranh chống khủng bố! Sự thật, như thấy hiện nay, là một loạt những khủng bố bạo động mới nhắm vào những nước Hồi giáo hòa hoãn với Hoa-Kỳ và những nước ủng hộ Hoa-Kỳ trong chiến tranh ở Iraq —có vẻ như gián tiếp nhắm vào Hoa-Kỳ, đủ để cảnh cáo nhưng cũng không làm dân chúng Mỹ cáu kỉnh đến độ có lợi cho ông Bush (người được "hưởng lợi nhiều nhất," theo tuần báo *Newsweek*, mượn danh nghĩa chống khủng bố).

Khi bom đạn, hỏa tiễn Mỹ rơi ào ạt trong đợt tấn công Iraq đầu tiên tổng thống Ai-Cập Hosni Mubarak cảnh cáo: thay vì một, Hoa-Kỳ đang nuôi dưỡng một trăm Osama bin Laden trong thế giới Ả-Rập.

Gần một năm sau khi tiến chiếm Iraq với chiêu bài tiêu diệt liên hệ hỗ tương giữa Iraq và khủng bố tổng thống Bush phải xác nhận là không có liên hệ gì giữa Saddam Hussein và Bin Laden. Phó tổng thống Cheney vẫn công khai xác nhận những điều mà nội các lẫn tổng thống đã hoàn toàn phủ nhận. Trả lời phỏng vấn trên đài National Public Radio (NPR, thật sự là đài phát thanh tư nhân độc lập không nhận quảng cáo và dựa phần lớn vào tiền ủng hộ của quần chúng thính giả) cuối tháng Giêng, ông tuyên bố:"Có bằng chứng dồi dào về liên hệ giữa Al Qaeda và chính quyền Iraq. Tôi hoàn toàn tin tưởng đây là một liên hệ chặt chẽ." Vài ngày sau đó tổng thống Bush phải xác nhận lại là chính quyền "không có bằng chứng gì về Saddam Hussein liên hệ đến vụ 11 tháng Chín." Những phát ngôn bất nhất coi thường sự thật và dư luận dân chúng thế giới và trong nước

tạo một "khủng hoảng tín nhiệm ("credibility gap," một nhược điểm lớn cho chính quyền mà phe Dân-chủ sẽ bỏ công khai thác trong kỳ bầu cử tổng thống sắp đến).

Một năm sau, ngoài dự đoán của chính quyền, "khủng bố" nội địa (không có liên hệ với Taliban và Bin Laden) bùng nổ ngay thủ đô Iraq đầu tháng Tư: sau khi tờ báo của ông bị cấm phát hành và một phụ tá bị bắt giữ, lãnh tụ Shiite trẻ tuổi cực đoan Muqtada Al Sadr ở Baghdad (sau đó rời ngay về thánh địa Shiite ở Najaf, nam Iraq, để nới rộng tầm hoạt động và bảo tồn an ninh) công khai nổi dậy chống đối quân đội chiếm đóng với hứa hẹn liên kết chặt chẽ với hai nhóm khủng bố cảm tử cực đoan Palestine là Hamas và Hezbollah — đúng như lời ông Mubarak đã cảnh cáo. Phía tây và cách thủ đô khoảng ba mươi dặm trong cạnh nằm của "tam giác Sunni" dân chúng ở Fallouja (hay Al Fallujah) tấn công lực lượng an ninh tư của Mỹ, đốt cháy và bêu xác bốn nhân viên an ninh (thực sự đây là những cựu chiến binh biệt kích và lực lượng người nhái SEAL nay đảm trách an ninh tư cho các công ty đấu thầu làm ăn lớn như KBR —có tiền thân là RMK ở Việt-Nam trước đây— thuộc đại công ty Halliburton có liên hệ chặt chẽ với phó tổng thống Cheney, và Bechtel; các công ty, tổ chức làm ăn ở Iraq và ngay cả đặc sứ Bremer III cũng sử dụng dịch vụ an ninh tư nhân, để tránh những rắc rối về luật lệ hiến pháp Mỹ thường áp dụng với các cơ quan, nhân sự chính quyền). Vụ bêu xác này làm rung chuyển chính quyền Bush vì hơn mười năm trước lính Mỹ được lệnh cấp tốc rời bỏ Somalia sau khi dân chúng ở thành phố Mogadishu bắn hạ trực thăng Black Hawk và lôi một xác lính Mỹ trên đường phố. Cũng ngoài dự đoán của chính quyền, hai phái Sunni và Shiite ở Iraq liên kết với nhau để điều hợp nổi dậy chống Mỹ khắp mọi nơi trong nước. Và Bin Laden lại ghi âm cảnh cáo sẽ tấn công Hoa-Kỳ trả đũa những tội ác Mỹ đối với người Hồi giáo ở Palestine (qua tay Do-Thái sử dụng trực thăng Mỹ bắn chết lãnh tụ tinh thần Ahmed Yassin và không đầy một tháng sau lãnh tụ Abdulaziz Rantisi của Hamas) và Iraq. Những mục tiêu mới của "khủng bố" sẽ gồm giới dân sự làm việc cho các nhà thầu vĩ đại và độc quyền ở Iraq như Halliburton và Bechtel —như đáp ứng lại tố cáo của giới truyền thông quốc tế về những lem nhem và tham nhũng hàng chục triệu, nhất là Halliburton có liên hệ trực tiếp với phó tổng thống Cheney và bị xem là đầu cơ hay làm giầu bằng chiến tranh. Sau hơn một năm bộ quốc phòng không chịu gia tăng quân số chiếm đóng Iraq tổng thống và tướng John Abizaid, tổng chỉ huy quân lực Mỹ vùng "Trung-Đông" (CentCom), tức tốc ra lệnh giữ lại cả chục ngàn binh sĩ đang sửa soạn về nước sau công tác để hỗ trợ cho 130 ngàn lính Mỹ mới đến thay thế.

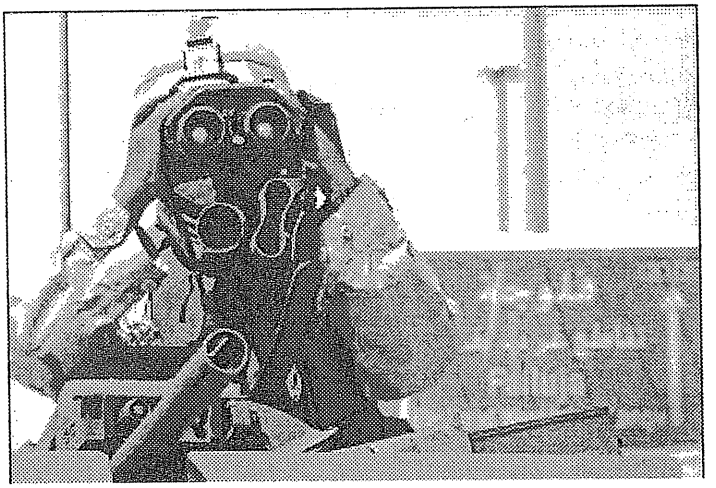

Hai tuần lễ đầu tháng Tư vừa qua chính quyền Bush lại chới với vì những điều trần trước Ủy ban Điều tra Vụ 11 tháng Chín. Đây là một ủy ban độc lập gồm mười nhân vật uy tín (nguyên cố vấn an ninh quốc gia và ngoại trưởng Henry Kissinger, dính liền với chiến tranh Việt-Nam và liên hệ Mỹ-Tầu thời tổng thống Richard Nixon, được chọn lựa lúc đầu nhưng tự động từ chức vì thiếu tư cách) thuộc hai đảng chính với nhiệm vụ tìm nguyên do vụ khủng bố bởi không tặc A-Rập Hồi giáo nhằm vào Trung tâm Thương vụ Thế giới và Ngũ giác đài năm 2001. Trong nhiệm vụ này Ủy ban đã gặp rất nhiều khó khăn với chính quyền không chịu hợp tác cung cấp những tài liệu và phương tiện cần thiết, như có ý muốn che giấu sự thật. Phúc trình của Ủy ban đáng lẽ kết thúc trong tháng Năm đã được dời lại thêm hai tháng vì những khó khăn trở ngại từ phía chính quyền —mặc dù dời hạn phúc trình là điều bất lợi cho ông Bush: phúc trình sẽ ra mắt tháng Bảy

(khoảng ba tháng trước bầu cử tổng thống) và chắc chắn sẽ khá gay gắt chỉ trích sự lơ là của chính quyền đối với đe dọa khủng bố rõ rệt trước vụ 11 tháng Chín. Những nhân vật quan trọng trong và ngoài chính quyền Bush đều xác nhận chính quyền chỉ bận tâm với Saddam Hussein và Iraq ngay từ khi nhậm chức và không mảy may để ý đến những đe dọa có thật từ Al Qaeda và Bin Laden: nguyên điều hợp viên chống khủng bố Richard Clarke trong Hội đồng An ninh Quốc gia, nguyên tổng trưởng Paul O'Neil và ký giả Bob Woodward (người độc nhất được tổng thống cho phép phỏng vấn để viết hai quyển sách về Iraq và chính quyền Bush, và cũng là một trong hai ký giả làm nổ bùng xì-căng-đan Watergate đẩy tổng thống Richard Nixon đến quyết định từ chức năm 1974). Một lần nữa cái "credibility gap" của chính quyền mỗi ngày một lớn và đẩy ông Bush đến chỗ khó xử: ông đã quyết định chọn đặt nền tảng tái tranh cử trên thành tích chống khủng bố của chính quyền —cố tránh thành tích kinh tế và chiến tranh Iraq xem ra không ngoạn mục lắm.

II.XUẤT-CẢNG DÂN-CHỦ TỰ-DO

Lý do rất lớn —nhưng đến phút chót chính quyền Bush mới đưa ra cho thế giới và dư luận Mỹ biết, như một lý do mới nghĩ ra —để xâm lăng Iraq và lật đổ Saddam là để dọn đường cho dân chúng Iraq (dưới sự hướng dẫn của Hoa-Kỳ) thành lập một chính phủ thật sự dân chủ, như ngọn đuốc soi đường và hứng khởi cho cả thế giới Hồi giáo hồ hởi tiến lên đường dân chủ hóa, với thêm hàm ý (cũng đưa ra phút chót) rằng chuyện này có thể giải quyết tranh chấp đẫm máu trên nửa thế kỷ giữa Do-Thái (có Mỹ hỗ trợ) và Palestine (với khối Ả-Rập Hồi giáo hỗ trợ). Có thể xuất cảng tự do dân chủ đến thế giới Hồi giáo là điều hay, và đáng khuyến khích (tạm gác qua chuyện người Shiite đa số không những chống đối Mỹ chiếm đóng Iraq mà cả nỗ lực mang đến dân chủ kiểu Tây phương Hoa-Kỳ nghĩ là dân chúng sẽ hoan nghênh). Nhưng thời điểm chọn lựa hơi lạ vì Hoa-Kỳ đã đến vùng này và nhiều vùng khác trên thế giới cả nửa thế kỷ nay với cùng chiêu đề và thực tế như đi ngược lại lời nói. Lịch sử đặt nhiều câu hỏi chưa giải thích được.

Một năm sau, vì không còn nại được cớ WMD và liên hệ giữa Saddam Hussein với khủng bố, lý do xiển dương dân chủ ở Iraq và "Trung Đông" trở thành lập luận chính cho việc chiếm đóng Iraq. Đây là lý do khá trừu tượng với người Mỹ trung bình; người sống ngoài Hoa-Kỳ và có kinh nghiệm với chiêu bài dân chủ Mỹ có lẽ nhìn thấy rõ hơn.

A. Lời nói và việc làm

Nhiều nhân vật cao cấp trong trong chính quyền ông Bush hiện thời, đặc biệt như tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld và phó tổng thống Dick Cheney, rất là hồ hởi thân thiện với chế độ độc tài khát máu Saddam Hussein trong thập niên 1980 khi Iraq đang gây hấn với Iran (Ba-Tư, một kẻ thù của Mỹ bấy giờ). Tổng thống Cộng-hòa đương nhiệm Ronald Reagan (hai nhiệm kỳ, 1981-1989) với phó tổng thống George W.H. Bush (bố ông Bush hiện nay) quyết định đứng về phe Saddam trong cuộc chiến tàn khốc tám năm giữa Iran-Iraq. Hoa-Kỳ bỏ tên Iraq ra khỏi danh sách những nước "xấu" để Saddam có credit nhận hàng tỉ Mỹ kim trợ cấp nông nghiệp cùng các thứ khác nữa. Người mang tin vui này đến cho Saddam chẳng phải ai khác hơn là ông Rumsfeld, đặc sứ của tổng thống Reagan đến Baghdad gặp Saddam tháng Mười-hai năm 1983. Cũng trong thời gian này tổng trưởng quốc phòng Caspar Weinberger cung cấp cho Iraq tài liệu vệ tinh bí mật về vị trí quân sự Iran để Saddam có lợi điểm tấn công bằng vũ khí hóa học (qua bộ ngoại giao, Mỹ biết là Iraq dùngvũ khí hóa học "hàng ngày" —trước khi bị giải giới bởi Liên-Hiệp-Quốc). Ông Dick Cheney, tổng trưởng quốc phòng dưới thời tổng thống Bush bố, tiếp tục cung cấp tài liệu vệ tinh mật cho Saddam . Trong thời gian này cả hai ông Rumsfeld và Cheney không hề nói đến chuyện Iraq dùng vũ khí hóa học hay đề nghị Hoa-Kỳ ngừng ủng hộ chế độ độc tài tàn bạo Saddam. Như vậy có nghĩa là giới lãnh đạo chính quyền chỉ nói đến tự do dân chủ ở Iraq khi Saddam không còn ích lợi gì cho Mỹ nữa.

Nhiều người rất bi quan về ý định xiển dương dân chủ ở "Trung-Đông" của chính quyền Bush vì nó mâu thuẫn với giây liên hệ mật thiết của chính quyền với những chính quyền độc tài chuyên chế trong vùng như Kuwait hay Saudi Arabia (cung cấp dầu hỏa cho Hoa-Kỳ cả nửa thế kỷ nay). Và gần đây nữa là liên hệ với những chế độ chuyên chế ở những cộng hòa hậu-Sô-viết như Azerbaijan, Kazakhstan và Uzbekistan. Các nhân vật lãnh đạo như Heydar Aliyev, Nursultan Nazarbayev và Islam Karimov ở ba nước nói trên đều cai trị theo kiểu Stalin ngày xưa và từng là tay chân thân cận của đế quốc Sô-viết trước đây. Chỉ ít nặng mùi hơn Saddam

Hussein chút xíu những nhân vật trên từng là khách quí đến Bạch-ốc để nhận ủng hộ và viện trợ rộng rãi của ông Bush. Mâu thuẫn lớn là chính quyền Bush muốn lật đổ Saddam vì tình yêu với dân chủ đồng thời đi lại với các chế độ chuyên chế khát máu nhưng chịu làm theo ý Mỹ.

B. Bài học dân chủ kiểu Mỹ

Giữa tháng Tư năm qua, gần đền thờ cổ kính và những mảnh vụn lịch sử ở vùng Ur, một trong những văn minh lâu đời nhất thế giới, Hoa-Kỳ tổ chức họp mặt đầu tiên giữa người Iraq để sửa soạn cho một chế độ mới. Nhưng cùng lúc các đại biểu đã chọn lựa trước bởi Hoa-Kỳ ngồi nghe các diễn văn dài dưới lều vải vĩ đại mầu vàng tươi —với giây thép gai và máy bay trực thăng bay là là để ngăn chặn những người Iraq khác bên ngoài, nhất là người phái Shiite đa số — Hoa-Kỳ bắt đầu đặt để những lãnh tụ "tay sai" mới của Mỹ. Chín ngày trước đó, không quân Mỹ bay bốn chiếc C-17 khổng lồ đem Ahmad Chalabi và sáu trăm lính "Iraq tự do" ăn lương Ngũ-giác-đài đến vùng này. Đại đa số dân Iraq không biết Chalabi là ai, gốc gác ra sao. Một tay chuyên mở ngân hàng ở Trung-Đông và Thụy-Sĩ với án khổ sai vì lem nhem tiền bạc ở Jordan và đã trốn khỏi Iraq hơn bốn-mươi năm, ông Chalabi chân ướt chân ráo trở về Iraq như người thay thế Saddam Hussein được chọn lựa sẵn bởi phó tổng thống Dick Cheney, tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld và thứ trưởng quốc phòng Paul Wolfowitz —dù có phản đối mạnh mẽ của bộ ngoại giao, CIA và cố vấn an ninh quốc gia của tổng thống Bush.

Lời nói thường không đi đôi với việc làm ở Hoa-thịnh-đốn, nhất là khi nói chuyện dân chủ. Theo ông Roger Morris, một thành viên Hội-đồng An-ninh Quốc-gia thời tổng thống Lyndon Johnson (Dân chủ, 1963-1969) và Richard Nixon (Cộng hòa, 1969-1974) và tác giả nhiều sách nghiên cứu về chính trị và ngoại giao Mỹ (ông sắp sửa in một tập sách mới về những hoạt động chìm của Mỹ ở trung Á châu), trong suốt nửa thế kỷ vừa qua hầu như không một nơi nào trên thế giới trở thành dân chủ tự do hơn khi Hoa-Kỳ ra tay "thay đổi chế độ" ("regime change," nói theo kiểu tổng thống Bush): từ những đảo chánh thời thập niên 1950 của CIA ở Iran, Guatemala, Congo, đến những viễn chinh vùng biển Carribean (trung Mỹ), Phi châu cùng nhiều nơi khác, thời 1960, 1970 ở Đông- Nam-Á, qua những vùng khác thời 1980, 1990. Ngay cả Đức và Nhật sau Thế chiến II (1939-1945) cũng không có tự do dân chủ khi Hoa-Kỳ đến giải giới hai nước này, với ý định xây dựng dân chủ tự do ngăn chặn đối đầu với cộng sản đang quyến rũ một Tây Âu và Á châu điêu tàn hậu chiến: CIA đi đêm với kẻ thù Quốc xã hôm qua ở Bonn (Đức), để vạch đường tiến thoái cho đồng minh mới trong Chiến tranh Lạnh đang đi tới; CIA hoạt động chìm đặt để giới tài phiệt Nhật (zaibatsu: một số đại gia đình tài phiệt khống chế kỹ nghệ và ngân hàng từ đầu thế kỷ 19) nắm giữ vị trí kinh tế chiến lược lâu dài ngay Tokyo. Trường hợp "xây dựng dân chủ tự do" mới nhất đây là ở Afghanistan như đi thụt lùi trở lại thời Trung cổ ở châu Âu, hay tiền-Taliban, với các lãnh chúa, xứ quân mỗi người một cõi, không cần biết đến "tổng thống" Hamid Karzai (có vệ sĩ Mỹ bảo vệ sau nhiều ám sát hụt bởi chính dân Afghanistan). Ông Karzai đã tới Hoa-thịnh-đốn phúc trình về tình hình trong nước và yêu cầu lực lượng Mỹ đối phó dẹp các lãnh chúa vì tổng thống không dám ra khỏi thủ đô Kabul, và các lãnh chúa không chịu nghe lệnh bãi bỏ quân đội riêng hay gởi tiền thuế má cho nhà nước chi dùng. Lực lượng "giải phóng" Mỹ thì nằm nguyên ở các căn cứ quanh thủ đô dưới pháo kích thường xuyên bởi Al Qaeda.

Trong một nước với tinh thần quốc gia cao và chống đối đế quốc mạnh mẽ, nếu Iraq có dân chủ tự do thật sự Hoa-Kỳ sẽ khốn đốn nhiều. Hoa-Kỳ sẽ tính sao nếu Iraq chọn một chính sách dầu hỏa độc lập khác với ý Mỹ, như một chính quyền ở đây đã làm? Hoặc giáo phái đa số Shiite nắm chính quyền qua bầu cử hợp hiến (đây là lý do chính phái Shiite đòi bầu cử trực tiếp, mỗi người dân một phiếu đúng nguyên tắc dân chủ mà Hoa-Kỳ phản đối hoàn toàn) và quyết định liên minh với anh em Shiite láng giềng cầm quyền ở Iran hay các thế lực Hồi giáo bảo thủ khác chống lại Hoa-Kỳ? Hoặc Iraq, một trong những xã hội A-rập tiến bộ với khuynh hướng xã hội, không chịu đi theo kinh tế thị trường toàn cầu kiểu Mỹ? Hoặc một chính quyền Iraq hợp hiến quyết định tái vũ trang để chạy đua với Do-Thái đã có vũ khí hạch nhân? Liệu Hoa-Kỳ có chấp nhận những giả thiết rất có thể thành sự thật nói trên theo đúng nguyên tắc dân chủ chăng? Hay như theo lời một phụ tá của tướng hồi hưu "phó vương" đầu tiên Jay Lamer (đã bị thay thế bởi đặc sứ L. Paul Bremer III), "Dân chủ rất là chộn rộn. Nhưng Hoa-Kỳ đã tính toán hết rồi." Như ở nhiều nơi khác trước đây, Hoa-Kỳ muốn chắc chắn quyền lợi kinh tế, chính trị, quân sự và chiến lược của mình được bảo đảm tối đa và dân chủ tự do cũng như kinh tế thị trường hầu như chỉ là cái đến sau —chẳng khác mấy cái cớ "khai phóng" làm nòng cốt trong chính sách và hành động thực dân đế quốc ở các thuộc địa của Anh ("white men's burden") hoặc Pháp ("mission civilisatrice") hai thế kỷ trước.

C. Chuyện dài Iraq

Như đã nói trên phái Shiite đa số muốn thực thi dân chủ mỗi người dân một lá phiếu (bầu cử trực tiếp để chọn đại diện dân chúng vào quốc hội) : đây rõ ràng là dân chủ chính hiệu và có lợi cho phái Shiite, nhưng chắc chắn là bất lợi cho Hoa-Kỳ. Bế tắc nằm ở đây và những giải pháp mặc cả giằng co qua lại. Hội đồng nhà nước do Mỹ lựa chọn gồm hai-mươi-lăm người với chín người thay nhau làm tổng thống hàng tháng nại lý do an ninh và thiếu danh sách cử tri để bác bỏ bầu cử trực tiếp. Cuối cùng một hiến pháp tạm được thông qua với thỏa nhượng tổng tuyển cử đầu năm tới, nhưng chưa rõ hình thức và những ai sẽ nằm trong chính quyền Iraq chuyển tiếp đầu tháng Bảy khi Hoa-Kỳ trao lại quyền cai trị cho người Iraq (nhưng vẫn giữ quân đội chiếm đóng tại chỗ và sẽ lập tòa đại sứ Mỹ lớn nhất thế giới ở Baghdad với hơn ba ngàn nhân viên —có lẽ ông Bremer III sẽ tiếp tục làm đại sứ). Đại giáo sĩ Ali Sistani, lãnh tụ Shiite có ảnh hưởng, uy tín lớn nhất và không bao giờ chịu nói chuyện trực tiếp với bất cứ người Mỹ nào, liên tiếp ra giáo lệnh phản đối cả hiến pháp lẫn thỏa nhượng tổng tuyển cử. Ông có ý như chỉ chấp nhận giải pháp từ Liên-Hiệp-Quốc ra mà thôi.

Có lẽ vì vậy, và nhất là sau hai tuần lễ đầu tháng Tư đầy khó khăn về chính trị và quân sự (với số lính Mỹ thương vong còn cao hơn cả ba tuần lễ đầu tiến chiếm Iraq cùng việc dân chúng nổi dậy ở khắp nước Iraq, với giới truyền thông và dư luận dân chúng Mỹ nhắc nhở so sánh chuyện "sa lầy" ở Việt-Nam) tổng thống Bush bất thình lình đi ngược lại chủ trương đơn phương hành động và chính thức đi theo kế hoạch dành cho LHQ vai trò quan trọng, nếu không nói là vai trò chính hướng dẫn chuyển tiếp chính trị sắp tới ở Iraq. Trước đây, khi Hội đồng Bảo an LHQ không cho phép giải pháp quân sự ở Iraq chính quyền Bush đã gạt bỏ LHQ ra ngoài mọi kế hoạch hậu chiến ở Iraq.

Nay tổng thống chấp nhận kế hoạch của đặc sứ Lakhdar Brahimi (một nhà ngoại giao kỳ cựu gốc Algerie có uy tín trong giới Hồi giáo A-Rập): cuối tháng Sáu LHQ sẽ bổ nhiệm chính quyền lâm thời thay thế Hội đồng Nhà nước chọn lựa bởi Mỹ và sẽ giám sát tổng tuyển cử đầu năm 2005. Ông Bush vẫn khăng khăng với thời điểm cuối tháng Sáu, một thới điểm không thực tế với hiện tình ở Iraq nhưng có lợi về mặt chính trị cho cuộc bầu cử tổng thống Mỹ đang đà tới.

Chính quyền Bush muốn có một "thành quả" ở Iraq để cử tri Mỹ tiêu thụ. Ngược lại, giới truyền thông và đối thủ của ông Bush nhìn "sa lầy" Iraq với con mắt khác hẳn. Với những điều kiện quân sự và chính trị hiện nay chuyện Iraq sẽ không chấm dứt ở một thời điểm có thể thấy được.

TRÍ TUỆ VIỆT NAM:
HỆ THỐNG QUẢN TRỊ NỘI DUNG

LÊ LÔ

Tối mồng một Tết nguyên đán Giáp Thân (2004), một buổi lễ long trọng ở Hà Nội được truyền hình trực tiếp trên cả nước: Lễ trao giải thưởng cuộc thi Trí tuệ Việt Nam.

Đây là lần trao giải thứ tư. Cuộc thi được phát động năm 2000 nhằm khuyến khích cộng đồng trẻ phát huy tài năng trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Đối tượng dự thi là thanh niên dưới 30 tuổi. Dù giới hạn tuổi như vậy, nhưng ban tổ chức vẫn đặt tên cuộc thi là "Trí tuệ Việt Nam", thay vì Trí tuệ trẻ Việ Nam (có lẽ trên 30 thì coi như hết trí và tuệ chăng).

Mỗi năm ban giám khảo đưa ra một thông điệp định hướng. Đề tài định hướng cho năm thứ tư là "Tìm giải pháp cho những vấn đề quanh ta."

Buổi trao giải tổ chức công phu. Ban giám khảo toàn là giáo sư, tiến sĩ, chuyên gia hàng đầu trong ngành công nghệ thông tin của Việt Nam. Sân khấu trình bày lộng lẫy, màu sắc rực rỡ. Phía khán giả chủ tọa, như lệ thường, hàng ghế sau dành cho những người sẽ được giải, hàng ghế đầu có hai quan chức lớn theo thứ tự quan trọng là ông Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Tư tưởng và Văn hóa Trung ương; nhân vật thứ hai là ông Phạm Gia Khiêm, Phó Thủ tướng.

Sau các giải khuyến khích, giải ba, nhì do quan chức cấp dưới lần lượt lên trao, phần quan trọng nhất của buổi lễ là lúc ông Điềm lên trao giải nhất cho nhóm đoạt giải gồm bốn sinh viên: nhóm iCMS, vừa là tên nhóm vừa là tên sản phẩm đoạt giải Nhất gồm 50 triệu đồng (tương đương 3500 đô la), một máy tính xách tay 1500 đô la, bốn vé máy bay khứ hồi Đông Nam Á và một chiếc xe máy honda.

iCMS là gì? Theo giải thích của trưởng nhóm, anh Nguyễn Công Kha, sinh viên đại học Ngoại thương Hà Nội: "CMS, viết tắt trong tiếng Anh là: Content Management System (Hệ quản trị nội dung) là một thuật ngữ dùng để chỉ các hệ thống phần mềm được xây dựng phục vụ việc quản lý các website thông tin Internet và Intranet. Chữ "i" trong cụm từ "iCMS" có nghĩa là innovative, intelligence."

Cậu sinh viên đại học Ngoại thương kiêm trưởng nhóm phần mềm đoạt giải không có khả năng giải thích một vấn đề kỹ thuật thuộc 'khả năng' của mình. Không kể cái chữ 'i' lại có hai nghĩa với chức năng văn phạm khác nhau do không rành tiếng Anh, chúng ta thấy cách giải thích của Kha mập mờ. Thứ nhất, anh chỉ nói CMS là thuật ngữ viết tắt của Content Management System, thì đúng thế, nhưng không nói cho rõ là thuật ngữ đó do anh, hay nhóm của anh, 'sáng tạo' ra hay là của người ta và mình mượn. Thứ hai thì chỉ nên nói hoặc là "hệ thống" hoặc là "phần mềm." Và thêm nữa, nhóm của Kha lại dùng tên nhóm là tên sản phẩm, hay ngược lại; như vậy có phải tự nhận rằng chính nhóm được giải đã tạo ra từ CMS.

Nhưng những điểm trên chỉ là những tiểu tiết nhỏ, rất nhỏ, trong một vấn đề lớn, và nhiều vấn đề lớn khác.

Báo chí và trên website (www.tintucvietnam.com) tóm tắt về sản phẩm đoạt giải như sau: "Là hệ quản trị nội dung, iCMS cho phép thực hiện hai công việc chính: Thu thập thông minh thông tin trên Internet và đưa vào cơ sở dữ liệu có cấu trúc. Thực hiện việc xuất bản internet từ hai nguồn: thông tin do hệ thống thu thập được từ Internet và thông tin do người dùng. Sản phẩm này đã có ứng dụng rất thành công tại trang tin tổng hợp www.tintucvietnam.com."

Một câu văn lủng củng. Thu thập một cách thông minh chứ sao lại "thu thập thông minh." Lại thêm một cách giải thích đầy từ ngữ chuyên môn và khó hiểu. Từ và văn phạm rất ngượng y như dịch trực tiếp từ tiếng Anh. Tôi không phải là chuyên viên công nghệ thông tin thuần túy dù có được huấn luyện và làm việc trong công ty đa quốc gia về ngành này. Nhờ vậy các thuật ngữ hay khái niệm chuyên môn không phải là hoàn toàn xa lạ. Nhưng khi đọc những cách thuyết minh về sản phẩm tôi bỗng đâm nghi ngờ là người giải

thích có thực sự hiểu một cách toàn diện về sản phẩm này không. Câu trả lời là 'không' bởi một lý do giản dị: Khi hiểu một vấn đề nào thấu đáo, người ta không cần dùng từ ngữ chuyên môn vẫn giải thích một cách đầy hình ảnh cho người khác hiểu. Người hiểu vấn đề, cộng thêm một chút bén nhạy, sẽ dễ dàng thoát khỏi những từ ngữ chuyên môn, vượt trên cả các khái niệm kỹ thuật khô cứng, để đưa ra một hình ảnh dung dị và do đó sáng sủa. Chúng ta dễ bắt gặp khả năng này ở các nhà truyền đạo, nhưng đó lại là vấn đề khác.

Những người biết Anh ngữ trung bình đều thấy là các lời giải thích về sản phẩm iCMS cứng, ngọng ngịu, và sát với cấu trúc và từ ngữ tiếng Anh. Có lẽ cách giải thích của một thành viên khác trong nhóm iCMS, sinh viên Nguyễn Thanh Tùng, đăng trên tạp chí Sinh viên Việt Nam và được trích lại trên trang web của www.tintucvietnam.com, là tương đối rõ nghĩa. Phần trong ngoặc kép dưới đây trích từ trang web này:

"Thế mạnh của iCMS nằm ở ba phần chính 'Spider', 'CMS' và 'off-line clients.' Bạn sử dụng spider như một con bọ tinh khôn. Bạn sai nó đi tìm các thông tin có nội dung thể thao chẳng hạn, nó sẽ tìm kiếm tất cả các thông tin thể thao mới nhất trên mạng internet sau đó chuẩn hoá dưới dạng font Unicode. Nghĩa là dù bạn lấy tin từ những website sử dụng font VNI, TCVN hay bất kỳ loại font gì, spider cũng sẽ tự động 'convert' về font unicode. Sau đó, spider sẽ đưa thẳng những thông tin lấy được vào những phần thông tin tương ứng trên website của bạn như Tin thể thao sẽ tự động chạy vào chuyên mục Thể thao."

"Bạn cũng có thể phân cấp quản trị nội dung nếu bạn muốn biên tập lại những thông tin mà spider mang về. Spider sẽ không đưa ngay thông tin lấy được lên website của bạn mà thông tin sẽ nằm trong ô chờ biên tập để bạn xử lý nếu cần thiết. Thao tác nay giúp khai thác thông tin nhanh và an toàn. Nếu như các công ty P.R vất vả với việc clipping báo chí (đọc báo hàng ngày và cắt dán lại) thì với phần mềm này phần lớn những công việc 'chân tay' đã được giải quyết."

"Sau khi Spider tìm kiếm thông tin, CMS sẽ nhận đầu vào để quản lý và xử lý. CMS tuân theo trình tự làm việc (work flow) chuẩn của Hiệp hội WMFC. Chuẩn này cho phép quản lý và xử lý thông tin một cách hiệu quả và linh hoạt nhất. Sau khi nhận thông tin đầu vào từ nhiều nguồn, CMS trực tiếp nhập vào hệ thống biên tập tin trực tuyến theo chuẩn RSS (Rich Site Summary), chuẩn kiểu xml này cho phép khai thác thông tin từ các trang web rất dễ dàng, không cần phân tích, bóc tách."

"Những website lớn trên thế giới như CNN hay BBC đều dùng chuẩn này để xuất bản thông tin. Hiện nay ở Việt Nam chưa có website điện tử nào sử dụng chuẩn này trừ trang www.tintucvietnam.com. Nếu bạn có một website tiếng Anh, CMS cho phép bạn trực tiếp lấy tin từ CNN hay BBC chỉ cần bạn kết nối (plug-in) website của bạn với các website này mà không cần phân tích, bóc tách thông tin."

Đọc cách giải thích trên ít nhất cũng rõ ràng hơn, dù vẫn còn mù mờ với nhiều người không biết vi tính. Nhưng dù với hiểu biết rất khiêm tốn về kỹ thuật làm trang web, tôi cũng xin thưa rằng ngay cả người giải thích, sinh viên Nguyễn Thanh Tùng, cũng hiểu mù mờ về "tác phẩm" của mình, và do đó đã ăn gian cách giải thích. Phần ăn gian: "CMS trực tiếp nhập vào hệ thống biên tập tin trực tuyến theo chuẩn RSS (Rich Site Summary), chuẩn kiểu xml này cho phép khai thác thông tin từ các trang web rất dễ dàng, không cần phân tích, bóc tách." Không ai hiểu cách nói đầy kỹ thuật tính này cả. Thực ra, RSS là một dạng thức của ngôn ngữ làm web, XML, nhưng 'nhẹ ký' hơn (ít rắc rối hơn). Công dụng của RSS là để các trang web có liên kết với nhau tự động cập nhật khi có một trong những trang liên kết cập nhật, nghĩa là việc chia sẻ thông tin giữa các trang web liên kết nhanh chóng và đồng thời. Thí dụ giữa các trang web của BBC, CNET, CNN, Disney, Forbes, nếu BBC cập nhận một tin nào đó thì mấy trang kia cũng cập nhật (tất nhiên BBC hay CNN qui định phần nào trong trang web của mình được chia sẻ để khi cập nhật thì chỉ có nội dung của phần đó được cập nhật thôi.) RSS do đó chẳng phải là "chuẩn" kiểu này hay "chuẩn" kiểu nọ, nó chỉ là một text file, nhằm mục đích 'liên thông' nội dung, nhất là tựa đề bài bao (tít) giữa các trang web của cơ quan thông tấn.

Để tóm tắt cho dễ hiểu và không quá đi vào kỹ thuật, xin giải thích lại một cách nôm na về sản phẩm đoạt giải: Đây là một công cụ điện tử dùng để xử lý nội dung của văn bản (gồm chữ viết, hình ảnh, cách trình bày). Nó cho phép người dùng lấy tin trên internet xuống, sau đó có thể tùy ý thêm, bớt, cắt tỉa nội dung sao cho vừa ý mình (và nhất là đúng ý lãnh đạo), rồi đưa cái nội dung đã chỉnh sửa đó vô (hay làm thành) trang

web của mình hay trang web của tất cả các báo nằm trong hệ thống truyền thông của nhà nước.

Cái tiện dụng của công cụ điện tử này là người sử dụng không cần biết gì về lập trình web, nói chung bất kỳ một người nào biết đánh máy sơ sơ đều dùng được. Ví dụ về "các công ty P.R." (Quan hệ Công chúng/Public Relations) mà một trong bốn tác giả của sản phẩm, sinh viên Nguyễn Thanh Tùng, đưa ra không nói hết công dụng của sản phẩm. Thông thường, 'phóng' một bản tin lên trang web của mình đòi hỏi người 'phóng' phải biết cách upload (đưa lên) mạng. Một chị chủ bút, chẳng hạn, sau khi viết hay sửa xong một bản tin thường phải nhờ người lo trang web đưa bản tin lên web, chứ bản thân người chủ bút không làm được vì không biết cách, và cũng không phải là nhiệm vụ của chị ta. CMS giải quyết được chuyện này. Chị chủ bút viết xong, hay sau khi tải những bản tin xuống máy vi tính của mình rồi, chỉnh lại cho vừa ý cả nội dung lẫn cách trình bày xong và "bấm nút", vậy là xong! Bài viết mới của chị ta nằm gọn trên trang web của công ty mình.

Cái hay của CMS là người dùng có thể, nếu muốn, sửa văn bản ngay khi đang ở trên mạng, ngay khi đang online (tức là trang web đang chạy trên đường truyền), chứ không cần phải tải xuống máy, cất vô ổ đĩa cứng, rồi mới sửa từ từ. Chuyện đó xưa rồi. Không lấy lại thí dụ chị chủ bút hồi nãy, mà bây giờ là ông Nguyễn Khoa Điềm, phụ trách công tác tư tưởng và văn hóa của cả nước. Sau khi nhờ nhân viên nối mạng để vào trang web của Đảng Cộng sản Việt Nam, ông đọc và thấy có một ý hiểu nhầm Tư tưởng Hồ Chí Minh (thí dụ thôi chứ điều này không xảy ra đâu). Vậy là ông Điềm, dẫu chỉ biết mạng nhện chứ không biết gì về mạng web, cũng có thể nhờ công cụ CMS mà sửa ngay cái chỗ phản động đó trên mạng.

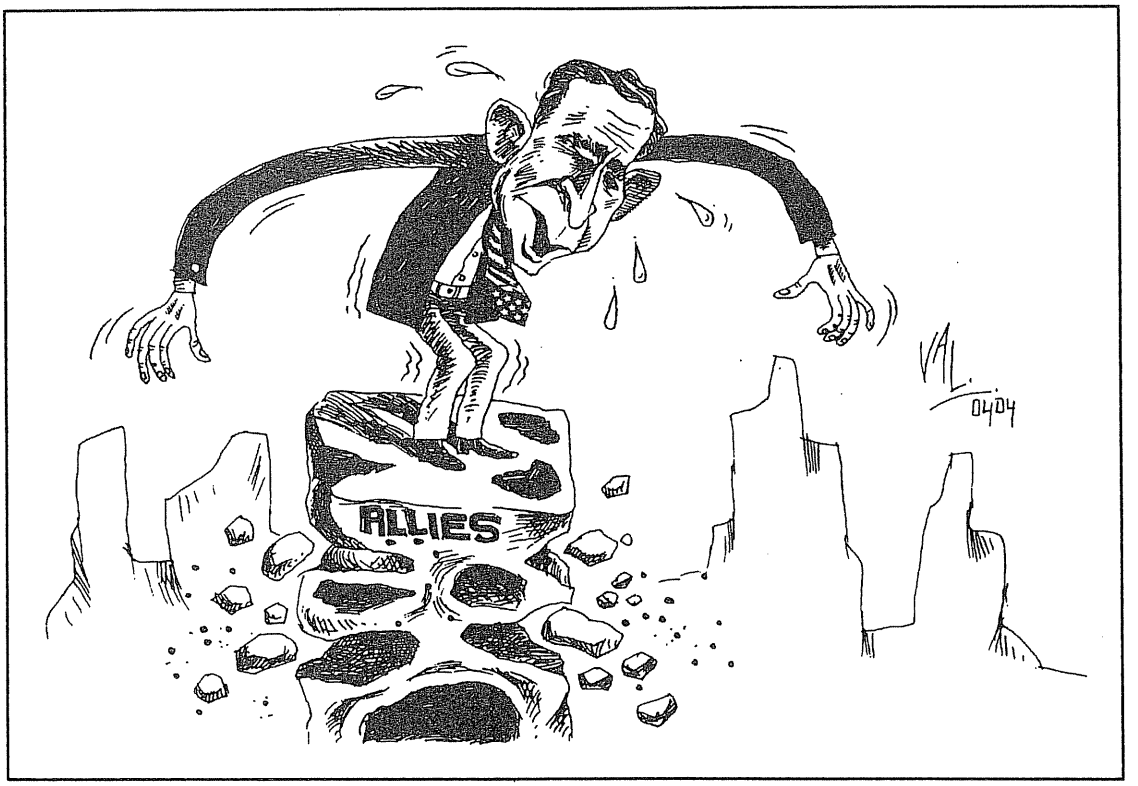

Tuyệt vời!

Tất nhiên ví dụ trên không đi quá sâu vào chi tiết, thí dụ ông Điềm phải có tên đăng nhập (username) và mật mã (password) do nhân viên quản trị mạng cấp thì mới vào sửa được.

Đến đây thì chắc độc giả đã biết công dụng của Hệ thống Quản trị Nội dung, cái công cụ này, bằng một cách nào đó, đã trở thành sản phẩm đoạt giải Nhất cuộc thi Trí tuệ Việt Nam 2003 (phát giải 2004). Chúng ta không giải thích thêm nhiều công dụng khác của CMS vì đó không phải

là mục đích của bài viết. Mục đích của bài viết là trình bày độ trong sáng của những người bạn trẻ và quốc sách kiểm soát thông tin của nhà nước Việt Nam.

Để được bình chọn, sản phẩm trong cuộc thi Trí tuệ Việt Nam phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá, sắp theo thứ tự quan trọng: "sáng tạo, cập nhật công nghệ, giao diện web, và đặc biệt là có tính thực tiễn cao" (tức ứng dụng được).

Tôi chỉ bàn tiêu chí thứ nhất: sáng tạo!

Có đúng nhóm iCMS đã sáng tạo ra iCMS không? Có đúng hệ thống quản trị nội dung (Content Management System) là do nhóm sinh viên iCMS sáng tạo, tự mình nghĩ ra không?

Nếu hiểu sáng tạo là một cái gì mới, chưa có, và dù cái mới đó do dựa trên những cái có trước mà ra thì vẫn có thể gọi là sáng tạo. Tất cả những phát minh đều dựa trên một kiến thức nào đó do người đi trước đặt ra. Kiến thức là sự hiểu biết những cái đã có, người ta dựa trên đó để phát huy hay tìm ra một điều mới. Vậy là sáng tạo.

Nếu đọc tất cả thông tin trên báo in, báo đài (truyền hình và truyền thanh), thông tin trên trang web sau ngày trao giải cuộc thi tối mồng một Tết Nguyên đán, ròng rã mấy tháng liền, kể cả những trao đổi điện thư sau ngày trao giải, thì người ta đều đinh ninh ngay chính cụm từ CMS (chưa nói đến công cụ điện tử này) cũng do chính nhóm sinh viên bốn người "sáng tạo" ra, chứ không phải đó là một thuật ngữ trong ngành vi tính. Kể cả phần mềm Spider cũng là của nhóm chứ không phải là thuật ngữ của nước ngoài. Nói chung, toàn bộ những cái gì liên quan đến CMS, qua cách giải thích, trình bày của nhóm thắng giải, và của cả một hệ thống loan truyền, đều là made in Vietnam cả.

CMS, đã đành viết tắt của Content Management System, thực ra là một ý tưởng cũ, chẳng có gì mới cả. Và công cụ điện tử này do chuyên viên nước ngoài làm ra từ lâu rồi. Rất nhiều công ty phần mềm nước ngoài đã viết và bán công cụ điện tử này với các tên thương mại khác nhau, thí dụ Absolute News Manager, Managee, siteMpower, expressCMS. Các sản phẩm này đều có công dụng chính đã trình bày ở trên, gồm giúp người dùng phát triển trang web bằng cách sửa nội dung và hình thức (trình bày) trang web của mình, liên kết với các trang web khác để chia sẻ thông tin do đó tăng cường số lượng người vào xem (mục đích chính), hoặc làm sẵn các trang mẫu (template) để người dùng chỉ việc cắt tỉa, thêm hoặc bớt theo ý mình, rồi phóng lên mạng. Các trang mẫu cũng giống như đồ fastfood, thức ăn nhanh, người ăn mua về nhà, bỏ vô lò vi-ba hâm nóng (hay ăn nguội), nếu thích thì thêm tí tiêu hành nước mắm, tỏi, hay thịt chó, rồi... ăn!

Thanh niên và sinh viên học sinh Việt Nam nếu muốn kiểm chứng cứ lên mạng và gõ tên các sản phẩm này, coi CMS có phải đúng là độc quyền sáng tạo của "Trí tuệ Việt Nam 2003" hay không, hay chỉ là một công cụ rẻ tiền theo mọi nghĩa (giá một sản phẩm từ 250 đến 500 đô la kể cả giấy phép), được Trí tuệ Việt Nam mua về, bỏ thêm ít củ riềng, một mớ là mơ (Việt hóa) và đồng hô to: sáng tạo!

Khi tôn xưng iCMS và nhóm 'tác giả' bằng những lời lẽ đẹp đẽ gần như sùng bái, rất có thể hệ thống loan truyền của nhà nước (tôi tin như vậy) không hiểu bản chất của một sản phẩm thông dụng trong kỹ thuật làm trang web của nước ngoài. Cho nên riêng ban Tư tưởng mới bị hố: cái gọi là "Trí tuệ Việt Nam," thực ra, chỉ là một thứ đồ cũ, và "hơi bị" thừa, của người ta.

Vấn đề nguy hiểm không phải ở cái phần mềm hay sản phẩm nhỏ bé này. Điều làm người ta suy nghĩ là bốn chàng trai tượng trưng cho "trí tuệ Việt Nam," có học vấn, chỉ trong độ tuổi trên 20 (người già nhất sinh năm 1979), đã tự coi CMS là phát kiến của mình, một sáng tạo riêng, chứ không phải mô phỏng, hay *đạo* của nước ngoài. Nhiều lắm họ chỉ có công thêm bớt một công năng nào đó của công cụ điện tử này, thí dụ thêm phần chữ Việt. Không lẽ có một sự thật đáng buồn đang được phát huy, là tuổi trẻ Việt Nam vào nhà người khác lấy tài sản của người ta, nhìn dáo dác không thấy ai nói, lâu ngày tưởng (nhầm) là của mình?

Vào khoảng giữa tháng 9 năm 2003, nếu tôi nhớ không lầm có một bài viết sắc sảo trên báo *Tuổi Trẻ* về một hiện tượng đạo phần mềm khác (hết đạo thi, đạo văn, đạo nhạc, nay đạo mềm). Bài viết bằng giọng thâm trầm, chững chạc, vừa chuyên môn nhưng vẫn sáng nghĩa, nên tôi đã nhớ nội dung chủ đạo của bài viết khá kỹ.

Đó là phần mềm Vietkey Linux. Cho ngắn gọn, Linux là một hệ điều hành (như Windows của Microsoft, nghĩa là nó là một bệ phóng, một cái nền cơ sở trên đó tim gan phèo phổi máu me chạy được). Linux khác em Windows của Bill Gate ở chỗ nó là tình cho không biếu không. Điều này rất quan trọng vì nếu Linux mạnh như Windows, mà lại cho không thì anh Bill rất có

nguy cơ bị thất thu, rất dễ dẫn đến khả năng anh gửi giấy (bill) tính tiền tới đòi nợ mà không ai trả nên phải đóng cửa (gate).

Nhóm Vietkey, trưởng nhóm là Đặng Minh Tuấn, tốt nghiệp đại học ở Tiệp Khắc (trong thời gian Tiệp Khắc còn đỏ), đã nói Vietkey Linux là "Hệ điều hành Vietkey Linux". Nghĩa là một nhóm kỹ sư Việt Nam đã sáng tạo ra một hệ điều hành made in Vietnam! Theo tác giả của bài viết trên báo *Tuổi Trẻ*, gọi Vietkey Linux là một hệ điều hành là sai (sai về mặt chuyên môn và hàm ý — tác giả không nói thẳng ra — thiếu lương thiện), vì trên thế giới có đâu chừng 300 loại Linux "biến thể" mà giới chuyên môn gọi là Linux Distro (không dịch được). Không gọi Linux Distro là hệ điều hành vì nó sử dụng chung nhiều phần mềm, có chung mã nguồn mở. Tác giả đã chứng minh rằng những gói phần mềm trong cái gọi là "Hệ điều hành made in Vietnam" thực ra là bản dịch của các phần mềm của nhiều công ty nước ngoài khác, như Sun Microsystem, Netscape (AOL).

Rõ ràng Vietkey Linux chỉ là phiên bản, về kỹ thuật thì nó không phải là hệ điều hành, và càng không phải "made in Vietnam." Tôi nhớ có dạo, cũng như "vụ" iCMS vừa rồi, báo chí hết lời ca ngợi nhóm Vietkey Linux, và cũng theo thói quen tôn sùng cá nhân và thần tượng hóa thành tích, đã kể và phỏng vấn trưởng nhóm Đặng Minh Tuấn về thành tích của mình. Tờ *Hà Nội Mới* là hăng nhất. Trong bài ca ngợi hệ điều hành made in Vietnam, tờ báo viết một câu mà ai đọc xong cũng phải nhớ đời: "Đặng Minh Tuấn đã cùng Vietkey Group xây dựng Vietkey Linux và phát triển nó trở thành một hệ điều hành thách thức với Windows."

Các bạn nào rảnh xin dịch câu này ra và gửi bảo đảm cho ông Bill Gate. Nếu sợ anh Bill không hiểu xuất xứ thì ghi thêm: "Đây là Việt Nam. Ngày xưa chúng tôi dùng súng trường hạ B52 được thì bấy giờ chúng tôi cũng có thể dùng cối xay lúa hạ hệ điều hành của ông... nốt!"

Nhưng vẫn chưa hết, trong khi cha đẻ ra Linux là Linus Torvalds đã cho phép mọi người dùng miễn phí, công bố mã nguồn công khai, thì Vietkey Linux lại giấu kỹ mã nguồn, hệt cung cách bí mật của những cuộc họp kín!

Kỳ diệu nhất là "hệ điều hành" (operating system) Vietkey Linux cũng đoạt giải thưởng cuộc thi "Trí tuệ Việt Nam 2002" — trước nhóm iCMS một năm.

Như một sự lan truyền bệnh dịch nhưng có giấy phép, những chuyên gia trẻ tuổi Việt Nam lần lượt lấy của người làm của mình, rồi lần lượt bước lên bệ phóng bất lương của một hệ thống làm sẵn và kê sẵn trên sân khấu.

Những tuần sau ngày trao giải, nhóm iCMS gần như là biểu tượng của các thành công vượt bực. Có 17 lời đề nghị khảo sát, triển khai hệ thống, có 10 hợp đồng phát triển hệ thống thông tin cho các đơn vị như: Công ty 3C, Hanoi Telecom, báo Công nghiệp, Công ty Truyền tải điện. Đài Truyền hình Việt Nam, Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương, Hà Tây đề nghị iCMS khảo sát và trình dự án phát triển hệ thống thông tin. Và qua những câu chuyện xung quanh nhóm, đời tư từng cá nhân, được xây dựng và thi vị hóa như một mẫu mực, cho thấy não trạng tôn sùng cá nhân và cực đoan của người Việt không dễ gì gột sạch.

Cuộc thi "Trí tuệ Việt Nam", nhóm iCMS, các đơn đặt hàng cho nhóm, đã phản ảnh ít nhất ba vấn đề, đó là tính chất của con người Việt Nam thành công hôm nay, cách cầm quyền của nhà nước Việt Nam hôm nay, và mức độ hiểu biết của nhà nước về trào lưu thời đại.

Trước hết là bản chất lập lờ và không lương thiện. Láo khoét và bất lương xuất phát từ sự bất lực, kém hiểu biết nhưng lại nhiều tham vọng. Khi người ta không hiểu biết nhưng vẫn muốn đạt mục tiêu thì người ta nói láo. Khi nói láo của một cá nhân được nhân rộng lên nhiều lần, cùng với sự ngu dốt lây lan như dịch cúm gà, thì láo khoét và ngu dốt trở thành hiện tượng xã hội được chấp nhận ở cấp quốc gia.

Các thanh niên iCMS đã thiếu thành thật khi nhận mình sáng tạo ra một công cụ điện tử do nước ngoài làm ra. Sự thiếu trong sáng của họ sẽ không thành vấn đề, sẽ bị nói rõ nếu xã hội có một tầng lớp thực sự hiểu biết, và quan trọng là có ảnh hưởng lớn, thí dụ một viện nghiên cứu khoa học uy tín và độc lập. Không may cho một Việt Nam thời hiện tại là không có một viện hay một cơ quan học thuật nào trong đó những người thực tài có quyền hành. Vì vậy sự láo khoét nghiễm nhiên được đặt trên bệ phóng của sự ngu dốt một cách thuận lợi. Người nói láo hay một tập thể nói láo, với một môi sinh tốt đẹp như vậy (hệt như vi trùng gặp điều kiện ẩm ướt sinh sôi nảy nở vô tội vạ), đã không biết là họ nói láo, hoặc biết mình láo nhưng cũng biết không sao cả. Láo khoét lâu ngày thành thói quen, thành một tiêu chuẩn mà các nhà xã hội học phương Tây gọi là norms — những hình thức được xã hội mặc nhiên công nhận.

Sự ngu dốt được chứng minh qua các đơn đặt hàng của cơ quan nhà nước mua sản phẩm của nhóm iCMS. Không phải vì đó là hàng Việt Nam, mà rõ ràng họ không hề biết loại sản phẩm này đã bán đầy thị trường nước ngoài. Họ tưởng CMS là của Việt Nam, do Việt Nam làm ra, một thứ trí tuệ độc quyền. Việc các ủy ban nhân dân yêu cầu nhóm iCMS "khảo sát và trình dự án phát triển hệ thống thông tin," ngoài việc do không hiểu biết mà ra, còn có một lý do là có dự án thì mới có tiền. Đó là chuyện dài tham nhũng, sẽ nói ở nơi khác. Điều chúng ta thấy rõ ở đây là những người ngồi trong ủy ban nhân dân (Hải Dương và Hà Tây), cơ quan thi hành chủ trương hiện đại hóa công nghiệp hóa, là những vị có kiến thức zero về "ngành mũi nhọn," nói theo chữ của chính phủ. Họ không biết chỉ cần bỏ ra 250 đô là có một sản phẩm CMS (có giấy phép đàng hoàng chứ không cần phải ăn cắp vặt), một sản phẩm đáp ứng mọi "nhu cầu của ngành mũi nhọn." Họ là tiêu biểu của cái bệ phóng, của cái nền thiếu kiến thức, trên cái nền đó, sự láo khoét nhởn nhơ chơi đùa.

Ngu dốt thật ra là một hiện tượng chứ không phải là bản chất, vì vậy rất dễ trị. Ngu dốt đồng nghĩa với sự thiếu thông tin. Thiếu thông tin con người trở nên hồ đồ, không biết phán xét, hoặc phán xét ù ù cạc cạc. Khi những người chống độc tài và chống cộng sản nói người cộng sản ngu dốt thì họ đã chủ quan. Trong guồng máy độc đảng Việt Nam, ưu tú nhất là bộ phận nắm giữ thông tin, thí dụ tình báo hay công an. Họ là những người biết nhiều, nhạy bén, vì họ nắm giữ thông tin. Đáng tiếc là sự hiểu biết, nhạy bén và sắc sảo của họ xuất phát từ động cơ ích kỷ, giống như một người thầy giỏi nhưng lại dấu nghề, không muốn chia sẻ sự hiểu biết của mình với ai, cho nên đời sống vẫn dậm chân tại chỗ vì sự hiểu biết của họ không ích lợi cho ai, trừ chính bản thân họ.

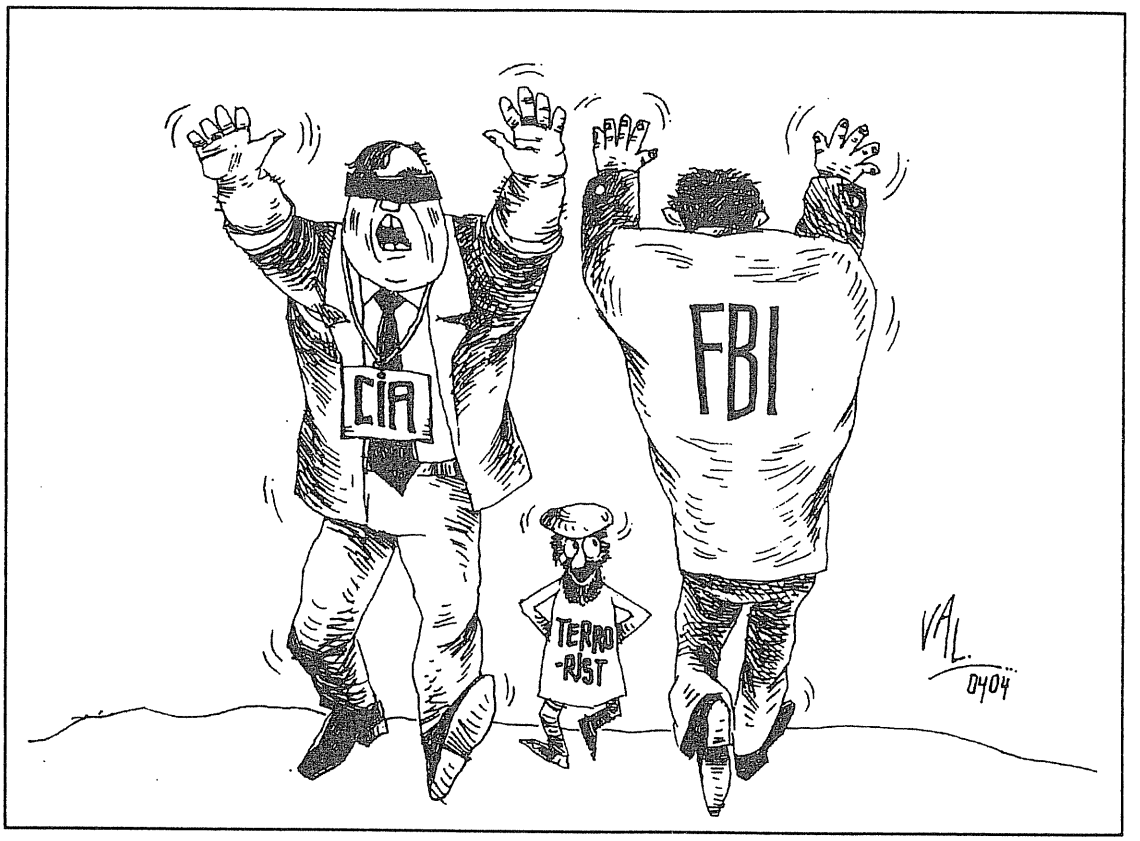

Cái ví dụ về hai ủy ban nhân dân đặt đơn khảo sát thông tin là minh chứng rõ ràng về sự thiếu thông tin. Đó là nghịch lý, họ muốn "phát triển hệ thống thông tin" nhưng không biết gì về nó, cho nên ngơ ngơ ngẩn ngẩn, vừa gây thiệt hại ngân sách mà đáng lẽ ra chỉ một cú điện thoại là giải quyết xong việc, vừa tạo điều kiện phát huy sự láo khoác.

Nhưng đó là quả của cái nhân nuôi dưỡng ngu dốt, tức kiểm soát thông tin, để tồn tại, để guồng

máy sống còn. Bản chất siêu việt nhất của chế độ cộng sản là kiểm soát thông tin tối đa. Đây là vấn đề thứ ba, phản ảnh qua việc chọn phần mềm "Hệ thống quản trị nội dung" (thông tin) để trao giải Nhất cuộc thi Trí tuệ Việt Nam.

Tôi nhớ một chi tiết hôm xem lễ trao giải được truyền hình trực tiếp. Khi nghe đọc tên nhóm trúng giải, đề tài và lời giải thích sản phẩm trúng giải, anh tôi la lên: "Thấy chưa, nó trao giải Nhất cho Quản lý nội dung thông tin. Hừm!" Tiếng la của anh đã gợi ý cho tôi viết bài này.

Đó là buổi trao giải nhiều ý nghĩa. Nó mang tên là "Trí tuệ Việt Nam." Giải nhất là "Kiểm soát thông tin." Người trao giải là Ủy viên Bộ Chính trị kiêm Trưởng ban Tư tưởng và Văn hóa Trung ương.

Đầu não tinh túy nhất của nhà cầm quyền đã chọn việc kiểm soát thông tin làm trí tuệ Việt Nam.

Nếu đồng ý ngu dốt là thiếu thông tin và do thiếu thông tin, thì họ đã muốn lấy ngu dốt làm sách lược trị nước.

Điều này chắc không cần chứng minh với những người may mắn đang ở các nước dân chủ. Nhưng nó cần phải nói ra, và nói nhiều, với rất nhiều người trong nước.

Họ, nhà cầm quyền, đã dồn rất nhiều tiền của để bịt chặt những cổng tin tức bất lợi cho chế độ. Nhiều tiền của là bao nhiêu? Lại không ai biết được trừ họ - vì họ cũng bít luôn cái thông tin mà người dân của nước dân chủ nào cũng biết, đó là chính phủ chi tiêu gì, chi cho việc gì, đã dùng tiền người đóng thuế ra làm sao.

Tất cả các phiên tòa xử những người chiến đấu vì dân chủ đều không được thông tin. Những cuộc bắt giam những người yêu dân chủ cũng làm trong lén lút. Nếu phải thông tin trong trường hợp không thể giấu thì họ dựng đứng những chuyện mà một người lương thiện trung bình không ai làm.

Các cổng thông tin internet — ngành mũi nhọn trong mục tiêu mà Đảng đề ra là đến năm 2020 đưa Việt Nam "cơ bản" thành một nước công nghiệp hóa hiện đại hóa, có những tin tức về nhân quyền và dân chủ, đều bị tường lửa chận đứng.

Nhà nước mà rất nhiều bạn thanh niên Việt Nam yêu quý, đã kêu gọi phát triển công nghệ thông tin, nhưng đồng lúc bắt giam những người gửi điện thư thông báo về tình hình đất nước.

Những người trẻ Việt Nam, những sinh viên Việt Nam thông minh và đầy sức sống, đã hào hứng tham gia cuộc thi Trí tuệ Việt Nam, đã không biết rằng tài năng và nhiệt tình tri thức của họ đang bị lợi dụng một cách có hệ thống.

Thời chiến tranh, hào quang giải phóng và thống nhất đất nước đã đưa triệu thanh niên ra chiến trường, kể cả thiếu niên cũng bị xúi làm đuốc sống. Đó là tội ác vì theo luật, ngay cả luật pháp Việt Nam hiện hành, cũng xử tù những người xúi trẻ vị thành niên làm bậy, thí dụ cầm dao hay cầm súng giết người. Ấy vậy nhưng dưới sự bưng bít và làm thông tin, những trẻ vị thành niên như Lê Văn Tám trở thành anh hùng, trong khi sự thực là em bé Lê Văn Tám bị cả một guồng máy xúi bậy. Em đang ở tuổi vị thành niên. Em chưa biết đúng sai.

Mục tiêu là để xây dựng và bảo vệ một nhà cầm quyền độc tài.

Nay là thời hòa bình và thời đại thông tin, những thanh niên trí thức lại bị xúi làm những phần mềm để... kiểm soát thông tin!

Mục tiêu là để xây dựng và bảo vệ một nhà cầm quyền độc tài.

Trí tuệ trẻ Việt Nam đã trở thành một công cụ không đáng giá mấy trăm đô.

Trí tuệ trẻ Việt Nam đang thành hình gồm các tính chất của kẻ ăn cắp vặt.

Trí tuệ trẻ Việt Nam đang tự hãnh diện với tài năng lượm lặt của kẻ bần cùng trí thức.

Trí tuệ trẻ Việt Nam tự hào với khả năng hốt rác làm thành vương miện đăng quang trên đỉnh cao của một ngôi nhà đóng kín cửa.

Chúng ta đang chứng kiến một xã hội mà bất lương và lưu manh đang được ươm trồng và tưới bón bằng sự ngu dốt.

Nói như thế không phải phủ nhận một sự thật khác, đó là có nhiều, rất nhiều người trẻ tuổi Việt Nam tài ba, không những tài ba mà rất tài ba, trong nhiều lĩnh vực. Và riêng lĩnh vực công nghệ thông tin, không thiếu những người có khả năng ở tầm vóc quốc tế. Họ biết tất cả những chuyện láo khoét đó, biết tất cả những mánh lới trộm cắp sở hữu trí tuệ của nước ngoài đó, biết tất cả những trò hề trao giải như trong cuộc thi mệnh danh là "Trí tuệ Việt Nam." Nhưng họ là những người không có tiếng nói, vì nhiều lý do, kể cả lý do không chịu nói.

Có thể có hy vọng gì chăng về đất nước, khi bất lương và ăn cắp vặt đang lan từ thế hệ trước xuống tầng lớp trẻ, và gom sự lây lan ấy thành một khối thống nhất, được biểu dương, được đánh bóng như một mẫu mực thời đại, dưới cái tên "Trí! Tuệ! Việt! Nam!"

Mẹ mìn và bản Nghị Quyết không đầu

Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều.
Ca dao

Sau khi ông Phạm Văn Đồng qua đời, chủ tịch Hồ Cầm Đào và thủ tướng Chu Dung Cơ đều đã gửi điện văn chia buồn - với những lời lẽ vô cùng thống thiết và thắm thiết: "Ông là một người bạn kỳ cựu của nhân dân Trung Hoa, người đã có nhiều nỗ lực quí giá trong việc nâng cao tình hữu nghị Hoa - Việt", và " sự ra đi của Đồng Chí Phạm Văn Đồng là một mất mát lớn lao cho Đảng Cộng Sản cũng như cho toàn thể nhân dânViệt ("the death of Comrade Pham Van Dong is a huge loss to the CPV and the Vietnamese people." Chinese Leaders Mourn Death of Pham Van Dong" (**http://fpeng.peopledaily.com.cn/200005/03/eng20000503_40159.html**).

Nói tình ngay thì sự mất mát này không lớn lao gì cho lắm, và cái chết của ông Đồng cũng không hề để lại sự buồn phiền, nuối tiếc (hay hậm hực) cho bất cứ ai - ngoài ông Bùi Tín. Ông Phạm Văn Đồng, rất có thể, đã không đột ngột "chuyển sang từ trần" - nếu vào lúc cuối đời, ông ấy không phải đối diện với một câu hỏi (khó) như sau: *"Xin thủ tướng cho biết ý kiến về sự kiện thuyền nhân hồi 1975, nhất là hồi 1978, 1979... Về nguyên nhân và trách nhiệm trong những sự kiện ấy, với những hiện tượng bán bãi thu vàng và khá nhiều tầu, thuyền bị hải tặc bão tố và chìm trọng đại dương... Là người đứng đầu chính phủ, một trong những người lãnh đạo cao nhất của đảng cộng sản, thủ tướng nhìn nhận ra sao trách nhiệm của mình trong cuộc di dân rộng lớn và bi thảm ấy?"* (*Bùi Tín,"Hai Câu Hỏi Cần Trả Lời Rõ Ràng Trước Khi Thế Kỷ 20 Khép Lại," Cánh Én,* Feb.1999:05).

Thế kỷ hai mươi đã khép lại, ông Phạm Văn Đồng đã (cương quyết) lìa đời, và vấn đề ông Bùi Tín đặt ra được kể như ... xù! Qua đầu thế kỷ hai mươi mốt, những kẻ ra đi (và còn sống sót) "trong cuộc di dân rộng lớn và bi thảm ấy" được ông Nông Đức Mạnh (vị đương kim Tổng Bí Thư của Đảng CSVN) ân cần và thân ái gửi thư chúc tết. Trong bức thư này, bằng những lời lẽ hết sức trân trọng và quí mến, ông mô tả họ như là "khúc ruột xa ngàn dặm của tổ quốc," và là "một bộ phận không thể tách rời của dân tộc" - theo như tường thuật của báo *Nhân Dân*, số ra ngày 2 tháng 5 năm 2002.

Trí nhớ của ông Nông Đức Mạnh, rõ ràng, không được tốt. Và có lẽ vì thế nên gần đây có dư luận cho rằng đương sự sắp bị mất việc. Người thay thế ông Mạnh là ông Phan Diễn.

Ông Phan Diễn hiện là Ủy Viên Bộ Chính Trị, Thường Trực Ban Bí Thư Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam, và cũng chính là người đã ký nghị quyết số 36-NQ/TƯ về "Công Tác Đối Với Người VN Ở Nước Ngoài" - vào ngày 26 tháng 3 năm 2004 vừa qua. Bản nghị quyết này gồm 3.791 chữ nhưng không có một chữ nào - nửa chữ cũng không - đề cập đến nguyên do sự có mặt của gần ba triệu người Việt Nam, đang sống lưu lạc và tứ tán khắp năm Châu. Cứ như thể là khi khổng khi không, họ (bỗng) từ trên trời rớt xuống (tùm lum, tùm la) khắp cả địa cầu vậy. Trí nhớ của ông Phan Diễn, xem ra, cũng không tốt gì cho lắm.

Sự quên lãng (đáng tiếc) này đã gặp phải phản ứng dữ dội của mọi tầng lớp người Việt tị nạn, ở tất cả mọi nơi. Ngay sau khi N.Q. 36 được phổ biến, ông Ngô Nhân Dụng, một người Việt tị nạn hiện đang cư ngụ ở California, đã gọi đó là "tác phẩm" của những kẻ lưu manh và vô học ("Vô Học Và Lưu Manh," *Người Việt,* 01 Apr. 2004:A1).

Ông Trần Khải - một người tị nạn khác, cũng ở California - coi việc ban hành nghị quyết 36 như một hành động tuyên chiến của nhà đương cuộc Hà Nội đối với tập thể người Việt ở hải ngoại, và ông thiết tha kêu gọi mọi người... lâm chiến:

"Với Mặt Trận Kiều Vận đang nổ ra khắp hải ngoại, mọi thành bại của cuộc chiến nhân quyền và dân chủ sẽ hoàn toàn tùy thuộc vào đồng bào. Không chế độ nào, dù là nhà nước Hà Nội hay

Washington, có thể làm im tiếng những người dân chủ. Và chỉ đồng bào sẽ quyết định thành hay bại ở mặt trận dân chủ mà giới trí thức quốc nội đã mở ra...

Sau này con cháu chúng ta nếu vẫn còn nhìn thấy Việt Nam nằm trong danh sách vài con khủng long cộng sản sót lại ở địa cầu, đàn hậu tấn sẽ hỏi là ba mẹ đã làm gì cho nền dân chủ và tự do của đất nước. Hãy sửa soạn câu trả lời cho ngày đó. Xin đừng bỏ rơi những người đang bị truy bức ở quê nhà." ("Xin Năn Nỉ Đồng Bào," *Việt Báo*, 04 Apr. 2004:A1)

Còn ông Việt Hoàng, từ Moscow, đã bầy tỏ ý kiến như sau: "*Nơi lý tưởng nhất, hạnh phúc nhất để sinh sống đó chính là Quê hương VN ! Không một Việt kiều nào muốn rời bỏ Tổ quốc để ra đi ! Tha phương cầu thực! Đất khách quê người ! Vậy tại sao gần 3 triệu người VN chúng ta lại chọn giải pháp đó ? đã có bao giờ ĐCSVN tự chất vấn lương tâm, tự đặt cho mình câu hỏi đó chưa ? Nếu chưa thì hãy tổ chức một Hội thảo cho rõ ràng cái đã , rồi hãy ra nghị quyết này , nghị quyết nọ cho Việt kiều* ("Đôi Lời Về Nghị Quyết 36" http://www.ykien.net/dhs22.html).

Cứ theo như ý kiến vừa nêu của ông Việt Hoàng và câu hỏi của ông Bùi Tín (về trách nhiệm của việc bán bãi thu vàng, đẩy cả triệu người dân vào giông bão và vào tay hải tặc) thì N.Q. 36 (dường như) thiếu hẳn phần đầu. Nó "quên" đề cập đến bối cảnh và nguyên do sự có mặt của của mấy triệu người Việt tị nạn trên toàn thế giới. Và do sự thiếu sót căn bản này, nhiều nhận định (cũng như giải pháp mà nghị quyết này đề cập đến) hoàn toàn không phù hợp với thực tế ở nước ngoài - như đã được phản ảnh qua ý kiến của nhiều người khác.

Xin đan cử một thí dụ. Ở trang thứ nhất, bắt đầu từ dòng thứ 30, N.Q 36 có nhận định như sau về những cộng đồng người Việt ở hải ngoại:

"*Còn thiếu những biện pháp duy trì, phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc; việc giữ gìn tiếng Việt và bản sắc dân tộc trong thế hệ trẻ còn khó khăn. Nhu cầu giao lưu văn hoá giữa cộng đồng với đất nước, giữ gìn và phát triển tiếng Việt trong cộng đồng là rất lớn và trở nên bức thiết song chưa được đáp ứng.*" http://www.laodong.com.vn/pls/bld/display$.htnoidung(46,96843).

Ông (hoặc bà LTC), một người tự giới thiệu mình là một Việt Kiều, đã nhiều lần về thăm Việt Nam từ năm 1990 đến nay, đã phản đáp rằng:

"Thanh thiếu niên Việt Nam ở nước ngoài có rất nhiều lý do chính đáng để từ chối biện pháp "giao lưu xuất khẩu một chiều" từ trong nước đưa ra những truyền thống chạy chức, chạy quyền, chạy dự án, chạy tội; truyền thống quan liêu, cửa quyền, tham nhũng; truyền thống bảo kê tội phạm có tổ chức; truyền thống rút ruột ngân sách; truyền thống cung cấp và xử dụng bằng giả; truyền thống ăn chận tiền cứu trợ, truyền thống buôn lậu và bao che buôn lậu, và nhất là truyền thống dâng đảo rôi cắm mốc đất giao cho ngoại bang... Những truyền thống đó không có đất đứng trong xã hội văn minh, pháp trị."

"Điều đáng làm nhất phải chăng là nỗ lực tự xoá những mặc cảm truyền thống đang có và hãy giáo dục các đại sứ, lãnh sự từ bỏ các hành vi làm ô nhục đến quốc thể như mò sò hay sờ mông phụ nữ, trước khi đề cập đến biện pháp duy trì và phát huy truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc cho giới thanh thiếu niên Việt Nam ở nước ngoài?" ("Mặc Cảm Của Việt Kiều?" http://www.mylinh.us/diendan/index.php?act=ST&f=13&t=318&s=22a0f3ff7bcf231d78d7d75f68d53430).

Xin đan cử một thí dụ nữa. Một trong năm nhiệm vụ chủ yếu mà N.Q. 36 đã đề ra là *"Tích cực đầu tư cho chương trình dạy và học tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài, nhất là cho thế hệ trẻ. Xây dựng và hoàn chỉnh sách giáo khoa tiếng Việt cho kiều bào, cải tiến các chương trình dạy tiếng Việt trên vô tuyến truyền hình, đài phát thanh và qua mạng internet. Cử giáo viên dạy tiếng Việt tới những nơi có thể để giúp bà con học tiếng Việt. Tổ chức trại hè nói tiếng Việt cho thanh, thiếu niên người Việt Nam ở nước ngoài."* Theo phúc trình của Vietnam Investment Review (ngày 10 tháng 5 năm 2000) thì "trong số 2.291 trẻ em bị bắt vì hành nghề mãi dâm ở Svay Pak, ngoại ô Phnom Penh, có đến 78 phần trăm là người Việt. Và theo NBC News (qua một phóng sự truyền hình có tên là "Children For Sale", được phổ biến lần đầu vào 23 tháng 1 năm 04) thì nhiều bé gái Việt Nam hiện đang bán dâm (khẩu dâm)ở Nam Vang chỉ vào khoảng 5 hay 6 tuổi.

Với những đứa bé thơ này, tôi trộm nghĩ, việc *"tích cực đầu tư cho chương trình dạy và học tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài, nhất là cho thế hệ trẻ ..."* (e) không có lợi. Thay vào đó, Đảng cần cử giáo viên dậy ngoại ngữ - tiếng Anh, tiếng Pháp, hoặc tiếng Hoa, tiếng Thái, với loại sách giáo khoa soạn riêng- cho tụi nhỏ dễ

dàng "tiếp khách," để có thêm thu nhập. Như thế, mới đúng là "phát huy sự đóng góp của kiều bào vào công cuộc phát triển đất nước" - theo như nguyên văn (và theo đúng tinh thần) của N.Q. 36.

Tôi tin rằng tất cả những con dân Việt Nam lưu lạc đều đau đáu nhìn về quê mẹ, và mọi người (kể cả đứa bé lên ba) đều biết rõ ai là "mẹ mình" và ai là ... "mẹ mìn."

ĐI RA ĐI VÀO VÀ ĐI LUÔN (BIS)

*Trên Cao Nguyên, đồng bào Thượng đã bất khuất, can đảm đứng dậy mặt đối mặt đấu tranh chống nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam, đòi cho bằng được **TỰ DO, DÂN CHỦ, và NHÂN QUYỀN**. Xin đồng bào ở Đồng Bằng trong nước và ở Hải Ngoại hãy nhiệt tình ủng hộ, và mạnh mẽ tiếp tay cùng đồng bào Thượng trong cuộc đấu tranh chung này. Kinh Thượng đoàn kết, keo sơn gắn bó, chúng ta nhất định phải toàn thắng.*

Y Tin Hwing (Little Saigon ngày 18, tháng 4, 2004)

Trăm năm trong cõi người ta
Ở đâu cũng được đi ra đi vào
Xa xôi như xứ Bồ Đào
Người ta cũng được đi vào đi ra
Đen đủi như An-Go-La
Người ta cũng được đi ra đi vào
Chậm tiến như ở nước Lào
Người ta cũng được đi vào đi ra
Chỉ riêng có ở nước ta
Người ta không được đi ra đi vào

Những câu "ca dao tân thời" vừa dẫn, tôi được nghe từ Lê Đình Điểu - khi ông ấy mới từ Việt Nam sang, và chúng tôi đang trên đường đi Sacramento (thủ phủ của tiểu bang California) để đưa ông Bình Nguyên Lộc đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Thuở ấy, chúng tôi đều còn trẻ nên đi đưa ma mà chả đứa nào buồn. Cả lũ đều cười sằng sặc khi nghe hai câu cuối:

Chỉ riêng có ở nước ta
Người ta không được đi ra đi vào!

Và từ cái "thuở ấy" đến nay, thấm thoát, đã suýt xoát hai mươi năm chẵn. Biết bao nhiêu là nước mắt, nước máy, nước mưa, nước sông, nước suối, nước rãnh... đã (ào ào) chẩy qua cầu và qua cống. Lê Đình Điểu không còn nữa. Những câu ca dao tân thời (thượng dẫn) cũng không "trụ" được với thời gian, và đã trở nên... lỗi thời - ít ra là phân nửa.

Ở nước ta, bây giờ, tuy đi ra vẫn còn bị ngăn cấm và kết tội là "vượt biên trái phép" nhưng đi vào thì (vô cùng) thong thả và được nồng nhiệt đón chào - theo như tường thuật của báo *Nhân Dân*, số ra ngày 5 tháng hai năm 2002. Ngày hôm đó có hai "buổi gặp mặt thân mật giữa các vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước với kiều bào Việt Nam về thăm quê hương nhân dịp Tết Nguyên đán Nhâm Ngọ" ở cả Hà Nội lẫn Sài Gòn.

Tại Hà Nội, "những người có mặt rất phấn khởi và xúc động lắng nghe Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đọc bài phát biểu gửi toàn thể bà con Việt Kiều." Còn ở Sài Gòn, vẫn theo (nguyên văn) số báo vừa dẫn, phó thủ tướng Nguyễn Mạnh Cầm và bí thư thành ủy Nguyễn Minh Triết đã thay mặt đảng và nhà nước "bầy tỏ sự tin tưởng và mong muốn cộng đồng kiều bào Việt Nam ở nước ngoài - một bộ phận không thể tách rời của dân tộc - tiếp tục đóng góp nhiều hơn nữa, thiết thực hơn nữa vào quá trình xây dựng và phát triển đất nước."

Tôi có liếc qua tên tuổi của những vị lãnh đạo Đảng đến đón tiếp và chung vui với "bà con Việt Kiều" hôm 5 tháng 2 năm 2002, và đếm được đâu chừng vài chục mạng (toàn là cỡ Ủy Viên Trung Ương, cấp bộ trưởng trở lên). Đông thì chắc chắn là phải vui rồi.

Tôi chỉ hơi buồn chút đỉnh khi chợt nhớ tới bữa "đón tiếp" những người trở về, qua cửa khẩu Lệ Thanh, ở tỉnh Gia Lai. Không khí bữa đó, ngó bộ, không vui gì cho lắm. Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 16 tháng 3 năm 2002, có đề cập đến chuyện này bằng một mẩu tin ngắn ngủn - như sau:

"Ngày 15 tháng 3, tại cửa khẩu Lệ Thanh, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai, các cơ quan chức năng của tỉnh tiếp nhận 35 người vượt biên trái phép sang Cam-pu-chia trở về quê hương. Những người trở về vui mừng xúc động khi được trở về tổ quốc. Nhiều người khóc vì ân hận đã bị kẻ xấu lừa bịp. Họ bầy tỏ sự biết ơn với Đảng, Chính phủ."

"Những người trở về vui mừng xúc động" tới cỡ đó mà sao không thấy có vị lãnh đạo Đảng nào tới dự hết trơn hết trọi, cỡ huyện ủy hay xã ủy cũng không luôn. Cùng là dân "vượt biên trái

phép" như nhau, và ai cũng ra đi vì "nghe lời bọn xấu" (chỉ trừ mấy cái cột đèn không có tai nên mới ở lại) nhưng sao cái cách mà Đảng và Nhà Nước đón tiếp những người trở về tại Sài Gòn hay Hà Nội - rõ ràng - rộn ràng và đình đám hơn những kẻ nơi bản làng xa. Sao kỳ vậy há? Mà Cao Miên cũng là nước ngoài, chớ bộ?

Tôi không tin là có sự kỳ thị Kinh-Thượng trong vụ này. Tôi cũng không dám nghĩ là có sự đối xử phân biệt giữa "Việt Kiều" và "Thượng Kiều" ở nước ta đâu. Nghĩ như vậy (lỡ trật) mang tội chết mẹ, và đi cải tạo như không!

thì chuyện đón tiếp - không chừng- đã khác!

Và khác có chút xíu vậy thôi mà đã khiến cho cả đám mích lòng. Họ giận. Yàng ơi, ai mà dè đồng bào Thượng lại nhậy cảm quá Trời, quá đất như vậy chớ. Chín trăm lẻ năm (905) Thượng Kiều tạm trú ở Cao Miên (hồi đó) đã quyết định đi luôn, qua Mỹ. "*Most of refugees have already said they want to live in the United States*" - theo như tường thuật của ký giả Ker Munthit, thuộc hãng tin AP, gửi đi từ Ang Snuol (Cambodia), hôm 31 tháng 3 năm 2002.

Trong bản tin này, Ker Munthit cũng có ghi lại

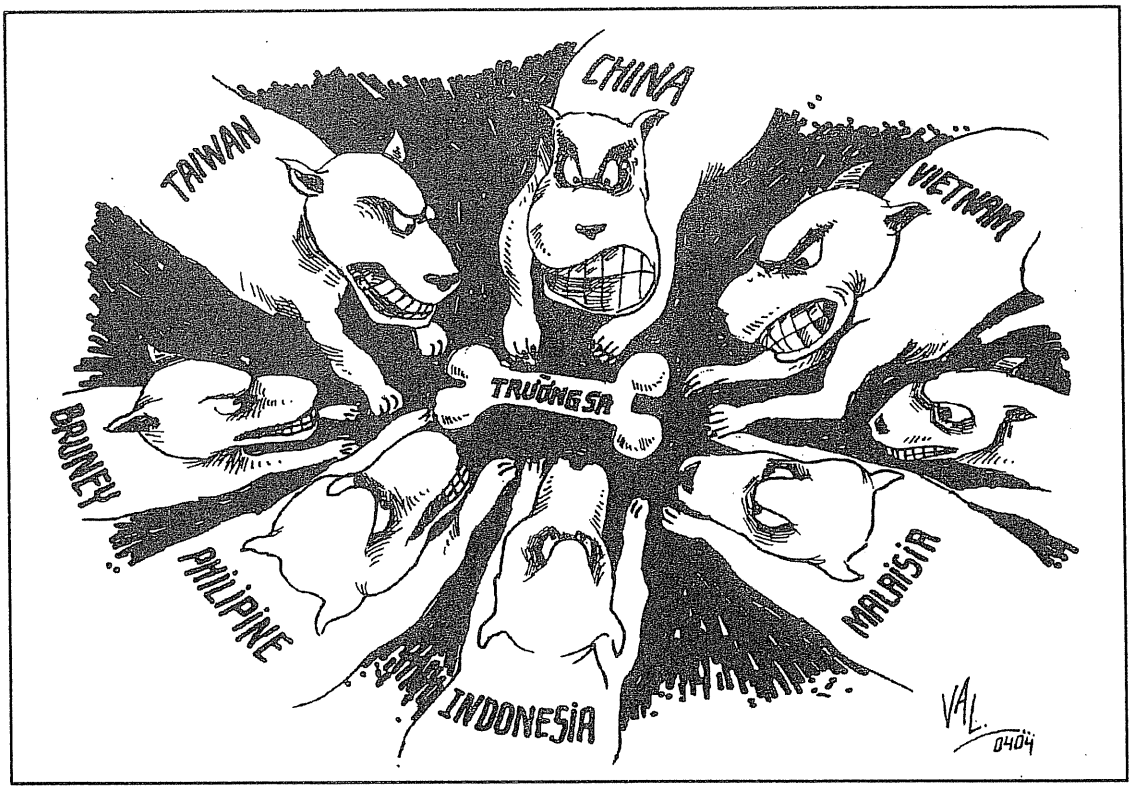

Do đó, tôi phỏng đoán, sự dị biệt (chả qua) là vì vấn đề phong tục. Thượng Kiều về không đúng lúc, không phải dịp Tết, vậy thôi. Tết mới vui chớ. Ngày thường, ai cũng bận thấy mồ tổ, đâu có "hưởn" mà lên tới tuốt Gia Lai để đón tiếp người về cho được.

Nếu không vì phong tục thì (có lẽ, tôi trộm nghĩ) cũng chỉ vì phong thổ mà thôi. Tại Thượng Kiều về không đúng chỗ mà. (*Wrong time and wrong place, too*). Thay vì đi bằng xe tải đến tỉnh Gia Lai, nếu họ dùng phản lực cơ, đáp cái ào xuống phi trường Tân Sơn Nhất (rồi lơn tơn đi vô cổng, với chút đỉnh tiền đô kẹp hờ trong *passport*)

lời tuyên bố của Hun Sen rằng "Cao Miên sẽ không tiếp nhận người tị nạn nữa. Từ đây về sau, "ai đến sẽ bị trả về", ráng chịu. ("*Whoever will come in the future will be sent back*")!

Ông Thủ Tướng nói vậy nhưng ông Quốc Vương thì nói khác, nghe tử tế hơn nhiều. Ngay sau khi xẩy ra biến động ở Tây Nguyên, vào đúng hôm lễ Phục Sinh năm 2004, ông Hoàng Sihanouk đã khẳng khái lên tiếng:" Hôm nay, tôi khẩn cầu Chính Phủ Hoàng Gia và Liên Hiệp Quốc bảo vệ những người dân Cao Nguyên này và sẽ không không bao giờ trục xuất họ hoặc để cho những kẻ bất hạnh đang tị nạn tại quê hương của chúng

ta bị trục xuất khỏi Cao Miên" *(Aujourd'hui, je supplie le G.R.C et l'O.N.U. de proteger ces Montagnards et de ne jamais expulser ou laisser expulser du Cambodge ces malheureux se refugiant chez nous"* (www.norodomsihanouk.info).

Tấm lòng của Quốc Vương Cao Miên rất rộng nhưng quyền hạn của ngài thì (dường như) không. "Đời vẫn vốn không nương người thất thế"! Thân phận của những kẻ cùng đường, vừa tìm đến được xứ Chùa Tháp, vô cùng bi đát - theo như tường thuật của đặc phái viên Lý Định Phát, thuộc đài RFA, vào ngày 19 tháng 4 năm 2004:

"Hệ quả từ cuộc đối đầu giữa 10.000 người Thượng với lực lượng an ninh, bộ đội Việt Nam trên vùng Tây nguyên vào ngày 10 tháng 4. Nay đã được thấy trên vùng biên giới Việt — Kampuchea.

Theo số báo tường thuật của Cambodia Daily sáng thứ hai 19 tháng 4 tại Phnompenh cho biết, Nhiều nhân viên của những tổ chức Nhân quyền hiện có mặt tại Tỉnh Mondolkiri nói vào hôm chủ nhật rằng: cảnh sát Tỉnh Mondolkiri đã hợp tác với cảnh sát và bộ đội biên phòng Việt Nam, bắt giữ và trục xuất 160 người Thượng, tại vùng ranh giới hai nước trong tuần qua. Và hiện nay họ đang tiếp tục truy lùng những người Thượng đang lẫn trốn.

Vẫn theo trích thuật của Cambodia Daily từ báo cáo của những tổ chức Nhân quyền: hiện nay cảnh sát và bộ đội Việt Nam tự do đi lại trên lãnh thổ Kampuchea, tại vùng giáp ranh với Việt Nam, nhằm săn tìm những người Thượng đang trốn chạy qua đất Chùa Tháp tìm tự do."

Cách đây chưa lâu, vào lúc 5 giờ 43 phút, chiều ngày 24 tháng 5 năm 2001, từ Phnom Penh, đặc phái viên của AFP cũng gửi đi một bản tin với nội dung (gần) tương tự: "Có thêm hàng tá người Việt thuộc sắc tộc thiểu số trốn tránh sự đàn áp của chính phủ ở cao nguyên trung phần đã được tìm thấy đang trốn tránh tại một vùng đất hẻo lánh phía đông bắc nước Cam Bốt, làm nẩy sinh sự quan ngại của quốc tế về số phận của họ (*Dozens of Vietnamese ethnic minority people fleeing a government crackdown in the central highlands have been found hiding in remote northeastern Cambodia, sparking growing international concern over their fate.)* Bản tin này cũng đề cập đến con số 89 người đã bị xua đuổi hay lùng kiếm ở Cam Bốt và một bức thư ngỏ của Cao Ủy Tị Nạn Quốc Tế gửi thủ tướng Hun Sen, thúc dục Nam Vang ngăn chận việc bắt người của Hà Nội. Bức thư cũng tố giác rằng "*Việt Nam đã làm cho vấn đề trở nên tệ hại hơn khi gửi công an qua biên giới để săn đuổi người tị nạn và bắt họ về nguyên quán." (Vietnam has made the problem worse by sending military police officials accross the border to hunt down refugees and bring them back to Vietnam).*

Vào thời điểm này, cộng đồng người Việt ở hải ngoại (phần lớn là những kẻ bị CSVN chèn ép đến mức độ phải bỏ chạy khỏi nước, và cũng từng tạm trú ở những quốc gia láng giềng như Cao Miên hoặc Thái Lan) đã không hề có một phản ứng nào về việc đồng bào của họ bị ngược đãi và săn đuổi.

Thảm kịch Tây Nguyên đang tái diễn. Thời gian, cũng như những thảm cảnh triền miên mà những người dân sơn cước phải ghánh chịu, đã đánh động và thay đổi tâm thức của mọi người dân Việt. "Bi kịch lương tâm" của tập thể người Việt tị nạn sẽ không tái diễn. Tôi hy vọng và tin tưởng như thế. Nếu không, dù ngày mai chủ nghĩa CS có vội vã bỏ đi (đi luôn, *of course*) vấn đề Tây Nguyên sẽ vẫn còn ở lại.

(April/02 – April/04)

Tìm đọc

LÁ RỤNG

của MẠNH BÍCH

Với tập **LÁ RỤNG**, Mạnh Bích kể lại một chuyện tình lâm ly bi đát, đầy nghịch cảnh và cũng tạo một dịp để độc giả suy tư: suy tư về thân phận đàn bà, «hồng nhan bạc mệnh, » suy tư về định mệnh của con người và suy tư về cách giải thoát khỏi vòng hệ lụy trần gian.

Nét độc đáo của cuốn **LÁ RỤNG** là tác giả đặt số phận con người vào trong sự vận chuyển của vạn vật trong vũ trụ bao la. Mỗi hành động, mỗi cử chỉ của con người đều lệ thuộc vào luật ngũ hành theo quan niệm Đông phương. Độc đáo hơn nữa, cuốn Lá Rụng cho tác giả một cơ hội để phân tích, nghiên cứu tâm linh con người theo phương pháp phân tâm hiện sinh của Tây phương.

Từ Trì

Mật Mã

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

Lệ Hằng với chí phục thù

Bây giờ nghĩ lại, họ đúng là một cặp ông Tây bà Đầm trẻ tuổi, hào hoa. Nhưng có một thời, nhiều người trong chúng ta đã ngày đêm nín thở theo dõi Đoan Hùng, chàng thám tử tài ba, vào sinh ra tử để tiễu trừ bọn gian trong truyện "Lệ Hằng với chí phục thù" (*). Tất nhiên ta cũng không thể quên được Lệ Hằng, người thiếu nữ kiều diễm, tài ba không kém, con nhà giầu, ngỗ nghịch (và, biết đâu đấy, trong thâm tâm nhiều chú nhỏ, bạn đọc phái nam, đã chẳng thầm ước sau này lớn lên cũng có được một Lệ Hằng làm của riêng cho mình!) Ngỗ nghịch ở đâu thì ngỗ nghịch, chứ với Đoan Hùng thì Lệ Hằng ngoan ngoãn như cô bé mới lớn đứng trước Humphrey Bogart, ai cũng biết là Lệ Hằng mê Đoan Hùng như điếu đổ.

Đôi khi Đoan Hùng phải đọc thư ngắn của Lệ Hằng viết bằng mật mã. Mà đã nói đến mật mã thì khuynh hướng rất tự nhiên nơi những chú bé mới lớn, nói một cách không thanh nhã cho lắm như tác giả David Kahn trong cuốn *The Code Breakers*, được coi như thánh kinh của mật mã (§), là tò mò muốn biết như thể "muốn nhìn xem có gì dưới váy các cô." Thật ra, thứ mật mã Lệ Hằng đã dùng rất giản dị, hạng xoàng, Đoan Hùng xoay ngang xoay dọc vài phút là giải mã được ngay. Ngày nay, Lệ Hằng vẫn xinh đẹp và tinh nghịch nhưng cô khôn lớn, sắc sảo hơn nhiều. Ta sẽ không ngạc nhiên thấy cô mặc quần *jean*, thắt lưng ngang xương hông để hở rốn, tóc lơ thơ xen lẫn thêm ít sợi nhuộm xanh hay đỏ, lái xe đua màu vàng chanh mui trần, có điện thoại lưu động, có máy vi tính cầm tay. Mật mã của cô cũng tân kỳ hơn vì ngày nay bọn gian nguy hiểm hơn. Cô có thể viết mật mã có lẽ không ai có thể giải mã được (xin đọc ở dưới) trừ người cô muốn cho đọc. Trong bức thư ngắn gửi Đoan Hùng dưới đây, theo tiêu chuẩn ngày nay thứ mật mã cô dùng tương đối yếu, thuộc loại đa tự (*polyalphabetic*, trong mật mã này một mẫu tự có thể được thay thế bằng nhiều mẫu tự khác nhau).

HRV ÂQ NƠĐMĐ ÂDÂ MÊT VĐÊH XEVP IƠ RU ƯIPS

Không may cho Đoan Hùng, anh bị mất chìa khóa giải mã vì máy vi tính bị bọn gian làm lụt với *virus*. Bạn đọc nào giải mã hộ được thì hay quá, xin mau mau gửi đến cho *Thế Kỷ 21*. Từ nay cho đến ngày 15 tháng 8 năm 2004, bạn đọc đầu tiên nào đọc giùm được thư giúp Đoan Hùng, tòa soạn sẽ rất vui lòng gửi tặng một năm báo. Trong mật mã, Lệ Hằng dùng bảng chữ cái tiếng Việt gồm 29 chữ cái: a, ă, â, b, c, d, đ, e, ê, g, ... nhưng không dùng năm dấu sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng; đủ tốt để không đến nỗi đọc người đàn bà "đảm đang" thành người đàn bà "dâm đãng" (nguoi dan ba dam dang). Tất nhiên bài viết này cho bạn đọc đủ tài liệu để ít nhất bắt đầu việc giải mã.

Lược qua mật mã

Vậy mật mã là gì? Trong tiếng Anh chẳng hạn, người ta phân biệt khá tỉ mỉ cipher, code, crypto v.v. Ta định nghĩa một cách đơn giản, mật mã là một hệ thống thông tin riêng tư giữa hai cá nhân, hai tổ chức... Tuy không được bao gồm trong định nghĩa này, ngành khảo cổ nghiên cứu đọc những cổ tự như cổ tự Ai Cập cũng là một phần rất quan trọng và rất khó trong mật mã. Mật mã có thể rất giản dị hay cũng có thể đòi hỏi một trình độ về toán học, nhất là mật mã ngày nay.

Mật mã có một lịch sử dài và phong phú. Đi ngược dòng lịch sử, Herodotus kể lại những cuộc xung đột giữa Hy Lạp và Ba Tư vào thế kỷ thứ 5 trước Thiên Chúa. Theo Herodotus, nhờ nghệ thuật viết bí mật mà Hy Lạp không bị chinh phục bởi Xerxes, Vua của những vị Vua, nhà độc tài bạo ngược Ba Tư. Trong chuyện này, Demaratus đã thông tin, khuyến cáo người Spartan về ý định của Xerxes bằng cách viết tin tức vào những miếng gỗ rồi dùng sáp phủ lên trên. Herodotus

kể một chuyện khác về cách viết bí mật để dấu tin tức. Muốn khuyến khích Aristagoras ở Miletus nổi loạn chống lại vua Ba Tư, Histaiaeus đã cho cạo đầu người đưa tin, viết trên da đầu người đó những chỉ thị của mình, rồi chờ cho tóc mọc lại trước khi gửi sứ giả đi. Nghệ thuật viết bí mật tiến bộ với thời gian: người Tầu viết trên lụa, người Ý dùng phèn hòa tan trong dấm viết trên vỏ quả trứng đã luộc chín để chữ viết sẽ hiện ra ở lòng trắng bên trong, v.v. Gần đây hơn, điệp viên Đức trong Đại Chiến Thứ Hai chụp ảnh cả trang giấy và làm nhỏ đi thành một cái chấm – *microdot*.

Một trong những mật mã rất cổ là mật mã Caesar, tên loại mật mã đơn tự (monoalphabetic) trong đó một mẫu tự được thay thế bằng một mẫu tự hay một dấu hiệu khác. Một thí dụ về mật mã Caesar: di chuyển bảng chữ cái ba bước về phía trước, do đấy a -> D, b -> E, c -> F, v.v. Trong thí dụ này, nếu nguyên bản là *"veni, vidi, vici"* thì bản được mã hóa sẽ là *"YHQL, YLGL, YLFL"*, tương đối dễ giải mã.

Một mật mã khác thuộc loại đa tự (polyalphabetic), nổi tiếng rất lâu là mật mã không thể giải mã được, *le chiffre indéchiffrable,* gọi là mật mã Vigenère (Blaise de Vigenère, nhà ngoại giao Pháp sinh năm 1523). Trong mật mã này, một mẫu tự có thể được thay thế bằng nhiều mẫu tự khác nhau, tùy theo một chìa khóa đã được chọn từ trước. Để mã hóa một tài liệu, việc trước tiên là lập một bảng gọi là hình vuông Vigenère. Dùng cho bảng chữ cái tiếng Anh gồm 26 mẫu tự, hình vuông Vigenère có 26 dòng (và 26 cột), mỗi dòng là bảng mật mã Caesar di chuyển một bước về phía trước. Dưới đây là vài chữ cái ở góc trái trên cùng.

```
Nguyên bản:   a b c d e . . .
-------------------------
1             B C D E F . . .
2             C D E F G . . .
3             D E F G H . . .
4             E F G H I . . .
5             F G H I J . . .
.             . . . . . . . .
26            A B C D E . . .
```

Một chữ cái ở nguyên bản có thể được thay thế bằng bất cứ chữ cái nào cùng một cột trong những dòng ở dưới, tùy theo chìa khóa đã chọn. Thí dụ muốn mã hóa nguyên bản "meet me at sears" với chìa khóa đã được chọn trước, thí dụ CAFE. Ta viết chìa khóa CAFE trên nguyên bản, lập lại nếu cần. Để mã hóa, chữ của chìa khóa chỉ định dòng trong hình vuông Vigenère phải dùng; với chìa khóa CAFE, ta chỉ cần dùng bốn dòng: dòng 2 (C), dòng 26 (A), dòng 5 (F) và dòng 4 (E). Trong thí dụ, chữ "meet" được mã hóa thành OEJX vì chữ m tương ứng với chữ O ở dòng 2 (bắt đầu bằng chữ C), chữ e thứ nhất với chữ E ở dòng 26, chữ e thứ nhì với chữ J ở dòng 5, chữ t với chữ X ở dòng 4, vân vân.

```
Chìa khóa:   CAFE CA FE CAFEC
Nguyên bản:  meet me at sears
Bản mã hóa:  OEJX OE FX UEFVU
```

Sau Đại Chiến Thứ Hai, nhất là trong khoảng 30 năm trở lại đây, sự phát triển của mật mã đặc sắc về nhiều phương diện. Ngoài những phát minh cơ bản, câu chuyện phát triển mật mã còn là một câu chuyện đặc thù, rất Mỹ, và có lẽ chỉ có thể xẩy ra trên đất Mỹ. Đó là một câu chuyện về việc kiếm tiền, về sự hăng hái hiếu động; một câu chuyện thời nay với tinh thần "Bạn trẻ, hãy đi về Miền Tây" (Go West, young man) và về tinh thần tự do. Để tóm tắt, đó là một đụng độ lai rai suốt 30 năm giữa chính phủ và một số thường dân Mỹ nghiên cứu mật mã mà ta sẽ đọc trong những trang tiếp.

Mật mã ngày nay

Tuy phương pháp căn bản của mật mã ít thay đổi từ hơn hai nghìn năm nay, sự bành trướng của máy vi tính khiến cho việc chuyển mã tiện lợi và nhanh lên bội phần. Điện tử làm xáo trộn những chữ trong một bản văn hữu hiệu hơn cơ khí; một máy tính được lập trình như máy mật mã Enigma của Đức có thể mã hóa một văn bản dài trong nháy mắt. Rồi cũng nhờ máy vi tính mà hệ thống thông tin trở nên nhanh chóng.

Máy vi tính dùng hệ thống nhị phân. Trong hệ thống thập phân thường dùng, ta có mười số đơn, ký hiệu viết từ **0, 1, 2** cho đến **9**, để chỉ "mười" ta phải trở lại con số đầu **0** và viết **10**, rồi tiếp tục thêm một đơn vị cho những số lớn hơn để thành **11, 12, 13, ... , 19, 20, ... , 99, 100, 101,** ... Hệ thống nhị phân chỉ có hai số đơn gọi là ***bít***, ký hiệu viết **0** ("zero") và **1** ("một"), để chỉ "hai" ta đã phải trở lại con số đầu **0** và viết **10**, rồi tiếp tục thêm một đơn vị cho những số lớn hơn thành **11, 100, 101,** ... Mỗi con số được ký hiệu bằng một chuỗi những bít; chú ý nhận xét, ta sẽ thấy cách đếm và viết cũng tương tự như hệ thống thập phân (đáng lẽ từ 0 đến 9, ta chỉ có từ 0 đến 1), người quen mắt đọc khá dễ dàng, như vậy: "zero" = **0**, "một" = **1**, "hai" = **10**, "ba" = **11**, "bốn" = **100**,

"năm" = **101**, "sáu" = **110**, "bảy" = **111**, "tám" = **1000**, "chín" = **1001**, "mười" = **1010**, v.v.

Một thay đổi đáng kể khác là máy vi tính dùng để chuyển mã, xáo trộn những con số thay vì những chữ trong bảng chữ cái. Muốn mã hóa một văn bản, trước hết ta phải đổi nó sang một chuỗi những bít, được thực hiện dễ dàng nhờ một bộ mã gọi là ASCII (American Standard Code for Information Interchange), đọc là "ass-ki". Mỗi chữ trong ASCII được ký hiệu bằng 7 bít, thí dụ: A = 1000001, H = 1001000, N = 1001110 (trong hệ thống thập phân, trị giá của chúng là 65, 72 và 78).

Tuy ngày nay ta dùng máy tính và con số, phương pháp chuyển mã căn bản vẫn là chuyển vị (transposition) và thay thế (substitution) cổ điển. Hai thí dụ dưới đây cho thấy sự giản dị khi máy vi tính chuyển mã bằng phép chuyển vị và phép thay thế.

Thí dụ muốn mã hóa chữ ANH; dùng bộ mã ASCII, ta có

ANH = 1000001 1001110 1001000

Một trong những chuyển vị giản dị nhất là đổi chỗ giữa bít thứ nhất và thứ hai, giữa bít thứ ba và thứ tư, v.v. Vì chữ ANH có 21 bít nên bít cuối cùng không thay đổi; ta có kết quả sau:

Nguyên bản = **100000110011101001000**
Bản mã hóa = **010000110011010110000**

Bản mã hóa được gửi đi, người nhận chỉ việc chuyển vị đảo lại để có nguyên bản, và sau cùng dùng bộ mã ASCII để có lại chữ ANH.

Bây giờ ta thử dùng phép thay thế để mã hóa chữ ANH. Như thường lệ, sự thay thế căn cứ vào một *chìa khóa* đã được người gửi và người nhận đồng ý với nhau từ trước. Thí dụ chữ **CON** được chọn làm chìa khóa. Viết dưới dạng ASCII (**C = 1000011, O = 1001111, N = 1001110**) và được dùng như sau: nếu bít của nguyên bản (chữ ANH) và bít tương ứng của chìa khóa giống nhau, ta thay thế bít của nguyên bản bằng 0 trong bản mã hóa; trong trường hợp khác nhau, ta thay thế bằng 1.

Nguyên bản	**100000110011101001000**
Chìa khóa: CON	**100001110011111001110**
Bản mã hóa	**000001000000010000110**

Bản mã hóa được gửi đi, người nhận dùng chìa khóa đảo lại để có nguyên bản, và sau cùng dùng bộ mã ASCII để có lại chữ ANH.

Bàn tay "nhẫn nhụi"

Nói đến mật mã, ta nghĩ ngay đến những bí mật thâm u, độc quyền của chính phủ hay quân đội. Mã hóa bằng máy vi tính là độc quyền của những người có máy vi tính; tất nhiên vào buổi sơ khai của máy vi tính, cũng vẫn là chính phủ hay quân đội. Từ thập niên 1960, máy vi tính mạnh và rẻ hơn nên bắt đầu thịnh hành trong thương mại, được dùng để mã hóa những thông tin quan trọng như chuyển tiền hay trong các thương thuyết tế nhị. Vì càng ngày càng nhiều công ty mua máy vi tính, việc dùng mật mã lan rộng. Một trong những quan tâm quan trọng là ấn định một mật mã tiêu chuẩn. Một công ty có thể dùng một hệ thống mật mã nào đó trong thông tin nội bộ, nhưng không thể thông tin với một tổ chức khác không dùng cùng mật mã. Để giải quyết vấn đề, tháng 5 năm 1973, Văn Phòng Tiêu Chuẩn Quốc Gia Hoa Kỳ (National Bureau of Standards - NBS) kêu gọi đề nghị một mật mã tiêu chuẩn để các cơ sở thương mại (và mọi người khác) có thể thông tin một cách kín đáo với nhau.

Một trong những ứng viên tiêu chuẩn là một sản phẩm của IBM có tên là Lucifer. Người thiết kế Lucifer là Horst Feistel. Thật ra từ nhiều năm trước, Feistel đã chạy từ công ty này sang công ty khác, nghiên cứu việc thiết kế mật mã và luôn luôn đụng độ với Cơ Quan An Ninh Quốc Gia Hoa Kỳ (National Security Agency - NSA), một cơ quan mà đến ngay cả sự hiện hữu của nó cũng được coi là bí mật – NSA = No Such Agency là câu người ta hay nói đùa. NSA là cơ quan có trách nhiệm về an ninh truyền tin, muốn giữ độc quyền về mật mã, luôn luôn dàn xếp để chấm dứt dự án nghiên cứu của Feistel ngay khi còn trứng nước. Thập niên 1960, Feistel sang làm với Mitre Corporation nhưng cũng bị NSA làm áp lực chấm dứt luôn. Cuối cùng ông đến làm cho IBM, tại Thomas J. Watson Laboratory gần New York, yên thân được vài năm. Chính tại đây, Feistel đã phát triển Lucifer.

Chi tiết chính xác về sự xáo trộn một bản văn trong Lucifer thay đổi, phụ thuộc vào *chìa khóa* đã được đồng ý giữa người gửi và người nhận (như chữ CON trong thí dụ trên); tóm lại, người ta có thể mã hóa cùng một bản văn theo nhiều cách khác nhau, tùy theo chìa khóa đã chọn. Để mã hóa, ta gửi vào Lucifer chìa khóa và bản văn, Lucifer sẽ trả lại bản mã hóa. Để giải mã, người nhận gửi vào Lucifer cùng một chìa khóa và bản mã hóa, Lucifer sẽ cho lại nguyên bản.

Được coi là sản phẩm thương mại mạnh nhất, người ta trông đợi Lucifer sẽ được chấp nhận là

mật mã tiêu chuẩn. Nhưng không, một hệ thống được dùng bởi một số cơ sở là một chuyện; trở thành tiêu chuẩn quốc gia, nghiễm nhiên có tính cách toàn diện, là một chuyện hoàn toàn khác hẳn. Có lẽ Lucifer quá mạnh, hơn hẳn khả năng giải mã của NSA; lẽ tự nhiên NSA không muốn thấy một mật mã tiêu chuẩn, dùng bởi tất cả mọi người, mà họ khó hay không thể giải mã. NSA là một tổ chức trí tuệ, thiết kế mật mã hay giải mã, họ không loại trừ đối phương bằng cách, thí dụ như cầm ô bí mật đâm để bơm độc tố *toxin* vào chân đối phương. Bàn tay "nhẫn nhụi" của NSA xuất hiện, vận động mạnh mẽ để làm Lucifer yếu bớt đi trước khi được chấp nhận là tiêu chuẩn.

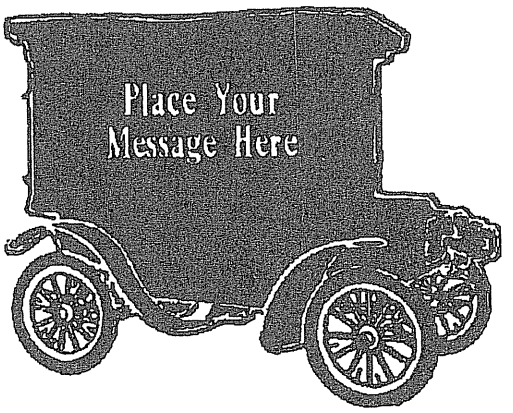

Số chìa khóa có thể có được trong một mật mã là yếu tố quyết định cho sức mạnh của mật mã ấy. Nếu một mật mã chỉ có chừng 1 000 000 chìa khóa khác nhau, người giải mã có thể dùng máy vi tính khỏe để tìm đúng chìa khóa trong khoảnh khắc; trái lại, nếu số chìa khóa quá lớn, tìm đúng chìa khóa theo phương pháp này trở nên không thực tiễn. Nếu Lucifer trở thành mật mã tiêu chuẩn, NSA muốn nó chỉ có một số chìa khóa giới hạn, chừng một trăm ngàn triệu triệu (100 000 000 000 000 000) chìa khóa khác nhau; con số này tương đương với chuỗi số gồm 56 bít trong hệ thống nhị phân. Nếu một máy vi tính có thể thử một chìa khóa trong một phần triệu của một giây thì muốn thử tất cả những chìa khóa này, máy phải mất hơn 2000 năm. Ta có thể giả dụ rằng với một số nhân viên lớn gồm những nhà toán học tài ba cùng phương tiện rộng rãi nhất thế giới chứa chất dưới hầm nhà ở Fort Meade, Maryland, trụ sở trung ương của NSA, NSA cảm thấy khá thoải mái với chìa khóa dài 56 bít (đọc đến đây, có lẽ bạn đọc cảm thấy bất an, nghĩ đến sự an toàn của con số PIN mình thường dùng để lấy tiền ở máy phát tiền tự động; con số PIN với bốn con số ta có tất cả 10 000 chìa khóa – *password* – khác nhau, từ 0000 đến 9999).

Sau mấy năm NBS tranh cãi với những người phản đối (nhiều người muốn chìa khóa dài 128 bít), trong số đó có Whitfield Diffie và Marty Hellman mà ta sẽ còn gặp ở dưới, Lucifer với chìa khóa 56 bít, gọi là Data Encryption Standard – DES – được chính thức chấp nhận ngày 23 tháng 11 năm 1976 là mật mã tiêu chuẩn của Hoa Kỳ (và có lẽ của nhiều nơi trên thế giới vì DES phụ thuộc vào chìa khóa).

DES - Lucifer mã hóa một tài liệu bằng cách chia nó thành từng nhóm, mỗi nhóm dài 64 bít, rồi dùng chìa khóa được cung cấp xáo trộn riêng biệt từng nhóm một 16 bước khác nhau, trước khi cho ra bản đã được mã hóa. Ngoài chìa khóa là bí mật riêng của người dùng, DES không chứa bí mật nào khác; chi tiết kỹ thuật của DES được công bố, in trong sách giáo khoa, phổ biến trên Internet và ai cũng có thể lấy hay mua được DES từ Internet. Phải nói ngay, vì lo ngại, người ta đã thử nghiệm rất kỹ trong suốt một phần tư thế kỷ nhưng DES vẫn chứng tỏ là một mật mã an toàn, khả tín.

Phân phối chìa khóa

Vấn đề tiêu chuẩn được giải quyết. Tuy vậy, vẫn còn một vấn đề khác quan trọng không kém, đó là việc phân phối chìa khóa. Tưởng tượng một ngân hàng ở Los Angeles muốn gửi một tài liệu đã được mã hóa cho khách hàng ở Tokyo, ngân hàng làm thế nào để gửi chìa khóa giải mã cho khách hàng? Điện thoại không phải là một phương tiện đáng tin cậy, dùng người thứ ba để trao đổi chìa khóa cũng là mắt xích rất yếu trong sự an toàn của thông tin.

Phân phối chìa khóa luôn luôn là một vấn đề nan giải trong lịch sử mật mã. Trong Đại Chiến Thứ Hai, Bộ Tham Mưu Đức hàng tháng điên đầu về việc phân phát sách in chìa khóa cho máy mật mã Enigma dùng mỗi ngày trong tháng. Rồi còn tầu ngầm bỏ túi U? Trong thập niên 1970, COMSEC (Communications Security) của chính phủ Mỹ cũng cực nhọc không kém, hàng ngày chịu trách nhiệm chuyên chở và phân phát cả tấn chìa khóa đi khắp nơi.

Vậy câu hỏi được đặt ra là: Có cách nào để hai người trao đổi chìa khóa bí mật mà không

cần phải gặp nhau hay không? Câu trả lời khẳng định cùng phương pháp thực hiện có lẽ là thành công quan trọng nhất về mật mã của thế kỷ 20, kể từ khi có mật mã.

Whitfield Diffie tốt nghiệp về Toán ở MIT vào năm 1965. Đầu thập niên 1970, anh đã tự mình trưởng thành thành một chuyên viên độc lập về an ninh điện toán, không làm cho chính phủ hay công ty lớn nào, một *punk* nguyên thủy về mật mã. Diffie bị ám ảnh về vấn đề phân phối chìa khóa, nguyên do một phần vì lúc đó Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ tài trợ nghiên cứu cho ARPANet, một mạng lưới máy vi tính có khả năng sống sót để hoạt động sau một cuộc tấn công bằng vũ khí hạt nhân. ARPANet trưởng thành để thành Internet như ta biết hiện nay.

Năm 1974, trong một buổi nói chuyện tại Thomas J. Watson Laboratory của IBM, Diffie bàn về các phương pháp trao đổi chìa khóa một cách hữu hiệu. Mọi người tỏ vẻ hoài nghi, duy có Alan Konheim nói, trước đó ít lâu, Martin Hellman, một giáo sư thuộc Đại Học Stanford ở California, cũng nói chuyện về phương pháp trao đổi chìa khóa. Diffie bèn lái xe, bắt đầu cuộc hành trình 5000 km sang Miền Tây để tìm gặp Hellman. Sự liên minh giữa Diffie và Hellman có lẽ là một chung phần hùn vốn năng động nhất trong lịch sử mật mã. Cho đến tháng 9 năm 1974, Hellman chưa bao giờ nghe thấy tên Diffie. Qua điện thoại, Hellman nhận lời gặp Diffie trong nửa giờ chiều hôm đó. Cuộc gặp gỡ nửa giờ kéo dài đến nửa đêm. Vì Hellman không có ngân sách cho nghiên cứu nên không thể thu nạp Diffie làm người cộng tác; Diffie bèn ghi tên làm sinh viên cao học.

Trong bài viết tựa đề "Số Nguyên Tố, Cách Mạng và Bịp Bợm," tôi có kể chuyện lấy đấu đong quân hay Hàn Tín điểm binh cùng chuyện mấy nhà khoa học Ấn gần đây kiếm ra thuật toán (algorithm) cho máy vi tính, dài mươi dòng, cho phép quyết định một con số nào đó có phải là số nguyên tố hay không (số nguyên tố là số chỉ có thể chia chẵn cho 1 và chính nó, thí dụ 2, 3, 5, 7, ...), một phát minh quan trọng khiến *New York Times* loan tin trên ngay trang nhất. Chuyện Hàn Tín điểm binh là thứ toán cổ do người Tàu tìm ra, ngày nay gọi là số học *modulo,* tương tự như khi ta đọc giờ trên mặt đồng hồ: sau 12, thay vì 13 ta có 1, thay vì 14 ta có 2. Lấy một con số chia cho 12, còn thừa bao nhiêu là con số đó *modulo* 12; do đấy ta viết 13 = 25 = 1 (mod 12). Vẫn theo định nghĩa này: 13 = 6 (mod 7) và 25 = 4 (mod 7). Số học *modulo* cùng số nguyên tố đóng một vai trò quan trọng trong mật mã hiện đại. Tất nhiên ta sẽ không làm toán trong bài viết này dù không khó cho lắm! Xét cho cùng, thí dụ muốn biết căn số của 3 là bao nhiêu, nếu cần lắm ta có thể tính bằng tay, nhưng việc gì mất công, với máy tính nhỏ cầm tay thường được biếu không, chỉ việc ấn nút số **3** rồi nút căn số **√** là ta được trị số 1.732. Vì vậy, nếu cần làm toán, bạn đọc chỉ cần ấn một cái nút, như kiểu nút tính căn số là đủ. Bạn đọc hiếu kỳ muốn biết thêm chi tiết có thể đọc thêm ở phần phụ chú.

Alice, Bob và Eve sống chung hòa bình

Trong mấy thí dụ về mã hóa ở trên, ta thấy muốn giải mã ta chỉ cần làm ngược lại những gì đã làm khi mã hóa: đó là những quá trình hoạt động hai chiều, thí dụ như khi mã hóa ta "nhân lên gấp đôi" để cho 3 thành 6, thì đến khi giải mã ta chỉ việc chia 6 cho 2 để được lại 3. Diffie và Hellman đi tìm trong toán học một quá trình hoạt động chỉ có một chiều, tương tự như cái rọ bẫy tôm cua của ta, đi vào được mà không đi ra được. Cho tiện việc sổ sách, ta gọi nó là cái máy một chiều, MMC: bỏ con số A vào máy, ấn cái nút MMC ta sẽ được con số B và không có cách hiển nhiên nào để kiếm lại con số A. Sau hai năm tìm kiếm, mùa xuân năm 1976, Hellman kiếm được cái máy đó. MMC có thể là một máy tính cầm tay nhỏ, đáng giá chừng 30 đô la mua ở tiệm đầu phố, trên đó nếu có thêm hai nút $\mathbf{Y^x}$ (Y lũy thừa x: Y nhân với chính nó x lần) và **MOD** (để chỉ *modulo*) thì càng tốt. Ta có thể giả dụ máy có luôn cả nút MMC; nếu không, với máy tính nhỏ cầm tay ngày nay, nút MMC có thể được lập trình một cách rất dễ dàng.

Trong sách vở về mật mã, ta hay gặp Alice, Bob và Eve. Alice và Bob muốn gửi tin tức "mật" (billets doux?!!) cho nhau và không muốn Eve đọc lén. Một cách giải quyết là họ gặp nhau hàng tuần và đồng ý với nhau về những chìa khóa mật mã cho suốt tuần tới. Cách trao đổi chìa khóa này an toàn, nhưng bất tiện thí dụ như khi họ bị ốm hay xa nhau (Los Angeles – Tokyo). Một cách khác là thuê người đưa thư đưa chìa khóa, nhưng cách này ít an toàn và tốn kém.

Được trang bị với MMC, Alice và Bob trao đổi chìa khóa với nhau bằng điện thoại mặc dù họ biết đường dây điện thoại có thể bị Eve chặn để nghe lén. Câu chuyện trao đổi, sau khi loại bỏ

những lời lẽ du dương, âu yếm, đại khái như sau:

Alice: Bob, anh đồng ý mình chọn 11 và 7 nhé!

Bob: Đồng ý, em chờ anh một chút.

Alice và Bob cùng sửa soạn MMC của họ để dùng với hai số 11 và 7. Alice nghĩ, chọn một số trong đầu (thí dụ số 3), ấn vào nút số 3 rồi nút MMC, MMC cho Alice kết quả là số 2. Trong khi ấy, Bob cũng chọn một số trong đầu (thí dụ số 6), ấn vào nút số 6 rồi nút MMC; anh được số 4.

Alice: Bob, anh có thể dùng số 2.

Bob: Alice, còn em có thể dùng số 4, good night!

Cất điện thoại, Alice sửa soạn MMC để dùng với hai số 11 và 4 (số Bob cho); ấn vào nút số 3 (số cô giữ trong đầu) rồi nút MMC, MMC cho Alice kết quả là số 9. Trong khi ấy, Bob sửa soạn MMC để dùng với hai số 11 và 2 (số Alice cho); ấn vào nút số 6 (số anh giữ trong đầu) rồi nút MMC, MMC cho Bob kết quả cũng là số 9. Tuyệt diệu! Hai người đã trao đổi, đồng ý với nhau dùng số 9 là chìa khóa cho mật mã.

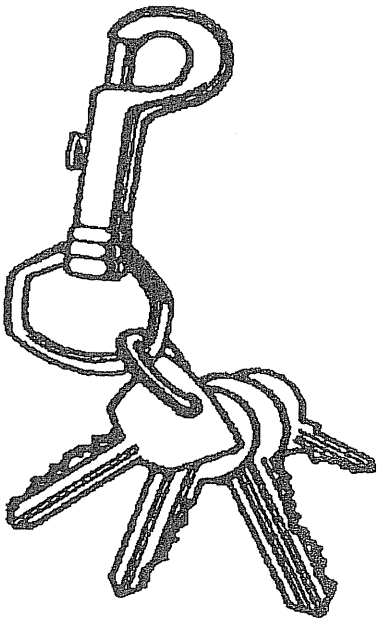

Alice dùng DES để mã hóa lá thư với chìa khóa là số 9, rồi gửi cho Bob bằng điện thư. Bob nhận được điện thư, dùng DES để giải mã cũng với chìa khóa là số 9. Anh đọc thư rồi đi ngủ lại, vì đã 4 giờ sáng, giờ Tokyo. Còn Alice ở Los Angeles, cô sửa soạn đi *shopping* rồi đi ăn cơm chiều. Riêng Eve, nghe được trao đổi điện thoại và bắt được cả điện thư nhưng không có chìa khóa để giải mã, bực mình bèn quẳng cả MMC lẫn DES vào sọt rác.

Cách trao đổi trên gọi là trao đổi chìa khóa Diffie-Hellman. Năm 1976, trong một hội nghị về máy vi tính, họ trình bày phương kế trao đổi này đã khiến những chuyên gia cử tọa sửng sốt. Năm sau, họ nộp xin bằng phát minh (patent) để giữ bản quyền. Phương kế trao đổi Diffie-Hellman chưa thực an toàn, nhưng đủ tốt để thắng hầu hết mọi đối thủ, trừ những người kiên trì và được trang bị đầy đủ nhất (như NSA).

Chìa khóa của Alice là của công

Chiều chiều Alice rất hồ hởi trong việc thư từ với Bob và cô nhận thấy Bob không có vẻ sốt sắng lắm. Có thể là Bob đã bắt đầu trao đổi chìa khóa với ai ở Sài Gòn hay Tokyo?! Dần dà cô nhận ra rằng ch? vì cô mà đêm nào Bob cũng phải thức đến ba bốn giờ sáng. Vì vậy, hoặc là Alice phải thay đổi thói quen trao đổi chìa khóa với Bob vào buổi chiều, giờ của cô, hoặc là Alice phải có một phương kế trao đổi mới, không bắt buộc hai người phải trao đổi trực tiếp với nhau qua điện thoại hay qua thư từ đi lại (đáng lẽ dùng điện thoại, Alice có thể gửi điện thư cho Bob nói đã chọn ba số: 7, 11 và 2; Bob sẽ dùng số 7, 11 để tính số 4 của mình rồi gửi lại Alice, và cả hai người cùng tính được chìa khóa.) Để thực hiện phương kế trao đổi mới, vẫn lại Diffie là người có thể giúp cô.

Từ trước đến nay, kỹ thuật mật mã bao giờ cũng đối xứng, có nghĩa là để giải mã người ta dùng cùng một chìa khóa làm ngược lại những gì đã làm khi mã hóa. Diffie đã suy nghĩ về vấn đề này trong một thời gian dài, một buổi chiều ý kiến đến với anh như một phát hiện tôn giáo. Diffie nóng lòng ngồi đợi vợ anh, Mary Fisher, đi làm về. "Em làm ơn ngồi xuống, anh có chuyện muốn nói. Anh tin rằng anh vừa làm một phát minh lớn – anh là người đầu tiên nghĩ đến chuyện này." Diffie nói với Mary khi chị vừa bước vào trong nhà. Mary kể lại cảm thấy như sống trong phim Hollywood trong một phút.

Điều mà Diffie phát hiện là một khái niệm mới về mật mã, dùng chìa khóa không đối xứng: Alice sẽ chọn hai con số khác nhau dùng làm chìa khóa, một để mã hóa và một để giải mã. Alice giữ chìa khóa giải mã bí mật, đó là *chìa khóa tư* của riêng cô. Còn chìa khóa kia, dùng để mã hóa là *chìa khóa công*, Alice cho công bố, thí dụ cho in như trong niên giám điện thoại, trên danh thiếp hay trên Internet để mọi người cùng có thể xem được. Nếu Bob muốn gửi Alice một tài liệu, anh chỉ việc lục tìm chìa khóa công của Alice, dùng chìa khóa đó để mã hóa tài liệu rồi gửi cho cô. Nhận được bản mã hóa, Alice dùng chìa khóa tư của mình để giải mã.

Đó là một ý kiến vô cùng táo bạo – cách mạng – trong mật mã. Eve, John, Jane, v.v., ai cũng có

thể lục tìm chìa khóa công để mã hóa tài liệu gửi cho Alice, nhưng chỉ riêng Alice (và một mình Alice mà thôi) mới có chìa khóa giải mã tài liệu đó. Diffie chưa có máy một chiều MMC nào để thực hiện phương kế này. Mùa hè năm 1975 anh viết tóm tắt công bố khái niệm về mật mã không đối xứng. Đề nghị của Diffie được đón tiếp nồng nhiệt. Sau hơn một năm chạy đua tìm kiếm, đầu năm 1977 một nhóm ba nhà nghiên cứu ở MIT – Ronald Rivest, Adi Shamir và Leonard Adleman – tuyên bố đã tìm được "máy một chiều" dùng cho mật mã không đối xứng.

Trong mật mã này, Alice chọn và giữ bí mật hai con số p và q, thí dụ p = 7 và q =13, rồi nhân với nhau để được N = 7 x 13 = 91, ngoài ra cô chọn thêm một con số nữa, e = 5. Alice sẽ cho công bố con số 91 và 5 khắp nơi, trong *web page* của mình trên Internet, in trong niên giám như niên giám điện thoại hay trên danh thiếp; e là chìa khóa dùng để mã hóa. N = 91 và e = 5 là chìa khóa công của Alice. Chìa khóa dùng để mã hóa không nhất thiết là của riêng Alice, thí dụ Eve có thể chọn chìa khóa công là: N = 209 (= 11 x 19) và e = 5.

Thí dụ Bob muốn nói "KISS" với Alice, anh có thể mã hóa chữ K rồi gửi cho Alice. Theo bảng mã ASCII, trong hệ thống thập phân, K = 75. Bob tìm chìa khóa công N = 91 và e = 5 của Alice. Muốn dùng MMC, Bob sửa soạn MMC của anh để dùng với hai số 75 và 91; sau đó Bob ấn nút số 5 rồi nút MMC, anh được số 17. Đó là chữ K đã được mã hóa mà Bob gửi cho Alice.

Về phần Alice, sau khi đã chọn N = 91 (p = 7 và q = 13) và e = 5, cô sẽ tính được số d = 29, đó là chìa khóa giải mã mà cô giữ (cách tính số d phức tạp hơn, xin xem phần phụ chú). Nhận được điện thư của Bob gửi cho con số 17, Alice sửa soạn MMC của cô để dùng với hai số 17 và 91; sau đó cô ấn nút số 29, rồi nút MMC; cửa sổ của MMC cho lại Alice số 75 mà cô biết, theo bảng mã ASCII, là chữ K!

Eve có nguy cơ thành *old maid*

Mật mã trên gọi là mật mã RSA (chữ đầu của ba tên Rivest, Shamir và Adleman). Edgar Allan Poe đã từng viết: "sự độc đáo của nhân loại không thể bịa nổi một mật mã mà sự độc đáo của nhân loại không thể giải mã được" (human ingenuity cannot concoct a cipher which human ingenuity cannot resolve.) Có lẽ Poe phải tạm thời rút lại câu tuyên bố trên vì mật mã RSA là mật mã không

thể giải mã được, ít nhất không thể giải mã được, đủ nhanh chóng để có thể từ đó rút tỉa được lợi ích gì.

Khi còn học ở lớp dưới, để đơn giản phân số, ta thường phải phân tích một số thành thừa số nguyên tố, thí dụ phân tích số 10 để được 2 x 5, 2 và 5 là những số nguyên tố. Đây là một bài toán mà cách giải từ hơn hai nghìn năm nay, căn bản vẫn là tính *mò*, thử với 2 không được thì thử với 3, 5, 7, v.v. cho đến hết thì thôi. Trong mật mã RSA, Alice chọn p = 7 và q =13, nhân với nhau để được N = 91; Alice giữ bí mật hai con số 7 và 13 dùng để tính chìa khóa giải mã d = 29. Vì Alice công bố 91 là chìa khóa công, mọi người đều biết và, vì số 91 nhỏ, biết luôn cả 7 và 13; tất nhiên Eve cũng biết và vì Eve rất giỏi toán, cô tính được d = 29 trong nháy mắt. Vậy thì đâu là bí mật?

Thí dụ Alice chọn được hai số nguyên tố 1933 và 9419 (hai số này là những số nguyên tố, kết luận có thể kiểm chứng bằng phương pháp của mấy nhà khoa học Ấn nói ở trên), với máy tính cầm tay nhỏ Alice mất chừng vài giây để nhân hai số này với nhau, cô được 18 206 927. Cũng dùng máy tính cầm tay, Eve sẽ mất buổi chiều để phân tích 18 206 927 thành thừa số nguyên tố, 1933 x 9419, rồi dùng để tính chìa khóa giải mã.

Tháng 8 năm 1977, vài tháng sau khi RSA được công bố, Martin Gardner cho in trong tạp chí *Scientific American*, mục "Mathematical Games", một bài tựa đề "A New Kind of Cipher that Would Take Millions of Years to Break." Sau khi giải thích cách dùng chìa khóa công, ông cho in một câu đã được mã hóa. Chìa khóa công cần có để

giải mã là một con số gồm 129 con số. Sau cùng Martin đặt giải thưởng $100 tặng cho độc giả nào giải mã được. Mười bảy năm sau, một nhóm gồm 600 người khắp nơi trên thế giới, cộng tác chia việc, họ dùng mọi thứ máy vi tính lớn nhỏ để tính. Sau nhiều tháng tính toán, ngày 26 tháng 4 năm 1994, nhóm này công bố đã phân tích được chìa khóa giải mã thành thừa số nguyên tố để đọc câu viết bí mật và đoạt giải $100. Không thấy ai nói $100 của năm 1977 hay 1994, vì nếu $100 được bỏ trong ngân hàng từ năm 1977 thì sau 17 năm trị giá của giải này có thể lên đến $400, không đến nỗi tệ lắm.

Tin tức mới đây cho biết, ở Đại Học Michigan State, người ta vừa xác định được một số nguyên tố lớn gồm hơn sáu triệu con số (6 320 430); con số này lớn quá, thí dụ bây giờ Alice chọn hai số nguyên tố chỉ có cỡ lớn chừng 10^{100} thôi (số 1 tiếp theo là 100 số không) rồi đem nhân với nhau, chìa khóa công của Alice sẽ là một con số, cỡ lớn chừng 10^{200}. Với con số này, Eve có thể dùng máy vi tính mạnh nhất trên thế giới để tính và có lẽ đến ngày tận cùng của thái dương hệ, cô vẫn chưa tính ra nổi hai số nguyên tố của Alice! Alice có thể yên trí mật mã của cô khá an toàn và nếu Eve, cậy mình giỏi toán, nhất định kiếm tìm phương cách giải mã mật mã của Alice, cô sẽ có rất nhiều triển vọng trở thành *old maid*.

Bà chị to lại nhòm qua vai

DES, với chìa khóa dài 56 bít mà NSA đã đồng ý chấp nhận làm tiêu chuẩn, tỏ ra là một mật mã rất an toàn, được nhiều người ưa chuộng. Sau khi bài viết của Gardner đăng trên Scientific American, trong vòng mấy tuần lễ, các tác giả RSA ở MIT nhận được vài ngàn thư từ khắp nơi gửi xin bài viết. Sự thành công và việc mật mã được nhiệt liệt hâm mộ bất ngờ trên toàn thế giới đã khiến cho các cơ quan an ninh như NSA vô cùng lo ngại. Họ phải hành động, nhưng làm gì bây giờ? Không có khoa học nào chỉ ta cách cho lại vào tuýp một khi thứ thuốc đánh răng là mật mã đã ra khỏi tuýp. Thế nào chăng nữa, bà chị "to" (lớn) với bàn tay "nhẫn nhụi" lại phải ra tay.

Một vị giáo sư trình xin bằng phát minh về điện thoại với âm thanh bị xáo trộn khó nghe, đã không được bằng phát minh lại còn nhận được mảnh giấy nói BÍ MẬT, NSA quyết định phát minh của ông ta thuộc loại bí mật. Vài vụ như vậy, các vị này, sau khi nói chuyện với các chức sắc của trường đại học, bèn đưa câu chuyện lên báo *Science*. NSA bèn rút lui. Adleman, tác giả thứ ba của RSA, thường lệ xin tài trợ từ cơ quan tài trợ nghiên cứu quốc gia (National Science Foundation, NSF), đột nhiên thấy phần nghiên cứu về mật mã trong đề nghị của mình được tài trợ bởi NSA, có nghĩa là dưới sự kiểm soát của NSA. Ông viết thư cho NSF, nói không hề xin tài trợ bởi NSA; sau vài thư từ đi lại, NSF phải nhận là Adleman chỉ được tài trợ bởi NSF.

Một hội nghị quốc tế về tin học sắp được tổ chức ở trường Đại Học Cornell, NSA cho người viết thư cho ban tổ chức hăm dọa, nói những nghiên cứu được trình bày tại hội nghị có thể vi phạm pháp luật. Hội nghị ở Cornell diễn tiến không có gì thay đổi. Tuy ban tổ chức quan tâm, nhiều người đi dự không tỏ vẻ sợ hãi; trả lời *New York Times* phỏng vấn, Hellman nói: "nếu NSA quyết định đưa tôi ra tòa, Đại Học Stanford sẽ trợ giúp tôi."

Với hệ thống thông tin nhanh chóng của hậu bán thế kỷ 20, NSA không thể ngăn chặn được nạn hồng thủy mật mã, nhưng họ có khí giới khác: giấy phép xuất cảng. Xuất cảng mật mã cũng tương tự và có tầm quan trọng như xuất cảng vũ khí. Thập niên 1980, người ta chờ đợi Lotus Notes, một *software* quản trị điện thư. Lotus Notes định dùng RSA để bảo vệ chìa khóa và DES để mã hóa tài liệu. Trên giấy tờ, đó là một sản phẩm rất đặc sắc. Rất nhanh chóng, NSA cho biết họ không muốn công ty dùng DES và thứ nữa, chìa khóa cho RSA chỉ có thể dài 32 bít (NSA nói họ đã nhân nhượng, họ muốn chìa khóa chỉ dài 24 bít, còn công ty muốn 64 bít.) Tất nhiên, theo luật, trong nước Mỹ công ty muốn làm gì thì làm nhưng họ không thể xuất cảng được. Cuối cùng, sau một thời gian dài điều đình, Lotus Notes không dùng DES và chỉ xuất cảng với chìa khóa dài 32 bít (đồ "nội hóa" 64 bít khỏe hơn nhiều).

Những va chạm như trên xảy ra liên miên mấy chục năm. Thật ra những lo ngại của các cơ quan an ninh không phải là không chính đáng; phải đương đầu với quân khủng bố hay giới buôn ma túy (theo tin các báo, nay trưởng thành đến độ định đóng tàu ngầm riêng để chuyên chở), họ không thể ngồi chờ hàng tháng, hàng năm để giải mã những tin tức trao đổi. Cũng có thể họ gặp khó khăn vì đã chọn con đường họ nghĩ là ngắn nhất: tìm cách di động những vật không thể di động được trong xã hội Mỹ; đó là tự do cá nhân, tự do ngôn luận, quyền có sự riêng tư tuyệt đối.

Câu chuyện riêng tư

Phil Zimmermann tò mò về mật mã từ lúc nhỏ, bắt đầu với mấy trò chơi trên vô tuyến truyền hình. Lớn lên, lúc sắp tốt nghiệp đại học, anh tình cờ đọc bài viết về mật mã RSA của Gardner đăng trong *Scientific American*. Bài viết có tác dụng làm Zimmermann hứng khởi, tìm tòi thêm về mật mã. Đầu năm 1991, Zimmermann đã viết và làm nhiều tiến bộ cho một phần mềm điện toán gọi là Pretty Good Privacy, thường viết tắt là PGP. Zimmermann hy vọng kiếm được ít tiền, bán PGP như là một *shareware* qua Internet; đó là điều có thể thực hiện được nhất là vì vấn đề riêng tư (privacy) cho điện thư trên Internet nay trở nên quan trọng. Đối với những người hiểu biết kỹ thuật, gửi điện thư trên Internet còn ít an toàn hơn là gửi bằng bưu điện; vì bằng bưu điện, ít nhất thư còn được bảo vệ bởi cái phong bì. Nhưng PGP của Zimmermann không phải chỉ "khá tốt" (pretty good). Như định thiết kế, PGP với bản hiệu đính 2.0 dùng RSA và IDEA (International Data Encryption Algorithm) để bổ túc cho nhau, có thể so sánh được với bất cứ mật mã nào. IDEA là một mật mã đối xứng, tương tự như DES, nhưng dùng chìa khóa dài 128 *bít,* viết bởi hai nhà toán học Thụy Sĩ (DES có chìa khóa dài 56 *bít*).

Trước hết, dùng RSA để mã hóa một tài liệu cần một máy tính rất mạnh vì phải tính nhiều với những con số lớn quá. Mặt khác, IDEA hay những mật mã tương tự là những mật mã đối xứng, có thể chuyển mã nhanh chóng mà không đòi hỏi nhiều ở máy vi tính. Tưởng tượng Alice muốn gửi cho Bob một tài liệu dài. Cô dùng IDEA để mã hóa tài liệu rồi cô kiếm chìa khóa công RSA của Bob để mã hóa chìa khóa đã dùng với IDEA, trước khi gửi tất cả đi cho Bob. Ở đầu kia, Bob dùng chìa khóa tư RSA của mình để giải mã chìa khóa, rồi dùng chìa khóa này để giải mã tài liệu. Zimmermann muốn PGP được dùng phổ thông, đã thiết kế PGP rất dễ sử dụng, *user-friendly*; tất cả những động tác trên được thực hiện tự động trong PGP: thí dụ như việc PGP 2.0 sẽ tự tạo ra chìa khóa 128 *bít* cho buổi dùng (session key) rồi dùng chìa khóa đó để mã hoá tài liệu với IDEA. Ngoài ra, cả những việc như tìm những số nguyên tố lớn (không giản dị) để làm chìa khóa công, PGP cũng có thể làm hộ: người dùng di động con chuột lung tung trên bàn, máy vi tính sẽ cung cấp chìa khóa công và tất nhiên sẽ tính hộ luôn cả chìa khóa giải mã. Tóm lại, đến cụ già lẫn cẫn có lẽ cũng dùng được PGP. Và đó cũng là một cơn ác mộng cho NSA hoặc FBI.

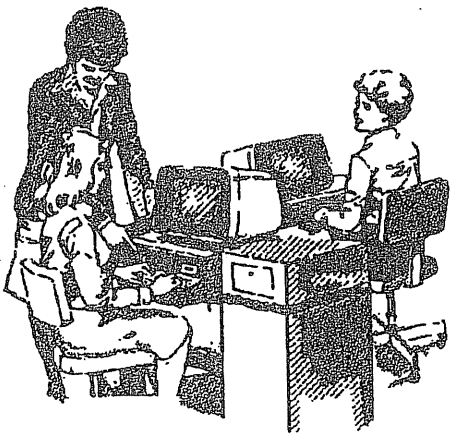

Đầu năm 1991, thượng nghị sĩ Mỹ Joseph Biden đệ trình một dự án luật chống khủng bố trong đó có một khoản nếu được thông qua sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến quyền riêng tư cá nhân. Phát hoảng, mặc dù PGP chưa thực hoàn hảo, "bạn" của Zimmermann gửi PGP lên Internet *trong nước Mỹ* – ta nên nhớ xuất cảng mật mã không giấy phép, tội nặng như xuất cảng lậu hỏa tiễn – PGP được hoan hô nhiệt liệt, chỉ qua đêm PGP đã thành tên trên cửa miệng mọi người. Thế giới tin học nhiều người viết tiếp, sửa đổi, trình bày PGP cho thực hoàn hảo.

Bộ Tư Pháp Hoa Kỳ "điều tra" Zimmermann, nhưng đó là một việc làm vô bổ. Cả trăm ngàn người đã biết PGP, và với tài liệu công khai, hợp pháp, công bố khắp nơi, in trong sách vở trong đó có cả sách in bởi MIT Press, hàng ngàn người trên thế giới thừa sức viết phần mềm PGP. Đây cũng là lý luận của những người phản đối, những dự án luật kiểu này chỉ giới hạn quyền riêng tư của công dân Mỹ mà không làm lợi gì thêm cho an ninh. Hơn nữa, nếu Zimmermann cho PGP vào máy vi tính rồi bán cho một nước cừu thù, bộ tư pháp còn có hy vọng. Nhưng PGP được in trong sách và bán sách thì hoàn toàn đúng luật. Ai cũng biết, dùng *scanner* đọc sách rồi chuyển lại thành phần mềm không là điều khó khăn. Trước những mâu thuẫn tức cười này, năm 1996, ba năm sau khi bắt đầu điều tra Zimmermann, Viện Chưởng Lý Hoa Kỳ bỏ cuộc; FBI thấy đã quá muộn và ít hy vọng kết án.

Ngày nay, ai cũng có thể có được một PGP, nếu muốn, chỉ việc vào Internet địa chỉ http://www.pgpi.com, đó là trang nhà quốc tế của PGP.

Thêm chút lịch sử

Tưởng cũng nên thêm một chút lịch sử ở đây.

Cuối thập niên 1960, Trung Ương Truyền Tin Chính Phủ Anh (Government Communications Headquaters – GCHQ), một tổ chức tối mật của Anh tương tự như NSA, cũng thấy cần phải giải quyết vấn đề phân phối chìa khóa mật mã. Công việc này rơi vào tay James Ellis; Ellis cũng nghĩ ra phương kế tương tự như Diffie-Hellman nhưng không đủ toán để hoàn tất. Tháng 9 năm 1973, Clifford Cocks, nhà toán học trẻ vừa tốt nghiệp Đại Học Cambridge, đến làm cho GCHQ. Còn đang học việc, Cocks được cấp trên cho đọc tóm tắt ý kiến của Ellis. Theo Cocks, "Từ đầu đến cuối, tôi mất chừng nửa giờ. Tôi rất hài lòng. Tôi nghĩ, 'Ồ, tôi có bài toán, và tôi đã giải bài toán đó.'" Bài toán đó là mật mã dùng chìa khóa công RSA. Đến năm 1975 thì GCHQ đã có tất cả những gì căn bản của mật mã dùng chìa khóa công, sớm hơn RSA chừng ba năm và được tuyệt đối giữ bí mật.

Tuy được giữ bí mật, nhưng vẫn có những tin đồn về nghiên cứu của Ellis và công ty. Tháng 9 năm 1982, Diffie quyết định đi thăm James Ellis tại Cheltenham để nói chuyện. Họ bàn mọi chuyện, nhưng cứ mỗi lần Diffie lái câu chuyện đến mật mã thì Ellis lại nhẹ nhàng đổi vấn đề. Cuối cùng, trước khi từ biệt, Diffie không nhịn được nữa, bèn hỏi thẳng: "Làm ơn nói cho tôi nghe anh đã nghĩ ra mật mã với chìa khóa công như thế nào?" Im lặng hồi lâu, Ellis khẽ nói: "Tôi không biết có thể nói với anh được bao nhiêu. Thôi, tôi nói thế này, các anh bên ấy đã dùng được nó nhiều hơn bọn tôi ở đây."

Năm 1997, trong một hội nghị về Toán và Áp Dụng ở Cirencester, Cocks được GCHQ cho phép tiết lộ công trình khảo cứu mật mã dùng chìa khóa công của Ellis, Cocks và Williamson từ gần 30 năm trước. Ellis đã mất trước đó gần một tháng, ngày 25 tháng 11 năm 1997. RSA đã được trình xin bằng phát minh từ lâu và, năm 1996, RSA Data Security, Inc., công ty phụ trách bán những sản phẩm liên hệ tới RSA, được bán với giá $200 triệu đô la.

Trở lại câu chuyện mật mã an toàn

Sang đến thiên niên kỷ 21, nhiều bản quyền sáng chế về mật mã, như RSA, hết hiệu lực, việc dùng mật mã trong tin học đã trở nên một thứ văn hóa dân gian, trên toàn thế giới có đầy những *rebels, punks* về mật mã. Họ hô hào phá bỏ hàng rào dây thép gai, cầm tù tài sản trí thức. Họ viết tuyên ngôn (phát xuất từ California), Crypto Anarchist Manifesto, kêu gào hùng dũng: "Arise, world; you have nothing to lose but your barbed-wire fences!" Mật mã đúng là ở trong tình trạng vô chính phủ mà ngay cả đến những chế độ độc tài nhất cũng chưa chắc đã kiềm chế được. Dù muốn dù không, mật mã như PGP trở thành tiêu chuẩn trong thực tế, hạn chế xuất cảng không những không kiểm soát được gì mà còn làm cho những công ty Mỹ bị thiệt hại lớn. Ai bỏ đô-la *thật* ra để mua máy dùng mật mã Hoa Kỳ có chìa khóa dài 32 *bít* trong khi chỉ cần bấm cái nút là có thể tải xuống từ Internet, miễn phí, mật mã với chìa khóa dài 128 *bít*? Lý do tài chính này người Mỹ hiểu ngay. Cộng thêm vài vụ kiện về sự bất hợp hiến trong việc hạn chế tự do ngôn luận mà chính phủ bị thua, các ông nghị Hoa Kỳ, *thượng* và *hạ*, thông qua dự án luật cho phép xuất cảng mật mã không hạn chế. Ngày nay, mật mã khỏe là một phần của bất cứ *browser* nào trên Internet, giúp việc thông tin an toàn số thẻ tín dụng hay di chuyển tài chính. Năm 2000, thương mại qua Internet (e-transaction) lên đến 80 tỷ đô la và người ta nghĩ sẽ còn tăng nhiều trong tương lai.

Mật mã Lệ Hằng dùng để gửi Đoan Hùng ở đầu bài viết tuy khá an toàn nhưng không thể so sánh với mật mã Alice dùng ở trên. Trở lại câu chuyện an toàn, mua bán trong Internet ta thường trả tiền bằng thẻ tín dụng; rất an toàn, nhưng an toàn bao nhiêu? Như ta đã thấy, câu trả lời là an toàn lắm vì những thông tin này được mã hóa với RSA. Tuy vậy, Poe không hẳn là sai mặc dù "sự độc đáo của nhân loại không thể giải mã được." Làm toán làm gì, mệt óc! Theo tin các báo, mới đây "sự độc đáo của nhân loại" thể hiện cách khác: có người đến khiêng luôn cả đĩa cứng của một công ty Internet nào đó, trong đĩa cứng chứa không biết bao nhiêu chục nghìn số thẻ tín dụng cùng các chi tiết khác. Không rõ những dữ kiện trong đĩa cứng trên có được mã hoá hay không? Nhân chuyện này cũng xin nói thêm bí mật của Lệ Hằng vẫn còn bí mật, vì như bất cứ một thám tử có hạng nào, sau khi gửi đi cô đã nhai nuốt hết nội dung bí mật vào trong bụng (mật mã viết trên cái bánh đa?)

Thắc mắc cuối cùng: sau hơn hai nghìn năm nhân loại có thuật toán hữu hiệu xác định số nguyên tố, tìm ra bởi mấy nhà khoa học Ấn, ta tự hỏi liệu đã có thuật toán hữu hiệu nào phân tích một số thành thừa số nguyên tố hay chưa? Biết đâu đấy, có khi trong thâm cung của NSA đã có

một thần đồng nào đó 8 tuổi, hai mắt ốc nhồi, đã kiếm ra thuật toán này. Dù đã kiếm ra rồi thì ta cũng chẳng biết, tất nhiên họ không phát thanh trên đài Tiếng Nói Hoa Kỳ và ta sẽ phải chờ thêm 30 năm nữa!

Phụ chú: Eve làm toán

Để theo dõi câu chuyện mà không cần phải làm toán, nút MMC được "chế" ra tương tự như nút tính căn số; trong bài viết bạn đọc chỉ cần ấn nút này và chấp nhận kết quả là đủ. Phần này dành riêng cho một số bạn đọc thích làm toán, không muốn ấn nút MMC một cách máy móc, muốn biết có gì dưới nút đó. Eve sẽ giải thích thêm về cách trao đổi chìa khóa và RSA để những bạn đọc đó bớt cảm thấy thiệt thòi. Tất nhiên vài thí dụ với những con số tương đối nhỏ, Eve có thể dùng máy tính cầm tay có nút Y^x và MOD để tính dễ dàng, thí dụ $3^5 = 3x3x3x3x3 = 243$ và $149 \pmod 7 = 2$.

1. **Alice và Bob trao đổi chìa khóa**

- Alice và Bob đồng ý chọn hai số p và m, p là một số nguyên tố lớn và m, một số có trị số giữa 1 và p. Trị số của p và m không cần được giữ bí mật.

- Alice chọn và giữ bí mật số A; Bob chọn và giữ bí mật số B. Trị số của A và B đều ở giữa 1 và p, hơn nữa không có chung thừa số với p-1. Alice và Bob không cho nhau hay bất cứ ai biết những số bí mật này.

- Alice tính số $k_A = m^A \pmod p$ rồi gửi cho Bob, Bob tính lũy thừa B của số này, $(k_A)^B$. Trong khi ấy, Bob tính số $k_B = m^B \pmod p$ rồi gửi cho Alice, Alice tính lũy thừa A của số này, $(k_B)^A$.

- Ta thấy: $(k_A)^B = (k_B)^A$ vì $(m^A)^B \pmod p = (m^B)^A \pmod p = m^{AB} \pmod p = K$; K là chìa khóa chung, Alice và Bob đã trao đổi chìa khóa mặc dù người nọ không biết con số bí mật của người kia.

2. **Alice và Bob tính RSA**

Ngay cả trong phần phụ chú này, trình bày cặn kẽ mật mã RSA cũng đi quá xa phạm vi của bài viết nên Eve chỉ cố tóm tắt vài điểm chính sau.

- Để mã hóa một tài liệu ta cần một con số lớn $N (=pq)$, tích số của hai số nguyên tố (lớn) p và q, và một số e, gọi là chìa khóa mã hóa, chìa khóa này không có chung thừa số với $(p-1)(q-1)$ hay với N.

- Để giải mã một tài liệu đã được mã hóa bởi RSA, ta cần thêm một số d, gọi là chìa khóa giải mã; chìa khóa mã hóa và chìa khóa giải mã nghiệm điều kiện:

$ed = 1 \pmod{(p-1)(q-1)}$.

Điều kiện trên đặc sắc ở sự đối xứng giữa e và d; nếu d là chìa khóa giải mã cho e thì e là chìa khóa giải mã cho d. Tính chất này rất hữu ích trong việc nhận biết căn cước của người nhận.

Sau khi chọn N và e làm chìa khóa công, Alice sẽ phải tính d từ hệ thức trên. Có phương pháp để tính *d nếu ta biết p và q;* vì Eve không biết hai số nguyên tố *p và q* đã chọn bởi Alice – đây chính là sự an toàn của mật mã RSA – Eve không thể tính d. Nếu p và q rất lớn, thí dụ lớn hơn 10^{200}, phân tích N thành thừa số nguyên tố (tính *p và q*) sẽ quá sức của cả những máy vi tính nhanh nhất hiện nay.

Tính d từ hệ thức trên không giản dị, để tính một cách có hệ thống khi đã biết p, q và e, ta dùng thuật toán Euclid (Euclid's algorithm). Tuy nhiên, như thí dụ trong bài viết, với những con số nhỏ, N = 91 ($p = 7$, $q = 13$) và $e = 5$, do đấy 5 x d = 1 (mod 6 x 12) = 1 (mod 72), tính *mò* một lúc cũng ra. Trong trường hợp này d phải là một số để khi nhân với 5 sẽ được một số lớn hơn 72; vì vậy số d nhỏ nhất phải là 15 (5 x 15 = 75), thử cách này ta sẽ được $d = 29$ là số muốn tìm: 5 x 29 = 145 = 2 x 72 + 1 hay 5 x 29 = 1 (mod 72).

Bob tìm chìa khóa công của Alice (91 và 5) và muốn mã hóa chữ K = 75. Bob tính $75^5 \pmod{91}$ = 2 373 046 875 (mod 91) = 17 và gửi 17 cho Alice.

Về phần Alice, sau khi đã chọn $N = 91$ ($p = 7$ và $q = 13$) và $e = 5$, cô tính chìa khóa giải mã $d = 29$. Để giải mã, cô phải tính $17^{29} \pmod{91}$. Tính những con số này không khó tuy mất thì giờ và cũng đi xa quá bài viết. Để giúp bạn đọc hiếu kỳ, cứ nhân mãi và luôn luôn tính (mod 91) để giữ cho con số nhỏ thì tất nhiên sẽ ra, nhưng cách tính nhanh nhất là bình phương liên tiếp con số 17 (mod 91), trong trường hợp này chỉ phải bình phương 4 lần (17^2, 17^4, 17^8, 17^{16}) là đủ (nhận thấy: 29 = 16 + 8 + 4 + 1). Kết quả sau cùng sẽ là $17^{29} \pmod{91} = 75$, con số phải tìm.

03/ 2003

(*) Nếu *không* có nhiều độc giả biết "Lệ Hằng với chí phục thù" thì đó là một điều rất đáng mừng. Giả dụ có độc giả, cả trong lẫn ngoài nước, đọc *Thế Kỷ 21* và bài viết này, sự việc đó chứng minh tình trạng "lão hóa" trong số những độc giả tiếng Việt chưa quá tệ như nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã viết.

(§) National Security Agency (NSA) cố tìm cách cấm không cho lưu hành The Code Breakers, nhưng không thành công. The Code Breakers là cuốn sách dày 1200 trang, được coi như một công trình cuối cùng – *definitive* – về lịch sử mật mã cho đến năm 1950.

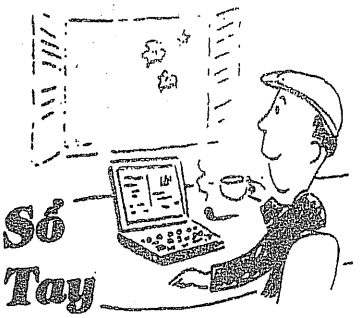

NGÔ NHÂN DỤNG

Mười lăm năm

Kể từ ngày đầu tiên khi chúng tôi bắt đầu viết Thế Kỷ 21, đến nay đã được 15 năm. Thế giới biết bao thay đổi. Nước Việt Nam cũng bao nhiêu thay đổi. Một người bạn cũng bắt đầu viết tờ Thế Kỷ 21 từ năm đầu tiên đó bây giờ đã qua đời, là dân biểu Nguyễn Hữu Chung. Tôi muốn dành mấy dòng đầu tiên này để viết về anh Chung.

Chúng tôi cùng tuổi với nhau. Một lần hai đứa lái xe từ Montréal xuống Ithaca, vào gặp anh Trần Quốc Vượng trong Đại học Cornell. Giáo sư Vượng nói những người đồng niên đồng tuế rất dễ thân nhau vì họ cùng trải qua các kinh nghiệm lịch sử giống nhau. Ba người cùng tuổi ngồi cởi trần uống bia với nhau trong căn phòng mà đại học để cho anh Vượng ở, phòng nóng quá, chúng tôi cùng mặc quần xà loỏng, người Bắc gọi là quần đùi, nói chuyện thế sự. Trước khi đi Ithaca, tôi gặp nhạc sĩ Đặng Thái Sơn và thân mẫu của anh. Bà Thái Thị Liên và Sơn đều nói, ông Vượng giỏi tử vi lắm đấy! Lúc gặp nhau, ông Vượng có đoán rằng lá số của Nguyễn Hữu Chung cùng lắm cũng chỉ làm đến thủ tướng mà thôi, không thể hơn được. Về điều này thì tôi đồng ý. Nguyễn Hữu Chung là người làm chính trị, mà tôi thấy ít người làm chính trị có bộ óc chín chắn, khôn ngoan bằng anh. Nếu như anh làm thủ tướng thì chắc dư sức.

Vậy mà đã hơn 10 năm nay rồi. Tôi không hề quen biết Nguyễn Hữu Chung khi chúng tôi cùng sống ở Sài Gòn. Chung nổi tiếng là một dân biểu đối lập rất sắc sảo, luôn luôn đắc cử ở quận 1 cùng với Hồ Ngọc Cứ. Anh cũng viết trên nhật báo *Điện Tín* lúc tôi viết tờ *Đại Dân Tộc* của anh Võ Long Triều (cái tên báo này đã được Dương Văn Ba dùng từ trước, rồi báo đóng cửa.) Khi ở Sài Gòn tôi không quen biết các nhà làm chính trị, và ít giao thiệp với ngay cả làng báo. Thật đáng tiếc, nếu không, tôi đã quen Chung từ sớm hơn. Có những người mình làm bạn mà thấy vui, thấy thích, không bao giờ thấy chán, Chung là người tôi thấy như vậy.

Ở Montréal vài ba năm rồi tôi mới quen Nguyễn Hữu Chung, cũng chuyện tình cờ. Nguyễn Văn Sơn là bạn của cả hai người, rủ tôi cùng đi chơi Washington D.C. với Chung và anh Tôn Thất Thiện, một người đã làm Bộ trưởng Thông tin Việt Nam Cộng Hòa, mà trước đó tôi cũng chưa bao giờ quen. Trong hai chuyến xe đi, về, mỗi lần 10 tiếng đồng hồ đó, tôi mới có dịp làm quen với những người mình biết tiếng từ hồi ở Sài Gòn. Vì cùng tuổi, tôi gần gũi Chung hơn. Có thể ngồi uống với nhau, chuyện trò với nhau mãi không chán.

Trong số những điều Chung nói có thể đáng ghi lại cho mọi người cùng đọc, có những giờ phút chót của chế độ Việt Nam Cộng Hòa. Chung là phát ngôn viên của Đại tướng Dương Văn Minh trước khi ông lên làm tổng thống. Nhưng ngày ông Minh nhậm chức thì Chung đã chuẩn bị rời bỏ đất nước. Năm đó quả thực tôi không muốn ra đi, thực lòng muốn ở lại chịu chung nỗi khổ cực với đồng bào quanh mình, biết trước là sẽ khổ cực nhưng không ngờ sau này mới biết nó thảm não hơn mình nghĩ rất nhiều. Nhưng Nguyễn Hữu Chung thì đã quyết định ra đi ngay khi thấy quân đội miền Nam chắc chắn thua. Anh không có chút ảo tưởng nào về chế độ cộng sản. Anh kể rằng có những người trong nhóm của Đại tướng Minh vẫn còn nuôi ảo tưởng. Họ bảo: Chắc chắn các lãnh tụ cộng sản họ sẽ giữ một chế độ trung lập ở miền Nam Việt Nam, vì như thế họ có thể căn cứ vào Hiệp định Paris mà hưởng viện trợ Mỹ, ít nhất Mỹ sẽ viện trợ cho miền Nam, rồi miền Bắc sẽ lấy mà dùng. Chung nói: Mấy cha đó tưởng bọn cộng sản chúng cũng nghĩ và tính toán như mình!

Chung không có ảo tưởng là nhờ thân phụ anh, anh nói vậy. Cụ trước ở trong nhóm Trần Văn Thạch, Tạ Thu Thâu, cụ đã chứng kiến cộng sản đệ tam giết các chiến sĩ đệ tứ, phải bỏ Sài Gòn về quê ở Bến Tre. Chưa hết, cụ còn đi về thẳng làng quê sống, mai danh ẩn tích và tham gia kháng chiến. Nhưng cũng không sống nổi với cộng sản đệ tam, cụ xin về thành phố Bến Tre để chữa bệnh. Nhờ thế được yên. Nhưng, Chung nói, "Ông già bảo đừng bao giờ tin tụi đệ tam, con ạ." Vì thế, trong những năm sau Tết Mậu Thân một số dân biểu, trí thức, nhà báo ở Sài Gòn được cộng sản móc nối mời vào khu thăm viếng, nhiều người đi nhưng Nguyễn Hữu Chung thì nhất định không.

Ngày 29 tháng Tư năm 1975 Nguyễn Hữu Chung còn đến gặp Đại tướng Minh để từ giã. Ông Minh bảo mọi người, các em ai đi được thì đi đi, qua phải ở lại. Nguyễn Hữu Chung rất quý ông Minh, mà anh cho là một người chân thật, có khí phách và yêu nước. Chung kể

với tôi rằng ông Minh có một thứ "mặc cảm" là ông lúc nào cũng nghĩ mình là người anh lớn của tất cả quân đội miền Nam, phải lo cho đàn em; ông không muốn trùm chăn ở nhà hoặc bỏ đi trong lúc đàn em mình đang thua liểng xiểng, chạy tứ tán. Ông tâm sự với Chung rằng ông phải ra nắm chức tổng thống là để tránh cho các đàn em khỏi phải đổ máu vô ích.

Từ khi đến Montréal sống, Nguyễn Hữu Chung hầu như lúc nào cũng bi phẫn trong lòng. Không biết hồi xưa ở Sài Gòn anh ra sao, nhưng sau này lúc nào anh cũng hay chua chát và bi quan. Ngay cả khi chế độ cộng sản bị đổ ở Âu châu, sau khi tạp chí *Thế kỷ 21* xuất bản được nửa năm, Chung cũng không có vẻ gì là nôn nóng hy vọng như đa số anh em cùng thế hệ. Nhiều người hay tiên đoán trong năm năm chế độ cộng sản ở Việt Nam sẽ đổ, sau đó lại triển hạn cho họ thêm năm năm nữa. Chung không thuộc loại người như vậy. Trước mặt đám đông anh có thể gật đầu đồng ý với mọi người khi họ bàn chuyện "hậu cộng sản." Nhưng khi nói chuyện riêng với tôi thì anh tỏ ra không tin là chế độ đó sẽ đổ trong thời gian dăm năm được. Anh chín chắn hơn về chính trị, biết con người hơn, biết đám đông hơn chúng tôi. Có lần mọi người bàn đến nền chính trị sau khi cộng sản sụp đổ, Chung hỏi: Thế lúc đó làm sao thâu được thuế?

Một người thực tế và khôn ngoan như vậy, nhưng cũng không thoát khỏi bàn tay số mệnh. Mươi năm sau cùng, Chung thường học hỏi và tu tập theo Phật Giáo. Anh không lên Làng Cây Phong dự các khóa tu với chúng tôi vì anh ngại ngủ ngáy to làm phiền mọi người. Anh rất chu đáo, không bao giờ muốn làm phiền ai, kể cả vợ con, bạn bè. Tôi có cảm tưởng tình bạn của chúng tôi cũng giống các cụ đồ ngày xưa, thân thiết nhưng không xuồng xã; hiểu nhau, kính trọng nhau nhưng không thành bè đảng; quý mến nhưng đức tính của nhau, ngoảnh mặt đi khoan dung với tật xấu của nhau. Lần cuối cùng tôi về Saint Laurent, Chung nằm trên giường bệnh, Ngọc Anh và chồng vẫn nói cười vui vẻ. Chung chỉ hàng cây phong bên ngoài cửa sổ, bảo: Một năm nay tôi đã chứng kiến những chiếc lá phong này từ lúc nó mới nhú mọc cho đến khi chớm vàng rồi rụng xuống. Tôi bảo bà Ngọc Anh là rồi thì mình cũng như vậy, có sao đâu!

Lý thuyết Lewis

Trong cuộc họp báo của Tổng thống Bush tháng trước, ông Bush đã lập lại mục đích cuộc chiến tranh ở Iraq. Đó là tạo cho nước Iraq một chế độ dân chủ, tự do. Ông Bush nhắc lại nhiều lần những tiếng thiêng liêng: "Tự do!" Vào lúc cuối, ông Bush còn nói mạnh bạo hơn, ông bảo nước Mỹ phải thay đổi thế giới. Kể từ thời Tổng thống Kennedy đến nay, người Mỹ mới được khích động bằng một nghĩa vụ cao thượng, lớn lao và lâu dài như vậy.

Ông Bush nói, "Giờ đây là thời điểm, và Iraq là địa điểm, nơi mà những kẻ thù của thế giới văn minh đang thách thức cái ý chí của thế giới văn minh. Chúng ta không được phép lùi bước." Một cuốn sách mới xuất bản gần đây mang tên là "Văn minh và những kẻ thù của nó" (Civilization and its Enemies) của Lee Harris rất được giới bảo thủ ở Mỹ hâm mộ. Chắc người viết diễn văn cho Tổng thống Bush có đọc hoặc biết đến cuốn sách này.

Sau này các nhà viết lịch sử có thể gọi lời tuyên bố trên là "Lý thuyết George W. Bush," kim chỉ nam đường lối ngoại giao của chính phủ Mỹ trong ba năm qua.

Trên thế giới này, trong mấy ngàn năm lịch sử, đã có nhiều quốc gia nuôi tham vọng "thay đổi thế giới" theo mô hình xã hội của họ - tất nhiên đó là kiểu mẫu xã hội tốt đẹp nhất mà họ biết. Người Trung Hoa đời nhà Hán, nhà Đường đã mang ánh sáng văn minh Hán tộc truyền đi cho các loài man, di, hồ, địch ở khắp dưới vòm trời. Người La Mã đã tạo nền hòa bình mang tên thành phố đó, Pax Romana. Những đế quốc Mông Cổ không có đặc tính này vì các đoàn quân xâm lược của họ không mang theo những hệ thống giá trị văn hóa, mà trong lịch sử, thường là những hình tượng, nghi lễ tôn giáo. Người Ba Tư, Á rập, Thổ Nhĩ Kỳ đã mang Hồi Giáo đi tạo thành những đế quốc. Có lúc ta đã thấy xứ Iraq trở thành trung tâm của những đế quốc Hồi Giáo, từ thế kỷ thứ tám cho đến thế kỷ 11 khi quân Thổ Nhĩ Kỳ thoán vị. Trong những thời gian hai khối Hồi Giáo và Âu châu tranh chấp đó, không thể nói giữa Âu châu và Trung Đông, Trung Á, nơi nào đáng gọi là "thế giới văn minh." Mỗi bên tất nhiên tự coi mình là thế giới văn minh, và khi đánh nhau thì họ gọi phía bên địch là "kẻ thù của thế giới văn minh."

Chúng ta phải đặt lý thuyết mới của Tổng thống Bush trong một viễn ảnh lịch sử như vậy, thì mới đoán được phản ứng của những người sống trong thế giới Á rập và Hồi Giáo trước các lời tuyên ngôn của ông Bush. Đối với nhiều người, thì đó có thể được hiểu là những lời tuyên chiến.

Với lý thuyết "thay đổi thế

giới," Tổng thống Bush đang dùng chiến lược của sử gia Bernard Lewis, Đại học Princeton, tác giả 20 cuốn sách về Hồi Giáo và Trung Đông. Ông Karl Rove, cố vấn chính trị của Tổng thống Bush đã mời giáo sư Lewis đến thuyết trình ở Tòa Bạch ốc ngay từ năm đầu tiên. Một tuần lễ sau ngày 11 tháng 9 năm 2001, giáo sư Lewis, 87 tuổi đã được mời đến thuyết trình cho Hội đồng Chính sách Quốc phòng, một cơ quan cố vấn cho ông Bộ trưởng Rumsfeld. Cùng đi với ông Lewis còn có người bạn ông là luật sư Ahmad Chalabi, một chủ ngân hàng gốc Iraq đã sống ở ngoại quốc từ hơn 40 năm, người thúc đẩy chính phủ Mỹ hãy tấn công Iraq. Hiện nay ông Chalabi là một trong số 25 người Hội đồng chính quyền Iraq do quân Mỹ chỉ định, và ông đang chủ trương nhiều doanh vụ lớn ở Baghdad. Giáo sư Lewis cũng gặp riêng Phó Tổng thống Cheney để giải thích tại sao ông tin rằng chính phủ Mỹ có thể xây dựng một chế độ dân chủ ở Iraq.

Thời chiến tranh lạnh, người Mỹ đã theo chiến lược "ngăn chặn" do George Kennan đưa ra năm 1947, để đối phó với mối đe dọa của cộng sản quốc tế. Nga và Trung Quốc thì muốn truyền bá chủ nghĩa Cộng Sản (thế giới văn minh của họ) ra khắp thế giới. Thuyết của Kennan đề nghị ngăn chặn không cho chủ nghĩa cộng sản bành trướng, chứ không cần đánh họ. Sau nửa thế kỷ cuối cùng khối cộng sản tự tan rã từ bên trong. Bây giờ nước Mỹ không thể theo chiến lược đó; vì phong trào Hồi Giáo quá khích và chống Mỹ không có một trung tâm rõ ràng, không có biên giới như các nước Nga xô, Trung Quốc ngày xưa. Không biết ngăn chặn cái gì cả.

Ông Richard Perle, cố vấn thân cận của Bộ trưởng Rumsfeld tóm tắt Lý thuyết Lewis, nói rằng những khó khăn do phong trào khủng bố gây ra bắt nguồn từ sự thất bại của các xã hội Á rập. Họ bất lực không thể tự thay đổi để bước vào thời hiện đại. Cho nên "thế giới văn minh" phải giúp họ, thay đổi họ.

Ông Lewis nhận định chiến tranh khủng bố hiện nay là hậu quả của "Một cuộc tranh đua đã diễn ra hàng ngàn năm giữa hai tôn giáo lớn trên thế giới."

Người Mỹ giống người Hồi Giáo

Ông Bush vốn là người sùng đạo, những người ủng hộ ông cũng gồm rất nhiều giáo hội rất sùng tín. Họ chia sẻ ý định "reo rắc ánh sáng văn minh" như các nhà truyền đạo. Một yếu tố quan trọng trong các cuộc vận động tranh cử hiện nay là tôn giáo. Đó là lý do các vấn đề như "hôn nhân đồng tính," cấm phá thai trở thành những đề tài tranh cử năm nay. Người Mỹ khác người Âu châu là họ còn tinh thần tín ngưỡng rất cao. Về điểm này thì người Mỹ rất giống các người dân Hồi Giáo.

Một cuộc nghiên cứu dư luận gần đây của hãng Pew Research nêu câu hỏi "Bạn nghĩ gì về ý kiến nói rằng: Người nào có tin ở Thượng đế thì mới là người có đạo đức?" Ai không đồng ý có nghĩa là họ nghĩ những người không tin có Thượng đế cũng có thể có đạo đức được. Kết quả cuộc thăm dò cho thấy có 58 phần trăm người Mỹ đồng ý với ý kiến trên; có 89% người Pakistan cũng đồng ý. Họ nghĩ rằng nếu ai không tin vào Thượng đế thì người đó chắc không thể có đạo đức. Trong khi đó chỉ 25% người Anh quốc nghĩ như thế. Nói chung, các nước Âu châu đã "thế tục hóa" nhiều hơn là nước Mỹ hoặc các nước Hồi Giáo. Phong trào thế tục hóa xã hội, tách tôn giáo ra khỏi chính trị đã khởi sự từ mấy trăm năm qua và đã thay đổi nhiều nước Thiên Chúa giáo, kể cả nước Mỹ. Thế tục hóa là điều kiện để một xã hội có thể sống dân chủ, tự do. Vì vậy, tu chính án số 1 của hiến pháp Mỹ đã cấm quốc hội không được làm luật thiết lập một tôn giáo quốc gia, cũng như không được ngăn cản các tôn giáo hành đạo. Các nước Mỹ và Âu châu thế tục hóa nhiều hơn nên cũng có thái độ bao dung về tôn giáo hơn. Nếu không thì không thể nói đến chuyện tôn trọng quyền làm người.

Nhưng ở các xứ Hồi Giáo thì khác. Cho tới nay, phần lớn người Hồi Giáo vẫn theo truyền thống cổ, không phân biệt tôn giáo, xã hội và chính trị. Các "học giả giáo sĩ" cũng là những người có thẩm quyền giải thích luật lệ, từ luật hôn nhân đến luật di sản, luật báo chí, đảng phái, vân vân. Những nước Hồi Giáo đã thế tục hóa thành công như Thổ Nhĩ Kỳ và mấy nước Bắc Phi, mới chỉ có Thổ Nhĩ Kỳ có thể coi là dân chủ từ mấy năm gần đây. Ở các nước như Ai Cập, Algerie, tuy hiến pháp có vẻ dân chủ nhưng chế độ vẫn còn lạc hậu lắm. Nếu muốn lấy một quốc gia làm mẫu hàng bán chế độ dân chủ cho các nước Hồi Giáo thì chính phủ Mỹ nên đem Thổ Nhĩ Kỳ ra làm mẫu. Nước này đã bắt đầu hiện đại hóa, thế tục hóa từ đầu thế kỷ 20, nay được gần một trăm năm.

Cho nên chúng ta có thể tiên đoán là các nước Á rập và Hồi Giáo sẽ rất dè dặt và nghi ngờ Lý thuyết Văn minh hóa của Tổng thống Bush. Thái độ của họ có quan trọng hay không? Tổng thống Bush có vẻ không quan tâm lắm.

Tổng thống Bush không quan

tâm đến các chi tiết vì thái độ của một người nhiệt tín, trong tôn giáo cũng như trong chính trị, là chọn lựa một con đường rồi cứ thế mà tiến tới, bất chấp mọi trở ngại. Đối với họ thì niềm tin có thể đưa tới phép lạ. Trong lúc ở Mỹ ông Bush đang hô hào thay đổi thế giới, thì ở Iraq, Afghanistan, Palestine, khắp vùng Trung Đông, bao nhiêu người khác cũng đang muốn thay đổi thế giới chung quanh họ. Nhưng họ muốn theo một bản lộ trình khác. Lại thêm một cuộc chạy đua giữa hai thứ niềm tin.

Iraq có giống Việt Nam không?

Không thể ví cuộc chiến ở Iraq hiện nay với chiến tranh Việt Nam 40 năm trước. Nếu như chính phủ Mỹ sẽ thất bại tại Iraq, thì nguyên nhân gây ra không giống, mà chắc chắn kết cục ở đó cũng sẽ khác ở Việt Nam. Nhiều người còn ví tình trạng của người Mỹ ở Iraq tương tự như người Israel ở Liban hồi 1982. Nhưng nước Mỹ cũng sẽ không thể bắt chước chính phủ Israel, như họ đã rút quân khỏi Liban vào năm 2000 được. Mặc dù người ta rất thích so sánh với những bài học trong quá khứ, phải nói rằng mỗi cuộc chiến tranh đều khác nhau. Chỉ giống nhau ở một điểm là rất nhiều người chết mà phần lớn là những cái chết có thể tránh được.

Iraq khác Việt Nam ngay từ tình trạng trước khi xảy ra chiến tranh. Nội chiến ở Việt Nam bắt đầu trong bối cảnh một nước chia đôi với hai chính phủ ở hai miền Nam Bắc từ năm 1954. Ở Iraq không có cảnh đó. Miền Bắc Việt Nam được cả hai trung tâm khối cộng sản giúp, là Nga xô và Trung Quốc. Còn miền Nam thì được khối tư bản giúp, mà Mỹ đóng vai chính. Năm 1959 miền Bắc bắt đầu xâm nhập; năm 1964 quân Mỹ bắt đầu được đem vào miền Nam, trên nguyên tắc là do chính phủ miền Nam kêu gọi.

Ở Iraq thì khác: quân Mỹ tiến vào lật đổ một chính quyền đang cai trị dân một cách độc tài tàn ác suốt ba chục năm. Hơn một năm sau, bây giờ quân Mỹ phải dựng lên một chính quyền mới để trao chủ quyền quốc gia cho họ, nhưng bị nhiều nhóm dân Iraq chống đối. Lúc đầu, các lực lượng chống lại quân Mỹ là dư đảng của chế độ Saddam Hussein; quân Mỹ mất cả năm để tiêu diệt dần dần các toán du kích và khủng bố này. Nhưng kể từ tuần lễ thứ nhì của tháng Tư, một phong trào chống Mỹ mới bùng lên, đồng loạt ở nhiều thành phố, có võ trang, được nhiều người dân ủng hộ. Mà nguyên nhân là vì sự vụng về và thiếu chuẩn bị của chính phủ Mỹ trước cũng như sau khi đánh Iraq. Nhưng chiến tranh Iraq không phải là cuộc đương đầu của quân đội hai quốc gia như Nam và Bắc Việt Nam.

Nói về tương quan lực lượng quân sự thì những người Iraq chống Mỹ không thể so sánh với quân đội Bắc Việt tấn công Nam Việt Nam được. Những nhóm người Si A ủng hộ ông Muqtada al-Sadr có từ 3,000 đến 6,000 tay súng, không có trọng pháo, xe tăng, không được huấn luyện, và rải rác ra ở nhiều trung tâm đô thị. Cùng lắm họ có thể kéo dài chiến tranh du kích nhưng khó nâng lên thành trận địa chiến. Những nhóm người theo phái Sun Ni trước đây từng ủng hộ ông Saddam, đã chống nhau với phái Si A; nhưng bây giờ họ hợp tác cùng với đạo quân Mahdi chống Mỹ của ông Sadr. Nhưng lực lượng của nhóm Sun Ni còn ít người hơn đạo quân Mahdi.

Lực lượng nhỏ, mà các toán du kích chống Mỹ cũng không có những căn cứ an toàn để rút về dưỡng quân, nhận tiếp viện, như quân cộng sản Việt Nam đã dùng Cam Bốt, Hạ Lào, và Bắc Việt. Trong nhiều năm, quân Mỹ mặc nhiên chấp nhận các căn cứ đó, không cho Việt Nam Cộng Hòa đánh sang Cam Bốt hay qua sông Bến Hải. Còn bên cạnh xứ Iraq không có nước nào chịu nhận cho các đám quân nổi dậy lánh nạn nếu bị Mỹ săn đuổi, vì họ cũng sợ chiến tranh có thể lan sang nước mình.

Những lực lượng chống Mỹ ở Iraq này không được tiếp tế từ bên ngoài như Nga xô và Trung Quốc đã tiếp viện cho Bắc Việt trước năm 1975. Mà nguồn tiếp tế nhân lực từ Bắc vào miền nam Việt Nam thì không bao giờ cạn. Trước năm 1975 dù khối cộng sản đã chia rẽ nhưng cả Bắc Kinh lẫn Mát Cơ Va đều giúp Cộng Sản Việt Nam hết sức của họ cho đến khi thắng mới thôi.

Tóm lại, tình hình quân sự ở Iraq hiện nay khác hẳn ở Việt Nam trước đây 40 năm. Nếu quân đội Mỹ tiếp tục bao vây và truy kích các toán quân nổi dậy thì cuối cùng họ sẽ đạt được mục đích đó. Nói quân Mỹ bị sa lầy ở Iraq là nhầm. Quân du kích đánh trong thành phố cũng nguy hiểm như đánh từ các lũy tre và rừng rậm, nhưng khả năng di động của họ có giới hạn. Lính Mỹ tấn công ở trong thành phố thì dễ tìm thấy mục tiêu hơn là ở trong rừng, nhất là khi họ có các vũ khí do thám tối tân. Và họ cũng an tâm hơn vì họ có thể làm chủ chiến địa, chứ không sợ ở thế thụ động.

Iraq còn khác Việt Nam ở một điểm quan trọng nhất, là vị trí của Iraq bây giờ rất lớn trong chiến lược toàn cầu của Mỹ. Năm 1970 đa số người Mỹ thấy Mỹ có rút khỏi Việt Nam thì

cũng chẳng huy hại gì cho họ. Những người phản chiến đặt câu hỏi: Mỹ có quyền lợi gì ở Việt Nam mà phải đem quân tới đó chết? Năm 1975 miền Nam Việt Nam bị chiếm thì cũng không làm cho cuộc chiến tranh lạnh giữa Mỹ với Nga và Trung Quốc lúc đó thay đổi bao nhiêu, nước Mỹ không cảm thấy họ bị đe dọa. Chủ nghĩa cộng sản không vì thế mà bành trướng được ra các nước Đông Nam Á như Phi Luật Tân, Thái Lan, Mã Lai Á, vân vân. Ngược lại, sau năm 1975, phong trào cộng sản khắp thế giới bắt đầu xuống, vì các nước nghèo cũng thấy những chính sách của Lê Duẩn, Pol Pot chỉ làm cho dân chúng khổ hơn. Khối cộng sản còn bị sa lầy ở Cam Bốt, nơi hai nước cùng theo một chủ nghĩa đánh lẫn nhau.

Ngược lại, nếu Mỹ chịu thua ở Iraq bây giờ thì ảnh hưởng sẽ rất tai hại. Uy tín của Mỹ sẽ bị giảm nặng ở Trung Đông và khắp thế giới, phong trào khủng bố quốc tế của các nhóm Hồi Giáo cực đoan sẽ lên cao hơn. Điều quan trọng là an ninh nước Mỹ và Âu châu sẽ bị đe dọa nặng nề hơn. Vì thế cả Tổng thống Bush lẫn Nghị sĩ John F. Kerry, ứng cử viên tổng thống của đảng Dân Chủ đều chủ trương phải giữ quân Mỹ ở Iraq. Ông Kerry có lúc còn đề nghị tăng quân số ở Iraq nữa. Ông Kerry chỉ đưa ra sách lược khác ông Bush, là lôi kéo các nước đồng minh và các nước Á rập vào Iraq, thay vì để Mỹ chịu đựng một mình. Cũng vì vậy, không có một "phe phản chiến" đáng kể ở nước Mỹ bây giờ, như hồi chiến tranh Việt Nam.

Iraq và Liban

Trong tháng Tư năm 2004 nhiều cuộc nổi dậy của dân Iraq gây khó khăn cho quân Mỹ; người Sun Ni ở thành phố Falluja và người Si A ở các thành phố Najaf, Karbala, vân vân, phía Nam Iraq. Người Si A vốn đã đón mừng quân Anh, Mỹ đến giải phóng họ khỏi ách đô hộ của ông Saddam Hussein, chế độ của ông ta dựa vào khối người thiểu số theo phái Sun Ni. Nhưng ngay ở thành phố Falluja, vụ nổi dậy cũng không thể coi là do "dư đảng" của ông Hussein chủ mưu, với mục tiêu tái lập chế độ cũ.

Falluja, với 300 ngàn dân, không phải là một căn cứ địa của đảng Baath. Đó là một thành phố du lịch, bây giờ quân đội Mỹ đang đóng trong những khu biệt thự nghỉ mát. Falluja cũng là nơi có những tín đồ Hồi Giáo theo dòng Sufi, một dòng tín ngưỡng Hồi giáo thiên về thần bí thành lập từ thế kỷ 12, thường hay được so sánh với các tu sĩ trong Thiên chúa giáo chuyên về cấm phòng suy ngẫm lời thánh, hoặc các thiền sư nhập thất trong Phật giáo. Một người theo phái Sufi ở Falluja đang nổi tiếng khắp nước Iraq nhờ các bài ngâm vịnh của ông ta thu vào đĩa bán rất chạy. Ông Salah Hashem al-Janabi, gọi là một maddha, trở thành một nhà ngâm vịnh nói lên nỗi thống khổ của người dân mất nước, than về cảnh quân chiếm đóng trong thành phố của họ, và ca ngợi các quân du kích đánh Mỹ. Những người hâm mộ ông ta không phải các tín đồ quá khích theo Osama bin Laden. Vì ông bin Laden theo phái Wahabi là một phái coi những người theo dòng Sufi là mê tín, dị đoan, thờ ngẫu tượng và "thờ xác chết!" Ông al-Janabi bây giờ đã trốn sang Syrie, nhưng không thể coi ông ta là đảng viên đảng Baath, cũng như không thể coi ông là theo al Qaeda.

Những vụ nổi dậy ở Falluja, Najaf là phản ứng của người dân Iraq trước cảnh bị chiếm đóng, mà dân chúng nước nào cũng phản ứng theo lối đó. Họ cảm thấy liên kết với số phận của dân Palestine, một phần cũng vì họ nhìn người Mỹ ở Iraq giống như người Israel ở Palestine. Nhóm du kích giết bốn người Mỹ ngày 31 tháng Ba vừa rồi tự gọi bằng tên giáo sĩ Yasin, lãnh tụ tinh thần nhóm Hamas bị quân Israel bắn chết trước đó mấy ngày.

Nhiều người Israel nhận xét tình cảnh Mỹ ở Iraq bây giờ giống với tình trạng quân Israel ở Liban trong thập niên 1980. Liban (gọi tên theo lối Pháp, còn tiếng Anh gọi là Lebanon,) đã từng là nơi tập trung lực lượng Mặt trận Giải phóng Palestine từ thập niên 1970, vì có hàng triệu người gốc Palestine sống trong các trại tị nạn tại xứ đó. Năm 1982 chính phủ Israel theo kế hoạch của Bộ trưởng Quốc phòng Ariel Sharon tấn công Liban. Khi quân Israel tiến vào Liban, họ cũng được những người theo giáo phái Si A đón chào nồng nhiệt, vì ở đây phái Si A là một thiểu số và thường bị người Palestine theo phái Sun Ni trấn áp. Nhưng chính phủ Israel đã chọn một số người Thiên Chúa giáo làm đồng minh ở Liban, và một năm sau thì người Si A cũng chống quân Israel. Sau cùng Israel đạt được mục tiêu của họ là trục xuất được ông Arafat và các thủ lãnh Mặt trận Giải phóng Palestine ra khỏi Liban; nhưng họ cũng không thành công trong việc lập một chính phủ Liban thân hữu với họ. Mà dân chúng Liban theo Hồi Giáo thì tiếp tục chống Israel. Một mặt trận mới chống Israel ra đời, mang tên Hezbollah tấn công quân Israel không nghỉ, suốt 18 năm chiếm đóng trung bình mỗi năm Israel chết khoảng 30 binh sĩ ở Liban. Cho đến năm 2000 thì quân

Israel rút về nước.

Liệu tình hình Iraq rồi có thể biến thành một xứ Liban cho nước Mỹ hay không? Khi mới nhậm chức, ông Giám quốc người Mỹ Paul Bremer đã giải tán hai định chế xã hội quan trọng ở Iraq là quân đội và đảng Baath. Từ đó, khoảng trống chính trị được thay thế bằng các giáo sĩ và giáo đường ở các khu người theo phái Si A. Còn người Sun Ni thì quay về các bộ tộc cổ truyền đã tồn tại từ ngàn năm; mà chính quyền đô hộ người Anh cũng như chế độ Hussein sau họ phải coi đó là những định chế trung gian để cai trị. Quân đội Mỹ còn ở Iraq thì sẽ còn bị tấn công lẻ tẻ, dai dẳng, và bất ngờ, cho đến khi phát nản. Gần đây, chính quyền Bremer bắt đầu biết đến, và nhờ các bộ tộc ở Falluja làm trung gian, cũng như cho khôi phục lại một số sĩ quan trong quân đội Iraq cũ, và các công chức, giáo sư đảng viên đảng Baath.

Năm 1983 quân Mỹ đã tới Liban để bảo vệ chính phủ ở Liban, dưới lá cờ Liên Hiệp Quốc; nhưng sau khi 260 binh sĩ Mỹ bị bom tự sát làm chết, Tổng thống Reagan thấy chẳng dại gì đưa đầu chịu báng, đã rút hết quân về. Năm nay chính phủ Mỹ có thể cứ thực hiện chương trình chuyển giao quyền hành cho người Iraq. Nhưng uy tín của chính quyền Iraq cao hay thấp mới sẽ là yếu tố quyết định, sau khi họ chính thức trở thành chủ nhân ông của nước Iraq. Hiện nay thì uy tín đó không có gì cao, mà còn đang bị hao mòn vì các cuộc hành quân của Mỹ để đối phó với những cuộc nổi dậy của cả người Si A lẫn người Sun Ni. Chính quyền lâm thời do Mỹ đặt lên khó tạo được uy tín khi mà họ không có quyền hành gì đối với các lực lượng vũ trang, nhất là quân ngoại quốc. Họ cũng không có quyền thay đổi các luật lệ tạm thời mà chính quyền Bremer đã đặt ra, phải chờ bao giờ có chính phủ dân cử mới được đổi. Hơn 70 ngàn cảnh sát viên do Mỹ tuyển mộ và huấn luyện đã tỏ ra bất lực, nhiều nhóm chính thức đứng về phía quân nổi dậy chứ không ủng hộ quân Mỹ. Một toán quân đội từ chối không theo lệnh quân Mỹ đánh người Iraq khác. Những nhà chính trị cũng như các ông cảnh sát biết rằng về lâu về dài họ sẽ phải sống với người Iraq trong nước họ, sau khi quân Mỹ rút đi, trong năm năm hoặc ba năm nữa. Các nhà chính trị Iraq lưu vong như ông Ahmed Chalabi, nếu thất bại vẫn có thể chạy ra ngoại quốc, như họ vẫn sống ở nước ngoài từ 30, 40 năm. Nhưng các chính trị gia khác sẽ phải đứng về phía dân chúng.

Từ một năm nay, người dân Iraq sống trong cảnh bị quân nước ngoài chiếm đóng. Dù họ có ghét chế độ Saddam Hussein thì họ cũng không hãnh diện gì về cảnh sống dưới một chính quyền ngoại quốc, với tình trạng an ninh, trật tự và kinh tế chưa tiến bộ. Còn về chính trị thì họ hoàn toàn chỉ mới nghe nói đến chế độ dân chủ chứ chưa biết nó thế nào. Họ chỉ thấy quân đội ngoại quốc trả đũa mạnh mẽ mỗi lần có du kích tấn công, và nhiều người Iraq chết. Chỉ vì quân du kích ở falluja giết bốn người Mỹ mà quân đội Mỹ trả đũa đã làm chết 600 người Iraq trước khi ngưng bắn để điều đình. Từ ngày 4 tháng 4 năm 2004 ông Muqtada al Sadr nổi bật lên như một người có can đảm dám chống lại quân Mỹ. Thân phụ ông ta, người chú và hai người anh của ông ta đã bị chế độ Saddam Hussein giết. Ông ta không bỏ ra ngoại quốc mà ở lại trong nước Iraq để chống chế độ Hussein. Nhiều người Iraq có thể hãnh diện về ông ta, nhiều người sẽ coi ông ta như một anh hùng. Sau khi quân Mỹ dẹp tan các cuộc kháng cự ở Falluja và Najaf thì người Iraq lại có thêm nhiều "thánh tử đạo" khác để thờ. Khi một cuộc tranh chấp biến từ chính trị sang tôn giáo thì rất khó thỏa hiệp. Và khi nhuốm mầu tôn giáo thì sẽ nhiều người tuẫn đạo hơn.

Nhưng quân đội Mỹ có thể rút khỏi Iraq như quân Israel đã rút khỏi Liban hay không? Không thể được. Vì tình cảnh hai nơi khác hẳn nhau. Quân Israel có rút khỏi Liban thì vẫn bảo vệ được an ninh ở biên giới phía bắc giữa hai nước, và chính quyền Liban vẫn còn nguyên để giữa trật tự ở nước này. Nhưng nếu quân Mỹ rút khỏi Iraq thì nội chiến có thể xảy ra, giữa người Á rập và người Kurd, giữa người Á rập phái Sun Ni và phái Si A. Ngoài ra, các nước chung quanh sẽ thấy đục nước mà thả câu. Các nước Iran, Thổ Nhĩ Kỳ, Syrie, Jordanie, Á rập Sau đi, Israel đều có quyền lợi dính dáng tới tình hình Iraq. Mỗi nước đều lo các nước kia chiếm thế mạnh ở Iraq, bất lợi cho mình. Ngày xưa ông Saddam Hussein là một cái chốt đứng giữa, bảo vệ một thế quân bình lực lượng trong vùng này. Nước Mỹ đã lỡ đem quân vào Iraq rồi, không thể rút khỏi Iraq để một khoảng trống chính trị cho các nước chung quanh lo lắng tìm cách vào để lấp đầy.

Cuối cùng thì dù ai sẽ lên làm tổng thống Mỹ vào cuối năm nay cũng không thể rút khỏi Iraq. Họ sẽ phải tìm cách quốc tế hóa vấn đề chính trị xứ này qua ngả Liên Hiệp Quốc, hoặc tốt nhất là qua các nước Á rập đồng minh của Mỹ. Nhưng nước Mỹ phải làm xong công việc ở Iraq chứ không thể bỏ giở giang.

NGÀNH DU LỊCH PHỤC HỒI MÙA HÈ 2004

THANH THẢO

Sau biến cố khủng bố lịch sử ngày 11 tháng 09 năm 2001 kỹ nghệ du lịch tại Mỹ coi như bị tê liệt. Đa số người dân chỉ tổ chức những chuyến du ngoạn nhỏ, ngắn dùng đường bộ (lái xe hơi, đi xe buýt hoặc xe lửa...) trong nước.

Những biến động khủng bố mới xảy ra, gần đây nhất là vụ đặt bom nổ trên xe lửa ở Madrid, Tây Ban Nha hồi đầu tháng Ba 2004 khiến nhiều người làm việc trong ngành du lịch lo ngại có lẽ năm nay phải tiếp tục "ngồi chơi xơi nước" chờ thời lâu lắm vì còn ai mà dám sang du lịch Âu Châu nguy hiểm?

May thay, câu trả lời là không.

Năm nay những người làm việc trong ngành du lịch có lẽ không có thời giờ "ngồi chơi xơi nước" đâu. Mùa Hè 2004 có thể là thời điểm đánh dấu sự phục hồi của kỹ nghệ du lịch từ năm 2000 cho đến nay.

Tạp chí *BusinessWeek* số phát hành ngày 19 tháng Tư 2004 cho biết mùa Hè năm nay nhiều gia đình đã tổ chức những cuộc "họp mặt các thành viên" (family reunion) tốn kém lên đến cả $50,000. Đa số những thành viên trong các đại gia đình này sinh sống tại nhiều nơi trên thế giới tụ hội về Mỹ hoặc về các tụ điểm khác ở châu Âu. Dịp gặp gỡ của những đại gia đình là một thách thức đối với các nhóm khủng bố muốn phá hoại kỹ nghệ du lịch và gây sợ hãi bất an cho thường dân nói chung.

Cũng có những gia đình ít người cảm thấy mệt mỏi phải đương đầu với bao nhiêu vấn đề hàng ngày nên nhất định đưa gia đình đi du lịch cho thoải mái. Theo quan niệm có nhau lúc nào là được chia sẻ thời giờ chất lượng lúc ấy, những người này rõ ràng không để mối đe dọa khủng bố thay đổi sinh hoạt.

Và còn hàng triệu người khác tuy ngại tốn kém vì giá xăng tăng cao trong mấy tháng gần đây khiến giá vé du lịch cũng tăng nhưng vẫn cho rằng dịp nghỉ Hè là cần thiết bõ công sức làm việc suốt năm. Những người này nhất định chi tiền đi chơi cho thỏa chí và là nguồn khách lớn nhất cho ngành du lịch năm nay.

Suy nghĩ chung của đa số dân Mỹ có nghĩa là mùa Hè 2004 giới làm việc trong ngành du lịch có cơ hội kiếm tiền vì... không đủ thời giờ tiếp hết khách hàng.

Theo Hội Kỹ Nghệ Du Lịch (Travel Industry Association) chỉ số người thích du lịch tiêu khiển tăng đáng kể trong ba tháng đầu năm 2004. Chuẩn bị vào Hè, chỉ số này đã tăng đến mức cao nhất kể từ mùa Hè 2002.

Nhiều công ty du lịch báo cáo số khách đặt chỗ trước tăng vọt, chẳng hạn công ty Carlson Wagonlit Travel cho biết số khách mua vé đặt chỗ đi chơi xa trong mùa Hè này đã tăng 30%. Công ty Orbitz Inc. cho hay số khách đặt chỗ trước từ ngày 1 tháng Sáu cho đến ngày 15 tháng Chín năm nay đã tăng đến 67% so với năm ngoái. CheapTickets.com báo cáo số người đặt chỗ trước tăng 21%, trong đó số người du lịch ngoại quốc tăng cao nhất, đến 83%.

Một số công ty du lịch thông báo nhu cầu du lịch công ty họ phải cung ứng tăng vượt cả mức

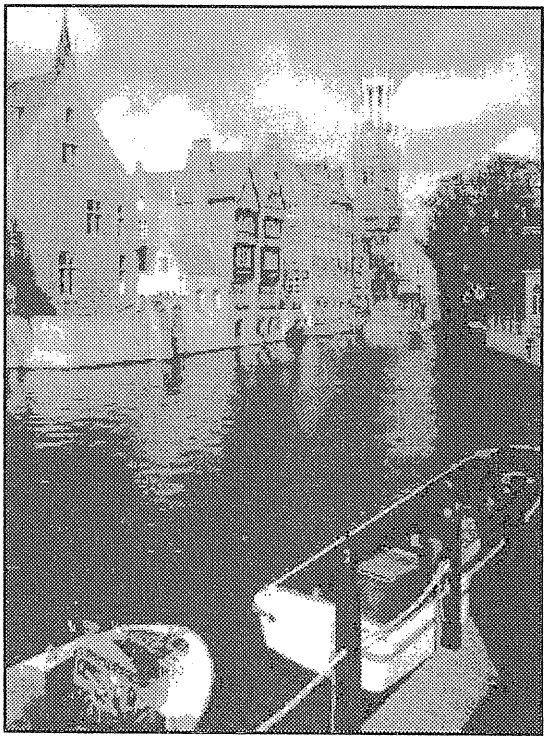

Các thuyền trên kinh đào ở Bruges, thành phố của Bỉ, nơi thu hút du khách tới viếng thăm

độ trước biến cố 11 tháng 9, 2001. Có những công ty còn nhận được đơn đặt trước không thua gì thời vàng son năm 2000. Trong những công ty may mắn này có Universal Parks & Resorts tại Orlando, Florida, Hoa Kỳ.

Không những chỉ có những địa danh nổi tiếng mới thu hút khách du lịch. Những nhánh khác trong ngành du lịch như du lịch bằng đường biển cũng thấy thương vụ tăng cao. Du thuyền Royal Caribbean Cruises Ltd. cho biết vì nhu cầu tăng ngoài dự liệu công ty đã tăng giá vé nhưng vẫn không thấy số khách giảm đi. (Ai định đặt chỗ trên du thuyền này chắc buồn... 5 phút!)

Khi kỹ nghệ du lịch phát triển những ngành liên quan cũng được lợi theo. Chẳng hạn các công ty cho thuê xe như công ty Dollar Thrifty Automotive Group đang có kế hoạch tăng giá xe cho thuê lên từ 5% đến 7% trong ba tháng thứ nhì của năm nay.

Kỹ nghệ khách sạn cũng không thua xa bao nhiêu. Thay vì phải quảng cáo hạ giá phòng rầm rộ như các năm trước, những khách sạn lớn chẳng hạn như Hyatt Corp. năm nay giữ nguyên giá và còn dự trù tăng giá vào cuối năm nay.

Những tư nhân chủ các căn nhà nho nhỏ dọc theo các vùng duyên hải chuyên cho thuê nhà vào mùa Hè cũng cho biết thay vì phải treo bảng hạ giá từ lúc này như họ vẫn thường làm hai, ba năm qua năm nay họ không giảm giá mà cũng đã cho thuê được hết trọn mùa Hè 2004.

Cách quảng cáo của họ là... mời khách trọ dùng miễn phí đặc sản vùng ở trọ. Chẳng hạn đặc sản Tôm Hùm tại đảo Great Diamond, ven biển Maine, đã giúp bà chủ Mary Beth Teas cho thuê hết những căn nhà của bà. (Chà! Tuy không được giảm giá thuê mà được dùng Tôm Hùm miễn phí hàng ngày cũng thích quá chứ!)

Chỉ có một kỹ nghệ trong ngành du lịch có vẻ không được may mắn trong mùa Hè 2004. Đó là kỹ nghệ hàng không.

Mặc cho số khách du lịch tăng vượt trội những năm trước, sự cạnh tranh gắt gao giữa các công ty hàng không cộng với giá xăng tăng kỷ lục năm nay hứa hẹn may lắm các công ty hàng không mới huề vốn thôi. Tuy nhiên trong kỹ nghệ hàng không nói đến việc không bị lỗ vốn đã là điều đáng mừng.

Số người đi du lịch nhiều trong mùa Hè 2004 có nghĩa là địa danh nào đáng thăm viếng cũng sẽ đầy người. Phương tiện du lịch nào đáng kể cũng sẽ hết chỗ tốt sớm hơn trước. Những con đường du ngoạn đáng nhắc đến sẽ kẹt nhiều xe vì nhiều người lái. Vài chương trình du lịch giá thấp còn sót lại từ năm ngoái sẽ không đủ cung ứng số người mua. Năm nay chờ đến hạn chót mới chịu mua vé không những không giúp quí vị tiết kiệm được gì mà có khi còn gây tốn kém hơn dự trù.

Vì thế mùa Hè năm nay nếu dự tính du lịch cùng gia đình hay bạn bè quí vị nên đặt chỗ trước ngay từ bây giờ. Nếu không quí vị sẽ gặp phải cảnh "Trâu chậm uống nước đục" mất vui lắm đó.

NHÂN CÔNG LỚN TUỔI ĐANG ĐẮT GIÁ

Tuần qua đi mua vài món lặt vặt để sửa sang nhà cần hỏi vài mẹo vặt để thay bóng đèn ngoài sân cỏ Thanh Thảo may mắn được một nhân viên lớn tuổi rất tận tâm giải thích cách làm. Lúc trả tiền nhận thấy người tính tiền tại tiệm **Home Depot** có mái tóc điểm sương. Khi đưa các con đi mua kem lại thấy người bán hàng tóc hoa râm.

Cả ba nhân viên lớn tuổi kể trên đều nhã nhặn. Nhất là người bán kem kiên nhẫn đợi các cháu nhỏ chọn hàng mà không tỏ vẻ sốt ruột, bất cần.

Thái độ của họ khác hẳn những nhân viên tuổi dậy thì hoặc vừa trưởng thành thường thấy làm những công việc trên.

Không lẽ trào lưu mới của các công ty bán lẻ là tìm nhân viên đứng tuổi?

Và nếu thế có phải họ có thể trở thành là sự cạnh tranh của giới trẻ mới lớn trong thị trường nhân dụng chăng?

Theo tạp chí *BusinessWeek* số phát hành ngày 26 tháng Tư 2004 không những chỉ có các công ty bán lẻ mà cả những công ty sản xuất sản phẩm không đòi hỏi nhiều khả năng hiện đang nỗ lực tìm nhân công đứng tuổi. Điều này là một ngạc nhiên lớn của lãnh vực nhân dụng. Điển hình là trường hợp gần đây nhất.

Tháng Hai năm nay, sau khi Hội AARP, một tổ chức bất vụ lợi toàn quốc Hoa Kỳ dành riêng cho những người trên 50 tuổi, ký hợp đồng cung ứng nhân viên với công ty Home Depot nhiều công ty khác cho thấy nhu cầu tương đương.

Tính đến nay trên 30 công ty khác đã liên lạc với hội AARP nhằm ký những hợp đồng tìm nhân viên tương tự. Những công ty liên lạc với hội bao gồm nhiều lãnh vực kinh doanh sản xuất chẳng hạn như công ty chuyên về nghệ thuật **Bush**

Entertainment, tiệm bán sách báo và sản phẩm nghệ thuật loại lớn **Barns & Noble** hoặc công ty chuyên tài chính kế toán **H & R Block**.

Sự hưởng ứng nồng nhiệt một cách thái quá của những công ty kể trên khiến vị giám đốc chương trình tìm việc làm cho hội AARP phải kinh ngạc. Ông Jim Seith cho biết chưa đầy hai tháng sau khi ký hợp đồng đầu tiên với Home Depot, hội AARP hiện đang soạn thảo những hợp đồng thuê nhân viên với một số công ty lớn khác nhằm phục vụ đúng nhu cầu hơn 35 triệu hội viên toàn quốc.

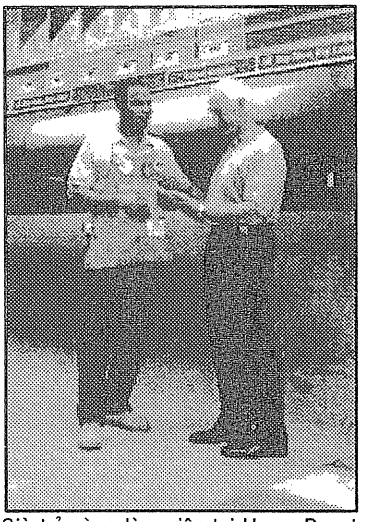
Già trẻ cùng làm việc tại Home Depot

Mới cách đây chưa đầy một thập niên nhiều người đứng tuổi than phiền phải dùng thuốc nhuộm tóc để đừng trông già trước tuổi nhằm dễ xin việc làm. Thậm chí có nhiều người còn tìm đến phương pháp giải phẫu thẩm mỹ như căng da mặt vân vân để giữ vẻ trẻ trung.

Coi có vẻ già nua là có thể mất việc (chuyện thật chứ đâu phải chơi!) trong thời kỳ kinh tế trì trệ mặc dù trên thực tế chưa công ty nào dám công nhận việc chuộng nhân viên trẻ trung.

Nhưng ngày nay điều này không còn cần thiết nữa! Trái lại, có khi tóc bạc da mồi lại là lợi điểm cho những người tìm việc làm không đòi hỏi khả năng chuyên môn cao.

Lợi điểm của những người đứng tuổi là kinh nghiệm sống. Sự từng trải ít nhiều giúp nhân viên cao niên giữ thái độ hòa hoãn, kiên nhẫn hơn những nhân viên mới lớn còn ngổ ngáo "coi trời bằng vung." Kinh nghiệm sống cho họ kinh nghiệm làm việc và những bài học vô giá về xử thế. Điều này là vài điểm chính trong những lý do các công ty kinh doanh thích tìm nhân viên cao tuổi. Năm 2003 vừa qua trên 21 triệu nhân viên toàn quốc Hoa Kỳ thuộc giới tuổi trên 55. So với năm 1999, năm kinh tế toàn quốc trong thời kỳ thịnh vượng, tỉ lệ người cao tuổi làm việc hiện nay đã tăng đến 21%.

Nhưng việc các công ty kinh doanh chuộng nhân viên lớn tuổi cũng có nghĩa là giới thanh niên mới lớn sẽ phải cạnh tranh với người đáng tuổi ông bà mình trong thị trường việc làm.

Theo trào lưu hiện tại, với lực lượng người cao niên thuộc thế hệ "Baby Boomer" đông nhất trong lịch sử đang là thành phần cao tuổi buộc phải tiếp tục đi làm vì mất hết tiền trong quỹ hưu bổng đầu tư chứng khoán hay các vụ đầu tư thất thu hoặc vì họ không muốn sống trong cảnh "ăn không ngồi rồi" sự cạnh tranh việc làm có lẽ còn kéo dài. Nhiều phân tích gia kinh tế cho rằng sự cạnh tranh có thể kéo dài nhiều năm.

Viễn kiến tương lai như trên cho thấy giới thanh niên chắc phải tìm thị trường việc làm đòi hỏi nhiều khả năng chuyên môn hơn. Chỉ tội những cô cậu choai choai muốn đi làm kiếm thêm tiền mua sắm lặt vặt có lẽ phải bớt mua sắm vì việc làm sẽ ngày càng khan hiếm.

TÙ MÙ

TRẦN QUÁN NIỆM

Ngay sau cuộc đột kích của Nhật Bản vào Trân Châu Cảng tháng 12 1941, tổng thống Mỹ Rousevelt ban hành đạo luật ngày 19 tháng 2, 1942, tập trung tất cả cư dân Nhật trên nước Mỹ và quản thúc tại 10 trại tập trung thiết lập trong vùng sa mạc miền Tây nước Mỹ. Khoảng 120 ngàn người Nhật (nửa số này là trẻ em) trong số đó 70% đã có quốc tịch Mỹ đã phải bỏ nhà cửa, cơ sở thương mại để bị nhốt như là một hình phạt chung (collective punishment) vào thời điểm mà sự kỳ thị người Á Châu vẫn rất cao trong xã hội Mỹ, nhất là tại miền Tây.

Thế chiến thứ hai chấm dứt, họ mới được trả tự do. Khi về lại địa phương thì nông trại, nhà cửa đã tan hoang, cơ sở thương mãi điêu tàn vì bị phá hủy do các phần tử quá khích trong xã hội hoặc sự tàn phá của thời gian.

Nhận biết hành động trên là một sai lầm, 34 năm sau, năm 1976, Tổng thống Ford ký một sắc lệnh hành pháp (executive order 9066) thừa nhận đó là một lỗi lầm quốc gia và bồi thường tượng trưng về tài chánh cho những người bị cầm tù. Tuy sự bắt giam dân Nhật gốc Mỹ không giống như các trại lưu đầy của các quốc gia Cộng Sản (Nga Sô, Đức Quốc, Trung Cộng, Việt Cộng v.v.) nhưng đó cũng là một vết đen trong lịch sử nước Mỹ, một quốc gia tự hào với truyền thống dân chủ,

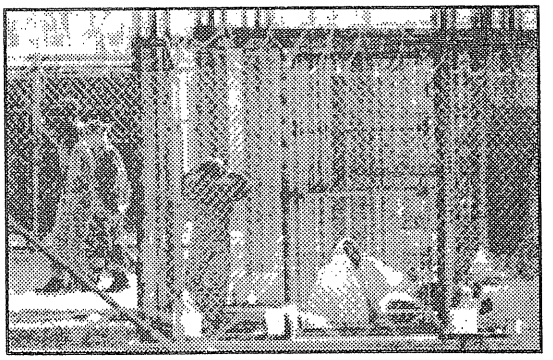

Nhà tù tại Guantanamo, Cuba

nêu cao công lý.

Sáu mươi năm sau, nước Mỹ bị thảm họa khủng bố 11 tháng 9, 2001. Chỉ mấy tháng sau, đạo luật Ái Quốc (Patriot Act) ra đời xiết chặt các tự do của dân chúng, nới rộng quyền hạn của các cơ quan công quyền trong việc dò xét, bắt bớ người dân, đặc biệt là các sắc dân thiểu số nói chung và Ả Rập nói riêng. Trước đây luật lệ ấn định, người dân không thể bị giam giữ quá 24 giờ mà không được cho biết lý do của sự bắt bớ. Nay luật này được gia tăng thành 48 giờ và sau đó tăng lên 72 giờ. Du học sinh và các người nhập cảnh đất Mỹ bị hạn chế hoặc chờ đợi lâu dài để điều tra lý lịch trước khi có giấy phép nhập cảnh. Ngay tại phi trường đến, người nhập cảnh bị lăn tay, lập hồ sơ để tiện bề theo dõi.

Tiếp đến Mỹ đem quân chinh phạt hai quốc gia Ả Rập là A Phú Hãn (Afghanistan) và Iraq năm 2001 và 2003. Một số lớn tù binh hoặc tình nghi khủng bố người Ả Rập (nói chung) bị bắt và gửi đi trại tù được thiết lập trên phần đất Mỹ quản trị thuộc Cuba. Đó là căn cứ Hải Quân Mỹ nằm trong vịnh Guantanamo tại Cuba. Tù mút mùa, Mỹ không cho hưởng qui chế tù binh chiến tranh vì cho là quân khủng bố, không biết tội trạng, không đem ra xử, không biết ngày về, không được thân nhân thăm nuôi. Loại tù này, tác giả còn nhớ Linh Mục Nguyễn Hữu Lễ gọi là "tù mù" nghĩa là mù tịt, đặt trọn số mạng trong tay chủ ngục, chẳng biết tương lai ở đâu. Vợ con, cha mẹ tù nhân lâm vào cảnh đau khổ cùng cực vì chẳng biết người thân sống chết ra sao, bị giam giữ đến khi nào.

Hiện nay tại Guantanamo còn cầm tù gần 700 tù nhân Ả Rập tình nghi là các khủng bố Taliban của A Phú Hãn. Và tại Iraq, con số tù nhân chiến tranh và tình nghi khủng bố không rõ bao nhiêu. Trung tuần tháng 4, 2004, Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ đang cứu xét việc giam giữ tù nhân vô hạn định có vi phạm hiến pháp Hoa Kỳ hay không. Chính quyền Bush bào chữa gượng gạo là căn cứ này nằm trên lãnh thổ Cuba, nên luật pháp Mỹ không áp dụng, lại nữa các tù nhân là người ngoại quốc do đó không được hưởng qui chế luật pháp Mỹ.

Nhưng sự bào chữa lấp liếm đó không ổn vì nhà cầm quyền Cuba không có chủ quyền tại Guantanamo trong vòng 100 năm (mảnh đất này do Mỹ chiếm đóng từ hồi chiến tranh Mỹ-Tây Ban Nha và sau đó Cuba cho Mỹ thuê với thời hạn 100 năm) và từ ngày đó đến nay, luật pháp Mỹ được áp dụng tại đây.

Đồng lúc với đám tù nhân tại Guantanamo, hai công dân Mỹ là Yaser Hamdi và Jose Paddila bị bắt vì tình nghi hoạt động cho nhóm khủng bố Al-Qaeda cũng bị giam giữ vô hạn định tại một trại giam ở tiểu bang South Cariolina. Cả hai không được liên lạc luật sư để biện hộ và cũng không bị kết vào một tội danh nào.

Các ông bà quan tòa tại Tối Cao Pháp Viện chia làm hai phe, ý kiến bất đồng. Phe bảo thủ có ông Rehnquist và Scalia thì phán giam giữ như thế không vi hiến vì căn cứ vào các tiền lệ đã có trước đây. Phe có khuynh hướng tự do cấp tiến là Breyers, Stevens và Souter nói là vi hiến. Hai quan tòa chưa có ý kiến rõ rệt là O'Connor và Kennedy. Khi Tối Cao Pháp Viện phán quyết chung kết về vấn đề này, sẽ giải quyết vấn nạn là Mỹ có quyền tiếp tục giam giữ vô hạn định, không nêu rõ tội danh của trên 600 tù nhân tại Guatanamo hay không.

Nước Mỹ vốn tự hào là một quốc gia thượng tôn pháp luật, hứa hẹn một nền công lý cho mọi người (justice for all) như trong lời thệ nguyện trước lá quốc kỳ Mỹ, nhưng khi đụng chạm vào thực tế chiến tranh, chính quyền cũng né tránh, vo tròn, bóp méo luật pháp như các nước mà Mỹ quốc thường lên án là độc tài, áp chế, Cộng Sản.

Nói dễ, làm khó. Muốn thực thi dân chủ thực sự và áp dụng công bằng xã hội cho mọi người cũng khó lắm thay.

Cái hay của thể chế dân chủ là ba cơ chế hành pháp, lập pháp và tư pháp kềm chế lẫn nhau để tránh tình trạng lạm quyền.

TRỜI CAO CÓ MẮT

Trước tình trạng không đủ nhà tù để nhốt tội nhân, cũng như không đủ nhân viên công lực để canh tù, một số các tiểu bang phải nhờ vào phương tiện điện tử để theo dõi tù thường phạm bị quản thúc tại gia (có nghĩa tù được quyền ở nhà, tự do

đi lại sinh hoạt bị hạn chế nhưng không bị nhốt vào nhà giam) nhưng không được bén mảng đến khu vực ấn định bởi nhà chức trách, thí dụ người phạm tội say rượu lái xe không được la cà nơi quán rượu, kẻ xâm phạm tình dục trẻ vị thành niên không được mon men đến gần trường học hay sân chơi của trẻ nít hay những tên bạo hành với vợ con không được lai vãng khu vực gia cư gần nơi nạn nhân cư ngụ. Thêm vào đó, phạm nhân không được rời nhà vào các giờ "giới nghiêm," thường là buổi tối.

Nguyên tắc hoạt động của phương pháp "tù lỏng" này là thế nào? Phạm nhân đeo một vòng điện tử nơi cổ chân. Vòng này phát tín hiệu tới một máy nhận cầm tay (portable receiver). Máy nhận chuyển tín hiệu lên 24 vệ tinh thuộc Hệ Thống Định Vị Toàn Cầu (Global Position System viết tắt GPS) bay trên trời cao và tính toán vị trí của phạm nhân bất cứ giờ phút nào.

Những tin tức đó được lưu trữ trong "bộ nhớ" tại trung ương. Nhân viên công lực ngồi tại "trung tâm kiểm soát và theo dõi" chỉ cần bấm nút là biết phạm nhân đang ở đâu. Nếu phạm nhân lảng vảng vào vùng "cấm địa" máy tại trung tâm kiểm soát sẽ báo động nhân viên công lực và tức khắc phạm nhân nhận được cảnh cáo là anh ta đã vi phạm lệnh cấm.

Tuy phương pháp điện tử dùng canh chừng các thường phạm đã được sử dụng từ nhiều năm qua, nhưng phương pháp cũ chỉ báo động khi phạm nhân vi phạm lệnh cấm còn nếu không, nhân viên theo dõi không biết vị trí thực sự của phạm nhân.

Nếu phạm nhân cắt bỏ vòng đeo chân rồi bỏ trốn thì sao? Quả thật đây là một điểm yếu của phương pháp "tù lỏng" nhưng ít nhất người ta cũng biết được vị trí cuối cùng của phạm nhân để truy tầm đương sự. Thông thường các phạm nhân cần theo dõi không phải là những tội phạm nguy hiểm với án tích nặng nên việc bất tuân lệnh hay bỏ trốn rất hiếm.

Được biết hệ thống vệ tinh định vị GPS trước đây là bí mật quốc phòng chỉ được sử dụng trong mục đích quân sự, nhưng nay được nới rộng, áp dụng vào các dịch vụ dân sự như kể trên hoặc thiết trí trong xe hơi để giúp người lái xe dò đường trên bản đồ tìm đến địa điểm muốn tới hay theo dõi các xe vận tải hạng nặng chở hàng xuyên bang v.v.

Kỹ thuật cao cần chuyên viên, tin tức nhiều cần thêm nhân sự nên tốn kém hơn. Trung bình phí tổn một ngày cho một người từ 10 đến 12 MK.

Hiện nay một số các tiểu bang áp dụng phương pháp "tù lỏng" để theo dõi gần 4,000 phạm nhân trên toàn quốc. Các cơ quan công lực và tư pháp tại các địa phương khác đang thí nghiệm phương pháp tân kỳ này.

CHUYỆN NƯỚC PHÁP

TỪ NGUYÊN

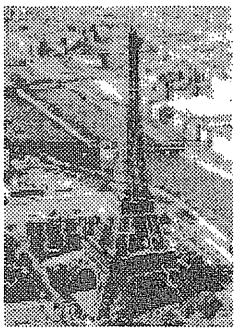

TÂN BỘ TRƯỞNG KINH TẾ NICOLAS SARKOZY

Một tuần lễ từ ngày qua bộ Kinh tế, cựu bộ trưởng Nội vụ Nicolas Sarkozy cho thấy ông vẫn giữ nguyên phong độ. Nói đúng sự thực và hứa... sẽ làm ngay. Trên truyền hình, sự thực được ông nói ra không có chi là hấp dẫn: nước Pháp thâm thủng ngân sách lên đến mức kỷ lục, lỗ hổng quỹ an ninh xã hội sâu thăm thẳm và công trái «rất đáng lo ngại.»

«Không thể để như thế mãi,» ông cả quyết điều mà những người tiền nhiệm của ông cũng biết và đồng ý. «Chúng ta không còn có thể chọn lựa, phải quản trị tài sản quốc gia như một người chủ gia đình tốt, không cần biết đến vấn đề ý thức hệ. »

Qua vấn đề làm: không phải là dễ. Ông nghĩ ngay vấn đề thắt lưng buộc bụng. Nhà nước Pháp đang sử dụng tới 12 triệu thước khối dùng làm văn phòng, có chính đáng không? Vấn đề có vẻ lý thuyết. Vào thực tế chưa gì ông đập ngay nhân viên của ông, nhân viên sở thuế: đông đảo và tốn kém quá nên từ đây đến 2007, sẽ giảm đi 5 000 nhân viên. Những người này đang rục rịch biểu tình phản đối.

Để kiếm tiền cho nhà nước, bộ Kinh tế sẽ bán bớt công ty quốc doanh hay hợp doanh. Trước hết là công ty Snecma (cơ khí) được giải tư từ 30 đến 40%. Thế nhưng bộ KT không đụng đến Công ty EDF và GDF (điện và khí) mặc dầu mới đây nhân viên của các công ty này biểu tình chống đối.

Được cử giữ chức vụ này để đẩy mạnh việc phát triển kinh tế, nói theo lời của tổng thống Chirac, ông không có nhiều phương thế để làm việc. Kinh tế quá yếu đẩy lên không phải dễ,

ngân sách quá nặng nề, lại còn bị áp lực của Liên hiệp Âu Châu. Tăng trưởng quá chậm và yếu, ông cử sáu chuyên viên để nghiên cứu phương cách phá vỡ những nút chặn làm trở ngại cho việc phát triển.

Là nhân vật số hai trong chính phủ Raffarin vừa cải tổ, một mình ông có chức quốc vụ khanh, một thứ siêu bộ trưởng. Ai cũng biết năm 2007, ông sẽ là ứng cử viên tổng thống tranh chức với đương kim tổng thống Jacques Chirac.

(Những công ty có thể giải tư : France Télécom, Air France, ASF, Thales, Renault, Thomson, Bull, EADS, Snecma, Aeroport de Paris, Areva, EDF, GDF, Francaise des Jeux. Nếu bán hết, nhà nước có thể thu được 100 tỉ euro)

CIA BÁO ĐỘNG: CÓ BOM!

Cách đây ba ngày, Paris được báo động có bom của quân khủng bố trong đường tàu hầm RER và metro. Từ ngày cựu ngoại trưởng Dominique de Villepin nhận lãnh bộ Nội vụ thay thế Nicolas Sarkozy để ông này qua bộ Kinh tế, những vụ báo động hăm dọa khủng bố ngày càng nhiều hơn. Lần này, Cảnh sát đã ra tay.

Bộ trưởng Nội vụ đưa ra nguyên tắc «trách nhiệm và phòng ngừa» để biện minh cho quyết định này. Nhất là khi cơ quan báo động không phải là ai khác : CIA của Mỹ ! Chuyện xảy ra như sau :

Chiều hôm đó, cơ quan tình báo của Mỹ báo động bộ Nội vụ rằng họ nhận được một thư trên mạng lưới internet, gởi từ Madrid. Nội dung thư này nói đến một vụ nổ bom trên đường màu đỏ của hệ thống vận tải công cộng tại Paris, từ 20 giờ 30 đến 21 giờ 30.

«Trước tin tức này, chúng tôi đã áp dụng nguyên tắc trách nhiệm và phòng ngừa. Chúng tôi đã ra tay, cô lập đường tàu điện hầm,» bộ trưởng De Villepin nói. Ngay khi vừa nhận được, CIA báo động Tình báo Pháp và cơ quan này báo động cấp trên để cho lệnh phong tỏa đường tàu.

Do từ chi tiết «đường tàu màu đỏ,» Cảnh sát suy ra là đường RER A chạy xuyên qua khu vực thương mãi La Défense, Les Champs-Elysées để nối liền với trạm quan trọng nhất của hệ thống tàu điện hầm là Châtelet-Les Halles. Vào giờ đó, đường tàu RER A này chuyên chở tới 40 000 hành khách.

Lệnh báo động đã được các cơ quan an ninh lãnh thổ tung ra. Cảnh sát, những toán phá hủy chất nổ được gởi tới các trạm metro ở Paris và ngoại ô. (Gần 20 giờ, những người tháo gỡ mìn can thiệp vào một gói hàng ngay tại trạm Roissy Charles de Gaulle. Không phải là chất nổ, nhưng đó là chuyện khác.)

Khu vực Les Halles cũng đặt trong tình trạng báo động: nhà chiếu bóng ngưng chiếu, hồ bơi đóng cửa: những người đang tắm được yêu cầu mặc áo quần vào, đi về. Xếp hàng trước trạm điện thoại hay trạm đón tắc xi.

Tới 20 giờ 30, cuộc báo động chấm dứt, vô sự. Hai mươi phút sau, xe điện hầm hoạt động trở lại cho tới sáng.

EUROTUNNEL, ĐƯỜNG HẦM QUA BIỂN MANCHE

Cuối thập niên 80, đường hầm qua biển Manche là công trình hấp dẫn. Ai cũng nghĩ rằng công ty Eurotunnel, quản lý công trình này rồi ra sẽ phát đạt! Không trách rằng có kẻ đã bán nhà để mua cổ phần của công ty. Hồi đó, một cổ phần là 19,36 euro, tính từ tiền franc là 127 F. Ngày nay: 0,56 euro, coi như không còn giá trị gì. Thê thảm!

Làm sao đến nỗi như vậy? Trong năm 2003, công ty lỗ 250 triệu euro (nhiều hơn nếu tính bằng đô la), nợ 9 tỉ euro, và đang trở thành một vụ xì căn đan lớn nhất thế kỷ! Hai nước Pháp hay Anh muốn nhảy vào cứu - không được: hồi đó, theo lệnh của cựu thủ tướng Magaret Thatcher, một thỏa ước đã được ký kết không cho phép nhà nước bỏ một penny nào vào công trình đào đường hầm qua biển Manche. Pháp cũng y theo.

Lỗi lầm ngay từ đầu bây giờ mới biết: dự chi về phí tổn xây cất thì thấp mà dự thu lại quá cao! Công ty phải chi ra 15 tỉ euro, gấp đôi con số dự tính lúc ban đầu. Dự tính về số xe qua lại quá lạc quan: 30 triệu mỗi năm. Mười bảy năm sau, chỉ có gần 12 triệu! Những sai lầm đã đưa công ty vào tình cảnh này.

Thế sao chưa phá sản? Đã một lần rồi, năm 1997 nếu không được bốn nhà ngân hàng cứu. Với đà xuống dốc không phanh, công ty sẽ phá sản một cách dễ dàng năm 2006. Lúc đó con đường chiến lược (nối liền Anh với Pháp) sẽ vào tay người Mỹ!

Chủ nợ quan trọng nhất hiện nay là người Mỹ, tổ hợp Bechtel. Tổ hợp này đang nắm nhiều cổ phần trong công ty London & Continental Railways có đường tàu siêu tốc nối liền đường hầm với Luân Đôn.

Theo báo Anh thì tổ hợp Bechtel dự tính bỏ

ra 1,7 tỉ euro và tham gia vào việc quản trị của cổ đông Pháp và Anh. Trước đề nghị đó và sự bất động của hai nước, một chuyện hi hữu đã xảy ra ngày thứ tư 7 tháng 4 trong kỳ đại hội các cổ đông của công ty nhóm họp tại ngoại ô thành Paris.

Báo chí tường thuật vụ này chạy tít : «Một cuộc đảo chính của những cổ đông yếu kém.» Ban giám đốc điều hành công ty đã bị truất phế, một ê kíp mới (gồm ba người trong đó có một ông chủ báo) được các cổ đông bầu lên. Sứ mạng: tăng gia hiệu năng, giảm nợ để kéo cổ phần lên. (Trong số 1 triệu cổ phần, 65% là tư nhân và trong số tư nhân này 90% là người Pháp.)

Một gương sáng cho các công ty khác, của Pháp hay của bất kỳ nơi nào, đang lỗ lã. Các cổ đông nhỏ khi đoàn kết (một chuyện không phải dễ,) có thể lật ngược thế cờ, thay đổi chính sách. Jacques Maillot một trong ba người mới được bầu trước đây là chủ tịch công ty du lịch, tuyên bố nếu cần xét lại thỏa ước cấm các quốc gia không được bỏ tiền vào công ty. Ê kíp mới hứa hẹn : năm 2007 sẽ bắt đầu có lời.

Từ khi có tin này, giá cổ phần của Eurotunnel lại... xuống thêm một chút. Các nhà phân tích tài chánh vẫn không lạc quan. «Không nên mua vội, trừ phi muốn đùa với lửa,» một chuyên viên tài chánh can gián.

HAI NHÀ BÁO PHÁP TẠI IRAQ

Trong tuần, tình hình Iraq lại là vấn đề thời sự quan trọng đối với nước Pháp nhất là khi có hai nhà báo Pháp bị bắt và được thả một người trước, một người sau. Đó là Alexandre Jordanov và Ivan Cerieix của hãng truyền hình Paca làm việc cho chương trình «Le Vrai Journal» và «Lundi Investigation» của Đài Canal Plus.

Theo lời của giám đốc của hãng này, ngày 11.4, nhà báo Jordanov, 44 tuổi và Ivan Cerieix, 32, cameraman cùng một thông dịch viên và tài xế tới thành phố Kerbala để quây phim. Cách thành Bagdad khoảng 60 cây số, mấy người này gặp cuộc đụng độ giữa quân Mỹ với những người Iraq giáo phái sunnites. Cuộc đụng độ lớn, họ bị lọt vào giữa hai lằn đạn và bị bắt.

Alexandre Jordanov

Cameraman bị một báng súng trên đầu và bị bắt cho tới sáng hôm sau mới được thả, Jordanov bị một nhóm khác bắt đi biệt tích. Chiều thứ ba, tin này được bộ Ngoại giao Pháp và hãng Capa công bố. Bộ Ngoại giao lên tiếng đòi trả tự do tức khắc và vô điều kiện. «Chúng tôi đang vận động trong chiều hướng đó,» lời của phát ngôn viên Bộ ngoại giao. Một ngày sau, Jordanov được trả tự do với lời giải thích được báo chí thuật lại «không phải có thông hành Pháp» mà «đương sự không phải là người làm việc cho Mỹ!»

Theo báo chí số người bị bắt làm con tin thuộc nhiều quốc tịch khác nhau lên tới 40 người, cho tới giữa tuần có người được trả tự do. Trong khi đó, một người Ý bị giết.

GỌI KIỀU DÂN VỀ NƯỚC

Trước Quốc hội, thủ tướng Jean-Pierre Raffarin vẻ mặt nghiêm trọng bày tỏ nỗi quan ngại về tình hình hiện nay ở Iraq khi trả lời về những vấn đề thời sự của các dân biểu đặt ra. Ông kêu gọi công dân Pháp hiện ở Iraq hồi hương, còn những người dự tính đi Iraq nên đình hoãn chuyến đi.

Theo bộ Ngoại giao, hiện có ít hơn 100 người Pháp tại Iraq. Thủ tướng Raffarin cho biết thêm rằng Pháp sẵn sàng tham gia vào việc tìm kiếm một giải pháp lâu dài cho nước này, căn cứ trên bốn mục tiêu sau đây: tạo dựng hệ thống chính trị và kinh tế vững chãi, phục hồi chủ quyền, bảo vệ sự toàn vẹn của lãnh thổ và duy trì sự thống nhất quốc gia.

Nhấn mạnh đến sự cần thiết của một kế hoạch phối hợp chung trên bình diện quốc tế đối với vấn đề Iraq, ông nói rằng Pháp sẽ không làm gì nếu không có sự phối hợp đó.

LUẬT GIA ĐÌNH

Quốc hội Pháp vừa cải tổ luật ly dị, một vấn đề chi phối một trong ba cặp vợ chồng đang sống trên đất Pháp. Kể từ đầu năm 2005 khi áp dụng luật mới, ly dị sẽ bình lặng hơn: nhanh chóng, ít tốn kém và không còn là mối tranh chấp dằng dai giữa hai bên nữa.

Nếu được sự thuận tình, chuyện sẽ được giải quyết trong vòng ba tháng, vì thời hạn bắt buộc kéo dài (giữa hai lần hòa giải) để suy nghĩ thêm không còn nữa. Nhà làm luật quan niệm một cách đơn giản: đã muốn thôi thì thôi luôn !

Trường hợp hai người còn sống chung trong

gia đình, không phải chờ đợi đến sáu năm mới được ly dị: hai năm sau khi sống ly thân là có thể giải quyết xong.

BẢO VỆ NGƯỜI BỊ BẠO HÀNH

Trước khi được như vậy, chuyện có thể xảy ra là sự bạo hành giữa người phối ngẫu mà nạn nhân hầu hết là các bà trong xã hội âm thịnh dương suy này. Trong mười bà đầm, từ 20 cho tới 59 tuổi, thì nói theo báo chí, một ngày nào đó có một bà sẽ bị chồng bạo hành. Trong năm 2003, Paris có 900 vụ thưa bót Cảnh sát, tại Nantes, một thành phố miền tây nước Pháp 250, nói như để chứng minh sự quan trọng của vấn đề.

Biết vậy nên ông bộ trưởng Tư pháp và bà bộ trưởng Bình quyền đã họp một số chuyên viên các ngành, nghiên cứu các biện pháp bảo vệ người phụ nữ trong tình cảnh đó. Họ dự tính viết một tập tài liệu chỉ dẫn giúp cơ quan công lực, y sĩ, công quyền giải quyết vấn đề thỏa đáng hơn.

MÙA LỄ PHỤC SINH

Trong mùa lễ Phục sinh, báo chí được dịp thăm dò để biết có bao nhiêu người Pháp còn đặt niềm tin vào Thượng đế ? Người ta ghi nhận được một điều không gì mới lạ là số người tin tưởng giảm dần kể từ thế chiến thứ hai tới nay. Năm 1947, 66% người tin tưởng vào Thượng đế, ngày nay con số đó là 55% (44% trả lời : không tin) trong cuộc thăm dò dư luận của hãng IFOP cho tuần báo JDD.

Về nhân vật tôn giáo, nước Pháp «con gái đầu lòng của Giáo hội ,» tin tưởng vào chúa Ki-tô nhiều hơn cả (55%) sau đó mới đến đức Phật (7%), Luther, Mahomet và Moise (3%). Nhiều năm nay, số người đi lễ giảm hẳn. Với chừng 40 triệu người theo đạo có rửa tội, có ít hơn ba triệu người tham dự lễ Phục sinh tại các nhà thờ. Trong khoảng thời gian 10 năm, số tu sĩ từ 22 860 rút xuống chỉ còn chừng 17 000.

Lòng tin dạo sau này cũng lạ lùng hơn, gọi là «à la carte.» Người ta có thể tin vào Thượng đế mà không cần tin vào chuyện có thiên đàng hay địa ngục, và những ý niệm như tình yêu hay sự bao dung lẫn lộn với đầu óc lý tài hay là ham chuộng sự thành công ngoài xã hội.

HỌC SINH VÀ MA TÚY

Khi các trường học nghỉ lễ thì hầu hết các báo đăng tải kết quả của một cuộc điều tra về học sinh và ma túy. Kết quả này do Cơ quan theo dõi tình hình ma túy phỏng vấn 16 000 học sinh từ 12 đến 18 tuổi trong 400 trường học ở Pháp cho biết : số học sinh hút hay ghiền ma túy ngày càng lên cao. Trong vòng 10 năm, số học sinh 16-17 tuổi thú nhận có hút cần sa tăng lên gấp đôi. Trong năm 2003, 50% con trai và 41% con gái đã nếm mùi thứ quốc cấm này.

Đối với Pháp, hút loại này vẫn còn là một tội không như Hòa Lan hay Tây Ban Nha. Người hút hay bán ma túy bị phạt tiền và tù. «Tại Âu châu, Pháp là nước có biện pháp trừng phạt nặng nhất - lại là nước có đông đảo thanh thiếu niên dùng tới thứ này nhất,» lời của một tác giả cuộc điều tra. Vậy thì phải làm sao?

Bỏ hình phạt? Ủy ban do thủ tướng giao phó nghiên cứu vấn đề chống đối biện pháp đó. Mở những «cannabistrots» dành riêng cho những người nghiện hút? Chuyện không tưởng! Các chính phủ trước không coi đây là một vấn đề mặc dầu có nhiều tai nạn xảy ra vì ma túy, nghiện hút.

TRỞ LẠI CHUYỆN BÁN VÀNG

Im lặng là vàng. Vàng, ngược lại, cũng chỉ thích im lặng. Tin đồn tại Paris nói rằng chính phủ có thể bán vàng... đã khiến cho giá vàng sụt xuống 5%! Chiều ngày 8.4, giá vàng trên thị trường quốc tế một lượng là 420$, tính ra một kí gần 11 760 euro. Qua ngày 14.4, giá vàng xuống còn 400$ một lượng, một kí gần 11 200 euro.

Đối với một số chuyên viên, chuyện đó không có gì lạ lùng. Chưa gì mà Pháp đã bị thiệt. Giá trị của 3 000 tấn vàng nay đã mất đi chừng 1,5 tỉ euro.

Bộ trưởng Kinh tế Nicolas Sarkozy mới đây đã nêu lại vấn đề trước quốc hội, vấn đề bán vàng để có tiền cho ngân sách. Ngân hàng trung ương Âu châu cho phép bán 500 tấn vàng trong năm năm. Làm một bài tính nhỏ: 100 tấn là gần một tỉ euro, cho vay, lãi từ 35 đến 40 triệu euro mỗi năm. 500 tấn vàng có thể đem lại 200 triệu euro cho nhà nước.

Cùng một ngày, thống đốc ngân hàng quốc gia Pháp nói rõ: Chính phủ có thể bán vàng nhưng tiền thu được cũng như tiền lãi do từ số tiền bán ra cho ngân hàng vay sẽ không thuộc quyền của nhà nước. Vậy thì bàn tán làm gì cho vàng xuống giá !

MỘT CHUYỆN VUI VUI...

Một chuyện hi hữu vừa xảy ra trong tuần qua tại Paris. Một chiếc xe du lịch bị chặn lại và bà Cảnh sát đon đả chạy lại tay cầm bó hoa (10 hoa hồng).

- Chúng tôi theo dõi ông bà từ lâu và thấy ông bà là những người lái xe... tốt nhất! (Đưa bó hoa) Tặng ông bà mấy hoa hồng! Tiếp tục như vậy!

- Vậy à! (Hú vía!) Lần này chúng tôi đi cẩn thận, nhưng cứ ngỡ... không lẽ lại bị phạt như những lần trước! Cám ơn các ông bà Cảnh sát!

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

NGÓN TAY

Chỉ trong vòng hai tháng 5 và 6 năm 2003, người đọc và giới điểm sách, phê bình văn học Mỹ đã nồng nhiệt đón nhận hai tác phẩm của hai nữ tác giả Việt Nam thế hệ di tản thứ hai. Đó là cuốn *The Book Of Salt* của Monique Trương và cuốn *The Gangster We Are All Looking For* của Lê Thị Diễm Thúy. Cả hai cuốn đều do những nhà xuất bản lớn và uy tín của Mỹ đứng ra xuất bản và phát hành. Những bài điểm hai cuốn sách này, sau đó, đã xuất hiện trên những tờ báo có nhiều uy tín và đông độc giả như *New York Times, Vogue, Kirkus, Publisher's Book....*

Nhà phê bình Đào Trung Đạo, trên tạp chí *Gió Văn*, Texas, số mùa thu 2003, đã giới thiệu cuốn *The Gangster We Are All Looking For* của Lê Thị Diễm Thúy. Ông đã tóm tắt lại một đoạn kể lại thời thơ ấu của cô bé Diễm Thúy trong một căn *appartment* chỉ có một phòng ngủ tại một khu chung cư nghèo. Trong những đêm hè oi bức, cô bé cô đơn Diễm Thúy buồn tình một mình chơi với bàn tay của mình "*....dùng ngón tay làm thành những hình dạng đủ kiểu đủ hướng biến đổi tùy thích bóng chiếu trên tường: khi thì một nắm đấm, khi thì một mỏ chim đói ăn, khi thì một cái kéo. Nếu để bàn tay trước mặt, cô bé có một trang sách, một bức tranh. Rút cổ tay vào lòng rồi lật đi lật lại, cô bé có một trang sách khác, một bức tranh khác. Hai bàn tay cũng có thể làm thành một cái cửa, cô bé tùy ý mở ra đóng vào. Tưởng tượng như thể cái bản lề kẽo kẹt cô bé liền dùng lưỡi liếm ngón út thế là cửa khép mở êm ru. Nếu dùng hai ngón tay cô sẽ tạo được đôi chân đang chạy lên đồi. Chụp năm ngón kéo cả bàn tay lùi vào lòng cô tưởng tượng ra một thân hình nhào sâu xuống nước.*"

Từ khi con người tiến sử đứng vững được trên hai bàn chân để hai bàn tay được tự do hoạt động, cuộc sống đã hoàn toàn đổi khác. Địa vị của hai bàn tay với những ngón tay mặc sức uốn éo đã đẩy con người tới một hoàn cảnh sống cách biệt hẳn lối sống của những con thú còn phải chống cả bốn chân xuống đất.

Những ngón tay của cô bé Diễm Thúy chỉ là trò chơi, nhưng những ngón tay không phải chỉ là trò chơi, chúng còn là cái miệng. Từ khi con người hè nhau đồng lòng cộng tác xây tháp Babel lên cao thấu trời xanh làm Thượng Đế nhột, Ngài phải chơi trò chia rẽ, bắt mỗi người nói một thứ tiếng riêng, không hiểu được nhau, chẳng làm cách nào mà bảo nhau chung sức xây tháp lên cao được nữa, những ngón tay... ra quân. Khi ngôn ngữ phát ra từ cái miệng không còn mang được sứ mạng thông tin với nhau nữa, ngôn ngữ phát ra bằng những ngón tay uốn éo lên ngôi. Chỉ có chỉ chỏ thôi mà thông cảm với nhau rất mực. Thập niên 60 ở Việt Nam, khi những anh lính Mỹ mắt xanh ồ ạt đổ vào Việt Nam, những em gái bán bar vốn liếng tiếng Anh có bao lăm, thế mà chỉ trông vào những ngón tay lắt léo mà được việc. Hiểu nhau hết. Kịp đến khi con dân Việt Nam di tản ồ ạt đổ bộ lên đất Mỹ, nhiều người trong chúng ta có chút tiếng Mỹ nào dắt lưng đâu, vậy mà rồi cũng xong. Đó cũng là nhờ những ngón tay bẻ cong bẻ quẹo thay cho cái miệng bỗng ì ra bất lực. Nói tiếng Mỹ lúc đó rất mỏi tay!

Chẳng cứ tiếng Mỹ, ngôn ngữ tay còn là tiếng... quốc tế. Chụm bốn ngón lại, chỉ giơ một ngón cái thẳng lên thấu trời xanh. Số dách! Cũng vậy nhưng chỉ ngón cái xuống đất. Xìu! Lấy ngón cái vòng với ngón trỏ thành một vòng tròn, ba ngón còn lại giơ lên cao. OK! Chỉ ngón tay trỏ vào bên thái dương. Khùng! Cũng ngón tay trỏ, chỉ vào trán. Thông minh gớm nhỉ! Giơ cả năm ngón lên cao. Cám ơn! Nhưng chỉ giơ một ngón giữa lên cao, Chúa ôi! Nguy hiểm lắm! Nếu đang lái xe mà làm vậy, dám có án mạng trên xa lộ lắm. Nếu đang khơi khơi trên đường phố, thịt đổ xương rơi máu chảy có vòi không chừng. Không thương tích cũng thường tiền. Nếu ở cửa nhập cảnh phi trường?

Ông Dale Hirsh, phi công hãng máy bay American Airlines, đã giơ ngón tay giữa lên khi chụp hình để làm thủ tục nhập cảnh tại phi trường Sao Paulo, Ba Tây đã bị các viên chức di trú Ba Tây chơi sát ván. Họ đòi qui hành động của ông vào tội hình với hình phạt tối đa hai năm tù ở. Sao ông lại chơi dại vậy? Chỉ vì tức khí. Nguyên

là để trả đũa chính phủ Mỹ đã bắt các hành khách vào Mỹ phải chụp hình và lăn tay trong kế hoạch chống khủng bố, chính phủ Ba Tây, kể từ ngày 1 tháng giêng 2004, cũng bắt tất cả hành khách Mỹ nhập cảnh Ba Tây phải làm y như vậy. Trâu bò đang húc nhau, con ruồi háu đá Dale dại dột giơ chân giơ cẳng, ra cái điều phản đối, dính chấu là cái cẳng! Ông đã bị giữ lại và, sau khi thương lượng, chỉ được cho về Mỹ sau khi đã móc túi ra trả tiền phạt 12,750 đôn... Mỹ!

Ngón tay, nhiều khi không đại đồng cả thế giới, mà chỉ là riêng tư ngôn ngữ của hai người. Khi yêu nhau, ngón tay tình biết mấy.

Trên bàn tay năm ngón
Có ngón dài ngón ngắn
Có ngón chỉ đường đi
Có ngón tay đeo nhẫn
(...) Ngón tay thử coóc-sê
Ngón tay cài khuy áo
Em còn ngón tay nào
Để giữ lấy tay anh?

(Nguyên Sa)

Cũng khi yêu nhau, những ngón tay níu nhau đủ một đời.

em có bàn tay dịu dàng mấy ngón
có ngón nào của cô bé ngày xưa?
chỉ một lần vuốt nhẹ trái tim thơ
mà vết xước đủ một đời máu ứa!

(Hoàng Lộc)

Khi vợ chồng, ngón tay thân tình biết mấy! Bạn tôi, nhà thơ Phan Ni Tấn N. D. (tại sao cứ phải N.D. cho thêm phần tối tăm bí hiểm?), trước đây cùng vợ làm tương. Hai vợ chồng đi bỏ tương ở phố Tầu. Đường phố chật chội, xe cộ đông đúc, người lấn người chen chúc, làm họ đứng cách xa nhau. Muốn nói với nhau, hò hét thì kỳ, phôn tay lúc đó chắc chưa có, họ ngôn với nhau bằng những ngón tay.

dưới nắng chang chang cười thật hiền
nhìn ta vợ giơ hai ngón lên
hiểu ý tiệm cần tương hai lố
chợt thương con bạn đến vô biên.

Cũng vợ chồng, ngón tay... gian dối biết mấy! Vợ than thở.

"Anh không còn yêu em nữa sao? Trước kia, chiều chiều anh thường ngồi cạnh em và nắm giữ những ngón tay em..."

"Nhưng em yêu, từ khi chúng ta bán cây đàn dương cầm đi thì điều đó không còn cần thiết nữa!"

Cũng lại vợ chồng, ngón tay... tội tình biết mấy!

"Sao anh lại buộc ngón tay mình thế kia?"

"Vợ tôi buộc đấy, để tôi khỏi quên gửi thư."

"Thế anh đã gửi thư chưa?"

"Bà ấy đã quên không đưa thư cho tôi!"

Ngón tay là ngôn ngữ. Ngón tay của một bức tượng cũng... ngôn ngữ như thường. Những ngày Sài Gòn sau 1975, người dân như có chung một ý nghĩ. Đi! Bằng mọi cách, đi! Trong đầu mỗi người Việt Nam không phải đều có một ông quan như mấy anh tây thực dân ngày xưa nói, mà đều có một con tầu. Bến tầu Sài Gòn lúc đó thiếu gì người ra đứng ngó mông mà trong bụng đầy một trời mơ ước. Nhìn lên bức tượng Đức Trần Hưng Đạo, thấy tay Ngài dõng dạc chỉ ngón ra sông, lòng thấy người xưa người nay sao mà dễ hiểu nhau quá. Dạ, thưa Ngài, con quyết sẽ theo ý Ngài!

Cũng là tượng, nhưng chuyện này thì lại khác. Không phải đi mà... vào!

Quán rượu nằm đối diện với một bức tượng trên công trường. Nhậu xong, anh bợm nhậu khật khưỡng bước ra cửa thì thấy vĩ nhân chỉ tay vào quán, thế là lại quay vào uống tiếp.

Lần thứ hai ra cửa, vẫn thấy bức tượng đứng uy nghi chỉ tay ngược lại, anh bợm nghĩ: "Chắc là Ngài thấy mình uống chưa đủ đô nên chưa cho về đây! Đã thế thì vào làm chai nữa."

Lần thứ ba mò ra được đến cửa, ngẩng đầu lên thấy bức tượng "lắc đầu xua tay" lia lịa, bợm nhậu mới yên tâm bò về. Lết qua chân tượng, hắn còn lẩm bẩm: "Ông mà không can, tôi còn uống đến sáng!"

Ngón tay còn là cả miệng lẫn tai. Đối với những người chẳng may bị câm điếc, những ngón tay là ngôn ngữ chính của họ. Thứ ngôn ngữ này đã được chuẩn hóa dần dần theo thời gian. Ngày nay, với những ngón tay ra dấu với nhau, họ đã chuyện trò được cả những vấn đề trừu tượng. Trên truyền hình chúng ta coi hàng ngày, vẫn có những chương trình có "phụ đề" ngôn ngữ tay cho những người câm điếc. Trên góc màn hình, người xướng... tay "múa" thông dịch những gì người ta đang nói với nhau, kể cả khi truyền hình những phiên họp của Quốc Hội, nơi các dân biểu đang cãi nhau hăng say về những vấn đề chính trị. Hồi còn ở Việt Nam, vì công việc, tôi đã nhiều lần tới trường Câm Điếc Lái Thiêu. Đặt chân vào nơi đây, chúng ta thấy những nụ cười và những ngón tay vung lên uốn éo rất thành thạo. Những ngón tay của những dì phước cai quản và dậy dỗ cũng như những ngón tay của các em học viên trong trường.

Nhờ ngôn ngữ tay cuộc sống như bừng ra khỏi tấm màn bưng bít không âm thanh. Mười ngón tay đã trở thành một bó hoa sống động của cuộc đời.

Bông hoa và ngón tay, không phải là không có những lúc phiền hà.

Đạo diễn nhập vai làm mẫu cho một kép trẻ.

"Cậu đưa bông hồng lên mũi, nhắm mắt, từ từ hít vào thật sâu rồi nói: 'Chao ôi, đây chính là mùi hương đằm thắm của nàng!' Cậu hiểu rồi chứ?"

"Dạ, em sẽ diễn tả hết mình."

Đến hôm công diễn, màn độc thoại của chàng si tình làm khán giả cười nghiêng ngả. Vào trong hậu trường, anh ta lo âu hỏi đạo diễn.

"Sao họ cười vậy anh? Em có làm điều gì sai không?"

Đạo diễn gầm lên.

"Đồ chết tiệt! Ngửi ngón tay không rồi ăn nói bậy bạ! Thế bông hoa cậu để đâu?"

Chuyện ngón tay đến đây coi như là hết. Để cho cậu diễn viên trẻ đi... rửa tay. Những vị đã giã từ vũ khí, xin mời mở coi bài khác. Riêng những vị còn mịt mù khói súng xông pha chiến trường, xin tặng thêm chút quà *bonus*.

Khi bạn nắm tay người yêu đi dạo hoặc âu yếm đưa lên môi hôn, bạn đừng quên liếc mắt nhìn ngón tay trên bàn tay phải của nàng. Nếu ngón trỏ ngắn hơn ngón đeo nhẫn, người yêu của bạn có xu hướng làm tình phóng khoáng tự do hơn. Đó là kết quả vừa tìm thấy được của Andrew Clark, một sinh viên ban Tiến Sĩ về tâm lý học của trường Đại Học McMaster ở Canada. Ông đã nghiên cứu trên 110 nữ sinh viên của trường tình nguyện làm mẫu cho ông. Bản nghiên cứu cũng đưa ra tỷ lệ 2D:4D với số 2 chỉ ngón tay trỏ và số 4 chỉ ngón tay đeo nhẫn. Nếu tỷ lệ càng cao thì "nhiệt tình" cũng cao theo. Thông thường đàn ông có ngón trỏ ngắn hơn trong khi đàn bà có ngón tay đeo nhẫn ngắn hơn. Vì vậy, nếu cô gái nào có ngón tay mang tỷ lệ của đàn ông (ngón trỏ ngắn hơn ngón đeo nhẫn) thì dễ sẵn sàng làm tình ngẫu nhiên và ít ràng buộc hơn. Tỷ lệ chiều dài giữa các ngón tay là dấu hiệu của sự tương quan giữa hàm lượng *hormone* nam và nữ có từ trong bào thai. Hàm lượng này ảnh hưởng tới sự phát triển khi trưởng thành như hành vi tình dục hay khả năng thể thao. Những phụ nữ có ngón đeo nhẫn dài hơn ngón trỏ có nhiều *testosterone* hơn, dẫn đến có xu hướng tình dục giống nam hơn.

Đó là công trình khoa học của một ông chuẩn tiến sĩ. Các cụ ta ngày xưa, có cần tiến sĩ tiến siếc gì đâu mà cũng... bác học ra phết. Không tin các bạn cứ thử nhẩm đọc những trường túc, mi trường, hồng diện... mà xem!

03/2004

ĐÀO PHÚ CƯỜNG

Chùa Xưa Tìm Lại

Giữa đồng mấy cụm lau thưa
Cỏ lan dấu cũ, chùa xưa chốn nào?
Mùa xưa gió lá xôn xao
Biết đâu sư cụ phương nao mà tìm!

Tím đồi vạn cánh hoa sim
Mây bay tản mạn đá chìm trơ vơ
Hỡi ơi dấu Phật nơi mô?
Đường lên Tây-Trúc lô xô gập ghềnh.
Cảm thương nhục-kiếp lênh đênh
Bờ mê bến khổ mông mênh mấy trời!
Nỗi niềm nhân thế tơi bời
Mải tìm những bước luân hồi mà đi.

Giật mình tỉnh giấc sân si
Thênh thang đạo pháp tìm đi tới cùng
Chùa xưa lại ở trong lòng
Hoa bay nẻo cũ, hương bừng lối xưa.

MẬP

Thập niên (19)50, trên tạp chí *Văn Hóa Ngày Nay* của nhà văn Nhất Linh, có đăng truyện dài nhiều kỳ *Gia Đình Tôi* của nhà văn Duy Lam. Truyện rất hấp dẫn, vui, với những nhân vật có

những nét riêng trong một không khí gia đình thoải mái, biết cười cợt vui đùa. Người bị "cười cợt" nhiều nhất là nhân vật bà mẹ với cái tội "chiếm nhiều chỗ quá". Bà có da có thịt, thể tích hơi nhiều nên chiếm một không gian nhiều hơn các thành viên khác trong gia đình, làm bia nhắm cho bày con thích đùa giỡn.

Ở Việt Nam chúng ta, người có da có thịt không nhiều, người mập cũng không nhiều, người phì lại càng ít hơn nữa. Những người mập thường là những người được... chiêm ngưỡng với vẻ ganh tị rõ ràng. Trong một đất nước nghèo khó, con người cũng... nghèo khó. Da và xương nhiều hơn thịt và mỡ. Nên những người có nhiều thịt hơn một chút thường là những người... hơn người. Hơn về sức nặng đã đành, còn hơn về... địa vị trong mắt của những người chung quanh. Có lẽ vì được nể nang nên những người mát da mát thịt thường là những người vui tính, dễ có những tiếng cười hể hả.

Mập mạp một chút là ước mơ của nhiều người. Bà bác tôi tuy không thuộc vào loại gầy ốm nhưng vẫn cứ muốn nặng thêm ít ký. Bà nghĩ là mập mới khỏe. Và, như nhiều người khác, bà bị cuốn hút vào phong trào uống thuốc "hạt dưa" *cortisone* hồi đó. Viên thuốc nhỏ bé có hình dáng giống như hạt dưa ngày tết là... cứu tinh của bà bác tôi. Can ngăn thế nào bà cũng lắc đầu. Cứ uống. *Chán vạn người uống, cứ gì tao, mà có sao đâu!* Bà và mọi người khác không thể hiểu được hay cố tình không hiểu là chất *cortisone* có tính chất giữ nước trong người, làm mục xương, chỉ cho cái vẻ mập mạp giả tạo như một người bị bệnh phù thủng. Cái hại về lâu về dài của xương cốt mục nát, họ làm lơ không thèm nghĩ tới!

Mập đi sóng đôi với yêu đời, vui vẻ. Nhưng cũng có những người mập ít ưa được. Như nhân vật Tú Bà trong truyện Kim Vân Kiều của thi hào Nguyễn Du chẳng hạn.

Thoắt trông nhờn nhợt màu da
Ăn gì to lớn đẫy đà làm sao!

Hoặc như mụ "nặc nô kiểm duyệt." Hồi chiến tranh, ở Việt Nam có chế độ kiểm duyệt. Báo chí các loại, trước khi phát hành, phải nạp bản tại Bộ Thông Tin để chịu kiểm duyệt. Chỗ nào chính quyền xét thấy có hại, không ưa cho phổ biến, thì "đục" đi. Chỗ bị đục hất đi những con chữ sẽ để trắng. Nhiều bài lỗ chỗ chỗ đen chỗ trắng như cóc gặm coi rất thiếu thẩm mỹ. Nhà báo tương kế tựu kế, chỗ nào bị kiểm duyệt là trám vào một tấm hình khá sinh động. Hình vẽ một mụ già mập mạp, trông rất sớn sác, tóc vấn trần có tí đuôi gà vểnh lên, mặt gân guốc như sắp phải đánh lộn, tay cầm chiếc kéo to tổ bố, hai cẳng xoạc ra trong thế chạy hung hăng. Đó là dung nhan của "bà già kiểm duyệt" rất khó ưa.

Mập, đối với dân Việt Nam ta, không phải là một mối lo, mà là một ước vọng. Nó đồng nghĩa với khỏe mạnh và vui vẻ. Sang đến Bắc Mỹ, ước vọng này hình như ai cũng đạt được cả. Cuối thập niên 60, anh bạn tôi được học bổng USAID sang du học ở Mỹ. Hai tuần lễ đầu, trước khi được phân phối đi các Đại Học tại nhiều tiểu bang khác nhau, các sinh viên du học được dự một khóa hướng dẫn tổng quát về nước Mỹ tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Trong một buổi hướng dẫn, một hướng dẫn viên nói đại khái là, sau ba năm du học, không chắc mọi người đều đạt được kết quả là ôm mảnh bằng về nước, nhưng có một điều chắc chắn là mỗi người sẽ nặng thêm được khoảng 15 pounds! Anh bạn tôi, vốn có bầu máu nóng, đứng phắt dậy phản đối hướng dẫn viên đã có những lời nói khinh miệt sinh viên các nước nhược tiểu. Anh bị kỷ luật tức khắc: trả về Việt Nam! Về Việt Nam, căm thù Mỹ, anh bí mật hoạt động cho Việt Cộng trong công tác nội thành. Sau 75, anh mới lộ diện.

Từ một câu nói liên quan tới cân kéo mà anh bạn tôi phản ứng nhảy sang tới bên kia lằn ranh. Có quá đáng chăng? Sự tức giận, nhất là tức giận vì bị khinh miệt, thường có sức đẩy mạnh mẽ lắm nếu chúng ta không tự kiểm soát được. Cũng như mập phì chỉ là hậu quả của sự thiếu kiểm soát đường vào của thực phẩm.

Tại sao mập? Bác sĩ chuyên về tim mạch Colin Rose ở Montréal vạch mặt chỉ tên thủ phạm: chất béo, thực phẩm biến chế và ăn uống không kiểm soát. Những viên thuốc làm giảm *cholesterol* lại khiến cho người ta ỷ lại vào thuốc, thoải mái ăn uống, cũng là một nguyên nhân. Nhiều người nghĩ rằng đã uống thuốc rồi thì lo chi, cứ việc ăn thả giàn. Vì vậy nên thuốc được tung ra thị trường vào cuối thập niên 80 thì đầu thập niên 90 bệnh mập phì... phì ra rõ ràng!

Thế nào là mập? Lấy tầm vóc cao trung bình của người Việt Nam là 1 thước 60 đi nhé. Với chiều cao đó, nếu cân nặng từ 54 ký đến 60 ký rưỡi là bình thường, từ 60 ký rưỡi đến 81 ký là mập, từ 81 ký đến 148 ký rưỡi là phì, trên đó là... đại phì! Tại Canada, khoảng một nửa dân số là mập và phì!

Dân Việt Nam ta, sống ở Bắc Mỹ, hầu như người nào cũng có khuynh hướng... phình ra. Nếu cứ lui tới thăm các ông McDonald's, Burger King,

Harvey's đều đều là bảo đảm sẽ... phì da!

Trong một chung cư có đông đảo dân Việt Nam cư ngụ, một bà chạy sang mách bà hàng xóm.

"Bà Hai này, con trai bà gọi tôi là 'con bò cái già' đấy. Bà phải dậy dỗ con bà chứ!"

Bà hàng xóm suýt soa.

"Chết thật! Em đã bảo cháu hàng trăm lần là không được đánh giá con người qua hình thức bên ngoài rồi đấy chứ!"

Tuổi nào hay bị mập phì? Mập phì không đợi tuổi. Trong một cuộc nghiên cứu trên 177 ngàn trẻ em trong thời gian từ năm 1988 đến 1992, được phổ biến trên tạp chí Nhi Khoa ở Mỹ, người ta thấy các em chỉ được bú sữa mẹ dưới một tháng hoặc bú bình từ lúc mới sinh dễ có trọng lượng trên trung bình ngay từ lúc mới bốn tuổi. Các nhà nghiên cứu cũng nhận thấy rằng trẻ bú mẹ có vẻ biết tự kiểm soát để ngưng bú, trong khi trẻ bú bình thường bị khuyến khích bú hết chai. Theo bác sĩ Laurence Grummer-Strwan, trẻ bú sữa mẹ có thể thay đổi chế độ ẩm thực có thêm rau quả dễ dàng hơn. Ngoài ra, ông cũng cho biết là , so với sữa mẹ, sữa bình kích thích *insulin* mạnh hơn, đưa tới việc tích tụ mỡ sớm hơn. Cũng theo bảng nghiên cứu này thì 14,5% trẻ em không được bú sữa mẹ trở thành mập phì trong khi trẻ em được bú sữa mẹ khoảng một năm trở lên chỉ có 7% vượt thể trạng trung bình thôi. Vậy mà, năm 2001, chỉ có 32% phụ nữ Mỹ cho con bú quá sáu tháng!

Trong lứa tuổi *teen*, theo bảng thống kê do Viện Thống Kê Canada phổ biến tháng 11/2003, thì 6% trẻ nam và 3% trẻ nữ ở Canada bị phì. Trẻ em Mỹ... nặng ký hơn. Theo báo cáo của tổ chức Kaiser Family Foundation thì 15,3% các trẻ em tuổi từ 6 đến 11 đã bị ghi vào danh sách quá béo trong năm 1999-2000, so với 4,2% của khoảng thời gian 1963-1970. Tội về ai? Cũng theo tổ chức này thì tội ở những quảng cáo các thứ kẹo, thức ăn ngọt làm từ ngũ cốc *và fast food trên* truyền hình. Con số các quảng cáo loại này trên truyền hình đã tăng gấp đôi, từ 20 ngàn lên 40 ngàn, trong vòng ba thập niên. Đứa cháu tôi, cứ mỗi lần thấy quảng cáo của McDonald's tặng quà trên truyền hình là đòi đi cho được. Mà quà tặng lại có từng bộ gồm nhiều kiểu khác nhau. Muốn có đủ phải ăn thường xuyên, ăn tới phát ngán, để lấy quà. Nhiều khi bố mẹ phải ăn dùm để chống mập cho con!

Về người lớn, theo phúc trình hàng năm của Canadian Heart and Stroke Foundation, chi nhánh Québec, thì 47% dân Canada bị mập và 15% bị phì.

Một anh bạn rượu có máu tếu của tôi, mặt đỏ gay, dấp dính hỏi.

"Toa thấy sao? Mình đang ở trong cái xứ sở 'nặng' đến như vậy, có nguy cơ phần trái đất này bị quá tải sa xuống thấp hơn làm mình rớt mất tiêu được không?"

Thấy giọng nói lưu linh nồng nặc của anh, tôi chọt nhẹ.

"Toa phải coi chừng trước. Nắm chặt lấy mép bàn kẻo toa rớt trước thiên hạ bây giờ!"

Giỡn chơi vậy thôi chứ mập phì không phải chuyện giỡn đâu! Nó đẻ ra nhiều vấn đề về sức khỏe mà nổi cộm nhất là hai bệnh tim mạch và tiểu đường.

Từ trước tới giờ, thuốc lá là nguyên nhân số một của bệnh tim mạch. Ngày nay, hút thuốc lá bị xua đuổi như dịch tả, số người hút đã giảm đi, chất béo vượt lên đứng hàng đầu.

Mập và phì dẫn đến bệnh tiểu đường loại hai vì tụy tạng không sản xuất đủ *insulin* để đáng gục *glucose*. Dần dà, chất *glucose* thặng dư trong máu làm tổn hại mạch máu gây ra bệnh tim, đột trụy, mù lòa, đau thận và hủy hoại tứ chi!

Làm sao để tránh mập phì? Có hai cách chính: kiểm soát ăn uống và vận động.

Không nên chơi với các ông nhiều chất béo như ông McDonalds chẳng hạn. Chuyên gia dinh dưỡng Roxane Guindon ở Canada khuyến khích "Nếu bạn muốn ăn một đĩa salad loại lớn hơn là ăn một bịch khoai chiên thì rất tốt và nó chẳng làm tốn kém thêm cho bạn."

Cộng đồng thổ dân Cree ở Québec mới la hoảng lên là 60% con em họ từ 6 đến 12 tuổi bị mập và phì. Nguyên nhân được vạch mặt chỉ tên liền: các đồ ăn có chất béo. Họ liền mời một đầu bếp nổi tiếng Québec đến để làm thay đổi cách ăn uống cho trẻ em và ngay cả người lớn trong cộng đồng 14 ngàn người này. Ông đầu bếp được mời là một người Việt Nam, ông Hop Lam Dao (Đào Hợp Lâm hay Đào Lâm Hợp?). Ông là một trong số 10 đầu bếp ở Québec đã chiếm giải Chef Santé năm 2000. Tới Canada vào năm 1978 như một thuyền nhân, ông đầu bếp 49 tuổi này đã tổ chức những lớp dậy nấu nướng vào ban đêm, thăm viếng, chỉ dẫn cho các nhà hàng trong vùng, giới thiệu những món ăn tốt cho sức khỏe... Phải mất bốn năm bôn ba khắp vùng James Bay, ông mới được dân chúng chấp nhận, chịu thay đổi cách ăn uống từ thịt qua rau và các chất bổ dưỡng khác.

Món được dân Cree chấp nhận nhanh chóng và thú vị nhất là món cuốn. Món cuốn bằng bún, rau thơm và tàu hũ trong bánh tráng làm say mê dân Cree cả trẻ lẫn già. Ngược lại, ông Đào cũng bị say mê vì tính hiếu khách của dân Cree đối với riêng ông. Ông cười nói. "Buổi đầu tới đây, tôi đã yêu mến họ. Giống như tôi đã được sinh ra ở đây vậy." Chắc ông đầu bếp tài danh này đang chứng minh thuyết của nhà văn Trà Lũ là thổ dân ở Bắc Mỹ này đích thị là con cháu của 50 đứa con lạc lõng ra biển của mẹ Âu Cơ!

Cũng tại cộng đồng người Cree này, các phương tiện luyện tập thể dục được trang bị cho dân chúng có nơi tới bỏ rơi những kí thịt thừa thãi. Chính quyền cho thiết lập một sân quần vợt, một phòng chơi bowling và một bể bơi. Khách lui tới vắng như chùa Bà Đanh! Chẳng ai thèm tập tành gì cả. Không nản chí, họ tạm lùi một bước: khuyến khích dân chúng chịu khó hoạt động nhẹ như đi bộ, làm vườn, quét dọn quanh nhà... Dù sao có vận động chút đỉnh còn hơn không!

Dân Cree lười vận động nhưng chính sự vận động là một phương cách hữu hiệu chống mập phì.

Một cô còn trẻ mà người tròn trĩnh như chiếc lu. Cô rất khổ sở vì thân hình sổ sữa nên đi khám thật nhiều bác sĩ. Một bữa, cô hỏi ông bác sĩ thứ ba trong ngày.

"Thưa bác sĩ, tôi đã đi hai ông bác sĩ, một ông khuyên tôi nên đi bộ nhiều, còn một ông thì bảo tôi nên đi bơi ở biển, theo bác sĩ, tôi nên làm theo ai?"

"Cô nên nghe lời cả hai, đi bộ đến bãi biển để bơi!"

Ích lợi của sự vận động đã rõ như ban ngày. Cứ chảy mồ hôi là mỡ cũng chảy theo! Còn cứ tù tì hết tập phim bộ này đến tập phim bộ khác, hết *game* này đến *game* khác, *internet* mê mệt ngày đêm, người cứ dính vào màn ảnh ti vi hoặc *computer*, thì mỡ cũng cứ từ từ lấn chiếm cơ thể. Ai cũng biết vậy, nhưng không phải ai cũng làm được.

Một bà đòi chồng lắp cho hệ thống nước nóng trong hồ bơi để bà bơi chống mập phì. Ông chồng không muốn tốn tiền, lý lẽ.

"Bà thấy con cá voi ngày nào nó cũng bơi mà có ốm đi tí chút nào đâu!"

Ông chồng này chắc có trí khôn không được bằng loài cá voi, mà bằng loài voi!

Hai chú voi đang ăn lá cây, thấy một ả ngựa vằn đi qua, liền ngắm nhìn và nói.

"Đúng là mốt làm người ta ốm đi và đẹp ra, cậu ạ."

"Vì sao cậu lại nói như vậy?"

"Thì cậu nhìn đấy, dùng đồ kẻ sọc, trông cô ta thon thả hơn hẳn, đâu có ô dề như tụi mình!"

02/2004

COMPUTER

Mãi tới năm 1985, khi đặt chân tới phi trường Mirabel, mở đầu cho cuộc đời định cư tại Montréal, lần đầu tiên tôi mới thấy chiếc computer. Trong phòng lập thủ tục nhập cảnh, tôi chăm chăm nhìn vào cái máy vuông vắn, không thể không hỏi để được xác nhận đó đúng là chiếc computer. Ở Việt Nam, tôi đã nghe nói về nó rất nhiều nhưng đã bao giờ thấy mặt mũi nó đâu. Tôi lặng người đi. Mình đã bắt lại được nhịp sống của thế giới!

Thực ra, trước năm 1975, Việt nam cũng đã có máy điện toán rồi đấy chứ. Hồi đó người ta gọi là máy IBM. Hình như chúng ta chỉ có hai cái, một tại Phủ Thủ Tướng, một tại Bộ Quốc Phòng. Mỗi cái máy hồi ấy kềnh càng chiếm nguyên cả một căn phòng và, như một đứa con cưng, lúc nào cũng phải có máy lạnh mát rười rượi. Đó là tôi được nghe nói vậy chứ tận mắt có bao giờ được chiêm ngưỡng dung nhan cô con nhà giầu được cưng như cưng trứng, hứng như hứng hoa này đâu. May ra chỉ được nhìn thấy... đồ phế thải của cô. Đó là những tấm bìa, lớn chừng bằng một cuốn sổ tay, mầu vàng xỉn, in chi chít chỉ có hai con số 1 và số 0, được bấm lỗ ngang dọc tùm lum. Và hình như cũng chính những chiếc máy này đã là giám khảo chấm thi cho những cuộc thi Tú Tài ABC khoanh mà chúng ta gọi là Tú Tài IBM!

Từ những chiếc máy kềnh càng chiếm nhiều chỗ như thế đến chiếc máy gọn gàng nằm trên bàn của nhân viên Di Trú tại phi trường Mirabel, thế giới đã đi những bước dài. Từ năm 1985 đến nay, nó không bước nữa mà chạy, loại chạy của những lực sĩ vô địch điền kinh!

Computer bây giờ có mặt ở bất cứ xó xỉnh nào. Tại tư gia cũng như trong các văn phòng làm việc. Ngành nào bây giờ cũng có phải chiếc computer can dự vào. Con người bây giờ đã nhẵn mặt nó. Chắc dễ trong số nhân loại lúc nhúc ngày nay chẳng có ai nhà quê như tôi hồi 1985. Ai cũng bạn bè với cái anh mặt vuông có tính nhớ dai này. Đến họa sĩ Thái Tuấn , bàn tay tài hoa đã bao nhiêu năm lấm lem sơn dầu, mà ngày nay cũng đã bỏ sơn dầu để táy máy với cái computer.

Những bức tranh ông vẽ gửi cho tôi, tuy nhờ vả cái anh mặt vuông này, vẫn là những thiếu nữ rất Việt Nam, rất...Thái Tuấn. Trong những bức thư riêng, ông cho biết là vẽ bằng computer rất tiện và sạch, tay chẳng lấm lem mầu sắc.

Computer là cái gì mà tài tình dữ vậy? Cả nhà đang quây quần sau bữa cơm tối, cậu cọn trai nhỏ hỏi:

"Computer là gì hả bố?"

"Bố không biết."

"Thế internet là gì ạ?"

"Bố chịu."

Bà mẹ cắt ngang.

"Thôi, con đi chỗ khác chơi, đừng quấy rầy bố nữa!"

"Bà đừng có cản con như vậy! Con nó phải tò mò hỏi để mở rộng kiến thức chứ!"

Computer rất tiện, ai cũng phải công nhận. Chẳng tiện mà bài viết cho báo, gõ vào máy xong, e-mail một cái là chỉ phút sau tòa báo nhận được ngay, chẳng cần đánh máy lại, cứ thoải mái trình bầy và in ra, nhấp nháy là xong. E-mail (ông Bưu Điện chắc ít ưa cái trò này!) là nhịp cầu làm ngắn lại những khoảng cách địa lý vời vợi của trái đất. Dù ở bất cứ nơi đâu, Canada, Mỹ hay Việt Nam, Úc... chỉ bấm một cái, phút trước phút sau là đã bắt tay nhau được. Chúng ta bây giờ, ngoài địa chỉ nhà, còn có địa chỉ e-mail. Địa chỉ nào cũng nhất thiết phải có một mẫu tự lạ hoắc đứng nghênh ngang ở giữa. Đó là chữ @. Chữ gì mà kỳ cục, chẳng ra cái... alphabet gì cả. Ai mà cắc cớ đẻ ra cái chữ khó chịu này? Cái ông khác đời này tên Ray Tomlinson, làm việc tại Ngũ Giác Đài ở Hoa Thịnh Đốn. Ông dùng chữ này từ năm 1972 để diễn tả nghĩa "tại đây." Chính cái ông cắc cớ này cũng không ngờ mình là tác giả cái chữ mà ai dùng điện thư cũng phải xài tới. Cái hình dáng không giống ai của chữ @ đã là một sự chia rẽ quốc tế! Nó giống cái gì cà? Dân ta, chắc vốn trải qua nhiều nhục nhằn của tù tội nên trông ra liền hình cái còng tay, gọi ngay là A còng. Hay, thử nghĩ thanh thản hơn, còng với càng cũng xêm xêm như nhau nên trông nó giống hình cái càng cua? Chanh muối tiêu quá! Dân một vài nước khác lại trông nó giống cái đuôi. Người Đức gọi nó là đuôi khỉ, người Phần Lan gọi là đuôi mèo, người Na Uy gọi là đuôi heo, người Đan Mạch gọi là đuôi heo nái. Người Thái Lan và người Hung Gia Lợi, ở xa nhau thế mà chí lớn gặp nhau, đều gọi là con sâu. Bốn cái chí lớn khác là Pháp, Do Thái, Đại Hàn và Ý gọi là ốc sên. Người Thụy Điển gọi là móng mèo trong khi người Ba Lan gọi là mèo con. Cùng nhìn thấy cái uốn éo dễ thương của chữ @ nhưng người Nga lại gọi là chó con, dân Hy Lạp gọi là vịt con và người Trung Hoa gọi là chuột nhắt. Chỉ có người Hòa Lan đi riêng ra một trường phái khác và gọi là... dế khỉ!

Thực tế nhất là anh Mỹ, thấy sao đọc vậy, gọi là AT (ở đây), chẳng đuôi cũng chẳng dế gì cả, mất thời giờ! Thực tế như ông Bill Gates vậy. Ông Bill Gates, chủ hãng Microsoft, nhờ computer mà làm giầu nhanh như gió. Chỉ trong vòng ít năm, ông đang từ một chuyên viên kiết xác nhảy lên làm...tỷ phú. Mà tỷ phú đông địa nhất thế giới. Nhiều tiền nhưng ông không phóng tiền. Chuyện kể là ông ấy rất kỵ chi tiền làm giàu cho mấy anh chủ parking nên cứ lái xe chạy lòng vòng tìm chỗ đậu miễn phí ngoài đường. Tôi giống ông Bill Gates được có mỗi điểm này. Những điểm khác, chẳng giống được. Chẳng hạn như ông ấy đã lập ra hội thiện Melinda Gates (theo tên vợ) vào năm 2000 và bỏ ra tới 6 tỷ đô la và 54% thu nhập để giúp đỡ khắp ta bà thế giới. Doanh thu trong năm 2003 của Microsoft trên 32 tỷ đôn Mỹ! Mục đích của hội thiện này nhằm cải thiện tình trạng y tế và giáo dục toàn cầu. Trước những đóng góp lớn lao của cặp vợ chồng tỷ phú trẻ tuổi này, tạp chí Business Week đã gọi họ là "một gia đình hoàng tộc thế hệ mới, tự gây dựng cơ đồ và đầy lòng hảo tâm". Và Hoàng Gia Anh vừa quyết định trao danh hiệu Hiệp Sĩ cho ông. Tước hiệu cao quý này đã được Nữ Hoàng Anh Elizabeth II quyết định sau khi tham khảo ý kiến Ngoại trưởng Anh Jack Straw vì "thành quả của Microsoft đã thay đổi phương thức làm việc của giới doanh nghiệp và ảnh hưởng to lớn tới nền kinh tế Anh Quốc." Vì mang quốc tịch Mỹ nên Bill Gates sẽ không sử dụng tước hiệu *Sir*. Thay vào đó, Nữ Hoàng sẽ đặt sau tên ông chữ "KBE" (Knight Commander of the Most Excellent Order of the British Empire). Lễ tấn phong sẽ được tổ chức tại điện Buckingham vào một thời điểm "phù hợp cho cả hai bên." Hai ông bà có ba con. Những cậu ấm cô chiêu này sẽ nhung lụa suốt đời chăng? Hai ông bà dự tính sẽ chỉ để cho các con 10 triệu đôn (không phải tỷ đâu đấy nhé!) vì họ muốn các con họ sẽ như họ: phải tự mình làm việc và vươn lên với ý chí của chính mình!

Sinh viên Việt Nam cũng đã từng được ơn mưa móc từ cái hội thiện này qua các học bổng và trang thiết bị. Chẳng cứ sinh viên, cậu bé Nguyễn Khánh Anh Hoàng, mới 11 tuổi, vừa đoạt được

cúp vàng của cuộc thi Công Nghệ Thông Tin và Truyền Thông Khu vực Châu Á-Thái Bình Dương (Asia Pacific ICT Awards) tổ chức tại Thái Lan vào tháng 12/2003 vừa qua. Em đang là học sinh lớp 6 trường Trung Học Ngô Tất Tố, quận Phú Nhuận, Saigon. Em đoạt giải với nhu liệu "Em Học Toán" viết bằng Visual Basic dành riêng cho học sinh lớp 1. Điểm đáng nói là em đã tranh tài với các học sinh hơn em tới 6 lớp! Cha của em, kỹ sư Nguyễn Long Khánh, cho biết là em đã được gia đình hướng dẫn học đàn dương cầm, Anh Văn và tin học từ năm em mới học lớp 1. Thứ nào em cũng xuất sắc hết. Riêng về tin học, em đã đoạt được nhiều giải trong nước nên được trường Infomatic Vietnam trao học bổng để học hết chương trình B tin học. Khi kiểm tra trình độ, trường đã chuyển em qua học chương trình lập trình viên quốc tế với các sinh viên năm thứ ba Đại Học. Vậy mà cuối khóa em đậu luôn thủ khoa, nhận bằng MCP.NET (lập trình theo công nghệ mới nhất) của Microsoft do ông Bill Gates ký.

Khánh Hà

Cái Bóng

Anh để lại cái bóng
trong khu vườn mùa xuân
có hoa Anh thảo rực rỡ
mỉm cười tinh nghịch
có vạt nắng rất non
trên thảm cỏ chớm xanh
Anh nghe không anh
chim ríu rít trên cành
hai con quạ lăng xăng
tha rác về xây tổ
Anh cũng lăng xăng
cào rong quét lá trải phân tưới nước
hào hứng như thời ba mươi năm trước
ta chạy loanh quanh tìm mướn một căn nhà
giữa Sài Gòn khói bụi
Và buổi mai nào nắng mới vừa lên
trên bờ cỏ còn sương long lanh
bóng anh trong khu vườn thơ ấu
ngát hương cây cỏ

Những nơi mình đi qua
anh để lại cái bóng
khi anh không còn đó nữa
em vẫn nhìn thấy anh

Cái ông Bill Gates làm mưa làm gió khắp năm châu bốn biển này chắc phải là người thông minh nhất thế giới? Thường là như vậy. Nhưng...

Trên một chiếc máy bay đang gặp nguy hiểm vì trời giông bão có năm người tất cả: viên phi công, đấu thủ Michael Jordan, Bill Gates, Đức Giáo Hoàng và một anh chuyên đi giao pizza.

Bất thình lình, viên phi công bước ra khỏi phòng lái, thông báo cho bốn hành khách là máy bay vừa bị sét đánh và sẽ nổ trong ít phút nữa. Ông vắn tắt cho biết tình hình cứu cấp: " Chúng ta có tất cả năm người nhưng trên máy bay chỉ có bốn chiếc dù. Tôi là phi công, tôi lấy một chiếc!" Nói xong, ông đeo dù nhảy ra khỏi máy bay.

Michael Jordan đứng bật dậy. "Tôi là thể thao gia danh tiếng nhất thế giới. Thế giới này cần những thể thao gia lớn, vậy tôi phải sống." Anh vơ vội chiếc dù và thoát ra khỏi máy bay.

Bill Gates không chịu thua. "Tôi là người thông minh nhất thế giới. Thế giới này cần những người thông minh, tôi cũng phải sống!" Dứt lời, ông ôm chiếc dù nhảy xuống.

Còn lại vị Giáo Hoàng và anh giao pizza. Giáo Hoàng nói với anh. "Ta đã sống nhiều hơn con, vậy con lấy chiếc dù chót đi. Ta sẽ về với Chúa trong chiếc máy bay này!"

Anh giao pizza bình tĩnh thưa. "Thưa Đức

Bill Gate

Thánh Cha, Ngài không phải chết theo chiếc máy bay này đâu! Người thông minh nhất thế giới đã nhảy ra khỏi máy bay với chiếc túi đeo lưng của con!"

Phiếm vậy cho vui một chút chứ ai thông minh bằng Bill Gates! Không thông minh sao vơ vét nhanh đến thế? Và kỳ đổi thiên niên kỷ vừa qua, giới computer khốn đốn để đổi từ con số 19 ra con số 20, tạo thêm dịp đo sức cho cái túi khôn của Bill Gates. Nhưng suýt chút nữa, con người đã không phải vất vả với những "con bọ" thế kỷ này.

Trước khi thế giới bước qua một thiên niên kỷ mới và lúc hai ông Bill Clinton và Yeltsin còn lãnh đạo hai nước bá chủ thế giới, Thượng Đế cho gọi ba ông Bill Clinton, Boris Yeltsin và Bill Gates lên chầu. Ngài tỏ ra rất bất bình về những gì đang xảy ra trên trần thế. Và Ngài tức giận cho biết là Ngài sẽ tiêu hủy thế giới trong ba ngày nữa. Ngài cho các ông lui về để loan báo cho các thân nhân, bạn bè và các cộng sự viên.

Bill Clinton vội triệu tập nội các. "Tôi có một tin vui và một tin buồn để thông báo tới toàn thể quý vị. Trước hết, tin vui là chúng ta quả thật có một Thượng Đế. Tin buồn là ông ấy sẽ tiêu diệt thế giới trong ba ngày nữa!"

Boris Yeltsin cũng thông báo cho các cộng sự viên. "Tôi có một tin vui và một tin kinh khủng cho các bạn. Tin vui là chúng ta có một Thượng Đế. Tin kinh khủng là ông ấy sẽ tiêu diệt thế giới trong ba ngày nữa."

Bill Gates họp các nhân viên lại. "Tôi có hai tin vui cho các bạn. Thứ nhất, Thượng Đế tưởng tôi là một trong ba nhân vật quan trọng nhất trên thế giới này. Thứ hai, các bạn khỏi phải nhọc công với những con bọ thiên niên kỷ cho Windows nữa!"

Nói tới computer là phải nhắc tới ông Bill Gates, không tránh được. Nhưng cái ông B.G. nhiều tiền lắm của lại vang danh trong chốn *hitech* này làm tốn nhiều chỗ quá. Tới lúc quên ông ấy đi là hơn. Chúng ta nói chuyện về một ông B.G. khác, ông Bùi Giáng đi! Ơ hay, ông Bùi Giáng thì có dính líu gì tới cái computer? Thậm chí có lẽ ông ấy chẳng bao giờ nhìn thấy cái computer cũng nên! Trước 1975, làm gì đã có computer trên bàn mà nhìn. Sau 1975, ông ấy bận xuống đường giỡn chơi với chuồn chuồn giờ đâu mà tơ với tiếc! Không biết computer nhưng ông ấy biết và rất thích các người đẹp. Trong đời Bùi Giáng, có bốn người đẹp được ông tôn sùng. Đó là Marilyn Monroe, Brigitte Bardot, Kim Cương và Phùng Khánh.

Mông Rô nàng ấy xa rồi
Còn em Brigitte không lời Bardot
Tuy nhiên bồ liễu lồ gồ
Tam thu khai mở ngọc hồ tuyết băng
Hồng hưu sơn hải câu trường
Lầm than hạc phát phi thường trở cơn

Khi Bùi Giáng vĩnh viễn nằm xuống, xác thân được quàn nơi chùa thì Kỳ Nữ Kim Cương, cảm tấm lòng tri mộ, có tới viếng xác. Không thấy báo đưa tin Phùng Khánh, người được ông thường gọi là "mẫu thân," có tới viếng ông không tuy bà cũng ở chùa! Phùng Khánh chính là Ni Sư Trí Hải, một thiền sư nổi tiếng, vừa viên tịch tại Việt Nam trong một tai nạn xe hơi. Khi Sư Cô Trí Hải mất, có người nhắc lại một giai thoại về Sư Cô. Nó có liên quan tới cái computer.

Một ngày nọ, Sư Cô nói.

"Thì ra cái máy vi tính hắn cũng giống tâm người."

"Giống chỗ nào, thưa cô?"

"Mình ở trong một cái hồ sơ (file) nào đó thì mình không thể xóa (erase) nó được. Mình ra khỏi nó mới xóa được nó."

"Thưa vậy thì giống chỗ nào?"

"Tâm cũng thế thôi. Đang giận thì khó mà biết mình đang giận lắm!"

Thiền với cái computer như vậy thì ông Bill Gates cũng chịu thua. Thua đứt đuôi! Đuôi khỉ, đuôi mèo, đuôi heo hay đuôi heo nái?

01/2004

Website: *www.songthao.com*

PHẬN ĐÀN BÀ*

LÊ MINH HÀ

1.

Nơi ấy, con bé con trở thành thiếu nữ. Qua những tháng ngày đứt đoạn. Rồi thành đàn bà.

Nơi ấy xa rồi và người đàn bà trẻ con nhớ mãi. Nhớ. Và biết rằng mình sẽ không tìm về. Nơi chốn là để đi xa quay về trong hồi ức. Nếu tìm về bằng bước mỏi, nơi chốn có còn thân thuộc nữa không?

Nơi ấy ngày xưa thơm mùi sen ổi là một ngõ vắng dẫn thẳng vào khu tập thể gồm phần lớn gia đình văn hóa mới, có chứng nhận đóng dấu phát hàng năm. Một cái cổng đồ sộ bằng sắt hàn hoa lá cành thường xuyên được gia cố, cánh nhỏ mở, ra vào tự do không kiểm soát, cánh lớn luôn khóa chặt giống như mọi cánh cổng liên quan tới những nơi quyền chức từ bấy đến giờ. Cư dân trong khu thì ra vào qua cánh cổng nhỏ luôn luôn mở. Đã có lần một ông cán bộ cao cấp có tiêu chuẩn Volga hứng chí cho anh lái xe nghỉ, tự mình ngồi sau tay lái đưa vợ tới thăm một người bà con sống ở đó. Anh thường trực cung kính nép bên cánh cổng nhỏ mời bà vợ oai phong lẫm lẫm vào, còn ông chồng cao cấp của bà thì được đá mắt hừm hừm kèm lời dặn: ÆAnh ngồi ngoài trông xe chờ đồng chí đây không nhỡ trẻ con nó tắt mắt thì chúng tôi không chịu trách nhiệm.' Cuộc viếng thăm đó đã trở thành một huyền thoại của ngõ, được kể tới tận bây giờ, khi mà cánh cổng cũ đã được tháo bỏ (có lệnh hay tự động thì cư dân không một ai biết). Ngày gặp mặt cán bộ công nhân hưu trí, ông thường trực cũ mắt đã đục đục, bộ còm lê si đa mua đâu đó trên mạn Quốc Tử Giám, giật giật mấy ngón tay ông bạn già hỏi thăm về ông khách cốp dạo nào. 'Khổ. Nào tôi

có biết. Thấy bà ấy bảo gì ông ấy cũng nghe, lại nữa là ông ấy tự lái xe... May gặp ông ấy không để bụng chứ hôm ấy thì tôi hoảng quá... ông ấy mất rồi à... Khổ...'

*

Huyền thoại dĩ nhiên để nghe mà nửa tin nửa ngờ. Bọn trẻ bây giờ phóng xe ào ào vào ra cái ngõ chật hàng ngày theo châm ngôn Æđi xe xịn là để người tránh chứ đâu phải để tránh người' không hoài hơi tìm hiểu những huyền thoại kiểu như thế, cũng như những điều kiện tinh thần vật chất làm nảy sinh huyền thoại, chẳng hạn sự tồn tại (không biết để làm gì) của một cái cổng có thật và một ông thường trực có thật một thời. Cũng có thật một thời: vườn hoa giữa khu tập thể, tiếng bóng chuyền vang rất xa những chiều hè đầy nắng, những bông sen với mùi hương có thể làm người ta đêm về bay lên được trong bóng tối dày đặc đầy hăm dọa bởi tiếng còi báo động quen thuộc mà bao giờ cũng đột ngột.

Không có ai từ nơi đó thúc nhau Æđi đi đi đi'. Không có ai từ nơi đó gọi nhau Ævề đi về đi'. Người ra ra vào vào cánh cổng vô hình xưa, thân yêu thì hỏ hởi chào nhau, hỏi giá mớ rau con cá vừa mua. Mà ghét nhau, vừa cãi chửi nhau thì cũng cố làm sao để *'con mặt ... kia ... thằng mặt ... kia'* biết nỗi khinh bỉ đang chực bục ra, nhưng nếu có bục ra ở đây thì cũng không bị lên án là kẻ chấp nhặt và gây sự...

Người đàn bà trẻ con đã đi đi về về bao nhiêu năm qua cái ngõ nhỏ đầy ứ chuyện vặt vãnh của thế gian này. Bên kia đường, trấn ngay trước cửa một nhà hộ sinh, cây đa già tỏa bóng xuống những bà ộ ệ đi vào và khép nép đi ra, nào khăn nào nón, đùm đùm gói gói, mặt mũi vừa võ vàng vừa bủng beo, nhưng mắt thì cứ sáng rực. Tia sáng đó thường chỉ thấy ở mắt người vừa sống lại. Không phải lúc nào họ cũng hớn ha hớn hở cái vẻ đàn bà ấy. Có những người đi vào một mình, đi ra một mình, mặt cúi gầm, bước dấn về phía phố và tia nhìn của họ không hòa được vào ánh ngày rất rực rỡ nơi này, khoan thủng mặt đất lầm lỳ, làm tim người đàn bà trẻ con buốt nhói. Khi đó Ngân thường thu mình nhìn lên vòm đa cổ thụ, lắng nghe tiếng gió, giống như tiếng thở dài an ủi mà người đời có thể cho nhau.

Đã một lần, Ngân đã nhìn, đã ngóng một người con gái từ nơi ấy. Người con gái gầy guộc, mặt vàng như nghệ, ôm một bọc nhỏ cúi đầu bước ra khỏi cổng nhà hộ sinh. Cây đa già chao cả vòm lá trên đầu gọi gió. Tiếng gió lá rì rào, như một hơi thở nhẹ, êm dịu, bất thường vào cái ngày tháng bảy vừa sáng đã hầm hập. Cô gái ngửa mặt. Đôi mắt cô ứ đầy nước và cô mỉm cười. Từ bên đường bước vội sang một cô gái khác. Họ trao nhau cái bọc, từ đó thoát ra tiếng oe oe non dại. Họ dìu nhau đi vào ngõ, đầu ngẩng cao, bất chấp những đôi mắt từ các hàng quán hai bên ngõ chú mục. Có một bà nạ dòng từ trong đó lao ra giằng lấy cái bọc đùm đứa bé, chửi bới cô gái ầm ỹ. Một bà khác cũng lao ra. Hai người đàn bà trẻ chỉ né người, bình thản đi tiếp. Tại sao lúc đó người đàn bà trẻ con lại nghĩ rằng con đường dẫn từ cái cổng chỗ mình đang đứng sang cái cổng bên đường rất dài, dài sang tới kiếp sau của mình và của họ.

*

Sống hết nửa đời, người đàn bà trẻ con vẫn không tin hẳn được vào những điều linh thiêng vốn mờ mịt với con người. Cũng vì thế mà Ngân thường chả mấy khi để ý tới mùi hương khói xộc sực nức quanh gốc đa già. Xứ sở này vốn chuộng những điều bí hiểm. Nếu không có thì người ta sẽ tự tạo. Nên đền miễu bị triệt từ năm này qua năm khác mà còn nguyên đó. *'Thần cây đa ma cây gạo.' Bao nhiêu chiều hè đi rông ngoài phố, bọn Ngân đã lẻn ra sau gốc đa, tụt quần tè tồ tồ, rồi sau đó sợ mất mật khi bị bọn lớn hơn khuyên bảo một cách đầy nghiêm trọng.* Nhưng ngay cả trong giấc mơ dễ bị hù dọa của con trẻ khi đó Ngân cũng chưa từng yết kiến vị thần đã lấy thân cây đa già làm nơi trú ngụ. Mà ma, có thật sao? Chỉ nhớ lâu lắm lắm rồi, năm sáu kế hoạch năm năm rồi, một đêm kia có người đàn bà mang đến đặt giữa rễ cái rễ con của cây đa già một bọc nhỏ chỉ còn hơi âm ấm và hoàn toàn câm lặng. Nếu tính thời khắc theo giờ làm việc của rất đông người khi đó thì đấy là giữa ca ba. Những người quét đường còn đang rê chổi đoạn đầu phố, phải tảng sáng hoặc muộn hơn họ mới tới được nơi này. Người đàn bà ra đi không dùng dằng. Nhưng chị ta đã khóc, khóc nhiều lắm, trước và sau khi từ bỏ cơ quan mà chị ta đã làm việc mấy năm trời, khóc khi một mình lăn lộn bên rệ đê làng Thanh Nhàn, cái làng mà dân cư của nó khi đó toàn những kẻ cả đời không biết tới chữ thanh nhàn, khóc lúc tỉnh dậy thấy bên cạnh mình là đứa bé vẫn dính với mình bằng một sợi thịt da định mệnh. Chị ta sẽ còn phải khóc nhiều nữa, khi đã trở thành một bà lão bệ vệ và lắm của chìm, rất được

ông chồng đang lên như diều thì bị hất về hưu sớm và những đứa con ngoan ngoãn giỏi làm ăn kính yêu. Nhưng đấy là chuyện của bây giờ. Còn lúc đó...

Ngân vừa nói chuyện ma. Đấy là một sự kiện trọng đại của cư dân trong và quanh quanh cái ngõ Ngân sống. Phải, nếu có thì con ma nhỏ đó nay cũng đã thành một ma luống tuổi. Đứa bé đó cứ lạnh buốt dần đi giữa những rễ cái và rễ con của cây đa già. Tảng sáng, lúc bà lão bán xôi thường ngồi sát tường nhà hộ sinh phát hiện ra thì đứa bé chỉ còn là một hình người bé bỏng bầm tím. Cái linh hồn bé nhỏ đó nấn ná hồi lâu quanh mấy cái tã cái chăn cũ cũ rồi bay lên lẩn vào vòm lá, nhìn xuống đám người đang lao xao thương cảm và chì chiết, buồn bã thở dài. Đấy là một tiếng thở dài kỳ dị, rất kỳ dị, không chứa ẩn một chút nào sự thoả mãn bé thơ. Đau đớn. Rồi nó bay đi. Không bao giờ nó trở về.

Nhưng mà từ đó dưới gốc đa bắt đầu một cuộc sống khác. Bà lão bán xôi đặt nơi thằng bé bị lỗi giờ sinh một bát hương. Những buổi sáng tiếp theo bà đều cắm vào đó một nén hương và đặt bên cạnh một bát xôi. Bát xôi đó, khi đã hết hàng, bà sẽ nhẩn nha gảy gảy tàn than và ngồi nhai chậm rãi cho đến hết trước khi cất gánh lên vai về nhà. Có vẻ như từ hôm đó bà thường bán hết hàng sớm. Không biết vì sao, một sớm kia bà thôi bán xôi, chuyển sang bán vàng hương, cũng ở chỗ đó, và bảo rằng thánh khiến bà. Thánh, theo cách giải thích rối mù mà hết sức đơn giản của bà, chính là đứa bé, nay đã được sung vào đội ngũ những ông hoàng.

Bà lão sai một thằng cháu đóng cái hòm gỗ, sơn đúng màu sơn quan tài loại ba mậu dịch bán căn cứ vào giấy chứng tử, chất đầy ở một cái phố nhỏ gần gần đó. Thằng cháu phát huy trí tuệ cho xứng với đồng bạc tương đương năm bát phở gà của bà, đóng đinh treo cái hòm lên thân cây, chỗ có cái chạc ba đầu tiên, thỉnh bát hương đã ấm chân vào đó rồi dùng vôi ăn cắp ở công trường gần nhà quét một vệt trắng lốp từ đó xuống tới gốc. Thật không ngờ rằng chỉ một cái hòm đỏ nhỉnh nhỉnh hơn tổ chim bồ câu như thế đủ để đánh thức lại cả một niềm tin tưởng ngỡ đã chết từ lâu lắm trong lòng dân chúng. Người ta đổ xô tới khấn vái, bát hương đặt cao quá không cắm được thì họ cắm hương thẳng vào mặt đất, giữa rễ cái rễ con. Những bà chửa đi đẻ thắp hương trước lúc còn chưa khóc mếu vì đau. Người nhà họ hớt hải chạy ra thắp hương khi những cơn đau kia đã tới mức bất bình thường. Những bà bán hàng trong cái chợ gần đó đều đặn khấn vái nhoay nhoáy trước lúc mở hàng. Những ông mặc thế sự xoay vần, cứ tiếp tục các lễ nghi cúng quảy để xin thánh thần đừng rời bỏ đất nước này mà đi hết. Người ta xin phù hộ và người ta lễ tạ, đông nhất là vào rằm mồng một, chen chúc nhau, huých mông thụi ngực nhau, lườm nguýt nhau trong khoảng cách từ gốc cây cho tới bờ tường nhà hộ sinh. Hoàn toàn công khai, bởi ngôi nhà sát nhà hộ sinh khi đó là một xưởng chế biến mì sợi và mỗi sáng bà chủ xưởng cũng rất thành tâm vái gốc đa đều đều. Sau này, khi hết chiến tranh, bột mì viện trợ không còn và xưởng chế biến mì sợi phải đóng cửa, nhà xưởng trở thành trụ sở công an phường thì mọi sự cũng có khác đi. Nhưng còn lâu mới tới khoảng thời gian đó...

*.

Một cách ngẫu nhiên, người đàn bà trẻ con phát hiện ra mình luôn luôn khai không đúng địa chỉ. Cứ như trời xui, tất cả cư dân trong ngõ ai cũng như ai đều một mực nói mình ở Cây đa nhà bò. Nghĩa là bên này đường. Nghĩa là ở trong nhà hộ sinh. Hình như Ngân đã đỏ hết mức có thể đỏ khuôn mặt mình khi đọc trong cái cười của anh bạn mới quen một sự nghi ngờ đùa cợt không xứng đáng. Đấy chính là dấu hiệu đầu tiên cho thấy mối quan hệ của họ không thể khai thông được, mặc dù cả hai đều trẻ, đều vân vân và nói tóm lại là đẹp đôi. Vào những năm tháng ấy không thể có chuyện một cô gái chưa chồng điềm nhiên đi qua gốc đa bước vào cổng nhà hộ sinh nếu không có một lý do chính đáng liên quan tới một người khác có lý do chính đáng để vào ra nơi đó: một bà chị ruột của mình hoặc của bạn, một bà chị họ, một cô em, hay bà mẹ (ví dụ thế) đi đẻ.

Thực ra thì cả khu tập thể của Ngân có cùng một số nhà, như mọi số nhà khác. Đấy là một trong những khu tập thể đầu tiên được xây dựng sau ngày hoà bình lập lại ở Hà Nội. Không phải là một khu dân cư chung chung mà là khu tập thể của một nhà máy. Ba dãy nhà cao tầng cách nhau những khoảng sân rộng thênh thang và những vườn hoa to như một góc công viên. Tất cả các căn phòng đầu tầng đều rộng gấp đôi các căn phòng khác. Theo như cách người ta hình dung về một cuộc sống chung đầy lý thú thì đó sẽ là nơi sinh hoạt văn hóa của cư dân trong tầng, đọc sách chẳng hạn, đánh bóng bàn chẳng hạn. Trong những tiểu thuyết Liên Xô được hào hứng dịch

và đọc thời ấy thì căn phòng đó sẽ được gọi là Góc đỏ. Những cái cống lộ thiên chạy xung quanh mỗi ngôi nhà bao giờ cũng khô rang và không một cọng rác vào ngày nắng ráo. Ngày mưa, nước theo đó chảy ồ ồ xuống cống cái. Không bao giờ khu tập thể bị ngập, ngay cả lúc đầu kia thành phố dân chúng bì bõm lội trong nước dâng như lũ trên phố. Những cái ghế cho trọng tài ngồi thổi còi cầm chịch mỗi trận đấu bóng giao hữu giữa cư dân trong khu hay giữa đội bóng của nhà máy với các đội bóng khác trong thành phố luôn được gia cố. Hầu hết mọi nhà đều sống gần như cùng một nhịp ăn, làm, chơi. Cũng có đôi ba gia đình có một nhịp sống khác khiến mọi người vừa nghi ngại vừa ganh tị. Nhưng họ là thiểu số, một thiểu số hãnh diện song vẫn phải tìm mọi cách che giấu mình.

*.

Cô gái mới vượt cạn một mình kia không thuộc thế hệ những đứa trẻ đầu tiên có mặt trong khu tập thể. Những đứa trẻ đó, sinh sau ngày hòa bình lập lại, lúc bố mẹ đang phấn chấn vì căn phòng tập thể mới được phân và tất cả có một đặc điểm chung: thường mang những cái tên trùng lặp và người ta phải phân biệt lũ trẻ bằng cách gọi ghép tên người sinh thành ra chúng. Rất nhiều Quyết; Chiến; Thắng; Hòa; Bình; Hồng; Hà; Quang; Minh; Nam; Trường; Sơn... Những cái tên không hề luôm nhuôm, còn nhuốm chút gì đó quê quê, song buổi chiều khi các ông bố bà mẹ cao giọng gọi con về tắm táp cơm nước là thấy đã hừng hực tinh thần thời đại.

Người đàn bà thuộc thế hệ trẻ con đó, thế hệ đã từng chứng kiến mà không hề biết cái phút quyết định sinh tử của cuộc đời cô gái vừa vượt cạn. Lúc cô mới chỉ là một mầm sống...

*

2

Đêm đã thở một hơi dài mát mẻ vào buổi chiều hè ít gió. Phố lên đèn. Những bóng đèn không có chụp lung lay trên những sợi dây điện chăng dọc ngang thành phố như một tấm mạng nhện khổng lồ. Thế nhưng khu tập thể vẫn âm thầm tối. Vẫn chưa có điện. Những người đàn bà đang chầu hẫu chờ đợi bên mấy cái máy nước công cộng nước chảy bé như đầu đũa rên rỉ. Thỉnh thoảng lại có tiếng ré lên của một bà nào đấy khi bị mấy ông tắm gần đó dội bắn nước vào. Bà gầy nhăng nhẳng than thở:

- Nóng bức thế này mà nhà ăn hôm nay không làm cho chảo nước rau muống luộc cho mát ruột. Cơm chiều mấy đứa nhỏ tha về, nhìn thấy bát canh bí đỏ đã bứ cả cổ. Chan húp trệu trạo được vài ba miếng là buông đũa.

Bóng tối chụp lấy mấy người đàn bà. Tiếng một cô tre trẻ:

- Em dặn con bé đặt nồi chè đỗ đen. Mà quên không đóng lò mùn cưa trước. Cháu nó tự làm, lỏng tay, nồi chè chưa nhừ lò đã sụp. Nó không biết tương ngay đường vào, thế là đỗ bị lại. Còn lạng đường ướt mua vội vàng hôm rồi sợ hết hạn. Đỗ một nơi đường một nẻo. Bỏ thương vương tội... cũng cố húp cho khỏi phí của trời.

- Còn không? Nhà này còn khúc đá. Tôi ủ mùn cưa chưa chảy hết đâu. Bảo nó sang lấy về mà ăn chè. Mùa này chỉ nước chanh hay đỗ đen đá là chơi được. Nóng thế này ăn gì cũng như nhai trấu.

- Không ăn được thì phải nằm. Nằm một lúc chiếu sũng mồ hôi. Bọn trẻ con thì thích lăn trên sàn đá. Nhưng mà chỉ mát được vài ba phút, xong rồi là có thoát được mồ hôi đi đâu đâu. Em bảo chúng nó rải cái chiếu mà không đứa nào chịu nghe...

Lại tiếng bà gầy nhăng nhẳng:

- Ừ, nhà này cũng thế. Chúng nó lăn khắp nhà chẳng màn chẳng chiếu. May mà nóng thế này muỗi cũng sơ tán đi đâu tiệt cả. Sáng dậy bước chỗ nào cũng rin rít bàn chân vì mồ hôi. Ngồi quạt cho con rã cả tay. Vừa đặt lưng nằm thì chồng lại...

*

Tiếng cười vừa phá ra bị ngắt nửa chừng bởi tiếng trẻ con bỏ dở cuộc chơi trốn tìm, ùa ra từ những miệng hầm công cộng chưa được lấp, chạy rình rịch, hố hố há há: 'Ra xem bà điên hát. Bà Tam bị điên chúng mày ơi'. Lũ đàn bà buông những cái chậu đầy ụ quần áo đương giặt dở, nhìn nhau trong bóng tối mờ mờ, vặn lưng đứng dậy buông tất cả xoong nồi xô chậu rảo chân theo lũ trẻ về phía cổng. Đám đàn ông quăng gầu, độc quần đùi ướt huỳnh huych rẽ đám đàn bà xô nhau chạy trước. Phía ấy, phía cây đa già, vẳng lại một điệu ngâm, rồi làn thảm, rồi sa mạc chênh, rồi lại cả 'Đường cày đảm đang' (*) và quan họ. Loạn xà ngầu. Rõ là cuộc biểu diễn của người hóa dại. Người đàn bà điên vắt vẻo trên chót vót, cười khanh khách, chới với gọi xuống: 'Này chị em ơi...'. Điện bật sáng đột ngột. Những

người đàn bà vội vã băng ngang phố, tụ lại dưới gốc đa già rướn cổ nhìn, tò mò, kinh ngạc và âu lo. 'Đúng là chị Tam. Sao lại thế này trời ơi.' Tiếng người đàn bà trẻ. Tiếng người đàn bà sồn sồn: 'Vừa hồi chiều cô ấy còn đứng chia cơm ở nhà ăn tập thể cơ mà'. Những tiếng xì xào nửa thương cảm nửa ơ hờ lan trong đám người dở quen dở lạ đang phình dần ra dưới gốc cây. 'Thiếu vi ta min A đấy mà. Tôi nói đố có sai. Bây giờ có ông nào trèo được lên sờ nhẹ vào người bà ấy một cái là yên cả.' Tiếng cười ùng ục vang lên như tiếng nước mới đùn ra khỏi ống sau một thời gian dài bị mất. 'Thì ông thử trèo lên. Nói thế là đầy mình kinh nghiệm rồi.' '...Mẹ mấy ông này. Nói thật lại tưởng là đùa nhả. Hồi tôi ở bộ đội, đàn bà con gái bị đầy. Tự dưng khanh khách cười nửa ngày không dứt. Tự dưng khóc rũ rượi như bị ma làm. Nằm co quắp cứng đơ. Cứ ông chính trị viên vào đặt tay lên người một cái là thở bình thường, ngủ dậy lại đâm đầu đào bới gỡ bom phá đá như điên...' Đám người cứ đông dần lên, nhưng dần dần lặng phắc. Chỉ thỉnh thoảng mới có tiếng thì thào: 'Đừng làm cô ấy sợ nhỡ nhào xuống thì chết'. Một cô gái trẻ nói với lên như khóc: 'Xuống đi chị Tam ơi. Về nhà đi tắm đi... em hứng cho chị hai xô nước đầy rồi. Về nhà hát. Về em quạt tóc khô cho. Về nhà đi mai còn đi làm...' Người đàn bà vẫn khanh khách cười vẫn vẽo vọt hát từ cái chạc ba cao chót vót, tóc đổ dài bay rờn rợn trong cơn gió đêm vừa mới nổi. Bài hát về một cây trúc xinh đứng một mình vẫn xinh. Bài hát về bèo dạt mây trôi và những nỗi lòng dang dở. '*...Đôi ta thương nhớ í i... biết bao giờ... lại nhớ tới người... ra sông lại nhớ tới người chứ xuống sông... xuống sông gánh nước.. í i...*' Đám đông chợt mê đi. Chưa bao giờ họ nghe người đàn bà nhỡ thì này hát. Sâu lắng. Vời vợi. Đượm một nỗi gì giống như là hạnh phúc. Và cảm giác ấy thành quái gở khi người đàn bà thốt nhiên ngưng giữa lời ca, khóc khóc cười cười. Không ai để ý người đàn ông vừa tới cùng đồng chí trưởng công an khối.

- Nào bà con ta giải tán. Giải tán! Khẩn trương!

Hoàng Chiều Nhân

Tạ Người Xông Đất

(họa bài thơ Xông Đất của Luân Hoán, đăng trong Thế Kỷ 21 số 179)

Tạ ơn bạn không mời cũng đến,
ta đợi giao thừa, đón chúa xuân
thắp nén hương trầm dâng cúng phật
đầy mâm hoa quả, xanh bánh chưng.

Đầu năm xông đất không ai cả
biết đợi ai mà lòng bâng khuâng
tâm ta thành thật không che đậy
bạn hẳn cùng ta một nỗi lòng

Bạn cứ vào đây đừng ái ngại
mời ngồi xuống chiếu ta hân hoan
nhóm lư trầm, chúc nhau trăm tuổi
dù không pháo tết, không mai vàng.

Chuyện đời may rủi không cần biết
có bạn vui thì cứ vui đi
bạn có thơ hãy cùng ta đọc
cười vui hả hả mãi xuân thì.

Ta cố quên những ngày tháng cũ
mà còn đau đáu nhớ quê hương
đốt cây nhang thơm, cúng tiên tổ
lễ vật ta là những nhớ thương.

Ơn bạn đến thăm ta ngày tết
đã quên lạnh lẽo, tuyết dọc đường
hãy đem thơ đọc mừng năm mới
chúc bạn thơ, này chén rượu suông.

Về ngủ mai còn đi làm. Mấy đứa nhóc này... đằng sau quay... chạy!... Nào bà con mình rẽ ra cho chúng tôi làm việc...

*

Đám đông ồn ào trở lại. Người đàn bà hoá dở lại hát váng lên. Trẻ con cứ như cóc nhảy ra rồi lại nhảy vào. Cái giọng Nghệ của anh công an nói bình thường nghe cũng ra khẩn cấp mà chẳng có tác động gì. Thế mà người đàn ông vừa cất tiếng là mọi người xì xào nhỏ dần rồi theo nhau rời gốc cây. Người đàn bà trên cành cao cũng ngần ngừ im tiếng.

Người đàn ông nói giọng Nam bộ nghe nhỏ nhẹ. Mọi người ai cũng biết ông. Độc thân. Phó giám đốc nhà máy. Ở một mình một phòng nhỏ sửa lại từ cái nhà tắm ở tầng một. Dân tập kết mà không bia rượu, không ăn mắm sống. Nhiều khách và nghe nói vợ con còn trong kia. Mấy anh cán bộ tổ chức hành chính, ông bác sĩ rể của nhà máy, mấy người đàn ông năng nổ và đồng chí công an xúm vào nhau, vung tay vung chân rồi đồng loạt quay sang ông Thản;

- Làm thế nào bây giờ anh? Trèo lên thì trèo được. Nhưng sợ nhỡ ra chị ấy hoảng nhảy thẳng xuống đất thì...

Anh công an hộ khẩu khum hai bàn tay làm loa hướng lên người đàn bà dở tính:

- Chị Tam ơi xuống đi, xuống rồi có chuyện gì thì đề đạt với các đồng chí có trách nhiệm. Xuống đi chị... Có gì mà phẫn...

Anh cán bộ tổ chức của nhà máy gạt ngang:

- Sao đồng chí lại nói vậy. Ai làm gì mà chị ấy phẫn. Chị Tam xuống ngay. Có gì thì phản ánh chúng tôi giải quyết!

Người đàn bà điên đung đưa đôi chân, vuốt mớ tóc dài về đằng trước, khe khẽ cười, khe khẽ khóc, rồi lại hát váng lên. Tiếng hát giờ khản đặc. Ông bác sĩ đứng nghiêng người nhìn xuống bàn chân lắng nghe...

*

Ông bác sĩ đến gần ông Thản:

- Anh Thản này! Tôi nghe như chị này giả dại đấy thôi. Nhưng cũng là vì đầu óc căng thẳng lắm. Không biết chuyện gì. Thường ngày ở cơ quan anh chị ấy làm gì... Làm nhà ăn à? Hay là có chuyện chấm mút gì bị vỡ lở...

Người đàn bà điên đã chuyền cành xuống gần chỗ hai người đàn ông đứng, bất chợt cười phè phè, và lại tiếp tục vẽo vọt những lời ca vờn quyến thê thảm. Ông Thản lắng nghe, cố đè nén xuống đáy lòng một nỗi xót thương sâu xa. Ông không biết vì sao người đàn bà lại dở ra như vậy. Chỉ mới chiều nay chị ta còn đứng chia cơm trong nhà ăn. Chị ta bao giờ cũng ý tứ xới cho ông một gà mèn cơm vơi vơi, nhưng lại gia thêm thức ăn hay chút nước thịt kho vào cái nắp gà mèn. Chị ta không mấy lúc bắt chuyện với ai. Nhưng chăm làm đúng kiểu một cô nhà quê vừa được thoát li. Suốt mấy năm rồi chị ta là chiến sĩ thi đua của nhà máy. Cũng cảnh cơm tập thể như ông. Có lần bên bể nước, ông thấy chị ta nhặt mớ rau và vo một rá gạo con, cười ngượng nghịu lúc mọi người trêu chọc về nỗi người làm bếp ăn tập thể lại chê cơm tập thể.

- Dạ... em.. nhà có ông anh họ...

- Thế không phải là ông anh ruột à? Anh liền ruột ấy mà. Nghe phong phanh cô có... Này, cứ tìm cha nào xa vợ mà tấn công áp sát. Tiếc gì cái mác chiến sĩ thi đua. Gỡ gạc lấy đứa con cho cửa nhà đỡ quạnh em ạ. Mới lại phòng khi về già...

Bà có tiếng bỗ bã nhất cười hơ hơ nửa châm chọc nửa thành tâm khuyên bảo... Khi đó ông Thản đã lặng lẽ xách xô nước rút dù. Lòng ông đau nhói. ÆCó hẳn đàn bà cứ phải tầm ruồng đàn ông chỉ để kiếm một đứa con?' Về phòng, ông Thản buông phịch xô nước ngoài cửa, ngồi chết lặng như một gốc cây khô. Ông nhớ đôi môi mềm ấy, làn da nóng ấy, đôi mắt ấy. Hừng hực và lấp lánh trong bóng mờ căn phòng không bao giờ tối hẳn bởi ánh sáng của ngọn đèn đầu đường hắt chéo vào. Người đàn bà ấy ông đã bao năm theo đuổi, đã cưới về, đã có với ông hai mặt con trước ngày ông ra đi, đã chỉ nhìn ông ứa nước mắt. Vợ chồng ông buổi đó không nói lời hẹn thề. Nhưng mà ông tin cậy vào những năm chung sống. Sự ngu ngốc của đàn ông! Nhưng có hẳn là như thế! Khi mà khoảng thời gian chia xa đã không phải là hai năm, đã là mười hai năm...

*

...Những người đàn ông đứng bối rối và bất lực dưới gốc đa. Ông Thản lên tiếng, quả quyết và điềm đạm:

- Thôi các anh cứ về ngủ mai còn công việc, để tôi đứng đây chờ chị ấy xuống.

Anh công an hộ khẩu trẻ mừng rỡ vì được giải thoát ra khỏi công việc bó tay bó chân này, nhưng cũng có phần lúng túng:

- Vậy thì hay rồi. Tôi về qua đồn một chốc rồi lại chạy ra. Mà có điều gì gấp rút thì đồng chí

chạy qua chỗ tôi...

Phố vắng dần. Vào khuya. Ông xích lô vẫn chực khách trước cổng nhà hộ sinh cũng đã vắt mình lên yên kẽo kẹt đạp đi. Ông Thản đứng lặng lẽ dưới gốc cây, tiếc đã không hỏi ông xích lô hút nhờ một điếu thuốc lào cho bớt cơn thèm một hơi thuốc lá bất chợt khô ran lồng ngực. Gió đêm rờn rợn quẩn trong vòm lá. Người đàn bà điên im lặng, lầm lũi tuột dần xuống. Ông Thản lặng lẽ giơ tay. Người đàn bà đổ nhào vào ngực ông, nức một hơi khan, âm thanh khản đặc:

- Em khổ quá.

Không biết vì sao ông Thản lại nói như mình biết cả:

- Đừng dại dột em ạ. Em không tội tình gì....'

*

...

- Anh bảo em làm sao bây giờ? Không chồng mà chửa. Nhục nhã thân em đã đành. Còn mang tiếng cả nhà máy. Biết làm sao bây giờ.

- Đừng oán hận người ta cô ạ. Có phải là lúc ấy cô cũng đã hạnh phúc rồi không? Đừng băn khoăn miệng tiếng người đời. Trẻ con không có tội gì. Mà nếu cô quyết... thì tôi sẽ trao đổi với ban phụ nữ nhà máy xem có cách nào... Chỉ có điều ta phải cùng nghĩ cho kĩ. Biết đâu đứa trẻ không phải là nguồn cơn khổ sở...

Người đàn bà đổi thế ngồi, vén gọn mái tóc rồi chậm chạp búi lại:

- Anh nói phải. Nếu em bỏ cháu, miệng tiếng người đời em cũng vẫn không ngăn được. Đã chắc gì để mà trông đợi vào duyên muộn. Chỉ có điều em sợ... Nhà máy sẽ không kỷ luật em chứ anh? Anh nói hộ em một câu. Tội nghiệp. Giờ mà em bị đuổi... Đã thoát ly rồi mà phải đâm đầu về quê, ruộng đất vườn tược không, nhục thân em đã đành, cả nhà em nhục. Sinh cháu ra để cháu bị sỉ vả bêu riếu từ trong nhà ra ngoài làng, thà rằng em lại trèo lên cây đâm đầu xuống...

Người đàn bà cố trấn áp nỗi sợ trước cái nhục thứ hai, nếu tính cách trục mầm sống ấy ra khỏi thân mình. Sẽ còn phải lâu lắm kể từ ngày ấy những phụ nữ lỡ làng như chị mới có thể tự do đi vào phòng sinh đẻ có kế hoạch ở các bệnh viện phụ sản, đóng tiền, nhận một cái tích kê, rồi mấy tiếng sau yên tâm ra về trong cảm giác vừa nhẹ nhõm vừa đau đớn vừa cắn rứt. Không có một tờ giấy cam đoan của một người chồng cho phép chị làm điều ấy, chị sẽ phải xin giấy chứng nhận ở cơ quan, sẽ phải chịu đựng đủ kiểu nhìn như muốn lột da rút xương của những người quen người lạ. Chị đã từng biết điều đó, không hẳn là người trong cuộc. Nhưng tuyệt nhiên không phải là kẻ đứng ngoài. Mãi mãi chị không quên nổi buổi chiều ấy, buổi chiều chị vừa tròn mười tám tuổi, buổi chiều chị rơi tõm vào trong nỗi đau đớn không cùng tận của đời đàn bà.

3

- Ối giời chị Phận. Tưởng chị hôm nay đi chợ Thá. Em đang dở tay làm cỏ. Chị vào nhà... U em trong buồng. U ơi, chị Phận đến chơi đây này...

Người đàn bà kéo nón, múc nắng tạt mặt. Đuôi mắt dài giấu cái nhìn rừng rực và làn môi nhợt nhạt. Thời mỏng mày hay hạt, thời má đỏ môi hồng, thời ngồi trên hè chằm nón thỉnh thoảng nhìn ra sân nắng cười một mình của chị đã tàn héo từ lâu, từ lúc tiễn chồng đi B rồi suýt chết vì đẻ non ngay buổi tối xã làm lễ báo tử một loạt chín anh trai làng. Từ ngày đó, Phận quần quật làm, thôi không chằm nón nữa mà đi buôn nón những ngày việc đồng áng vãn. Chị hay qua nhà Tam, nhìn con em họ vai cứ tròn dần, má cứ ửng dần, tóc cứ bóng dần, thở dài bảo bà Nhị:

- Thím đừng bắt nó lấy chồng sớm. Chả giai làng thì giai thiên hạ. Hiếm gì. Như cháu đây, nói thím đừng cười, đến cái hơi chồng có muốn nhớ cũng không nhớ nổi. Thì thím bảo cưới được có mấy ngày. Người làng người nước cả. Bố mẹ cháu nhận lời thì cháu cũng gật. Biết gì đâu. Chúng cháu chả được như chú thím...'

Bà Nhị cười. Bà cũng cảnh vợ liệt sĩ từ khi còn trẻ. Cũng bao đêm nghiến răng nằm không dám mộng, không dám đặt bàn tay lên chính thịt da mình, từ chập tối đã thu vén con dao bầu đặt đầu giường. Nào phải để phòng ai. Phòng chính mình thôi. Nhưng bà biết mình khổ ít hơn người cháu họ của chồng. Ông bà mê nhau thật. Lại nữa bà không vướng bận gì nhiều với gia đình nhà chồng. Ông Nhị con độc, các cụ qua đời sớm cả. Đến tuổi này, nghe cô cháu họ của chồng than vãn, bà Nhị mới giật mình. Giá không thương nhau đến vậy, giá không từng mê nhau đến vậy, đến nỗi sự vui vẻ trang nghiêm goá phụ của bà đã làm nhụt tất cả ý chí tán tỉnh của đàn ông thì chẳng biết bà có giữ mình khó hơn không?

*

... Bà Nhị cầm con dao bài rọc lá trầu mà tay cứ run bần bật:

- Việc đến thế rồi hả cháu. Mày định sao bây

giờ. Mà sao dại thế, đã chồng đã con rồi, cũng phải biết giữ thân. Nhẽ nào... Ai lại để tới tận giờ mới tính. Vỡ chuyện ra thì mày chỉ có nước chết với nhà nó.

- Cháu chả sợ thím ạ. Ông Trác ông ấy đang ngồi ghế chủ tịch xã, đố dám làm ầm lên. Xấu mặt cháu thì hổ mặt ông ấy thôi mà. Ông ấy rên ầm ầm. Những là tôi tưởng thím lòng gang dạ sắt thờ chồng. Bao nhiêu đàn bà góa đàn bà ế, được cái danh vợ liệt sĩ là hơn thiên hạ đủ đường. Cháu mới bảo thế này, thế thì bác gái có lẽ cũng mong cái danh ấy lắm. Sao ngày ấy bác đẩy nhà em nhập ngũ ở nhà làm ông xã đội trưởng quèn. Bây giờ bác làm phó chủ tịch xã rồi, to chuyện rồi, em mới đến thưa chuyện với bác. Chứ bác vẫn chỉ là ông xã đội, em chẳng dám. Bà vợ ông Trác phủi đít đứng dậy bảo cháu gái đĩ già mồm. Thím xem, cơm no bò cưỡi người ta chửi thiên hạ dễ thế đấy.

- Thế thằng Trác bảo sao?

- Ông ấy đi ngay ra ủy ban, cấp giấy cho cháu đi phá. Cháu đã định liều... Lớn bé gì thì nó cũng là người... Cháu sợ mang tội với giời thím ạ. Nhưng ông ấy nói như van thím ơi thím làm thế chết tôi chết cả họ nhà này không ai ngẩng mặt lên được thím nghe tôi thì thôi tôi coi thím vẫn là người trong nhà trong cửa...Cháu ngồi cười thím ạ. Thím xem thời buổi... Giời xa cũng không dám sợ hơn sợ người gần...Chả hiểu ông ấy đả thông bà vợ thế nào mà bà ấy mang ra cho cháu gần trăm bạc với hai thúng gạo nếp với lủng củng những gì gì nữa cháu cũng chả nhòm. Cháu bảo phắt bà ấy mang về.

- Mày định thế thật hả Phận. Cháu ơi người chửa cửa mả. Không dưng động dao động kéo vào người. Mà cái thằng mặt dày ấy là thằng nào?

Chị Phận cười nhợt nhạt:

- Thằng nào mà chả như thằng nào hả thím. Thằng nào lúc ấy mà chả luồn chả cúi chả như trâu húc mả. Thím bảo thời buổi loạn này, thằng nào ở nhà không đui què mẻ sứt chân tay thì bụng dạ cũng toàn rắn rết. Lúc ấy cháu chỉ nắm độc cái ý của nó thôi mà. Có khác gì nhau đâu.

*

...Tam không nghe được câu chuyện buồn thảm của mẹ và chị. Bà Nhị gọi cô gái vào, chẳng nói gì nhiều, chỉ dặn dò:

- Chị Phận phải đi bệnh viện. Mày để tất cả đấy cho u. Đi thu xếp quần áo theo chị lên viện xem có đỡ gì được nhau không. Cầm lấy chục bạc này, vài hôm nữa làm xong cỏ vườn thì u lên nếu chị em chưa về được. Có lọ vừng u mới giã hôm kia cũng cầm luôn theo. Mà chị có thèm ăn gì cũng không được mua bán lung tung, chỉ được cơm với thịt rang, cùng lắm thì mua cái bánh giò.

Người con gái vô tư:

- U buồn cười, người ốm mà lại bắt ăn kiêng thế thì nóng ruột chết. Cũng phải tấm mía múi bưởi chứ lại, rồi bát canh khúc cá. Em sẽ mua cho chị. Em có tiền riêng, không cần tiền u em. Mà chị bị bệnh gì phải đi viện gấp thế, sao em chả nghe nói trước gì.

Bà Nhị nạt 'mày biết cái gì' rồi quay sang cô cháu, nghẹn lời:

- Phải giữ mình con ạ. Sao tao lo quá, lo còn hơn hồi mày đẻ con Ngần. Cố chịu đau chịu đớn kiêng khem cho kĩ rồi về chừa đi cháu ạ.

Phận cúi mặt, nghẹn ngào:

- Thôi nói làm gì trước hả bà. Con đi chuyến này, chả nghĩ đến mình, chỉ những thương con Ngần. Nó quặt quẹo từ ngày mới đẻ. Đã nhà quê, đã mồ côi, lại không xốc vác, mai sau biết làm gì đút miệng.

Tam là người duy nhất trong ba người phụ nữ không nghĩ rằng những lời đó sao mà sái. Nhưng cả bà mẹ và người chị họ cũng không hề nghĩ rằng chỉ hôm sau đã phải để tang nhau.

4

Ông Thản ôm người đàn bà đang run bần bật trong cơn nức nở khan, buồn bã. Ông không nghĩ tới việc trách cứ Tam. Có thể làm điều ấy được chăng khi trong trí ông lần lượt diễu lại những con chữ tai ác. Những con chữ làm ông đau đớn vì nỗi bất lực của mình khi nghĩ tới hai đứa con gái còn nhỏ dại và người vợ đã bỏ nhà đi. Vợ ông có khổ sở như thế này không? Có tủi hổ như thế này không? Có tuyệt vọng như thế này không? Đối diện với nỗi đau khổ của Tam, ông chợt hiểu ra rằng ông không được quyền căm hận. Nỗi đau khổ cùng cực suốt mấy tháng qua đã làm ông lầm tưởng. Còn lại trong ông, nguyên vẹn, vẫn là những yêu thương ấy, những yêu thương sâu nặng, sâu nặng đến độ trở thành đảm bảo cho lòng chung thủy nơi ông.

Thế cho nên ông Thản đã không ngần ngại buông bát cơm chiều vào thẳng nhà hộ sinh thăm Tam vừa qua cơn đẻ khó. Chị thư ký công đoàn nhà ăn e dè:

- Thì anh cứ ăn cho xong bữa hẵng nào. Trong ấy giờ có chị tổ trưởng phụ nữ rồi. Lẽ ra phải báo cho phòng hành chính. Nhưng giờ này thì còn có ai ở nhà máy nữa đâu. Vả lại không hiểu sao cô

Tam cứ một mực xin được gặp anh... Cô ấy nói gở lắm...'

*

Ngân không bao giờ thấu được nỗi đau đớn của người đàn bà tội nghiệp ấy. Mà liệu có ai tận tường điều đó ngoài chính bản thân người trong cuộc đang khổ sở thu vén đời mình. Chị ta nằm như dán vào cái giường trải tấm chiếu không còn biết màu gì của nhà hộ sinh. Khuôn mặt mà tất cả đường nét đều vạc xuống gầy guộc qua cơn mất máu vì đẻ khó bừng bừng đỏ trong cơn sốt. Trên cái tủ con đặt sát giường Tam, chồng chơ nải chuối và hộp sữa. Chị tổ trưởng phụ nữ nhà ăn - người vẫn thường đứng bếp với Tam - sốt ruột đứng đổi chân ở đầu giường, dáng vẻ vừa thương hại vừa dè bỉu, diễn đạt trọn vẹn lòng tốt bất đắc dĩ với mấy sản phụ tươi tỉnh cùng phòng. Chị ta thấy ông Thản, tươi cười:

- May quá, phó giám đốc có đây rồi. Bác sĩ vừa lại phòng báo chuẩn bị chuyển cô ấy lên viện C anh ạ. Giờ cô ấy mới ngủ có vẻ yên yên. Trước cứ mê, khóc gọi ai mãi...

Người đàn bà ngừng lại, thăm dò:

- Với lại cứ gọi anh...

Ông Thản bình tĩnh:

- Được rồi, chị về qua nhà chị thư kí công đoàn nói tôi nhắn công đoàn xem thế nào trích quỹ trợ cấp đột xuất cho cô Tam, mức cao nhất. Cô ấy chưa lo được cho đứa nhỏ. Mà thế này thì chưa biết nằm tới bao giờ...

- Cô ấy may mắn quá, được phó giám đốc quan tâm trực tiếp thế này...

Không có một chút ác ý nào, dường như thế, ẩn sau câu nói. Nhưng hình như mọi lời đồn thổi tai vạ thiên hạ vung vãi làm cho người đời điêu đứng đều bắt đầu như thế chăng? Không như thế, người ta sẽ không thể chịu đựng nổi ngày sống khó nhọc, buồn chán mà tưng bừng của những năm tháng ấy. Không ai biết, trong cơn sốt khô rốc, Tam đã gặp lại người chị họ chết đã bao lâu rồi. Đã nhìn thấy mình trong tấm thân dường như mỏng hẳn đi của Phận sau cơn băng huyết, không động cựa giữa căn phòng bệnh viện huyện âm u cơn gió đồng chiều. Đã thấy lại mình, mười tám tuổi, đưa ngang cánh tay gạt nước mắt ròng ròng, lếch thếch xách gói đồ hai chị em hôm trước tha đi, chạy theo hai người đàn ông bà con hàng huyện đã thuê giúp để võng xác Phận về. Cô gái mười tám tuổi chẳng biết tục lệ làng nước là gì, đã suýt làm cả làng náo loạn...

*

Chiều ấy bà Nhị không hiểu làm sao mà cứ như giẫm phải tổ kiến. Bụng dạ tơ vò. Bà không nói được với ai về nỗi sợ thất đảm đang nghiến lấy tâm can mình. Nắng chiều còn như chan lửa, bà đùng đùng đội nón, vác sào ra thu rơm đang phơi lại, rồi chạy ra chạy vào, luẩn quẩn với đàn gà và đám thúng mủng, bụng bảo dạ phải nấu nướng rồi sáng mai đùm lên với hai chị em nó.

Buổi tối. Trăng quầng. Bức bối. Bà Nhị chặn cửa chuồng gà xong, ra ngõ, nép dậu cúc tần, thấp thỏm nhìn ngược về phía đầu làng. Thì Tam về tới, giọng khản đặc:

- Mẹ ơi, con đưa chị Phận về. Bây giờ võng chị ấy vào đâu?

- Giời ơi! Chị ấy chết rồi ư? - Bà Nhị nghe hai hàm răng lách cách trong miệng như vào những ngày rét ngọt đi làm bùn cấy cần, hay sang đò sớm đem nón mới chằm đi chợ xa - Nó đâu?

- Chúng cháu đứng đây bà ạ.

Tiếng đàn ông đục đục. Hai bóng người nhô ra khỏi hàng rào ô rô nhà bên, trải dài trong trăng mờ cùng cái võng treo giữa hai đầu đòn xóc, phủ tấm chiếu im lìm. Bà Nhị run giọng, nói như rên:

- Các ông làm phúc... Giời ơi... Đây không phải là nhà chị ấy. Nhà chị ấy chỉ có độc con bé cháu hơn mười tuổi. Con tôi không biết... Tam ơi, con nhờ hai bác võng chị trở lại chỗ cây gạo đầu làng. U đi báo cho bên nhà chị ấy. Giời ơi... ối Phận ơi...

Bà Nhị khóc suốt đêm ấy, khóc khi mắng thẳng mặt thằng cháu chồng phó chủ tịch xã và con vợ chồng lỏn của nó, khóc khi lẩy bẩy liệm đứa cháu dưới gốc đa đầu làng và chôn nó trong đêm, khóc khi ôm đứa con dại của Phận vào lòng cố dỗ cho nó ngủ. Nhưng sáng ra thì bà không khóc được nữa khi nhìn mặt con gái. Mặt Tam trắng như người nằm ổ, nhưng cô không có cái vẻ yếu lướt tự hào của họ. Cô như người đi lạc, dúi vào đâu ngủ đỗ, rồi đột nhiên bừng tỉnh. Bà Nhị biết thế là vĩnh viễn con mình không còn có thể vô tư. Chỉ một sớm một chiều, cô đã chạm tới nỗi đau đâm suốt đời đàn bà, thuở đó.

Nhưng Tam, dù thế, không tự miễn dịch được cho mình. Nếu những người đàn bà biết bước lùi trước những khao khát hạnh phúc của mình, có lẽ họ đã không đau khổ nhiều như thế. Nhưng như thế, thế giới này còn gì?

(Trích từ Gió Tự Thời Khuất Mặt*)*

* Tựa đề do Tòa soạn đặt

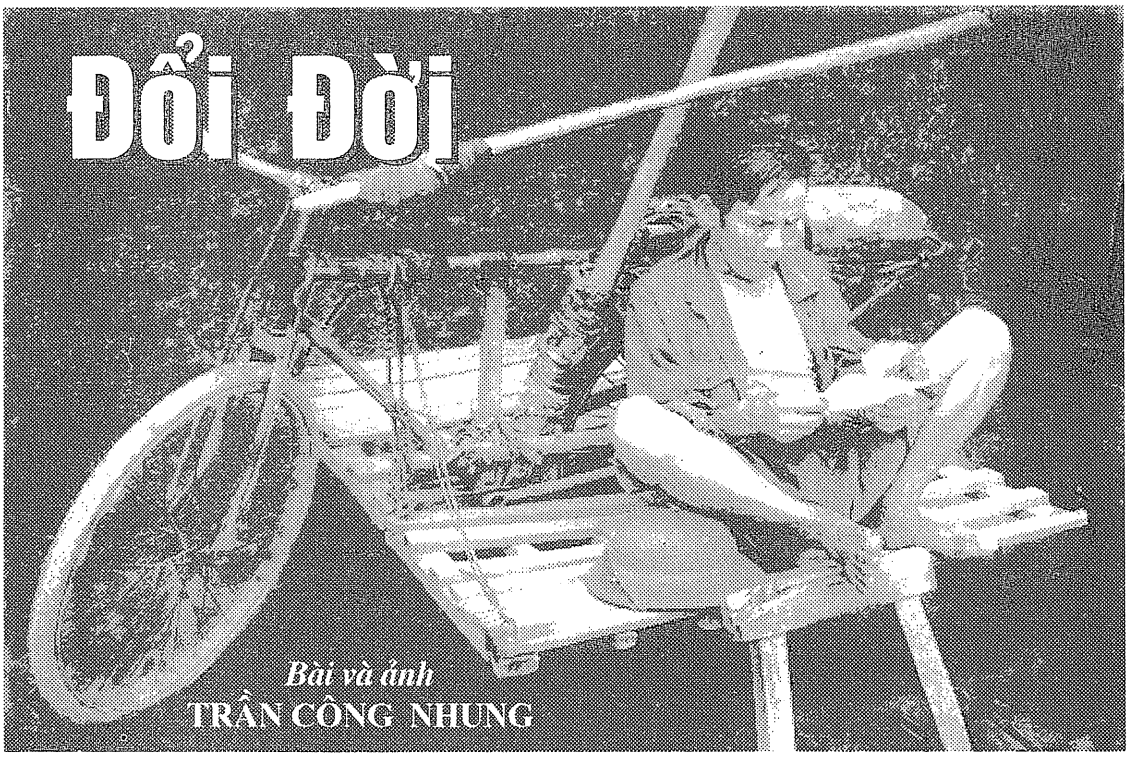

Đổi Đời

Bài và ảnh
TRẦN CÔNG NHUNG

Thông thường, đổi thay là mong mỏi có một tình trạng khá hơn. Cách mạng là làm một sự thay đổi, phá bỏ cái tệ hại xấu xa, tiến lên cái tốt đẹp hơn. Sau 75 toàn Miền Nam, mọi giai tầng xã hội bị đảo lộn vị thế hình thái một cách nhanh không tưởng. Người ta gọi đó là sự Đổi Đời. Từ một công chức xuống công nhân, từ một bác sĩ thành anh chạy xe thồ, từ một cô giáo trở thành chị bán hàng rong v.v... Sự đổi đời đã khiến mọi người ngẩn ngơ lo sợ, rồi tìm cách trốn sự đổi đời... thà chết với cuộc đời cũ còn hơn. Vì không chấp nhận sự đổi đời nên bao nhiêu người đã vào tù. Có người tù một lần, người hai lần, có người vào tù ra khám như cơm bữa. Tôi cũng lãnh một lần tù.

Ngay đêm hẹn gặp với anh chủ ghe để tìm cách tránh cảnh đổi đời, tôi đã bị bắt đưa thẳng vào Trung Tâm Thẩm Vấn Nha Trang, nói nôm là nhà tù chấp cung. "Đồng bọn" với tôi có gia đình Vĩnh Phát, Hòa Lạc, Mỹ Hưng... hết thảy chừng 30 người lớn bé. Họ toàn nhà buôn có tiếng ở thành phố Nha Trang, riêng tôi là giáo chức. Đêm đó đúng là đêm kinh hoàng. Lúc lùa chúng tôi lên xe, một công an xô đẩy chúng tôi như thú vật và bảo: "Nhớ thành thật khai báo để sống thêm vài năm nữa."

Tôi bị nhốt vào xà lim số 2 chung với một can phạm giết người. Tôi không tưởng tượng được cuộc đời lại có giây phút tối tăm đến vậy. Không những thân xác ê ẩm thảm hại mà tinh thần cũng tê liệt đông cứng. Tôi nằm bất động suốt đêm, đến chiều hôm sau mới nghe tiếng người bạn tù :

- Ráng ăn chút cơm đi. Đã vào đây là phải cố sống chờ ngày ra.

Thêm một thứ âm thanh văng vẳng không rõ lắm:

- Cọc. ...cọc chú mới vào tên gì, tội gì ?

- Có ăn uống nói năng gì đâu mà biết.

- Bình tĩnh chú ơi, nếu tội chú rõ ràng thì mau ra lắm.

Tôi suy nghĩ một lúc rồi cho người tù chung phòng biết trường hợp của mình. Lát sau lại nghe tiếng gõ cọc cọc phía vách bên kia:

- Khuyên chú ấy ăn uống cho có sức.

- Vượt biển, nhà giáo.

- Tưởng gì chớ vượt biển họ hỏi cung xong là cho ra phòng chung (nhiều người). Phòng của chú trước đây giáo sư Trần Văn Tây nằm, Tỉnh Trưởng Lý Bá Phẩm cũng đã ở đó.

Nghe tên Trần Văn Tây tự nhiên tôi thấy tinh thần tỉnh lại. Trần Văn Tây cùng dạy chung trường. Đây đâu phải dành riêng cho mình. Tôi hỏi vọng sang người tù bên kia vách:

- Ông Tây nằm đây bao lâu?

- Chưa đầy tháng, tội chú cao lắm một tháng thôi.

- Sao anh biết?

- Đã ở đây trên gần cả năm, ai ra vào, lâu mau cháu biết hết. Vượt biển chỉ chờ chấp cung xong là cho đi lao động.

Tôi nghĩ bụng, tay này sao rành quá vậy, hay là cò mồi để khai thác tù?

- Anh tên gì? Sao nằm lâu vậy?

- Thiên, nghi "giựt" lựu đạn giết cán bộ.

- Sao nghi anh ? Sao nhốt lâu?

- Cháu Thủy Quân Lục Chiến, năm ngoái trong Cam Ranh có vụ "giựt" lựu đạn giết cán bộ xã, công an điều tra, lính ngụy nên nghi, họ bắt cháu tại ga Nha Trang.

- Gia đình biết không?

- Không.

- Trời đất! Sao không cho biết?

- Thêm lo chớ được gì ? Chừng nào thả thì thả!

- Sao lâu vậy?

- Không nhận tội, nhốt hoài.

- Vậy nhận mà ra.

- Khùng sao chú, không làm mà nhận?

Tôi nghĩ, anh này rất khí khái, đáng mến. Tôi bắt chước gõ vào vách ba cái:

- Bao nhiêu tuổi?

- Hăm lăm.

- Nói lớn không sợ công an?

- Giờ này làm gì có công an?

- Sao biết?

- Bốn giờ họ ăn cơm, đi chơi, đánh banh cả rồi. Chú dạy trường nào?

- Võ Tánh.

- Đi chưa mà bị bắt?

- Chưa, mới ra bãi .

- Lường gạt hay bị lộ.

- Lường gạt.

- Nhẹ, tháng là cùng.

Không ngờ qua câu chuyện tôi nhanh chóng lấy lại tinh thần, tôi bắt đầu ăn. Ăn ngon lành. Một vắt cơm, một tô canh rau muống lẫn mấy con cá liệt bằng ngón tay, chỉ một nhoáng là sạch bách. Tôi dùng đầu giây nịt, gạch lên vách đánh dấu mỗi ngày qua. Một gạch, hai gạch, ba gạch...

Người tù chung xà lim cho tôi biết anh đã dùng rựa chém chết một cán bộ xã, vì tên này lợi dụng thế lực ve vãn vợ anh. Theo tôi, anh không phải loại người hung ác, nhưng lắm khi bị thách thức quá đáng, người ta cũng dễ cuồng trí. Mấy hôm sau anh chuyển đi nơi khác. Còn một mình tôi, Thiên càng nói chuyện nhiều hơn. Tuy không thấy mặt mũi nhau nhưng qua tiếng nói, tôi hình dung anh là một thanh niên lanh lợi, có tinh thần hào hiệp nghĩa khí. Mỗi ngày, sau tiếng kẻng tan sở buổi chiều là Thiên rủ tôi "đi uống cà phê." Anh biết hầu hết các quán cà phê ở Nha Trang. Từ Chiều Tím góc Bà Triệu và Yersin, đến cà phê Lá Đa Xóm Mới, hương vị mỗi nơi như thế nào, không khí mỗi chỗ ra làm sao, Thiên mô tả rành mạch. Nhờ vậy, tôi bớt buồn lo và dần dà nhận ra vận số của mình phải thế. Ông Ân Quang đã nói trong Tử vi của tôi từ năm 72 rằng, năm 42 tuổi tôi thay đổi nghề nghiệp. Đúng 42 tuổi tôi đi tù.

Hơn tháng nay, ngày nào tôi cũng bị dẫn lên phòng chấp pháp để hỏi cung. Mỗi khi nghe tiếng giày lộp cộp, tiếng chùm chìa khóa lẻng kẻng là người cứ muốn nổi da gà. Cảnh nhà tù trong tác phẩm Chín Tầng Địa Ngục của nhà văn Liên Sô cũng y hệt như vậy, cũng những âm thanh nghe lạnh người.

Khai cung, tôi chẳng có gì để giấu nhưng họ không tin, họ quyết tôi đã đi nước ngoài, có nhận vàng của nước ngoài để làm gián điệp (chuyện không tưởng), bởi không, sao tôi có nhiều máy ảnh có những bằng nhiếp ảnh ngoại quốc.

- Anh khai thật thì được khoan hồng.

- Thưa cán bộ tôi đã thành thật khai.

- Anh đã đi nước ngoài mấy lần, và những nước nào?

- Dạ chưa hề được đi nước nào cả.

- Sao anh có bằng cấp nước ngoài ?

- Đó chỉ là những bằng nhiếp ảnh, tôi gởi ảnh đi dự thi, họ cấp. Trong miền Nam không thiếu gì người như vậy.

- Ai cấp tiền bạc cho anh?

- Tôi chỉ dạy học, lãnh lương.

- Lương anh bao nhiêu mà anh sắm nhiều máy móc thế, nói láo.

- Thời Mỹ đồ đó bán đầy chợ trời rẻ như cho, Nha Trang chỉ mình tôi chơi ảnh nên tha hồ mua.

Anh cán bộ làm thinh. Cứ vậy mà ngày nào tôi cũng phải trả lời chừng ấy chuyện. Phải công nhận anh chấp pháp rất kiên nhẫn. Anh có khuôn mặt choắt như mặt chuột, tái xanh, hàm răng khít rịt khi nói. Lúc đầu tôi rất ghét phải đối diện với anh, về sau thấy dễ chịu. Ít ra có anh tôi cũng được ra ngoài hít thở khí trời, được thấy những đám mây bay qua, được nhìn mấy con chim sẻ nhảy tung tăng. Dần dà tôi thấy anh có phần mến tôi. Anh không to tiếng, trong lối tra hỏi có vẻ hiểu biết hơn. Tôi chợt nghĩ ra một cách....

- Tôi khuyên anh khai thật đi.

- Cán bộ bảo tôi khai thật cái gì, tôi đã khai hết rồi.

- Anh nhận vàng của nước nào? Đi những nước nào? Làm việc cho nước nào?

- Tôi đã nói hết sự thật, nếu cán bộ không tin, xin hỏi nhà văn Võ Hồng, tôi là giáo viên trường

ổng. Tôi sống ở đây bao nhiêu năm làm gì ổng đều biết.

Không ngờ nhờ vậy mà chỉ một tuần sau tôi được ra khỏi cát-sô (Sau này anh Võ Hồng cho biết công an có đến điều tra và làm anh một phen hết hồn), ở chung với nhiều người.

Người lính công an mở cửa phòng số 10, đẩy tôi vào. Lúc cánh cửa vừa đóng là bao nhiêu người tù trong phòng ùa về phía tôi hỏi thăm tin tức. Họ cứ tưởng tôi là người mới toanh từ ngoài vào cho nên ai cũng đặt câu hỏi. Những câu hỏi về thời sự để lộ tâm trạng mong chờ một thế cờ. Nhưng thấy không có gì mới lạ nên ai nấy giản ra, chỉ còn hai người ngồi lại với tôi : ông Nguyễn Đức Giang (Chách sở Giáo Dục), Trần Minh Thanh (giáo viên). Thanh đã nhanh nhẹn làm một tô mì khô đãi tôi: Bánh tráng sống bẻ vụn, rưới nước mềm, cho cám gạo vào rồi trộn đều với xì dầu. Tôi không ngờ tô mì chế biến đơn giản mà ngon. Sau ba hôm ra nhà tù chung, tôi được gọi đi lao động. Nhốt trong tù mà được đi lao động là một phúc lớn. Ra ngoài như được về với tự do, được hít thở thỏai mái, được ăn no hơn... Cho nên ai cũng ước đi lao động.

Người cán bộ đến nhận tôi đi làm không mặc sắc phục công an. Anh ăn mặc như nhân viên dân chính. Trông anh hiền lành và còn trẻ. Đối diện trại giam, bên kia đường là Ty Công An. Lúc đưa tôi băng qua đường, người cán bộ nói:

- Chú xui xẻo, đi được thì sướng, cháu đã đi nước ngoài cháu biết.

Tôi ngạc nhiên, và nghi anh "thả bong bóng" khai thác gì đây. Tôi im lặng. Anh lại tiếp:

- Hôm bắt chú có cháu. Những tài liệu của chú ở Ty chiếu mấy đêm để nghiên cứu. Chú chuẩn bị tư tưởng chớ lâu đó.

Tôi nghĩ anh này có thể thực tâm, vì đã xem qua tài liệu của tôi và hiểu tôi phần nào. Tuy nhiên tôi vẫn yên lặng thăm dò, lòng bàng hoàng nghĩ đến những ngày sắp tới. Công việc anh giao tôi là kẻ một biểu ngữ: "Tiếp nhận lãng hoa bác Tôn" (Tôn Đức Thắng). Trong lúc tôi lay hoay làm thì người cán bộ lại nói nhỏ :

- Chú muốn nhắn gì về cho thím thì lát nữa viết ít chữ cháu đem về cho.

Tôi nhìn anh tin tưởng và thầm cảm ơn. Tôi nói:

- Nếu cán bộ giúp được thì tôi vô cùng biết ơn.

Đến trưa anh cho tôi miếng giấy, sẵn cây bút chì kẽ bảng tôi ngoáy mấy hàng tin cho nhà tôi. Anh lại bảo:

- Chú muốn thăm gia đình, cháu sẽ nói thím đứng chỗ nhà đợi, lúc đi làm, qua đường chú sẽ thấy.

Tôi cảm ơn nhiều lần và thật sự tin người công an có lòng tốt này. Hôm sau đi làm, lúc băng qua đường, nhà tôi và các cháu đứng sẵn trong nhà đợi. Bỗng tôi nghe: "Phì Phì Ba kia Phì, chạy ra mau" thằng bé ba tuổi chạy về phía tôi, tôi ẵm cháu lên và nước mắt dàn giụa. Ngay lúc ấy người bộ đội trên bót gác cao, lên đạn rắc rắc đồng thời quát: "Bỏ xuống, bỏ xuống." Tôi vội vàng để thằng bé xuống và lẳng lặng đi theo anh công an. Ngày kế tiếp, không ai đến gọi tôi đi làm nữa. Hai tuần sau, vào một buổi sáng sớm, cửa phòng mở, một anh công an đứng hô dõng dạc:

- Những người có tên sau đây thu dọn tư trang ra sắp hàng ngoài sân :

- Lê Văn T, Nguyễn Chí Đ, Trần B.....

Tôi hồi hộp chờ tên mình. Đi đâu không cần biết, rời khỏi chỗ đang bị nhốt là mừng.

- Phan Hòa L, Trần Minh Thanh, Trần Công Nhung...

Tuy vẫn là tù mà sao sung sướng thế, tưởng như vừa được xướng danh đậu Tú Tài. Chúng tôi ôm đồ ra ngồi ngoài sân, chung với số người đã kêu. Những câu hỏi chuyền tai nhau:

- Đi đâu?
- Chuyển trại.
- Trại nào?
- Ai biết!
- Như không.

"Ê không được nói chuyện," anh công an quát về phía có tiếng xầm xì. Lát sau lại có tin: "Đi A 30", "Đi Đồng Găng." Chắc chắn là đi, nhưng đi đâu thì không ai biết. Cuối cùng đa số chúng tôi được gọi tên lần nữa để lên một xe tải. Toàn bộ đám vượt biên lên chung một xe. Lúc tấm bạt phía sau tủ xuống và ràng cẩn thận thì xe chuyển bánh. Tôi cố tìm một kẽ hở để nhìn ra ngoài. Định hướng xem đi đâu. Mấy phút sau chiếc xe đi ra hướng Bắc. Có người cả quyết đi A 30.

Bốn giờ chiều, chúng tôi được thả xuống một trại cải tạo giữa rừng núi xa lạ lạnh lẽo: Trại A 30, Tuy Hòa. Quang cảnh nhà tù bây giờ xa hẳn phố thị và khoảng khoát hơn. Nhà từng dãy, những người tù trong bộ đồng phục xanh đi lại thong thả, họ tò mò nhìn chúng tôi mà không dám đến gần. Chúng tôi được dẫn vào hội trường của trại để học bài học đầu tiên: "Nếp sống văn minh trong tù." Tôi thật sự đổi nơi ăn chốn ở, đổi nếp sống, đổi cách suy nghĩ. Đổi Đời.

(Tháng 12 – 1979)

(Trích Ngày Tháng Thăng Trầm *sẽ in)*

Trước Vực. Sau Khe.

NGUYỄN VĂN THÀ

Trước vực
Sau khe
Thòng lọng tơ gì quần gót
Tua khăn buông còn buộc búp hoa lan
- Thơ HOÀNG CẦM, bài *Cỏ Bồng Thi.*

Có những thiếu nữ đi qua đời để lại những dấu hoa mà các nàng không hay. Màu sắc cùng hương phấn. Người một lần vướng phải, cứ vấn vương hoài, cứ lay lắt mãi trong những hóc hách lòng tình. Không có dấu chân nào hằn sâu như dấu chân thiếu nữ. Chẳng có sắc hương nào trói mộng chắc hơn sắc hương hoa.

Có chàng trai mang trên vai mình những món nợ sinh tử, rướm máu rách vai qua rừng rậm rịt Bỗng một nhành lan hiện ra như từ cõi hỗn mang xanh thẳm, như dành riêng cho chàng giữa những dằng dặc mưu đồ.

Những chàng trai xứ Việt nợ nhiều lắm: nợ non sông, nợ sinh thành, lại còn nợ những đêm trăng, nợ những ngày nắng, những cơn mưa, nợ cả gió hắt hiu... Cả bốn ngàn năm những nợ như thế vẫn trả chưa xong.

Mà nước Việt là đất Mọi, nước Việt là xứ Hời. Điêu tàn và Phiêu tán. Ngay trên đất nước mình. Bởi nó liều lĩnh làm những cuộc chinh phục chính dân tộc mình. Nó cỡi trên những con ngựa điên, những thớt voi cuồng bị những tay phù thủy thuần hoá bằng những cỏ độc, khói ngãi, bằng những tờ kinh, bùa chú cần sa.

Có người nhìn Điêu Tàn, Phiêu Tán mà khóc. Nhưng có kẻ lại vỗ ngực vênh vang những màu huy chương sáng màu mông muội, nhưng thực ra kẻ ấy đang quờ quạng như những bóng ma ơi hời giữa những thành quách đổ nát của mình.

Nhưng may thay còn cỏ cây hoa lá.

Ai từng nghe hương phấn trên rừng, ai nhìn gió muôn màu gởi đi đâu?

Đám thuyền nhân tấp vào hải cảng Trenganu một buổi sáng chủ nhật. Mặt trời mọc bình yên, gió cũng lặng thinh, và nghe như tiếng sóng cũng lặng thinh. Họ sững sờ nhìn quanh một khung cảnh khác hẳn cái đất nước mà họ bỏ đi. Những khuôn mặt ngơ ngác, xơ xác, lem luốc, hôi hám nhìn, lại nhìn, lại nhìn, và trong đôi mắt là địa đàng, là niết bàn. Mấy chị đàn bà loay hoay giòng gàu tát, múc nước biển rửa mặt, có bà dân Sài Gòn còn bôi lại nét son, có cô con gái lôi đôi bông tai ra đeo, có anh lui hui kiếm lại cuốn sách học tiếng Anh...

Xe cảnh sát Mã Lai đến. Cảnh sát đặc biệt của Mã Lai mặt sắt đen sì, nhưng hay cười. Không biết vì tính tình họ như thế, hay vì trong nhóm có nhiều cô gái, dù còn lem luốc, nhưng vẫn phô ra được cái vẻ mỹ miều. Hoàng Diệp là một trong những mỹ miều ấy. Cái mỹ miều còn co ro trong khoang tối, chưa chịu chui lên.

"Hoàng Diệp đỡ chưa?"

"Chẳng bao giờ đỡ được đâu anh."

"Tôi hiểu."

"Anh nói gì, cho em bớt khổ đi anh."

"Nếu được phép, tôi xin nói: Mọi sự trong trời đất này đều tương đối."

"Em hiểu không nổi. Em chỉ đau đớn."

"Tôi không muốn hỗn xược đem những bất hạnh của những cô gái khác bất hạnh hơn cô ra mà so sánh, để mà an ủi cô. Nhưng cái gì xảy ra cho mình, mà mình không làm gì được cả, thì chỉ biết tiếp tục sống. Cô xem, cái bà Tư cũng bị như cô, nhưng bà ấy xem ra không đau khổ nhiều."

"Em không như bà ấy được."

"Tôi chỉ biết nói chừng ấy. Và Thời gian sẽ làm công việc nhà nghề của nó."

Hoàng Diệp có vẻ hơi vui:

"Tempus dolorem lenis."

"Đúng vậy. Mà này Hoàng Diệp, hay là chút nữa Hoàng Diệp làm thông dịch cho nhóm đi. Lính nào mà chẳng thích con gái. Con gái mà xinh đẹp như cô, sẽ dễ ăn nói hơn."

"Em van anh đừng nói em xinh đẹp nữa. Cho em quên."

"Xin lỗi cô. Tôi chỉ nghĩ là tôi dịch được, nhưng nếu cô giúp dịch thì có lẽ hay hơn."

"Em sợ lắm những khuôn mặt đàn ông ngoại nhân."

"Thôi thì thế này: Tôi có một việc cần nhờ cô giúp. Chẳng giấu gì cô: Tôi mang theo tập thơ tôi làm. Bạn tôi đi trước có nói là mấy ông Mã Lai cứ sợ mình mang theo tài liệu phá rối trị an vào nước họ, họ tịch thu hết mọi loại sách vở. Tôi chỉ nhờ cô xách giùm. Lỡ họ có bắt gặp, cô cứ coi như của cô, và tìm cách giải thích với họ, họ chắc dễ thông cảm với cô hơn. Cô giúp được, tôi cám ơn cô nhiều lắm!"

Nàng mỏi mệt nhìn Nam:

"Vâng, em sẽ cố."

Nam ra dấu cho Hoàng Diệp vào khoang trong, mở chiếc xách tay để chỉ cho nàng tập thơ. Nhưng trong đó chẳng có tập thơ nào cả, cũng chẳng có sách vở nào khác, mà chỉ có một cành lan vàng bung ra từ vùng tối tăm của chiếc túi, từ vùng hắc ám của khoang thuyền, lại còn tỏa ra mùi thơm mong manh, mong manh mà xua được hết mùi xăng nhớt, mùi phân người, mùi máu kinh nguyệt trong thuyền. Nam sững người. Mắt Hoàng Diệp ánh chữ vàng kim. Những giây phút như thế mọi ngôn từ, mọi giải thích rơi vào hố thẳm châu báu. "Innocentia eloquentia est." Người ta chỉ còn há miệng ra mà uống lấy ân sủng diệu kỳ, người ta chỉ còn phổng mũi cho khí vị thơm tho ùa vào, người ta chỉ còn mở trừng con mắt rước lấy ánh sáng nguồn sinh. Holy Gral Phương Đông Cứu Rỗi.

Ở nước Việt thuở ấy màu đỏ cùng khắp, nhưng ở trong trại tù triều Mông Muội màu đỏ ấy mới máu me thực sự, phun ra từ những con ma cà rồng ngụy trang dưới những lớp áo thiên sứ, và cái màu ấy còn theo đuổi những hình nhân tơi tả sáng, trưa, chiều, tối, và vào cả trong giấc mơ. Rồi bình minh lại đến, vẫn là những rạng đông *báo hiệu một ngày đau khổ nhất địa cầu*, nó báo hiệu một ngày không thể ngẩng đầu, dù một phút, nó báo hiệu mồ hôi chảy, chảy đến cạn, nó báo hiệu những dùi lửa của những đao phủ xoáy vào tai tù mưng mủ, nó báo hiệu một ngày đỏ chói chang, đỏ cả người, cả thú vật, đỏ cả ngàn cây nội cỏ, không chừa một cây, không tha một cọng. Mà khốn thay, những hình nhân trong trại tù Đông Quan thuở ấy, họ lỡ mang theo vào tù những thu biếc, những mây lơ lửng mấy tầng cao, những sương đầy trời, những thảo mộc hữu bản tâm, những rượu say cầm hoa, những cố viên tùy xứ thổ hoàng hoa, những ẩn lan nhật lạc phi tà dương.

Có một trưa chủ nhật, đám tù cả mấy trăm người mệt lử sau một buổi *thi đua* dâng cho, họ từng hàng đôi, từng hàng đôi, đi về trại. Trời gió im. Nắng đổ. Họ chửi thầm với nhau về cái toán hình sự ngu thấy mẹ vì mấy ký đường mà xông xáo tựa trâu điên, như thể sắp moi được mỏ vàng. Nhưng rồi càng về gần trại, họ có vẻ vui vẻ, háo hức, vì trước mắt họ, dầu gì cũng còn một nửa ngày tùy nghi, họ chuyển qua những chuyện vui hơn: những tin đồn về đợt phóng thích mới, chuyện vợ con, người yêu, và những ước mơ... Trung quay qua hỏi Nam:

"Nè anh Nam, cái câu hát: *Gió bay từ muôn phía tới đây ngập hồn anh. Thuyền anh một lá ra khơi về em phong kín như mây trời...* Tại sao là *thuyền* ở đây?"

"Vì bầu trời thu là biển chở thuyền lòng chàng trôi về bến cảng mây em."

"Chà, cái ý thu thật độc đáo! Mùa thu dễ làm người ta nương cánh thu mà bay. Nóng bức mướt mồ hôi như bây giờ, thì chỉ có nước..." Bỗng, nói chưa dứt ý, Trung kéo tay Nam. "Nè, anh Nam, có con nhỏ Bắc bộ, bộ vó ngon quá trời, đang ngược chiều đi lại."

"Kệ nó, ông ơi! Lỡ con nhỏ là bồ ông cán bộ nào đó, thì lại mang họa."

"Thì chỉ rửa mắt, chớ có làm được gì đâu mà anh Nam cứ lo xa!"

Con nhỏ đi tới thật gần. Nam, vốn đạo mạo ít nói, vậy mà miệng bỗng trơn như mỡ:

"Hoa lan nhớ chờ anh dzìa nghe!"

Con nhỏ nhìn quét ngang đường gươm sắc ngọt, cười nụ ngàn cân.

Cái anh vệ binh quát tháo chi đó.

Nam ngoái lại nhìn, hoa nắng chấp chới, có con chim hốt hoảng bay đi. Anh xuýt xoa với Trung:

"Con nhỏ một tay xách xắc, tay kia cầm nhành lan. Đúng là *Em trưa nắng đổ tay ngà Cội lan ẩn ngữ lời hoa mấy nhành.* Nè, Trung!"

"Hả?"

"Con nhỏ này cầm cành lan giống y cành lan mà con nhỏ thanh nhiên xung phong hay là văn công gì đó toán tôi hồi ấy bắt gặp ở vùng Tam Biên, Trường Sơn."

"Vậy hả? Có chuyện lạ vậy sao! Anh Nam kể nghe thử!"

"Hôm đó toán biệt kích của tôi đi đến khúc suối có nhiều dấu chân dẫn xuống. Tụi tôi thấy có một đứa con gái đứng trên tảng đá giữa suối.

Con nhỏ người thanh mảnh, mềm mại như đâu đó trong Kiều, như đâu đó trong những ca khúc tiền chiến, dù con nhỏ đang mặc đồ trận. Cô ta vừa nhìn cành lan, vừa nhìn vu vơ, như thể đang chờ người tình, hoặc giả người tình đã đi rồi mà vẫn còn đứng lại ngẩn ngơ. Mà cũng có thể chẳng chờ ai cả: Cô nàng ra đó như để nhìn lại mình, nhìn lại những mảnh trinh trắng của những ngày trinh trắng thuở nào đó của Đất Nước. Cô đứng đó như tự hóa đá mình, đứng đó mà hỏi ngọn nguồn. Nghe hoa nhiệm mầu... Trước vực. Sau khe. Ù ù gió thổi. Những sợi sắc hương đong đưa như tơ thòng lọng, những vòng thòng lọng tố ti của những thiên tình sử thiên cổ!"

"Thì những ngày như thế mới đây chứ đâu có xa xôi gì! Nhưng sao anh Nam lại cho là cành lan của con nhỏ Trường Sơn đó giống loại lan cô gái lúc nãy?"

"Thì ở nhà, ba tôi cũng chơi lan mà; tôi nhận ra ngay; đó là lan Kim Điệp với những cánh hoa màu vàng tươi, lất lay nửa như những cánh bướm muốn bay đi tìm nguồn mật mới, nửa đang múa quanh cội mình, và mỏng manh, mỏng manh thất cả ruột... Lại còn bóng nắng chập chờn. Có một cái gì đó không thực, cái hôm đó. Nhưng tôi vẫn đếm được cành lan có chín bông. Cành lan của cô gái lúc nãy cũng vậy."

"Anh thiệt là lãng mạn!"

"Thì cái thời lãng mạn cũng đâu có xa xôi gì, như anh Trung nói."

"Khi ra tù, anh Nam đi kiếm lại con nhỏ hoa lan lúc nãy đi anh Nam!"

"Ý kiến nghe hấp dẫn à nghe! Kiếm thì kiếm chớ sợ gì! Nhưng biết cô nàng ở đâu mà kiếm?"

"Chà, cái dân biệt kích gì mà kỳ cục vậy? Bộ lụi nghề rồi sao? Láng cháng tôi ra trước, tôi bợ thì rán mà chịu."

"Thôi ông Trung ơi, vợ con đùm đề mà còn lộn xộn."

"Thấy chưa, chưa chi đã giở chứng."

"Ừ! Chắc con nhỏ, cũng dễ kiếm. Con nhỏ có lẽ là cô giáo: Tôi thoáng thấy trong xắc có mấy cuốn sách, lại có cả cái thước kẻ bảng nữa."

"Như thế mới xứng mặt dân biệt kích chớ!"

"Cô ta còn có bàn tay trắng và muốt như một nụ ngọc lan."

"....."

Cổng trại mở ra.

"Dạ báo cáo cán bộ toán 4 xin về trại," anh toán trưởng hô lớn.

"Cái anh Nam đang nói gì đó? Có giấu mang gì về trại không?"

"Thưa cán bộ, không! Tôi chỉ nói chuyện diễu với bạn cho vui."

"Thôi, được rồi, cho về trại."

Trung nói thầm với Nam:

"Ông là chúa cải thiện nên cứ bị mấy ổng đì hoài."

"Nè, trong bộ Thánh Luật Công giáo có ghi

HOÀNG HUY KHÁNH

Trời Mây

Em thuở ấy mười ba tôi mười tám
Thuở vẫn là nữ tú với nam thanh
Thuở tôi còn giấy trắng với mực xanh
Thơ chép mãi tình thầm không dám ngỏ
Tôi nhút nhát hay vì em quá nhỏ
Mà ngại ngùng tôi chẳng dám trao thư
Nói đôi lời tôi e ngại quá dư
Mà thơ viết ngàn câu sao còn thiếu
Tôi say đắm nhưng em thì chưa hiểu
Để thẩn thờ tôi thường ngắm xa xôi
Những đêm buồn quên ngủ nhớ không nguôi
Rồi nuối tiếc tháng ngày yêu vụng dại
Ngày tôi đi để sầu em ở lại
Đời lênh đênh – tôi – khắp bốn phương trời
Mưa của đời ướt cả một đời tôi
Thơ cũng ướt cả thời tôi hoa mộng
Trăng vẫn sáng sân nhà em gió lộng
Tôi những mùa mơ mộng suốt đêm thâu
Ngày tôi về phố Hội gió mưa mau
Chẳng hẹn nhau thế mà em vẫn đợi
Con đường dài mở ra ngày nắng mới
Cuộc đời sầu mở cửa một trời mây.

rõ: Khi mình ăn cắp, ăn cướp của cải kẻ bóc lột mình, thì chẳng có tội gì hết. Cái ông lão có tuổi thọ hai ngàn năm đó, kinh nghiệm đầy mình đã phán như thế. Vậy, tội gì mà không cải thiện?"

"Ừ! Mà lần này ông Nam cải thiện cả bị kim cương mà mấy ổng không tài nào bắt được."

Nam được thả trước anh Trung. Nam đi bộ ra đến bến xe huyện. Chưa có xe về tỉnh quê Nam. Anh đi lại phía ngôi trường cạnh bến xe. Nhìn lén vào vào các lớp, không thấy giai nhân hoa lan nào. Anh đi đại qua khu nhà giáo viên. Chỉ thấy mấy anh giáo viên, kẻ đang nằm dài, người đánh cờ tướng, có kẻ đang thổi cơm. Họ nhìn chiếc áo sơ mi in số tù, nhưng không có vẻ ác cảm như anh tưởng. Có anh lên tiếng:

"Ông anh muốn kiếm ai?"

"Thế này nhé, cánh đàn ông cả, mình nói thật một chuyện, nhờ các bạn giúp."

"Tụi này sẵn sàng giúp, nếu trong khả năng."

"Mình vừa mới được thả. Nhưng cách đây một tháng, khi mình đi lao động với toán về thấy một cô gái thật xinh, có lẽ người miền Bắc như các cậu, đi ngược chiều với bọn tớ, tớ đâm tương tư."

"Ái chà, chuyện tình Xibia thời đại mới."

"Cô ấy người dong dỏng cao, lúc mình gặp, tay xách túi sách có cái thước kẻ bảng màu vàng, còn tay kia cầm một cành lan."

"Mấy cô giáo viên vùng này, chị nào chị nấy nhìn mà phát khiếp, không có ai như ông anh nói đâu!"

Một anh vừa tắm xong ngoài giếng đi vào, góp chuyện:

"Chẳng có chị giáo viên nào như thế. Nhưng có thể cô ta chỉ đi ngang. Thôi, ông anh cứ để lại địa chỉ cho tôi, lỡ có gặp cô ta trên đường tôi sẽ chuyển cái tương tư của anh đến cho cô ta..."

"Anh chịu chơi quá ta! Bộ không ngại tôi là tù?"

"Bố tôi trước cũng phải đi cải tạo ngoài Bắc mà anh! Ông anh cứ yên chí về quê với ông bà cụ. Tôi sẽ cố gắng giúp ông anh."

Nam về nhà. Tưởng mọi chuyện sẽ dễ thở hơn, nhưng xem ra cũng không khá gì mấy. Chuyện kiếm cái ăn cái mặc cho mình và cho cha mẹ đã già lại hay bệnh cuốn hút sức lực, tâm trí... Lại họp hành, lại phải chịu lụy mấy ông trời con HTX, để còn chén cháo mà húp. Đã thế, thỉnh thoảng có một ghe đi lọt, lại buồn cho thân phận mình. Tên những nơi chốn học hành lừng lẫy nơi xứ người mơ ước từ thủa nhỏ, như những nọc độc, làm tê tái người. Những thùng đồ Mỹ, những se sua, những *giai cấp* mới. Con chữ co ro ngày càng tội nghiệp. Và cành lan nào đó, tay ngọc nào đâu,

rụng rơi xuống vực sâu quên lãng. Không nghe tin tức gì từ anh giáo viên. Có lẽ anh cũng lại bị trói vào chuyện chén cơm manh áo vĩ đại. *Hạt thóc, hạt ngô phút chốc hóa xích xiềng*. Anh ta có lẽ không còn sức, còn thì giờ nhớ ra được cái tình trai gái lãng đãng hương hoa hay hay trong một thoáng nghe từ cái ông tù cải tạo tà lơ nào đó. Và cũng có thể cô ấy chỉ là một cái vía vất vưởng tầm thường giữa một cuộc thế quá tàn nhẫn, mà ở đó người ta gạt qua những điều thiện, những cái đẹp, những niềm chân thật. Chúng có mặt mới đây thôi, mà tưởng như nằm tận đâu thời thái bình thịnh trị nào đó cách ngàn năm. Những thứ ấy bị giống người mới đuổi ra khỏi vườn địa đàng, nhưng chúng vẫn cứ cố tìm về chốn cũ yêu

dấu của mình, vơ vất như những mảnh hồng hoang, cứ tìm mãi tìm hoài quê hương mà vẫn chưa thấy, cứ đinh ninh nơi thanh sạch, tĩnh lặng cội nguồn chắc chắn vẫn còn đâu đây, chỉ nghĩ mình bị đi lạc, và không bao giờ nghĩ, không bao giờ tưởng tượng ra là chốn chôn nhau cắt rốn của mình đã bị vùi sâu, thiệt sâu.

Rồi cũng có mấy anh bạn tù được thả tù, khi nghe Nam hỏi về cô gái hoa lan, họ cười cho cái ngớ ngẩn của chàng, và nói họ chưa hề thấy một cô gái nào như thế trên đường đi lao động. Có anh còn đưa ảo giác sa mạc ra diễu. "Anh có mát giây không vậy?"

Nam và Hoàng Diệp nhập trại đảo Bidong. Nàng được chuyển ngay vào khu phụ nữ độc thân kín cổng cao tường. Nam vào khu F, ở chung chạ. Anh kiếm được chỗ treo cành lan Kim Điệp. Hành lang dãy nhà tạp nhạp có một góc cho Kim Điệp. Ai cũng thích. Người ta đến nhìn. Người ta cười. Kể cả mấy ông đàn ông suốt đời sống với láng tràm rừng đước, kể cả những bà nhà quê một đời sông nước bãi sình. Có anh cố vấn người Mỹ muốn mua, trả giá cao, anh không bán; có ông cảnh sát Mã, gạ đổi thịt heo, anh từ chối.

Không thấy Hoàng Diệp xuất hiện. Không thấy nàng đi ra khu A, B, khu trung tâm. Không thấy nàng đi dạy học, làm thông dịch. Cũng không thấy đi nhà thờ, đi chùa. Lâu quá, nóng ruột, anh mới qua khu phụ nữ độc thân hỏi. Các bà ở đó cho biết là không có cô nào tên ấy. "Hoặc là cô ấy đổi tên. Có người đã làm như thế để xóa đi một phần đời không nên có. Có người như bà Năm Lúa, lúc nào cũng bô bô 'tui đây bị 40 thằng mà Trời thương, không sao!', nhưng cũng có cô cứ muốn tự tử." Cô Nhung dạy học chung với Nam có bữa nói với Nam như vậy.

Mấy bữa sau cành lan Kim Điệp không cánh mà bay.

Thư của Nam từ California gởi thầy cũ ở Việt Nam:

Con vừa mới in được tập thơ ở California, nơi con đã ở mấy năm nay từ ngày đến Mỹ.

Ở đây có nắng, có biển, và nhiều trời xanh. Ở đây người Việt quần tụ đông nhất, là Little Saigon. Nhưng Tiểu Sài Gòn, hay Đại Sài Gòn đi nữa, người Việt đang bị tan ngấu nhanh chóng giữa nồi xúp Hiệp Chủng Quốc. Cái giống dân mình phải nói là biến thái với tốc độ nhanh nhất. Tại bản sắc văn hoá mình cạn cợt, hay cái máu khỉ trong người mình nhiều hơn cái giống dân khác? Riêng con, con nghĩ là cái máu khỉ ấy là nguồn gốc cho những khốn khổ đã xảy trên chính Đất Nước mình, cũng với cái máu khỉ ấy, chẳng bao lâu nữa, người Việt ở Mỹ sẽ chỉ còn là những zombie ở giữa xã hội Mỹ. Hồn Mỹ quốc, da Lạc Việt.

Và xã hội Mỹ, lâu nay người ta cứ tưởng những gì người Mỹ dựng thành phim chỉ là chuyện bịa, nhưng tới đây mới thấy đó là chuyện thực. Hay nói theo Woody Allen: Ở Mỹ này, người ta không bỏ rác rến của nó - người ta dựng thành phim truyền hình từ những rác rến đó. Có thể nói Mỹ là quốc gia duy nhất trên thế giới, một cách lạ lùng, đi từ thời kỳ mọi rợ thẳng tới thời đại băng hoại mà không, như thường lệ, phải trải qua một thời kỳ văn minh trước đã như trường hợp nước La Mã xưa, nước Ai Cập cổ.

Nhưng ở đây người ta vẫn tiếp tục mơ giấc mơ Mỹ quốc. Giấc mơ Mỹ quốc có cái tên khác là nỗ lực chinh phục, chinh phục những thách đố. Và thách đố nhau đến mức tàn nhẫn. Khôn sống mống chết. Cái lối sống đó nhào nặn nhân cách con người ở đây. Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài. Phải như thế! Nhưng thách đố trong tự do. Có phải vì thế, nước Mỹ mãi mãi là thỏi nam châm hấp dẫn người khắp năm châu?

Và thưa thầy, hôm in tập thơ xong, ma đưa lối qủi đưa đường, con lạc vào một quán rượu của dân bặm trợn. Quán tối, nồng nặc nhang Nepal, khói cần sa, thuốc lá, nhạc gì mà nghe như ma qủi đang quần nhau với âm hồn, các hình tượng khỏa thân sấp ngửa dập dờn, mặt nạ Phi châu nhe răng rừng rú, người oằn oại như lên đồng, và thầy biết không, trước quầy rượu, ai đó đặt một chậu lan Kim Điệp vàng chói chang như đèn pha xe vận tải, chín cánh hoa to lớn, dày tựa bàn tay đô vật, và dĩ nhiên không lắt lay mỏng manh như những cánh bướm, mà ngúc ngoắc trơ tráo tựa tai thỏ Playboy. Con toát mồ hôi lạnh. Con về gom hết thơ, đốt. Và từ ấy con cứ bần thần; đêm nào cũng mơ một vết chim bay.

Oslo, 03 III 04

Chú thích: Trong phần lá thư, có hai câu danh ngôn nói về nước Mỹ, và người Mỹ, trích từ cuốn Den Store Sitatboken (Danh Ngôn), nxb Ex Libris, Na Uy. Ngoài ra trong truyện mượn một số chữ, một số câu thơ của Trương Cửu Linh, Lý Đạo Tái, Nguyễn Khuyến, Hoàng Cầm, Nguyễn Chí Thiện. Và mấy thành ngữ La Tinh: "Innocentia eloquentia est: Sự ngây thơ thì hùng biện: Thơ ngây mà chứa vạn lời. ", "Tempus dolorem lenis: Thời gian làm giảm đớn đau."

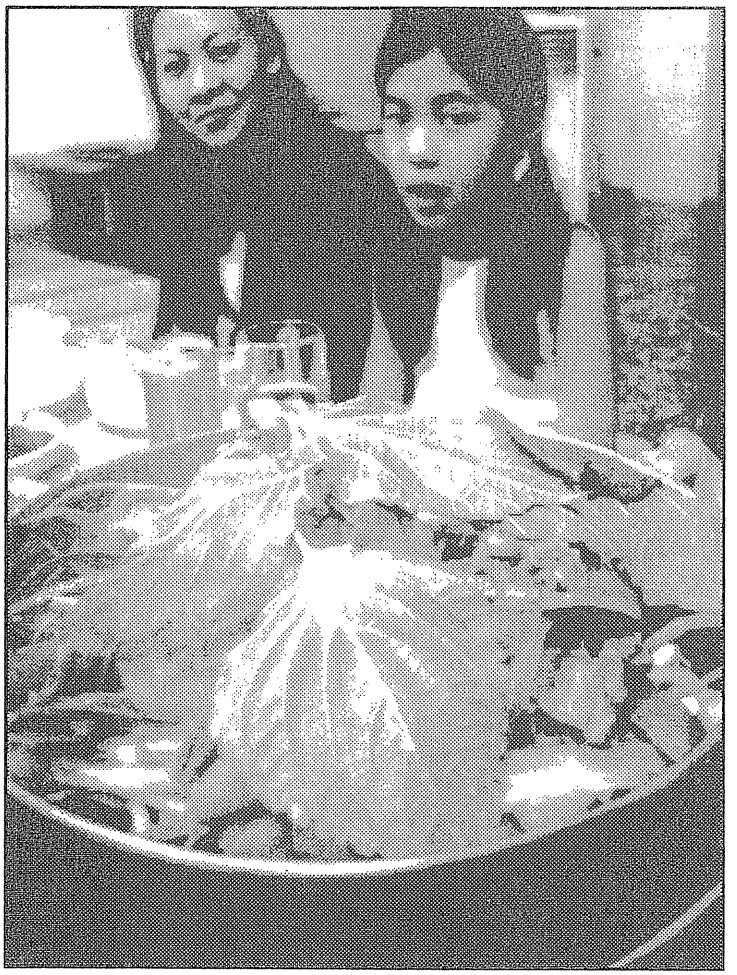

VŨ QUÍ HẠO NHIÊN

Thịt Chó THỜI CÚM GÀ

Phóng sự Việt Nam của
Vũ Quí Hạo Nhiên &
Nguyễn Việt Dũng

Ăn uống thời nay không đơn giản tí nào.

Bò bị bò điên, không ăn được. Cá bị ô nhiễm, không ăn được. Heo bị lở mồm long móng, không ăn được. Gà vịt bị cúm gà, không ăn được. Mà không có gà là không có luôn trứng. Đến cả rau cỏ cũng bị báo động ngộ độc thuốc trừ sâu hạng siêu nặng, không ăn được.

Chỉ còn một con vật trung thành với chủ đến mức luôn có mặt khi chủ cần thịt để nhậu.

Đó là món mà có người gọi là Vitamin Gâu Gâu.

Trong văn chương, chưa thấy ai nói về món ăn nào lại so sánh với chuyện sinh tử như câu (không biết của ai):

Sống trên đời ăn miếng đồi chó
Chết xuống âm phủ biết có hay không?

Có ai thấy trong câu này chúng sinh chỉ thắc mắc về âm phủ thôi? Chắc họ nghĩ rằng Thiên đàng đương nhiên phải có không cần thắc mắc. Do đó cũng dễ hiểu vì sao ai cũng muốn lên Thiên đàng.

Đó là quy tắc bất di bất dịch từ Hố Nai đến Ngã Ba Ông Tạ – "và hơn thế nữa."

Thế nhưng, trong thương trường quốc tế, món ăn quốc hồn quốc túy này của dòng giống Lạc Hồng lại bị thua một quốc gia khác.

Quốc gia đó có lợi điểm so với nước ta. Trong khi Việt Nam mãi mới được đăng cai tổ chức SEA Games, thì cái quốc gia kia trước đó đã được đăng cai tổ chức hai giải lớn hơn gấp bội, là Thế Vận Hội 1988 và giải bóng đá FIFA World Cup 2002.

Năm 1988, chính quyền Nam Hàn cấm bán thịt chó trong thời gian Thế Vận Hội, nhưng năm 2002 thì không có lệnh cấm. Và theo chân các đội bóng là biết bao nhiêu du khách và ký giả, trong đó có rất nhiều người đến Hàn Quốc lần đầu tiên. Ở đó, họ sững sờ khám giá ra là con

Hình trên: Chó Hàn; món chó hấp hẹ và lá dâu bốc hơi nóng hổi, trong một quán Hàn Quốc trên đường Phạm Văn Hai bên hông chợ Ông Tạ tại Sài Gòn.

cầy là món khoái khẩu của dân tộc này.

Tất nhiên, theo truyền thống Âu Tây, họ phản đối rầm trời. Chính Chủ tịch FIFA cũng phải viết một bức thư gửi đến Chủ tịch Liên đoàn Bóng đá Hàn Quốc là Tiến sĩ Chung Mong-Joon (cũng là một dân biểu Quốc Hội và Phó chủ tịch FIFA) yêu cầu cấm thịt chó. Phát ngôn viên của FIFA phân trần với đài BBC: "Chúng tôi nhận được cả ngàn bức thư và email nhiều nhất là từ Anh và Mỹ." Hóa ra hai nước này không phải chỉ về bè với nhau khi bắt nạt Iraq...

Nhưng người Hàn tất nhiên không để cho người ngoài bắt nạt dễ dàng. Thịt chó vẫn là món khoái khẩu, và còn được công nhận là truyền thống ở tầm mức quốc gia.

Chuyện kể rằng (theo tạp chí "Animal People") khi Tổng thống Nam Hàn ông Kim Dae Jung (Kim Đại Trọng) gặp Chủ tịch Bắc Hàn ông Kim Jong Il (Kim Chính Nhựt) lần đầu tiên năm 2000 – cuộc gặp gỡ dẫn đến giải Nobel Hòa Bình cho ông Kim Dae Jung – hai bên tặng nhau hai giống chó săn tiêu biểu của hai miền đất nước. Đến khi ông Kim (Nam) về nước, thì ông Kim (Bắc) mở buổi tiệc đãi phái đoàn Nam Hàn còn ở lại, và trong thực đơn ngày 31 tháng 8 năm 2000, món chính trong tiệc là món thịt chó.

Người ta bảo, ông Kim Jong-Il làm thế vì ông cho rằng chỉ có món thịt chó mới là món tiêu biểu có đủ khả năng đại diện cho nền văn hóa chung của nước Hàn đang bị cắt đôi.

Niềm hãnh diện của người Hàn về món ăn này có thể tìm thấy được ngay tại Sài Gòn. Gần chợ Ông Tạ có một khu người Hàn dọn đến khá đông. Đây là những kỹ sư, những nhà quản lý, sang Việt Nam làm việc cho các hãng, xưởng do các đại công ty Hàn Quốc đầu tư. Lại có người Hàn qua mở quán, mở tiệm phục vụ cho đồng hương mình.

Bữa ăn Hàn nhiêu khê với đủ loại kimchi.

Thiên thời địa lợi nhân hòa. Sẵn khách, sẵn tiệm, lại gần ngã ba Ông Tạ, tất nhiên các quán này bán luôn cả món đặc biệt của hai dân tộc.

Quán Hàn ở Việt Nam bày biện hầu như giống nhau, có lẽ không khác quán Hàn ở Hàn. Khách bỏ dép ở ngoài, sàn trải chiếu, bàn thấp, ngồi xuống sàn. Chủ và bếp thì là người Hàn, nhưng nhân viên toàn người Việt. Có những đứa bé chạy bàn chỉ biết xem khách chỉ vào đâu trong thực đơn để nói lại với nhà bếp, chứ hoàn toàn không biết món gì là món gì, khách hỏi thì cứ nghệch mặt ra.

Chó Hàn cũng nhiều món không thua gì chó Việt. Nướng, chiên, v.v. Có món chó hấp hẹ và lá dâu để trên một nồi giống như nồi lẩu của ta, rất ngon. Nếu tin lời các em chạy bàn khờ khạo, thì món này tiếng Hàn gọi là Soo jook. Thịt thơm và dẻo, ngon hơn hầu hết các dĩa luộc ăn ở Sài Gòn. Lại có một món chó xé phay xào với rau, lạ miệng ăn cho biết, chứ chả ra gì.

Chó Việt, trong mùa gà cúm, phong phú hơn khi nào hết. Dân Sài Gòn khác nhau về những địa điểm nào là thịt chó ngon nhất. Gần phi trường Tân Sơn Nhứt có những quán cóc do người Bắc vào lập nghiệp mở ra. Ngã Sáu Chợ Lớn với những quán kỳ cựu lâu đời. Chân cầu Bông với hẻm nhỏ chứa năm, sáu quán thịt chó, quán nào cũng nhiều món. Không chỉ với "Cờ Tây bảy món," các quán tại đây quảng cáo tới, tám món, chín món, thậm chí cả 11 món.

Như nhiều hàng ăn khác ở Sài Gòn, các quán thịt chó ở chân cầu Bông đều là nhà ở dùng luôn làm quán. Tầng trệt làm chỗ giữ xe và làm bếp. Thực khách ngồi lầu một, lầu hai. Con cái trong nhà lo việc phục vụ, bưng đồ ăn chạy rầm rầm lên xuống cầu thang. Đến tối, sắp đóng cửa, các bạn trẻ này vào phòng tắm vừa dội nước vừa hát, thoải mái như ... ở nhà. (Ừ nhỉ!)

Thực khách giữ truyền thống rất kỹ. Mới hôm trước là ngày 30 âm lịch khách tấp nập chen chân không đủ chỗ, mà hôm sau mùng một cả xóm vắng hoe. Hầu hết người ta kiêng ăn chó trong ngày rằm mùng một, có người còn kiêng luôn cả nửa đầu tháng ta.

Món Việt trên đất Việt, ắt hẳn rất hợp. Nếu phải kể thiên thời địa lợi nhân hòa, quán chó Việt ắt phải ăn đứt quán chó Hàn.

Dồi, không thể thiếu. Nếu thiếu thì chết xuống âm phủ ăn nói làm sao. Mọi bộ phận trong thân thể con vật trung thành nhất đều dâng cho chủ xơi. Thịt nướng thường nếu có hết thì xin mời quý khách dùng thử nướng cật, có cả sụn giòn tan.

Và đã ăn chó thì phải có rượu. Không thể uống bia, thịt chó uống bia "độc," người ta tin thế. Mà có không độc cũng chẳng hợp khẩu vị. Phải uống rượu trắng, múc từ trong bình lớn vào chai nhựa mang ra bàn, loại chai đựng nước uống. Thực khách có thể chọn loại rượu ngâm con gì thực khách thấy trong bình: bò sát các loại. Tất nhiên, với số khách ra vào nườm nượp, không con gì có đủ khả năng thấm đủ vào rượu để có mùi. Múc từ bình nào ra, cũng như nhau cả. Quý khách uống không hết, xin cho lại, đổ ngược vào bình.

Khoảng thời gian ấy (tháng Hai 2004) toàn thể thành phố Hồ Chí Minh (gồm Sài Gòn, Gia Định cũ lại thêm các huyện ngoại thành như Củ Chi, Cần Giờ, Nhà Bè) đều cấm thịt gà rất nghiêm ngặt. Trung tâm Sài Gòn có một quán thịt gà, lịch sự, máy lạnh, bảng tên tiếng Anh: "Chicken Town," không còn chút "chicken" nào, chuyển sang bán cá. Các tiệm KFC cũng thế.

Đường Hai Bà Trưng nơi \đất đắt như vàng có một tiệm bánh sang trọng, mặt tiền rộng bằng hai, ba tiệm thường, ngẩn ngơ vì không có trứng làm bánh. Sau vài tuần căng một bảng thật lớn tuyên bố bánh ở đấy dùng toàn trứng nhân tạo (loại trứng "đai ết") nhập từ ngoại quốc.

Chợ Lớn có những quán ăn truyền thống Tàu cho thực khách Việt Nam tại chỗ cũng như cho du khách Đài Loan, Hong Kong. Món cháo trắng hột vịt muối đơn giản thế mà không thể nào gọi được.

Thật chưa bao giờ có một lệnh cấm của chính quyền mà lại được tuân thủ đâu ra đấy như lần này. Sách, đĩa chống cộng từ hải ngoại còn có thể tìm được, chứ một quả trứng, một miếng thịt gà, không đâu có.

Phải lúc này mới thấm thía vì sao không thể so sánh con chó với các con vật nuôi khác như heo, bò, gà, vịt. Chó không cho phép bệnh của mình ảnh hưởng đến người cần ăn thịt nó. Trung thành đến mức đó mà vẫn bị vật ra cắt tiết. Tội nghiệp.

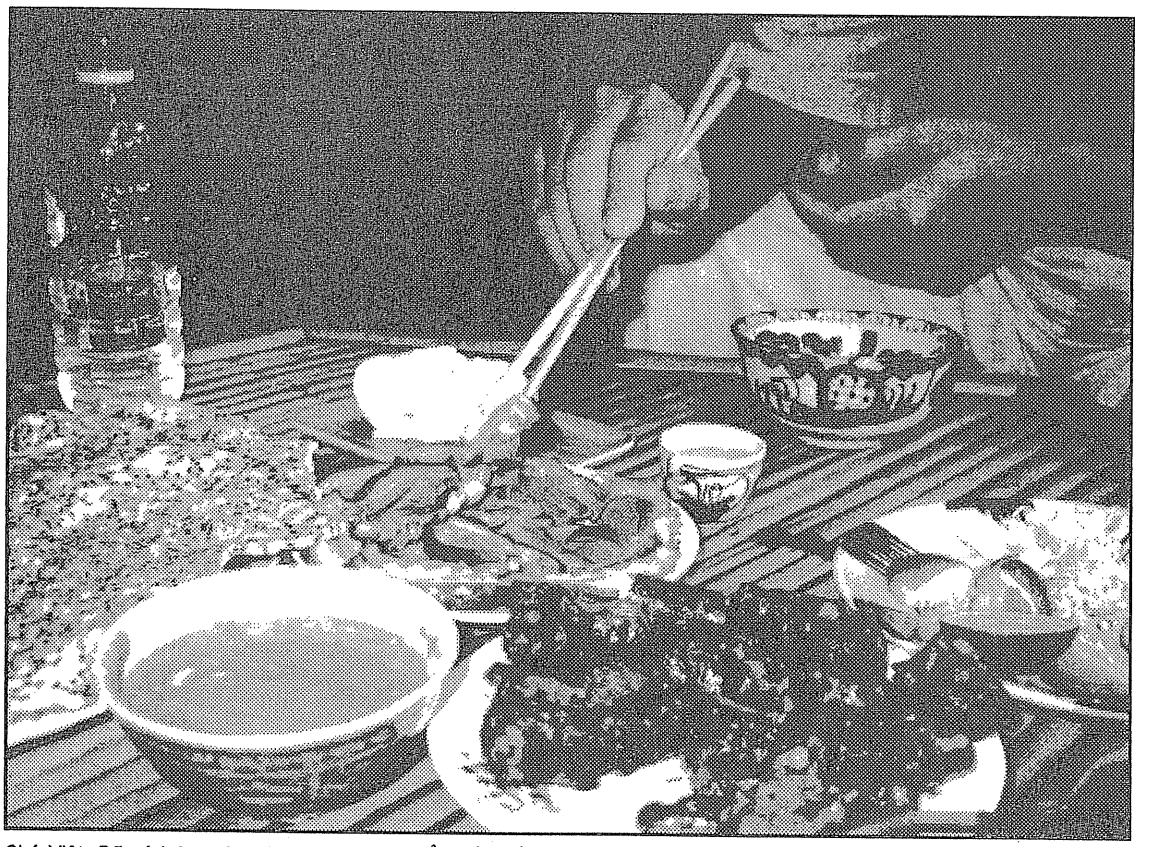

Chó Việt: Đã có luộc, có nướng, thì không thể thiếu mắm tôm trong chén, rượu trắng trong chai, chanh riềng trong đĩa, và bánh tráng nướng giòn.

NHỮNG VIÊN SỎI

HỒ PHÚ BÔNG

Lam chuẩn bị đi thư viện thì nghe tiếng gõ cửa. Một thanh niên mặc rất giản dị và lịch sự hỏi nhà Liễu:

- Thưa cô, cô Liễu trước đây ở căn bên cạnh không biết đã dời về đâu? Tôi ở xa về, mất liên lạc nên không biết tin tức. Nếu cô biết xin chỉ giúp. Tôi đã hỏi chủ mới nhưng họ không biết.

- Liễu là bạn tôi. Liễu đi Úc lâu rồi. Tôi có địa chỉ Liễu nhưng không nhớ. Nếu cần, tối anh chịu khó ghé lại tôi sẽ lục tìm cho anh vì bây giờ tôi có việc phải đi ngay.

- Thành thật cám ơn cô. Tôi sẽ trở lại.

Đến thư viện thì Thành đã đợi sẵn ở đó.

- Lam đến trễ một chút vì vừa chuẩn bị đi thì gặp một ông Việt kiều hỏi nhà Liễu.

- Ông Việt kiều là bạn của Liễu? Chưa khi nào Thành nghe Liễu kể cả.

- Lam cũng hơi ngạc nhiên. Tối ổng sẽ trở lại. Thành muốn gặp ổng không?

- Chắc là không rồi.

Ngày trước Thành và Liễu rất thân nhau. Họ có thể là một cặp rất xứng đôi nhưng bạn của chị Liễu, ở Úc về, cuỗm mất Liễu. Thành không ưa Việt kiều từ đó. Thành tiếp:

- Cô nào cũng mơ Việt kiều, Lam có nghĩ vậy không?

- Thành có vẻ không vui phải không? Quên đi một kỷ niệm buồn cũng là điều tốt chứ. Sống hoài với nó có ích gì. Đời sống vẫn còn đang ở phía trước cơ mà!

- Lam đã thành tâm lý "ra" lúc nào đó? Bao giờ đến lượt Lam đây?

- Đố biết, vẫn còn ở phía trước cơ mà!

Rời thư viện trở về nhà thì ông Việt kiều đã đợi sẵn ở phòng khách. Má Lam đang tiếp chuyện.

- Cậu Nhân đang đợi con. Hôm nay con về trễ quá vậy?

- Con phải trú mưa dọc đường. Ướt hết rồi má!

Lam quay qua Nhân:

- Anh chờ chút, Lam sẽ lục tìm cho anh.

- Không sao. Tôi có thể chờ được. Hơn mười năm tôi mới trở về và bạn bè tản lạc hết, không tìm được ai nên cũng không có bận rộn gì. Phố phường thì thay đổi quá nhiều nên tôi cứ đi lòng vòng.

Má Lam hỏi:

- Cậu về chơi được bao lâu?

- Dạ, cháu dự trù một tháng. Cháu cũng cần chút thời gian xả hơi. Từ lúc đặt chân đến đất Mỹ cháu lao vào việc học. Rồi vừa học vừa làm để kiếm chút tiền chi phí. Vất vả lắm bác. Nhưng bây giờ thì cháu khỏe rồi. Cháu mới ra trường và cũng vừa có công việc làm tốt ở thung lũng điện tử Silicon, nhưng khi trở qua cháu mới bắt đầu vì khi bắt đầu công việc thì phải ba bốn năm sau mới có phép nghỉ dài ngày để về Việt Nam được.

- Tuổi trẻ và chịu khó như cậu thì chắc chắn sẽ có một tương lai tốt. Con nhỏ nhà tôi cũng chịu khó lắm. Cháu sắp tốt nghiệp đại học Anh ngữ và gia đình cũng đang tìm cách cho cháu du học tự túc.

Lam từ trên lầu xuống đem theo địa chỉ Liễu. Má Lam nói:

- Cậu Nhân mới tốt nghiệp ở Mỹ. Con muốn tìm hiểu chuyện học hành thì có thể hỏi cậu ấy được.

Lam nhỏng nhẽo với má:

- Điều kiện đầu tiên và khó khăn nhất để họ xét đơn là phải có sẵn trong nhà băng 20.000 đô.

Nhân xen vào:

- Ở Việt Nam bây giờ thì chỉ có gia đình cán bộ may đâu mới có số tiền đó.

- Họ giàu lắm. Thời nào cũng vậy, nhưng thời nay thì gấp trăm lần trước kia. Người dân ở cửa giữa như mình thì phải chịu đựng đủ điều.

Quay qua phía con gái, má Lam nói với Nhân trước khi lên lầu:

- Cháu nó muốn biết gì về chuyện học ở bển, cậu Nhân chỉ giúp cho cháu.

- Thưa bác cứ an tâm.

Nhân lịch sự và khá tế nhị nên thu hút được sự tin cậy của má Lam và Lam rất dễ dàng.

Khi về Việt Nam đa số Việt kiều đều khoe sự giàu có và văn minh nhưng Nhân thì có vẻ ngược lại.

- Bao giờ thì Lam tốt nghiệp trường Anh ngữ?

- Dạ, tháng sáu sẽ thi ra trường. Về văn phạm thì có thể không gặp trở ngại nhiều nhưng nghe và nói thì khó quá anh ạ.

- Nhân thì ngược lại. Bây giờ chỉ sợ quên tiếng Việt nên những ngày nầy Nhân có cơ hội học thêm một số chữ mới. Lam có chịu dạy cho Nhân không?

- Dạ, không dám đâu.

- Ngày thứ bảy, Lam có thể dành cho Nhân chút thời gian làm hướng dẫn viên du lịch được không, nếu bác gái cho phép?

- Nếu anh Nhân không còn ai quen biết ở đây thì Lam sẽ xin phép má đưa anh đi lòng vòng cho biết. Anh cho Lam số phone. Lam sẽ xin phép má và gọi cho anh.

Buổi sáng trời thật đẹp. Được má cho phép. Lam trang điểm chút chút, rồi phân vân đứng trước gương nhìn mình như một người lạ. Hẹn và học chung với Thành bao nhiêu lâu Lam không có cảm giác nầy. Với chút son phấn và nét học trò còn nguyên vẹn, Lam như một đóa hoa còn mọng sương. Cái đẹp tinh khôi. Trong trắng.

Lam chạy xe đến khách sạn gặp Nhân. Nhân muốn mướn taxi, Lam nói:

- Lam chở anh tiện hơn. Anh thấy lượng người đông như thế nầy thì đi xe máy nhanh và tiện hơn chứ không phải Lam muốn tiết kiệm tiền cho Việt kiều đâu.

Cả hai cùng cười. Nhân nói:

- Việt kiều nào chứ Việt kiều như Nhân là tây ba lô mà!

Lam có chút xúc động dù không tin lời nói của Nhân là thật.

Đi với Nhân tự nhiên Lam nghĩ đến Thành. Không hiểu tại sao Lam có sự so sánh giữa Thành với Nhân. Thành cao, vững chãi, khá đẹp trai và tử tế. Lam buồn buồn. Vào Intershop ở góc Nguyễn Huệ-Lê Lợi, Nhân chọn một kiểu đồng hồ rồi ướm vào cổ tay Lam. Lam cười cười. Từ chối. Nhân gợi ý khác, sợi dây đeo cổ, cái T-shirt, lọ nước hoa. Lam cũng cười cười. Lắc đầu. Nhân lấy thuốc ra hút, có vẻ buồn. Lam đổi ý, nhận cái T-shirt. Nhân chọn cái có lá cờ Mỹ trước ngực với dòng chữ I love America. Lam đổi lại, lấy cái có hình con chim hải âu đang bay trên biển.

- Hải âu có vượt được đại dương không anh Nhân?

- Nhân không biết, nhưng có lẽ là được.

- Nếu không, thì nó cũng có một khoảng trời rộng để bay.

Nhân không đẹp trai, cũng không có gì thu hút đặc biệt nhưng Nhân vẫn là điểm sáng. Nhiều con thiêu thân vẫn muốn lao vào. Cái nghiệp của con thiêu thân với ánh đèn! Lam thèm khoảng trời cao rộng để bay.

Tạm bỏ việc học qua một bên, Lam dành thì giờ để đưa Nhân đi khắp vùng Sài Gòn-Thủ Đức. Buổi tối đi với Nhân qua Thủ Thiêm. Ngồi ở quán nhạc nhìn ngược về thành phố Sài Gòn. Ánh đèn đêm lăn tăn trên sóng nước. Gió đêm lành

lạnh. Tiếng sóng vỗ nhè nhẹ dưới sàn. Dòng nhạc thật mênh mông. Bất chợt Nhân choàng tay qua vai, ghì siết lấy Lam. Lam để yên. Nhận chịu. Nụ hôn nồng cháy của Nhân có vị thuốc lá với cà phê. Đăng đắng. Lam không thích mùi thuốc lá nhưng bây giờ lại thấy dễ chịu.

Lam bay. Cánh hải âu trên ngực áo Lam bay.

- Thưa bác, còn hai tuần nữa cháu phải về lại Mỹ để bắt đầu công việc mới. Trong mấy năm đầu cháu không thể có phép dài ngày để về lại Việt Nam.

Nhân vừa nói câu cuối sau khi trình bày sự khó khăn của hoàn cảnh và lời cầu hôn của Nhân, với mong muốn được sớm đem Lam đi để tiếp tục việc học.

Má Lam trầm ngâm. Thời buổi này cái gì cũng đốt giai đoạn. Những câu chuyện về cô dâu Đài Loan dư luận đang rất ầm ĩ. Họ mua bán gần như công khai. Mua món hàng cần phải biết thứ thiệt, thứ giả. Mua cô dâu họ phải kiểm tra cụ thể hơn. Bán buôn là nghề của người Tàu, nên mua cô dâu họ phải chọn lựa kỹ để không bị lầm. Lam, con gái bà không phải như vậy. Họ đến với nhau tự nhiên. Coi bộ cả hai cũng chịu ý nhau rồi. Bây giờ bà mới thấy gả con là đau lòng. Lại gả con đi xa, nơi mà bà chưa bao giờ biết. Bà không vui nhưng thời buổi mì ăn liền biết làm sao đây. Bà tin duyên phận của con gái bà không đến nỗi tệ. Lam không làm dâu Đài Loan hay Đại Hàn. Lam làm dâu Việt tại Mỹ, chắc không đến nỗi nào. Bà biết các cậu Việt kiều Mỹ cũng không vừa. Có thể cũng có vấn đề nên mới không tìm được vợ bên đó nhưng chắc chắn không thể như Đài Loan. Bà tin, vì Nhân không phải thuộc loại đẹp trai, là nguyên nhân chính làm Nhân không thể tìm được vợ bên Mỹ. Chồng đẹp là chồng của người ta, ông bà đã nói như vậy. Việt kiều se sua nhưng Nhân thì đơn giản nên chắc là thực lòng. Kẻ xấu thường sống bề ngoài, người tốt bề trong. Mấy điểm bất lợi của Nhân bây giờ đều trở thành lợi điểm.

Đi chơi với Nhân, Lam khám phá ra một vài điều lạ, nhưng chuyện quá tế nhị, Lam không thể kể lại cho mẹ. Một lần Nhân nói:

- Ở Mỹ các cô ra đường không mặc áo lót bên trong là thường. Cô nào mặc thì coi như không phải thứ thiệt.

Nghe loại ngôn ngữ nầy Lam thấy ngượng. Nhân tiếp:

- Lam đẹp như vậy sao không biết sử dụng cái đẹp của mình. Xấu che, tốt khoe mà..

Lam hoàn toàn không thích thú với câu chuyện nhưng nghĩ người Mỹ thường nói thẳng ý nghĩ, Nhân đã quen với nếp sống ở Mỹ. Lam phản ứng nhẹ nhàng:

- Mặc như vậy chỉ để cho các anh lợi dụng .

- Chẳng có gì là lợi dụng cả nhưng rõ ràng các cô tự tin vì biết giá trị của loại vũ khí thật của mình.

Lam ngượng đỏ cả mặt nhưng nhờ bóng tối che dấu. Lam biết Nhân đang nghĩ đến vòng ngực đẹp và đầy đặn của mình.

Lần khác, Lam đến đón nhưng Nhân cứ lấy cớ bận thu xếp đồ đạc trong phòng và nhờ Lam lên phụ giúp. Lam nghĩ, Lam đâu có khờ dại đến như vậy. Con gái, có thân phải biết lo. Ngu gì!

Con người của Nhân có chút tầm thường nhưng ảnh hưởng đời sống ở Mỹ đã làm Nhân không biết giấu những ý nghĩ của mình, Lam tự bào chữa cho Nhân.

Lam là cánh hải âu vẫn muốn bay vào bầu trời cao rộng.

Má Lam nhận lời. Nhân không có tiền nhiều nên má Lam cáng đáng mọi việc. Tạm thời thuê mấy bộ đồ cưới, tìm dâu phụ, rể phụ, đứng trong phòng khách được chưng bày thịnh soạn, chụp mấy tấm hình tiệc cưới để kịp lo nộp hồ sơ. Nhân nộp hồ sơ theo diện fiancé để Lam được qua Mỹ sớm, tiếp tục việc học.

Lam hẹn gặp Thành và thông báo quyết định của mình. Thành yên lặng, không nói gì. Lại mất thêm một người bạn gái. Thành tự an ủi, may quá Thành chưa ngỏ lời gì với Lam. Lam nhờ Thành đóng vai phụ rể, Thành không muốn nhưng nhìn trong ánh mắt như van xin của Lam, Thành không cưỡng lại được, đành nhận lời.

Đi nộp hồ sơ xong, Lam đưa Nhân về lại khách sạn rồi ghé nhà rủ Thành ra bờ sông Bạch Đằng hóng gió. Thành ngạc nhiên. Lam lấy mấy tấm ảnh chụp hôm trước trao cho Thành:

- Thành phải nói thật, Thành nghĩ gì?

- Tại sao Lam đặt câu hỏi?

- Giữa tình yêu và tương lai, Lam chọn vế thứ hai.

- Có nghĩa là Lam cũng xúc động vì biết trái tim của Thành?

- Đừng tấn công Lam. Lam không giữ được nước mắt đâu. Thành có trách không?

- Không. Nhưng với Nhân, có cái gì đó làm Thành không yên tâm và không giải thích được. Mong là Thành sai.

- Thành đã hiểu được lý do câu hỏi của Lam

rồi!

- Sự chọn lựa bao giờ cũng phải trả giá. Lam đã quyết định, Thành tôn trọng. Chúc Lam may mắn.

Những câu đối thoại thật chậm. Rời rạc. Và buồn, như hoàng hôn.

Đêm cuối trước khi Nhân trở về Mỹ, Lam muốn gây chút ngạc nhiên với Nhân. Lam thử mặc cái T-shirt không có áo lót bên trong. Nhìn vô gương, Lam đỏ mặt. Nó trống trống khó chịu. Nó trống trống như có bàn tay của gió mơn trớn. Bức hình con chim hải âu và biển xanh trước ngực như trong suốt. Lam có cảm tưởng nhìn thấy rõ ràng bên trong. Mặt Lam đỏ hơn. Giận mình. Để bàn tay lên ngực che lại. Một cảm giác xôn xao. Lạ. Có cái đam mê không lời. Lam thấy lâng lâng. Lam tự hứa, là fiancé của Nhân rồi, chìu Nhân một chút. Nhân là người Mỹ nên có chút văn minh Mỹ, Lam phải cởi mở hơn. Tình yêu đẹp ở chỗ chìu chuộng nhau. Lam chìu theo ý thích của Nhân, nhưng nhất định, nhất định chỉ đến như vậy thôi, không thể đi xa hơn.

Lam ra phố với Nhân. Hai tay như sẵn sàng che lấy ngực.

Đi ăn tối rồi thả bộ dọc bờ sông. Gió thổi mạnh, áo Lam bó sát lấy gò ngực. Nhân nhìn say đắm. Lam có cảm tưởng mặt vải thô nhám, cọ xát. Nhân nói:

- Trời sắp mưa rồi, về khách sạn của Nhân đi kẻo bị ướt.

Lam thì muốn quay về nhà. Nhân chuyển hướng:

- Hay vào ciné Bến Thành vui hơn, hôm nay có phim Gái Nhảy.

Nhân nắm tay Lam dắt vào. Phim đang chiếu, bóng tối không thấy lối đi, chỉ thấy những dãy ghế trống soi trên ánh sáng màn ảnh. Rạp vắng khách. Cả hai không biết phim đang chiếu cảnh gì. Đôi bàn tay Nhân luồn trong áo Lam. Khá thô bạo. Dày vò. Lam cảm thấy đau. Loại đau tuyệt vời. Nhân nói:

- Cho anh đi. Mình về khách sạn.

- Không. Lam sợ. Đợi đến ngày Lam qua với anh.

Khải vừa quăng người lên giường sau một ngày dài làm thêm giờ thật mệt mỏi thì điện thoại reng. Anh rướn người với cái điện thoại, có chút bực bội:

- A lô . .

Bên kia đầu dây yên lặng. Khải a lô lại lần nữa và định cúp máy thì nghe giọng một người con gái ngập ngừng:

- A lô, dạ xin lỗi có phải nhà ông Khải không ạ?

Khải vừa định cúp máy lần nữa nhưng chợt nhận ra cách nói ngập ngừng, không phải là lối gọi quảng cáo, nên đổi giọng:

- Vâng, tôi là Khải đây. Xin lỗi cô gọi tôi có việc gì không?

- Dạ, anh Khải mạnh khỏe không? Anh có biết ai đang nói chuyện với anh không?

Khải ngớ người. Đột ngột quá nên Khải không nhận ra. Khải thú thiệt:

- Không. Bất ngờ quá nên tôi không thể nhận ra ai được.

- Anh có nhiều người gọi đến lắm hay sao. Lam đây.

Khải ồ lên:

- Có phải Lam là lam nham đó không?

- Dữ không, lúc nầy mà còn gọi Lam là lam nham nữa!

- Ồ, Khải mừng quá nên lam nham, lem nhem hay lọ lem gì cũng được, miễn đúng là mừng rồi.

Người con gái bên kia đầu dây cũng vui:

- Anh thì lúc nào cũng như vậy, chỉ có được chọc ghẹo người khác là thích thôi. Chị có khỏe không? Anh được mấy cháu rồi?

- Ồ, không. Không phải vậy đâu. Chỉ tại mừng quá. Lam thì đâu có biết chắc là Lam nào nhưng mà lam nham thì mới chính xác được. Lâu quá, ngoài những phone quảng cáo ra Khải không có phone của ai nữa cả.

Khải dồn dập nói tiếp:

- Không có chị Khải nào ở đây cả. Cũng không có mấy cháu nào ở đây cả. Nhà chỉ có một cháu lớn duy nhất đang nói chuyện với cô đây thôi ạ, thưa cô.

Rồi tiếp:

- Mà Lam đang ở đâu đó? Cali hả? Qua lúc nào? Khải mừng quá. Giọng Lam có khác đi nhưng bây giờ Khải có thể nhận ra được rồi.

- Lam thì không nhận ra giọng Khải nhưng cách nói chuyện thì cũng giống ngày xưa. Lúc nào cũng dồn dập giống như muốn tấn công người khác.

Khải lúc nầy mới là Khải thật. Khải của mười mấy năm trước đây. Khải của đôi mắt đỏ hoe khi chia tay bè bạn tại Tân Sơn Nhất. Một Khải chọc ghẹo, quậy phá hàng đầu ở lớp nhưng lúc chia tay thì lại không dằn được xúc động. Trong đời sống, mỗi người đều có cái vỏ bọc bên ngoài. Cái vỏ bọc của Khải là quậy phá, hết chỗ nầy

đến chỗ khác nhưng bên trong lại là một trái tim nhạy cảm. Đến khi thật sự chia tay, Khải mới để lộ cảm xúc của mình trước đôi mắt to tròn, ngây thơ của Lam, cô em gái của bạn Khải.

Khi máy bay hạ thấp cao độ để chuẩn bị đáp xuống Khải mới thấy hồi hộp. Khải đang lao vào một câu chuyện phức tạp. Cứ tưởng hơn mười năm ở Mỹ, cứ cắm cúi học rồi cắm cúi đi làm, rồi vừa làm vừa học thêm, đời sống của một gã độc thân như Khải đã thành nếp! Bây giờ nếp sống đó đang bị thử thách. Bản tánh độc lập với mọi người, không can dự đến chuyện người khác như một thanh niên Mỹ, đang phải thay đổi bất ngờ. Câu chuyện rồi sẽ xoay về đâu, Khải không biết cũng không thể hình dung ra được. Qua mấy lần điện thoại với Lam, Khải thấy phải làm một cái gì. Không phải là kiểu làm vì tình đồng hương, cũng không hẳn cho những kỷ niệm. Khải mơ hồ nhưng là loại mơ hồ có kèm chút đam mê. Khải như con ốc ai đó vừa nhặt lên từ dòng nước, nó thu mình vào bên trong chỉ như một viên sỏi nhỏ nằm trên cát cho đến khi cảm thấy yên lặng hoàn toàn ở chung quanh thì mới bắt đầu chui ra, dò dẫm tìm đường. Phải chăng Khải đang bắt đầu chui ra cái vỏ cô đơn hơn mười năm? Dò dẫm?

HOÀNG LỘC

Sâm Thương Một Nỗi

sáng dậy anh thường nhìn phương đông
khi quê nhà đang ở đầu hôm
em với anh hai trời một nỗi
như vì sao có tên Sâm, Thương

để em hoài lặng nhìn phương tây
khi sao hôm buồn rơi dấu ngày
là lúc quê người anh thức sớm
cũng nghe lòng buồn lên sao mai

phải khác thời mà sao đổi tên
phải hai trời mà anh nhớ em
có khi góc biển và chân núi
nhớ một vì sao đã nối liền

em phía hoàng hôn anh bình minh
hai bìa trái đất ngó chênh vênh
một sao lấp lánh đôi bờ lệ
từng sớm hôm soi một chữ tình.

Khải có tự tin nhưng mọi chuyện còn ở phía trước. Nhân là người như thế nào? Chắc chắn không phải là mẫu người Khải ưa thích nhưng có được điểm nào tương đồng không để Khải từ đó bắt đầu câu chuyện?

Vịnh San Francisco đã hiện ra bên dưới. Những chiếc tàu chạy êm ả trên biển đang kẻ những đường bọt trắng phía sau. Sóng nước xanh biếc cũng vẽ một đường viền bạc vòng quanh chân núi màu rêu đậm. Thật đẹp. Thật thanh bình. Nhàn nhã. San Francisco đang có một ngày đẹp trời giữa mùa lạnh. Khải thấy lắng dịu cảm xúc phần nào dù chỉ trong chốc lát.

Lấy chiếc xe thuê loại rẻ tiền nhất, quăng túi hành lý vào bên trong, Khải ra 101 rồi xuôi nam về San Jose.

San Jose, thành phố lớn thứ hai của người Việt ở Cali. Tuy lần đầu tiên Khải đặt chân đến nhưng Khải biết khá nhiều sinh hoạt ở đây trên mạng thông tin, báo chí. Mười năm trước San Jose tiến vượt bậc. Thung lũng Silicon là vùng đất hứa của người Á châu về điện toán. Nhà cửa đắt hơn vàng nhưng người Việt trẻ vẫn đổ xô về. Khải cũng đã một lần muốn về đây tìm cơ hội nhưng bây giờ Khải mới thấy mình may mắn. Silicon như chiếc bong bóng vừa nổ, nếu Khải về đây thì bây giờ sẽ ra sao. Mảnh vỡ, từng mảnh vỡ, sẽ bay tới những đâu. Vào Lions plaza, Khải thấy lại thế giới của người Việt. Ở đây người Mỹ trở thành thiểu số nhưng Khải cũng khó thể phân biệt giữa người Việt với người Á châu khác nếu không nghe tiếng nói của họ. Người Việt mà

không phân biệt giữa người Việt và những người Á châu khác kể cũng lạ! Bây giờ Khải thấy tính chất Mỹ trong Khải rõ hơn. Mười mấy năm sống với người bản xứ nên Khải quên đi khá nhiều Việt-tính. Ngồi ăn tô phở, Khải vẫn thấy xa lạ với chung quanh. Tình trạng nửa Việt nửa Mỹ của Khải có lợi hay hại khi tiếp xúc với Lam? Và đặc biệt với Nhân? Việt-tính nhiều hay Mỹ-tính nhiều sẽ có lợi hơn cho câu chuyện?

Khải đột ngột muốn gặp Lam ở bên ngoài trước để chuẩn bị tâm trạng khi đối diện với Nhân. Khải gọi Lam nhưng nếu gặp Nhân anh lấy cớ nhờ chỉ đường. Điện thoại vừa reo thì đã nghe tiếng Lam:

- Lam đang đợi Khải gọi. Lam không có phương tiện ra gặp Khải nhưng Khải cứ đến đi. Nhân mới ra khỏi nhà. Lam cũng muốn gặp Khải nói chuyện và đợi Nhân về

- Nhân có biết bửa nay Khải đến không?

- Biết nhưng Lam không rõ phản ứng.

- Thế thì Khải đến ngay. Từ Lions plaza đến nhà Nhân bao lâu?

- Dạ, khoảng 15 phút.

Nhà Nhân hơi khó tìm vì đường trong mobile home park nhỏ hẹp và ngóc ngách. Khải cẩn thận đậu xe thật sát trong parking 2 chỗ của nhà Nhân, để dành chỗ cho xe Nhân. Đôi khi chút cẩn thận nầy cũng giúp đôi chút cho ấn tượng ban đầu với Nhân.

Lam xuất hiện ngay cửa. Chỉ mấy bậc tam cấp bước lên là khoảng thời gian dài mười mấy năm qua được nối lại. Cô bé mười mấy năm trước với đôi mắt to tròn, thơ ngây cứ lướng vướng trong đầu óc Khải bây giờ là một người khác. Một thiếu nữ trầm tĩnh. Mái tóc học trò ngang vai ngày xưa đã cắt ngắn. Nụ cười thơ dại chẩu-môi-chu-mỏ không còn nữa. Lam đứng đó, ánh mắt như dại đi khi nhìn Khải. Cô lặng lẽ kiềm chế cảm xúc. Khuôn mặt, nét môi như cố thu nhỏ lại. Lạnh. Cái lạnh của một miếng pho mát màu trắng sữa. Khải ra khỏi xe, vừa muốn chạy vội lên mấy bậc tam cấp ôm Lam như kiểu người Mỹ nhưng Khải khựng lại. Có thể Lam chưa quen và Khải thì muốn trở lại bản tính giao thiệp bình thường của người Việt. Khải đứng yên, rồi tựa lưng vào xe, vòng hai tay trước ngực nhìn lên Lam, không nói. "Thiếp trong khung cửa, chàng ngoài chân mây". Không ai lên tiếng trước. Không một tiếng nói để đánh tan cái không khí đặc biệt nầy. Hình như cả hai cũng không muốn khuấy động cái yên lặng lạ lùng của hội ngộ. Một tiếng nói, dù nhỏ, cũng có thể làm tan loãng, làm thay đổi. Mười mấy năm trước là liếng thoắng, là chọc ghẹo, là ồn ào. Trước mắt là yên lặng, cái yên lặng thật mênh mông!

Khải vô nhà, ngồi xuống ghế, dõi mắt theo Lam mở tủ lạnh, lấy nước uống, bưng để lên bàn trước mặt Khải.

- Cám ơn

Khải vừa nói được hai tiếng cám ơn. Âm thanh cũng không phải khách sáo, cũng không phải thân tình, nó như âm thanh từ một cõi xa lắm vọng về trong một u uẩn, muộn phiền.

Lam không ngồi ở phòng khách. Cô ngồi nơi bàn ăn kê sát cửa sổ. Nhìn Khải. Rồi như muốn nhìn qua khung cửa. Căn mobile home nhỏ, hẹp nên khoảng cách cũng gần, nhưng lại có chút cảm giác xa vời. Đôi mắt to, đen của Lam như ngấn lệ. Vui? Buồn? Thất vọng? Hay đang nghĩ đến thân phận? Cá chậu, chim lồng!

- Khải không thể nào ngờ bây giờ Lam đẹp đến như thế nầy! Nếu tình cờ gặp ở ngoài đường chắc chắn Khải không thể nhận ra.

Khải nói với xúc động. Lam khóc. Rồi lấy tay lau vội.

- Lam muốn câu chuyện được giải quyết như thế nào? Nói với Khải đi. Đừng khóc. Mình phải đối diện sự thật và tìm cách tốt nhất để giải quyết. Phải can đảm. Xã hội nầy khác với ở Việt Nam.

- Khải hiểu mà! Lam không thể nào sống với Nhân được nhưng giải quyết như thế nào Lam không biết. Nước Mỹ đối với Lam to lớn và xa lạ quá. Không bám víu vào Khải thì Lam cũng phải bám víu vào một ai đó.

- Khải cũng nghĩ như vậy, nên bay qua đây ngay vì e rằng Lam có thể rơi vào tối tệ hơn.

Căn phòng sạch sẽ, ngăn nắp nhưng ngột ngạt mùi khói thuốc. Khải muốn sặc nhưng cố nén lại.

Lam khóc.

- Hôm đầu tiên liên lạc được với Khải là có sự đồng ý của Nhân nên Lam cố gắng thật tự nhiên để Nhân yên tâm. Từ hôm đặt chân đến Mỹ, Lam đã trở thành kẻ nô lệ tình dục của Nhân trong căn nhà nầy. Trong phòng ngủ đang có đủ loại phim và hình ảnh bẩn thỉu. Nhân cưỡng bức Lam phải làm những điều thật bệnh hoạn theo phim ảnh rồi thu hình. Nhân giữ tất cả giấy tờ của Lam. Tình trạng của Lam bây giờ là bất hợp pháp, nếu cảnh sát phát hiện thì sẽ bị trục xuất về nước, vì theo nguyên tắc, sau khi đến Mỹ, trong vòng ba tháng, Lam phải kết hôn với Nhân

để được đổi ra quy chế thường trú theo chồng. Nhân nhất định không chịu làm giấy kết hôn để khống chế Lam. Nhân và đám bè bạn là thành phần bất hảo, không có học hành, nghề nghiệp. Lam e rằng Nhân sẽ dùng cuốn băng để quảng cáo, tìm cách bán Lam vào một nơi nào đó để lấy tiền. Tất cả là như vậy.

Khải thấy lạnh cả người khi biết được sự thật. Khải viết vội số phone 1-800-799-7233 và trao cho Lam:

- Tuyệt đối dấu kín. Đây là số phone kêu cứu National Domestic Violence. Khi cấp bách chỉ cần nói Vietnamese thì sẽ có người nói tiếng Việt giúp đỡ, sau đó cho họ số phone của Khải. Khải đã tìm hiểu vấn đề nầy rồi. Lam sẽ được luật pháp bảo vệ. Lam vào lấy cuốn băng đưa ngay cho Khải. Khải sẽ còn ở đây cho đến khi giải quyết xong mọi việc.

Khải vừa dấu cuốn băng vào người thì nghe tiếng xe Nhân về.

Lam ra mở cửa, đón Nhân.

Nhân vào bắt tay Khải, nói:

- Sao em không lấy bia cho anh Khải uống. Mấy cô mới qua nầy cứ nhỏng nhẽo đến mệt anh ạ. Anh đến lâu chưa? Lam nói với tôi, anh là bạn thân của anh họ cô ấy khi còn ở Việt Nam.

Nhân trao Khải hộp bia, rồi cầm gói thuốc kéo ra một điếu chìa lại phía Khải. Khải đưa tay đẩy ngược lại:

- Cám ơn, tôi không biết uống bia và cũng không hút thuốc.

- Anh hiền quá nhỉ. Tôi thì đủ thứ, thứ gì cũng biết cả bởi vậy nên mới nghèo, lại tốn kém nhiều tiền bạc mới đem được Lam qua đến đây.

- Thưa anh, bây giờ anh sắp xếp như thế nào?

- Không biết Lam có nói gì với anh không? Tôi còn nợ nhà băng và bè bạn khá nhiều, lại đang thất nghiệp, nên e rằng không thể lo cho Lam được tốt đẹp. Lam muốn được đi học. Tôi yêu Lam lắm nhưng tình yêu đôi lúc phải chấp nhận hy sinh. Mình là người Mỹ rồi nên nói thẳng với nhau được. Anh có tiền thì có thể cho tôi vay mười ngàn để trả mọi chi phí rồi sau đó mới sắp xếp chuyện tương lai được. Anh Khải không phải là người xa lạ nên tôi mới gợi ý nầy. Lam thì chưa thể tìm được việc làm vì chuyện giấy tờ, nên nếu anh có cơ sở thương mại riêng thì cố gắng giúp cho Lam. Khi tôi tìm được công việc ổn định thì tôi sẽ đón Lam trở về ngay.

Nhân uống một ngụm bia và rít một hơi thuốc dài. Trông thật ưu tư.

- Thưa anh, giúp ngặt chứ không ai giúp nghèo được. Tôi cũng chẳng giàu có gì nên mười ngàn là số tiền lớn quá.

- Mình ở Mỹ lâu rồi tôi cũng biết như vậy. Vấn đề là nếu anh có thể giúp được thì càng nhiều càng tốt nhưng tối thiểu cũng phải được năm ngàn. Nếu không, cũng chẳng giải quyết được việc gì cả.

Khải suy nghĩ khá lâu, rồi nói:

- Vâng, tôi sẽ cho anh mượn năm ngàn và anh viết cho tôi mấy chữ.

- Như vậy thì thật là tốt. Lam và tôi sẽ biết ơn anh nhiều lắm nhưng anh cho tôi tiền mặt vì tôi không có trương mục nhà băng nên không thể viết check trả cho bạn bè được.

- Tôi sẽ cố gắng. Ngày mai sẽ đem tiền đến anh.

Rời khỏi nhà Nhân, Khải thấy bâng khuâng. Băng đảng người Việt quả thật là điều nhức nhối. Khải biết cần phải có can đảm.

Khải đem tiền đến vào buổi trưa. Nhân đang viết mấy dòng biên nhận thì Khải đề nghị thêm:

- Tôi không muốn bị tai tiếng về sau nầy, nên anh Nhân viết thêm mấy chữ về hoàn cảnh của Lam để tuần sau Lam có thể tạm về sống với tôi chờ đến khi anh ổn định.

Sau khi Khải ra về, Nhân vui mừng, kéo Lam vô phòng nói những lời thật tha thiết. Nhân muốn Lam xúc động để tiếp tục kế hoạch thu hình. Khi khám phá ra cuộn băng đã mất, Nhân nghi ngờ, tra hỏi Lam. Lam khóc:

- Lam không thể chịu sự nhục nhã như thế nầy nữa. Cuộn băng Lam đã kéo bỏ và quăng vào sọt rác rồi.

Nhân tức tối lồng lộn, dở hành vi côn đồ.

Khi nhận được phone từ trung tâm chống bạo hành ở San Jose, Khải biết mọi việc đang xảy ra. Khải chạy ngay đến trung tâm, Lam đang được nhiều người săn sóc. Khuôn mặt mang nhiều vết tím bầm vẫn chưa hết nét thảng thốt ngây thơ. Lần đầu tiên Khải ôm lấy Lam, vỗ về. Lam khóc.

- Anh hủy ngay cuốn băng đi. Lam xấu hổ quá.

Khải nhìn sâu trong đôi mắt Lam, đôi mắt ấy của ngày xưa.

- Tất cả đều là tang chứng của cảnh sát nhưng hoàn toàn được bảo mật. Quên đi. Quên hết mọi chuyện đi.

Như những viên sỏi. Những viên sỏi nhỏ giữa dòng sông. Đẹp và không thể nào bị vỡ được nữa.

CHUYẾN TÀU TRONG ĐÊM

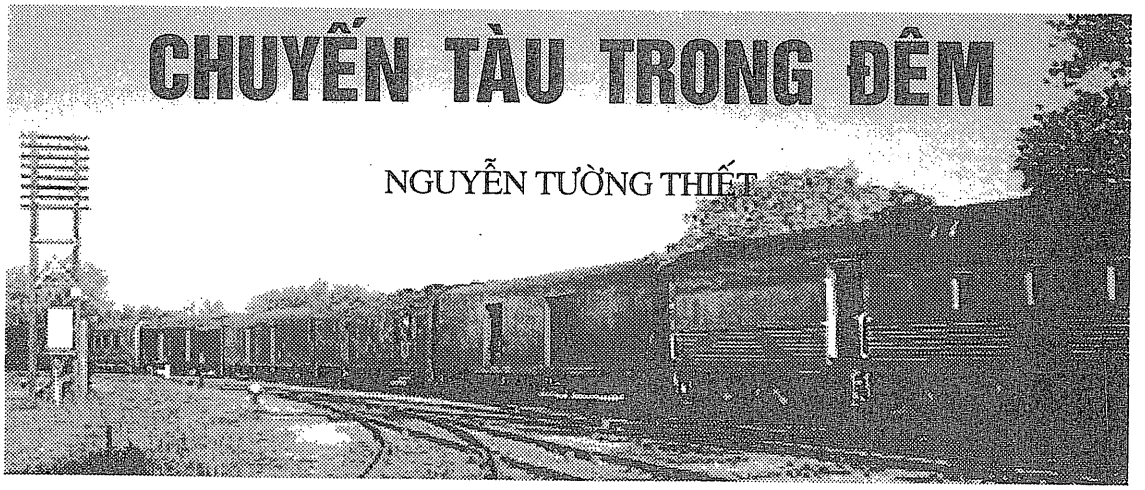

NGUYỄN TƯỜNG THIẾT

(Tiếp theo và hết)

Trở vào phòng tôi lách tránh một thanh niên đứng sau cửa đang nói chuyện với ông tóc hoa râm ngồi trên giường. Anh tây ba lô không thấy ở giường trên. Tôi đẩy chiếc va ly vào trong cùng rồi đu lên giường. Ngoài cửa sổ trời đã choạng tối. Tôi bật đèn ở đầu giường nằm khoanh tay sau gáy đầu tỳ vào ba lô. Tiếng rung của con tàu không cho tôi nghe rõ câu chuyện hai người đang nói nhưng tôi cũng nhận ra giọng nói Nghệ Tĩnh của ông tóc hoa râm. Ông ta nói liên hồi. Mặt ông ngước lên. Những lúc ông ta ngừng nói thì bắp thịt ở một bên má của ông ta co giựt một cách bất thường khiến đuôi con mắt và một bên miệng chốc chốc lại nhích một cái như bóp vào nhau. Còn anh thanh niên kia chỉ khẽ dạ dạ. Chốc chốc ông ta dừng lại, hỏi bằng giọng sẵng hơi to và đó là câu duy nhất tôi nghe được nguyên vẹn: "Tôi nói thế chú có nắm được không?" Anh thanh niên lại gật đầu dạ dạ. Lát sau anh ta mở cửa đi ra. Trên giường ông tóc hoa râm có thêm một xấp báo Việt ngữ. Tôi đoán là ông tóc hoa râm đi tàu cùng với hai "đệ tử" là hai thanh niên đã mang va ly và sách báo cho ông ta. Hai thanh niên này ở toa tàu khác sang. Chắc hẳn là không chịu thấu tiền vé rất cao của toa "cút xép" máy lạnh. Tôi lục ba lô lấy ra cái gói mà chị Đạt đã trao cho tôi đêm trước. Tôi cởi cái giây buộc rất cẩn thận bằng vải đỏ. Dưới ánh sáng vàng của ngọn đèn nhỏ ở đầu giường tôi lần giở xem qua bộ Văn Hoá Ngày Nay và những tài liệu khác. Tôi bàng hoàng đọc những dòng chữ nhỏ thân quen của bố tôi. Văn Hóa Ngày Nay những số đầu có viết lời *Thân tặng hai cháu Đạt - Nhất Linh.* Tập cuối lời đề tặng viết *Chú Ba Nhất tặng hai cháu Hai.* Bên cạnh có nét chữ nắn nót của chị Đạt. *Deep memory of my uncle Nhất Linh (Nguyễn Thị Hai).* Những bài viết dang dở. *Đời Làm Báo.* Một truyện ngắn bỏ lửng. *Con Cá Vàng.* Một truyện dài viết được vài trang. *Hai Con Mắt* . Tập bản thảo. *Viết và Đọc Tiểu Thuyết.* Rất nhiều tranh vẽ. Những bức thư. Những ghi chú trong sổ tay. Ở một trang trong sổ tay có hàng chữ ngoệch ngoạc: *"Giản dị thế mà không nghĩ ra. Trên đời không có gì quan trọng cả."* Nhưng một bức thư làm tôi chú ý. Bức thư nét chữ đã mờ viết trên tấm giấy vàng vọt mà thời gian năm mươi lăm năm qua đã làm phai những đường kẻ. *Hà Nội ngày 5 tháng 3 năm 1946.* Bức thư gửi người mà bây giờ thành phố Sài Gòn mang tên. *Kính gửi Cụ Chủ Tịch Chính Phủ Liên Hiệp Kháng Chiến.* Bố tôi viết lá thư từ chức Bộ Trưởng Ngoại Giao này chỉ ba ngày sau khi Chính Phủ Liên Hiệp Kháng Chiến ra mắt quốc dân ngày 2 tháng 3 năm 1946. Ông có thói quen viết làm hai bản tất cả những tài liệu quan trọng. Ngay cả lúc cuối đời thói quen đó ông cũng không bỏ. Giây phút trước khi tự kết liễu đời mình ông cũng cẩn thận ngồi chép hai bản chúc thư giống hệt nhau. *Đời tôi để lịch sử xử...* Tôi nhớ tới niềm vui bèo bọt của tôi lúc ấy khi thấy ông trở lại vẻ thanh thản, tới thái độ quả quyết của ông như sẵn sàng ứng phó với phiên tòa xử ông ngày hôm sau, tới việc ông lừa anh Triệu và tôi đi mua rượu cho ông uống và đôi mắt cuối cùng của ông nhìn tôi rất lạ. *"Lúc tôi sắp bước xuống cầu thang, cha tôi gọi giật tôi lại, tôi nghe ông gọi tên tôi bằng một giọng xúc động nhưng ngay lúc ấy tôi không để ý. Ông nhìn lâu vào mắt tôi, ngập ngừng đưa một cánh tay về phía trước như muốn nói điều gì lại thôi, chỉ hỏi: Đi có 15 phút thôi à? Đến bây giờ nghĩ lại tôi còn nhớ rõ cái nhìn của cha tôi lúc ấy ánh mắt như gửi đến tôi những điều mà ông không thể diễn tả bằng lời"* (Niềm Vui Chết

Yểu - NTT Nguyệt san Văn Học - Sài Gòn 1964). Trầm ngâm hồi lâu tôi cất tất cả vào bọc và định bụng khi về lại Mỹ tôi sẽ đọc kỹ hơn. Trong lúc bỏ cái bọc vào ba lô tay tôi đụng cái va ly và sực nhớ là bố tôi đang ở ngay sát bên cạnh tôi trong suốt thời gian tôi mê mải đọc những hàng chữ của ông.

Nhớ tới khoảng thời gian sau cùng với bố tôi trên cõi thế tôi liên tưởng một chuyến xe hỏa khác năm năm về trước đã đưa vợ chồng tôi ngang qua một thành phố lạ mà tên của nó được nhắc tới trong mẩu đối thoại giữa hai bố con trước những giờ phút cận kề cái chết của ông. Trên chuyến tàu Munchen-Berlin trong phòng chúng tôi có thêm người khách. Ca-bin nhỏ toa hạng nhất giống y toa couchette chỉ khác là hai giường đổi thành hai băng ghế nệm da, hành khách ngồi đối mặt nhau. Ông già người Đức ăn mặc lịch sự, bận complet nhưng không cà-vạt. Ngồi ở ghế đối diện ông khách lâu lâu lại nhìn chúng tôi khẽ nhích một nụ cười ngoại giao. Thái Vân lấy ra trong giỏ hai quả táo mua ở Munchen, cắt gọn ghẽ để trên đĩa giấy. Đi du lịch dễ bị táo bón nên hễ có dịp là cô nàng nghĩ ngay đến fiber của trái cây. Nàng đưa đĩa giấy mời ông khách đối diện, nói vài câu chào hỏi bằng tiếng Anh. Ông ta đáp lại cũng bằng Anh ngữ. Qua câu chuyện giữa nhà tôi và ông hành khách Đức tôi biết ông ta là một giáo sư đã về hưu của một trường đại học ở Munchen. Ông đến Berlin để dự đám cưới một người cháu gái. Ông ta có vẻ thích nói chuyện tuy tiếng Anh của ông ta không được trôi chẩy lắm. Nhiều lúc đang nói ông ta khựng lại khá lâu nhíu mày như cố nặn ra một từ Anh văn thích hợp. Nhà tôi phải đoán ý ông, lâu lâu gài giúp một từ ngữ, ông ta liền vỗ trán, lập lại từ ấy một cách mừng rỡ rồi tiếp tục câu chuyện. Hai người đang nói về đời sống ở bên Đức, bên Mỹ và so sánh mức sống của người dân ở hai quốc gia.

Con tàu bỗng rúc một hồi còi dài. Ngoài khung cửa những căn nhà ngói đỏ tươi loáng loáng vụt qua. Con tàu giảm dần tốc độ vào ga. Lại qua một thành phố của nước Đức. Dưới ke đám đông chờ sẵn lên tàu. Một đám thanh niên Đức đứng tụ quanh một cột đèn. Đám hippy của những năm 60 mà tôi đã thấy nhiều lần trên phim ảnh. Nhưng dữ dằn quái đản hơn. Tóc punch màu đỏ ké dựng ngược trên đầu, hai tai đeo kiềng lủng lẳng, áo da bóng nhẫy, thắt lưng to bản, miệng phì phà cần sa. Con tầu giật nhẹ rồi từ từ chuyển bánh. Một hàng chữ lớn hiện ra trên nóc nhà ga làm tôi chú ý rồi sửng sốt. Numberg. Ngờ ngợ tôi quay quay qua hỏi ông hành khách Đức: "Thưa ông, có phải đây là thành phố Nuremberg không?" – "Đích thị!" Ông ta trả lời. Tôi hỏi tiếp: "Có phải đây là thành phố sau thế chiến II được dùng làm nơi xử các tội phạm chiến tranh Đức Quốc Xã?" – "Đúng thế! Ông biết rõ nhỉ?" Ông khách chồm tới, có vẻ ngạc nhiên. Tôi nói: "Tôi biết thành phố này qua một cuốn phim xi-nê tôi xem đã lâu lắm, phim có cái tựa tiếng Pháp: Jugement à Nuremberg!" –"A, phim ấy tôi cũng xem rồi. Vào cái thời những năm 60 ấy... Nhiều tài tử gạo cội lắm..." Tôi lặng người. Ông ta còn nói nhiều. Nhưng tôi có nghe đâu. Năm giờ đồng hồ sau đó một cái chết gây chấn động. Lúc đó tôi hoàn toàn không hay biết gì về quyết định khốc liệt của ông. Bố tôi. Ba mươi hai năm trước một buổi sáng ngày mồng bẩy tháng bẩy. Chỉ có ông và tôi trên căn gác chợ An Đông Sài Gòn. Tôi nhìn bản cáo trạng kết tội ông "phản quốc" và buộc ông ngày mai phải trình diện trước tòa án, tôi nói: *"Cậu coi Jugement à Nuremberg chưa?"* – *"Rồi"* – *"Đấy, cậu chẳng cần phải nói gì cả. Cứ im lặng như ông Bộ Trưởng Đức mà hay. Cũng chẳng cần viện cớ bệnh không nói được ở tòa. Để con lại luật sư Đinh Trịnh Chính lấy lại mấy giấy bác sĩ. Con nghĩ chẳng cần dùng cách ấy. Mình vẫn khỏe mạnh như thường mà chả thèm nói gì cả, cũng chẳng cần trả lời những câu hỏi của tòa. Cứ im lặng như hến thế mà hay!" Quả thật tôi không ngờ ông đã đi sâu đến như thế, không chỉ im lặng ở tòa mà chọn sự im lặng trong cung cách ra đi vĩnh viễn...* (Niềm Vui Chết Yểu - NTT Nguyệt san Văn Học - Sài Gòn 1964).

Trong va ly màu đen có ba bình tro. Đó là di cốt của bố mẹ tôi và người chị cả. Ba mươi tám năm trước nơi yên nghỉ của bố tôi là nghĩa trang chùa Giác Minh Gò Vấp Sài Gòn. Ở trên này ông được cả một thành phố Sài Gòn ngậm ngùi đưa tiễn. Nhưng ở dưới kia ông mới thực sự tìm thấy sự an bình vĩnh cửu mà ông đã không có được trên cuộc đời này. Dưới đó bố tôi không cô độc. Ông gặp lại nhiều người. Bà nội tôi và chú Hoàn (em rể bố tôi) đã ở đó trước bố tôi không lâu. Người kỳ cựu nhất ra đón ông phải kể tới là nhà văn miền Nam Hồ Biểu Chánh. Mười ba năm sau, năm 1976, bố tôi lại có thêm một láng giềng mới là thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Cuộc gặp gỡ bàng hoàng của đôi tri kỷ. Người đến sau kể người đi trước kinh nghiệm một năm trời đọa đầy ở thế giới trên kia. Cái thế giới mà từ 13 năm trước bố tôi tiên đoán sẽ xẩy ra. Giữa khoảng đó bố tôi có dịp hội ngộ nhiều người. Thím Sáu (Bà Thạch Lam). Thím Long (Bà Hoàng Đạo). Bác Thụy. Anh Hướng. Chị Thư. Người mà bố tôi chờ đợi

nhất là mẹ tôi thì mười tám năm sau, năm 1981, bà cũng nối gót theo ông. Nhưng bà lại ở một nơi thật xa. Xa lắm. Nghĩa trang Orsay ngoại thành Paris nước Pháp. Tôi không biết là ở thế giới bên kia bố tôi có thực hiện nổi một chuyến Đi Tây thứ ba trong đời để đi thăm mẹ tôi hay không. Còn chị cả của tôi chị Thư là vợ của anh Nhị Lang. Hai người lấy nhau ở Sài Gòn trước khi Hiệp Định Genève chia đôi đất nước. Cuối năm 1951 bố tôi từ Hà Nội vào Nam sinh sống mang theo người con cả và út. Chị Thư và tôi. Anh Nhị Lang lấy chị tôi những tưởng chị sẽ để anh thong dong đi theo giấc mộng hải hồ như mẹ tôi đã tần tảo nuôi con để bố tôi sống đời bôn ba cách mạng. Nhưng chị tôi không phải là mẹ tôi. Chị thuộc một thế hệ khác. Chị "đổi mới." Thế là thảm kịch bắt đầu. Không lâu sau ngày cưới chị tôi nốc cạn chai Eau de Javel tự vẫn. Bố tôi hối hả đưa chị đến nhà thương rửa ruột. Chị thoát chết nhưng chỉ về thể xác. Năm sau anh Nhị Lang lên núi Bà Đen đi theo ông Trịnh Minh Thế, bỏ chị sống thui thủi một đời trong gian nhà gỗ nhỏ ở Bàn Cờ xây trên miếng đất do cụ Phan Khắc Sửu nhượng lại. Chị chết năm 1976 trong một tai nạn thảm khốc ở Sài Gòn. Từ ở bên Mỹ tôi nghe có người nói mẹ tôi ôm xác con khóc ngất. Tôi không thể hình dung nổi loài người còn có một sự đau xót nào hơn là nỗi đớn đau của mẹ tôi lúc đó. Tôi cũng tưởng tượng khuôn mặt sững sờ của bố tôi vào cuối năm ấy khi ông đang tiếp chuyện với thi sĩ Vũ Hoàng Chương thì chị tôi bước vào.

Tôi nhìn lên. Qua khung cửa hẹp của nhà liệm là mảnh trời trong và cao của thành phố Sài Gòn nơi những tia nắng đầu ngày lọc qua hàng lá me non của bệnh viện Đồn Đất ướp một khoảng sáng xanh dịu và tôi có ý nghĩ là qua khung cửa ấy linh hồn của bố tôi đã thanh thoát bay lên. Tôi không biết ở trong mơ hay trong hồi tưởng tôi cảm giác con tàu rùng mình vì lạnh trong đêm tôi mơ màng kéo cái chăn bông lên cằm và ở khóe mắt tôi ngọn đèn duy nhất trong phòng lung linh ngọn nến cháy trên mặt quan tài. Thi sĩ bước vào phòng. Ông mặc bộ đồ vét màu trắng ngà, cà-vạt đen, người cao gầy, gương mặt xanh xao. Chúng tôi mặc đồ đại tang. Anh Thạch khẽ hích tay và nói rất nhỏ vào tai tôi: "Thầy Vũ Hoàng Chương!" Căn phòng đầy chật người. Mùi hương trầm mặc. Trong cơn mê dại mẹ tôi chắp tay tụng kinh trước quan tài bố tôi. Đó là buổi sáng ngày mười ba tháng bẩy năm một chín sáu ba. Cả một thành phố Sài Gòn ngưng lại nín thở chờ đợi giờ khởi hành của đám tang sẽ cử hành ngay sau khóa lễ. Thi sĩ Vũ Hoàng Chương lách qua đám đông người tiến đến giữa phòng. Ông vắt cánh tay trái lên trán rồi gục đầu xuống quan tài. Ông lịm xuống rất lâu. Vai ông không rung. Tôi biết ông không khóc. Nhưng khuôn mặt xanh xao của ông toát một vẻ cực kỳ trầm lắng. Bàn tay phải của ông xòe rộng ve vuốt lên trên mặt gỗ. Rồi bất thần những ngón tay gầy xương của ông cụm lại, nắm chặt. Ông bắt đầu gõ bàn tay gân guốc lên trên quan tài. *Cạch!* Ngừng lại. *Cạch cạch!* Ngừng lại hồi lâu. *Cạch! Cạch! Cạch! Cạch!* Sau đó liên tiếp ba tiếng gõ. Phải rất nhiều năm sau này tôi mới liên hệ tiếng gõ ấy của thi sĩ Vũ Hoàng Chương với câu đối thời danh của ông và tôi tự hỏi phải chăng trong lúc gõ trên mặt quan tài bố tôi ông đã nạo hết tâm can sáng tác đôi câu đối chữ Hán bất hủ:

Sổ thập niên bút mặc thành danh; nhất khả đoạn, nhị khả tuyệt, nhi tam bất hủ.

Song thất dạ vân tiêu lạc phượng; tiên phong hóa, hậu văn hóa, ư trung lập ngôn.

Một hồi còi tàu hụ khiến tôi chợt ý thức mình đang tiếp chuyện với vị giáo sư đại học Munchen và tôi bắt đầu lắng nghe những lời nói của ông ta: "Ông vừa nhắc đến phiên toà xử ở Numberg làm tôi nhớ lại thời trẻ của mình. Bây giờ nhìn lại thì mọi chuyện đã quá rõ. Nó hiển nhiên như một chân lý. Nghĩ lại tôi kinh sợ và ghê tởm cho sự tàn bạo của chế độ Đức Quốc Xã. Những vụ thủ tiêu cả triệu người ngoài sức tưởng tượng. Thế nhưng, thưa ông, lúc đó thì khác. Tôi đã là một thiếu nhi trong hàng ngũ cả triệu những thiếu nhi khác bận đồng phục mang dấu chữ vạn trên cánh tay. Lúc đó tôi nghĩ rằng những việc tàn bạo kia là việc phải làm, thậm chí còn cho là đạo đức nữa. Tôi kiêu hãnh. Tất cả những gì tôi nghĩ, tôi cảm và tôi hành động hồi đó đều đến từ một con tim chân thực. Cái gì làm cho con người của tôi hồi đó nó nghịch hẳn với con người của tôi bây giờ. Đó là sự ngu muội muôn thủa của con người trước ảnh hưởng của ngoại cảnh, của môi trường sống. Nhất là môi trường đó sôi lên vì một hệ thống truyền thông tinh vi. Ông không hiểu đâu. Ông không sống trong bầu khí đó ông không thể hiểu đâu." Ông ta ngừng lại, lấy thêm miếng táo trên đĩa giấy nhà tôi đưa mời ông. Nhưng ông chỉ cầm tay, không đưa lên miệng. Trông ông ta khổ sở vì phải diễn tả một vấn đề làm ông thao thức mà không được dùng tiếng mẹ đẻ. Tôi nói: "Tôi hiểu ông chứ. Bởi vì chính dân tộc tôi đang phải sống trong bầu khí tương tự." Câu chuyện của ông giáo sư Đức khiến tôi nhớ đến tác phẩm cuối đời của bố tôi, đến nỗi ám ảnh khôn cùng của ông trên đường tìm về sự thực: "Bên này dẫy núi

Pyrénées là sự thực, bên kia là sai lầm" (Pascal), đến guồng máy nó cuốn ông sang bên kia thế giới và câu thơ Nguyễn Du mở đầu Giòng Sông Thanh Thủy như một lời tự giải vì sao giấc mộng lớn của ông không thành: "Trời kia đã bắt làm người có Nhân."

Đêm đã chụp xuống tự lúc nào. Ngoài khung cửa đen thỉnh thoảng lóe vài đốm sáng yếu ớt. Một hồi còi kéo dài. Tiếng còi trong đêm nghe xa vắng hơn như vọng về từ một con tàu khác. Tôi với chiếc va ly nhỏ ôm bố tôi, mẹ tôi và chị Thư vào lòng. Năm 1989 nghe tin nhà nước sắp giải tỏa các nghĩa trang ở Hạnh Thông Tây, Gia Định, anh Thạch tôi lúc ấy là người duy nhất trong gia đình còn ở lại Việt Nam đã làm lễ hỏa táng hài cốt bố tôi và chị Thư đưa tro về thờ ở chùa Kim Cương đường Trần Quang Diệu Sài Gòn. Cùng thời gian ấy di cốt của bà Nội tôi, bác Thụy, anh Hướng, chú Hoàn và thím Long cũng được bác Mai, Tuấn (Duy Lam) và Minh Thu đưa về chùa Kim Cương. Hai mươi năm về trước vào tháng Tư năm 1981 anh Việt từ Pháp trở về Việt Nam đưa mẹ tôi lên máy bay sang Paris chữa bệnh. Hai mươi năm sau cũng vào tháng Tư anh lại ngồi trên máy bay trở về Sài Gòn nhưng lần này tay anh ôm bình tro người mẹ. Từ nước Mỹ tôi về Việt Nam trước. Tôi đón anh Việt và chị Thoa ở phi trường Tân Sơn Nhất rồi đưa thẳng di cốt mẹ chúng tôi đến chùa Kim Cương gửi tạm. Nơi đây lần đầu tiên bà gặp lại bố tôi sau 38 năm ly biệt. Mẹ tôi cũng "đoàn tụ" với những người thân mà trước đây chính bà đã tiễn họ đến nghĩa trang chùa Giác Minh với rất nhiều nước mắt của bà, xa nhất là bà Nội tôi và gần nhất là chị Thư. Mẹ tôi không lưu ở chùa Kim Cương lâu. Sáng hôm nay bà đi theo bố tôi lên chuyến tàu xuyên Việt về quê chồng ở Quảng Nam, có người chị cả của tôi đi theo. Tuy là đất quê chồng nhưng Hội An nơi ấy bà gần gũi còn hơn bố tôi gần gũi. Trong suốt ba thập niên do công việc mua bán cau khô mẹ tôi đã gắn bó với miền đất này như một mảnh đời thân thương của mình. Từ miền đất lạnh lẽo phương trời tây ngàn trùng xa cách mẹ tôi hôm nay trở về chốn cũ, bên chồng bên con. Tôi đặt tay lên va ly nắn chỗ phồng lên của ba bình tro và nghĩ tới chuyến tàu đi về miền an nghỉ sau cùng của song thân tôi như một chuyến trăng mật thứ hai của người.

CHU VƯƠNG MIỆN

Phụng Hiệp

ai về phụng hiệp cái răng
hỏi thăm quận chúa cưới chồng hay chưa
trả lời rằng: vẫn chửa chưa
dử trò mối lái chưa vừa lòng ai
còn mong còn đợi dài dài
hỡi người cà chớn lạc loài nơi nao
trăm voi chả bát xáo nào
thuyền không cắm mãi con sào...

Tôi mở va ly. Ba bình tro được lèn chặt bằng quần áo của anh Việt và tôi. Cái vụ quần áo này làm chị Đạt sáng nay bất bình, còn anh Việt tôi cũng nổi sùng với chị. Anh Việt tôi là người thực tế. Việc gì anh cũng tính toán đâu ra đấy. Từ việc hỏa thiêu hài cốt của mẹ tôi, xin giấy di chuyển bình tro từ Pháp về Việt Nam mà cái bình tro bên Pháp họ làm bằng thép trông như quả bom, làm sao lọt qua chục con mắt cú vọ của bọn hải quan ở phi trường. Đủ thứ anh phải lo. Sáng nay làm lễ cầu siêu anh chỉ sợ dềnh dàng trễ chuyến xe lửa. Anh đã tính trước nên mang sẵn từ Pháp một cái va ly nhỏ vừa đủ để đựng ba cái bình tro. Lễ xong đến lúc bỏ ba cái bình vào va ly chúng tôi mới biết là nếu không có gì chẹn thì hai cái bình bằng sứ của bố tôi và chị Thư sẽ vỡ mất. Anh nói tôi mở va ly có bao nhiêu quần áo nhầu trong đó có lẫn cả đồ lót của anh và tôi anh nhét cứng vào va ly. Nhưng khi chúng tôi vào từ biệt Thầy trụ trì chùa Kim Cương lúc trở ra thì cái va ly lại bị mở tung ra, bao nhiêu quần áo lót vứt ra vung vãi. Rồi chị Đạt ở đâu chạy lại, chị hớt hải đi xin vải. Chị dẫm chân cằn nhằn: "Ai lại thế! Ai lại thế! Chú thím Tam giận chết." Nhưng tìm đâu được vải bây giờ. Anh Việt nhìn đồng hồ tay. Anh không còn bình tĩnh được nữa. Vừa nhét lại đống quần áo lót vào va ly anh nói với chị Đạt: "Trễ giờ rồi. Có nhét cái gì vào đó thì ông bà cụ cũng không biết đâu!"

Tôi cầm trên tay bình tro của bố tôi. Bình màu xanh có hình bố tôi in trên men sứ. Đó là bức hình ông ưng ý nhất do chú Lê Văn Kiểm chụp ở

Đà Lạt. Ảnh chụp nghiêng, bố tôi mặc áo măng tô, ở phía sau trên tủ chè có hoa phong lan và cây kèn clarinette. Tự nhiên tôi muốn nói với bố tôi vài lời. Nhưng nghĩ sao tôi im lặng. Tôi biết đêm nay là dịp duy nhất trong đời tôi được ở gần ông kể từ khi ông ra đi 38 năm về trước. Điều tôi nghĩ trong óc và tôi muốn biểu lộ là tấm lòng thành của tôi đối với ông. Một tấm lòng tha thiết yêu mến và biết ơn. Nhưng tôi không thể nói lên thành lời. Tôi có cảm tưởng là lời nào thốt ra rồi cũng sẽ thành tầm thường và không thực. Có lẽ một phần bởi vì trong suốt bao nhiêu năm sống bên ông tôi chưa từng một lần nào nói được một câu thân thương hoặc một lời cảm ơn, với ông. Thằng Thao, con tôi bây giờ thì trái hẳn lại. Nó nói hầu như hàng ngày câu "Cảm ơn bố!" một cách rất tự nhiên. Có thể là nó được hấp thụ theo lối Mỹ nên dễ dàng biểu lộ tình cảm ra ngoài cửa miệng. Năm nay nó được 27 tuổi. Mẹ nó luôn luôn nhắc nó: "Mày phải cảm ơn cả ông nội mày nữa." Nó biết là mẹ nó không nói đùa. Câu chuyện ấy mẹ nó kể không biết bao nhiêu lần. Lúc ấy nó mới được 15 tháng. Cố nhiên nó không thể hình dung được quang cảnh hoảng loạn ở phi trường Tân Sơn Nhất vào cái buổi chiều ngày 28 tháng Tư năm 1975 ấy. Trên trời máy bay A 37 vần vũ thả bom xuống phi trường. Dưới sân bay đám người di tản đông nghẹt toé ra như bầy kiến vỡ tổ.

Quả thật đó mới đúng là thâm tình. Trong giờ phút ngoặt quan trọng nhất của cuộc đời, người bạn đã nghĩ đến tôi và đi tìm tôi. Buổi sáng đó Nguyễn Đình Hùng hớt hải phóng xe đến nhà tôi ở chợ An Đông. Nó nói chúng tôi đến nhà anh rể của nó ngay vì *manifest* di tản dành cho thân nhân Đại Tá Lộc còn dư một chỗ và nó đã nhét đại tên vợ tôi vào. Tôi tức tốc phóng xe gắn máy đến nhà Đại Tá Lộc ở đường Trương Quốc Dung. Đằng sau xe vợ tôi ôm thằng Thao. Lúc ấy vợ tôi có bầu con Thi ba tháng nhưng nàng dấu tiệt điều này không dám cho ai hay biết. Đạt Tá Lộc là thành viên của Ủy Ban Liên Hợp Quân Sự Bốn Phe. Vào những ngày cuối của cuộc chiến, một chương trình di tản bằng phương tiện máy bay của không lực Mỹ được thiết lập dành cho vợ con và thân nhân của những thành viên Ủy Ban Quân Sự. Chương trình điều động bởi một sĩ quan cương trực của Quân Lực VNCH, Đại Tá Dương Hiếu Nghĩa. Chiếc jeep của Đại Tá Lộc chất đầy thân nhân của bốn gia đình đến phi trường Tân Sơn Nhất lúc giữa trưa. Mãi sau này tôi mới biết là vợ tôi và thằng Thao phải nằm chịu trận ở phi trường cho mãi đến 9 giờ đêm hôm đó mới lên được máy bay C130 đi Guam. Việc ném bom vào phi trường của phi công địch Nguyễn Thành Trung đã làm tê liệt kế hoạch di tản trong mấy tiếng đồng hồ. Trước vụ ném bom một việc bất ngờ xảy ra cho vợ con tôi. Khi Đại Tá Lộc đưa danh sách thân nhân của ông cho Đại Tá Nghĩa thì mới biết là thằng Thao con tôi không có tên trong *manifest*. Đại Tá Nghĩa là một quân nhân rất nguyên tắc. Dù là đứa bé nó cũng là một người. Không có tên trong danh sách thì không lên máy bay. Trong lúc cực kỳ rối rắm ấy thì vợ tôi nghe Đại Tá Lộc nói với Đại Tá Nghĩa: "Không có chuyện gì mờ ám ở đây đâu. Nói thẳng với anh đứa bé này là cháu nội của ông Nguyễn Tường Tam. Và đây là cô con dâu của ông Tam." Cái tên của bố tôi bật ra lúc đó chắc hẳn phải có tác dụng đối với Đại Tá Dương Hiếu Nghĩa vì ngay sau đó ông vẫy cho vợ con tôi đi qua. Đại Tá Lộc trước khi lên xe jeep quay trở về còn véo vào má thằng Thao và nói đùa với nó: "Ông nội mày to lắm mày mới đi được đấy!" Thằng Thao mà phải ở lại thì vợ tôi ở lại. Vợ con tôi ở lại thì cố nhiên tôi cũng ở lại. Cuộc đời của chúng tôi nếu không có cái tên của bố tôi can thiệp vào phút chót thì giờ này đã hoàn toàn khác hẳn, nếu không muốn nói là khốn đốn hơn nhiều. Lòng biết ơn đó của tôi làm sao tôi có thể diễn tả bằng lời? Không lý tôi cũng nói với bình tro cái câu đơn giản của thằng Thao: "Cám ơn bố!"

Có tiếng cười rộ của cô gái ở dưới giường tôi. Cô đang nói chuyện với anh chàng tây con. Xem ra câu chuyện có vẻ đến hồi thích thú. Cả hai đều ngồi ở thành giường. Anh chàng tây tên Jean Francois bỏ thõng hai chân xuống giường dưới nơi ông tóc hoa dâm lúc này đã thay bộ đồ ngủ đang ngồi bó gối đọc báo. Một đống báo *Công An, Tuổi Trẻ* vứt trên giường. Tôi bắt đầu theo dõi câu chuyện của Jean. Anh ta nói có duyên. Cái nhiệt tình của anh lôi cuốn người nghe. Những chuyến đi xa. Những chuyến du lịch. "Đi du lịch đối với mọi người là đi nghỉ mát. Đi du lịch đối với tôi là đi làm việc." Anh ta nói trái khoáy. Từ giường dưới cô gái lâu lâu xen vào. Nhưng cô lại cứ nhè thành phố thân yêu của anh ta mà chê bai. Nào là Paris bẩn quá, sông Seine sặc mùi nước tiểu, đường phố thì đầy cứt chó. Nhưng xem ra anh tây con này không mảy may phật ý. Trái lại anh ta diễn tả một cách duyên dáng những tệ nạn và thói xấu của dân tây khiến chúng tôi thỉnh thoảng lại cười rộ lên trong căn buồng hẹp. "Cô để ý xem! Ở Paris suốt ngày đêm lúc nào cũng có những xe cứu thương chạy rần rần trên đường phố,

hụ còi nhặng xị cả lên! Đừng tưởng là thành phố này nhiều tai nạn xe cộ. Không có đâu! Họ chở cấp cứu những ông bà du khách bị bể bọng đái vì không tìm đâu ra chỗ đi tiểu đấy!" Trong khi đó người đàn ông tóc hoa râm chăm chú đọc như không bận tâm đến câu chuyện ồn ào của ba người. Cũng có thể ông ta không hiểu câu chuyện. Lâu lâu ông ta lại đưa ngón tay út lên đầu gãi nhưng chỉ thọc ấn móng tay xuống da đầu như không muốn làm hư mái tóc hoa râm được chải kỹ lưỡng. Nhìn những cọng tóc cứng màu *muối tiêu* của ông ta bất giác tôi nhớ tới bữa đi nhậu mấy hôm trước với thằng bạn cũ ở bến Bạch Đằng. Nhân bàn về việc những thành phần ăn tiêu rộng rãi nhất ở trong nước, người bạn nói: "Nhất muối tiêu nhì Việt kiều." – "Muối tiêu?" - Tôi hỏi lại – "Thì cũng phải thôi. Không lý bao nhiêu năm hy sinh đời bố chỉ để củng cố đời con. Mà củng cố cũng không hết của. Bây giờ đã hai màu tóc rồi. Vung tiền cho dân sống nhờ chứ!" Tôi nhìn kỹ ông tóc hoa râm bây giờ nó biến thành muối tiêu. Một nhân vật cỡ lớn? Một "tướng về hưu"? Dám lắm!

Tôi chỉ cái chân băng bó của anh tây con. Anh ta nói: "Tai nạn nghề nghiệp! Tôi đi thử chiếc xe bình bịch thì bị trượt ngã. Chiếc xe cổ lỗ sĩ ấy nó nặng quá. Nó đổ kềnh lên chân tôi. Cũng là may không gẫy xương nhưng cái ống bô nóng bỏng làm cháy một mảng da chân. Không có tai nạn ấy thì tôi đã không ở trên chuyến xe lửa này. Giờ này đáng lẽ tôi đang đi trên con đường mòn nổi tiếng ấy. Con đường mòn Hồ Chí Minh ấy mà. Bằng cái xe bình bịch của tôi (anh ta dùng cái từ "bình bịch" một cách rất Hà Nội). Con đường mòn chiến tranh này đã trở thành ám ảnh cho nhiều du khách có óc mạo hiểm. Tôi là người may mắn lắm nghe! Có nghề nào thích bằng được trả tiền để đi du lịch! Lại được đi rất nhiều nơi. Chắc ông đã biết là một trong những sách bán chạy nhất là những cuốn Hướng dẫn Du Lịch. Sách của cơ sở Du Lịch chúng tôi được in bằng nhiều thứ tiếng và được cập nhật hoá thường xuyên." Anh ta ngừng lại, lục trong ba-lô lôi ra cuốn sách giơ tôi xem. *Viet nam: The adventuous, up-to-the-minute guide.* "Vì thế mà tôi được cử đi chơi suốt năm. Nhưng đi mãi những nơi du khách thường đi cũng chán. Ngủ mãi trong các khách sạn năm sao cũng chán. Bây giờ tôi chỉ thích khai phá những chỗ mới những con đường mới. Bài tôi viết thường chỉ dành cho một số du khách thuộc loại đặc biệt. Chẳng hạn như đêm nay nếu tôi không bị cái chân đau thì tôi đã được ngủ ở khách sạn ngàn sao trên rặng Trường Sơn rồi..." Cô gái dưới giường hỏi ngây thơ: "Có khách sạn ngàn sao hả ông?" Anh tây cười: "Có chứ! Nếu trời trong tôi có thể đếm được những vì sao trên bầu trời..." Tôi hỏi Jean: "Thế bây giờ ông đi đâu bằng chuyến tàu hỏa này?" – "Tôi đi Hội An. Tối mai là đêm rằm. Tôi sẽ viết bài tường thuật chi tiết về cái đêm rằm lạ lùng mà tôi mới được nghe ấy. Thành phố tắt đèn. Dưới ánh trăng trên những con phố hẹp bên những dãy nhà hai trăm năm cũ người ta rước kiệu và đèn lồng... Vô số đèn lồng những chấm sáng dài dặc đi quanh co trong phố cổ... Một tháng một lần thành phố tắt đèn... Hội An hiện nay là nơi quyến rũ hàng đầu cho những du khách ngoại quốc đến Việt Nam..."

Câu chuyện giữa ba người trên tàu đã ngừng từ lâu. Màn đen đặc ở khung cửa cho tôi cảm tưởng đêm đã về khuya. Trong phòng đèn đã tắt chừa một ngọn le lói ở đầu giường đối diện. Tôi đi vào giấc ngủ chập chờn mang theo hình ảnh những chiếc đèn lồng dài dặc của Bernardet. Rồi một lúc nào đó của giấc mơ những đóm đèn lồng biến thành đàn đom đóm bay la đà chớp tắt trên những ngôi mả thuộc nghĩa trang dòng họ ở Hội An. Nơi đây mới thật sự là nơi an nghỉ cuối cùng của song thân tôi. Trong giấc mơ dưới ánh trăng đàn đom đóm lập loè trên những gò đống. Trong giấc mơ tôi nhìn thấy tuổi thơ của mình đạp trên đám cỏ may trên nghĩa địa đồng làng Phượng Vũ. Trong giấc mơ tôi trở về Hội An không phải để chôn cất mà để thăm lại hai thân đã nằm ở đó như đã từ lâu, lâu lắm. Trong giấc mơ tôi trở thành Trương của bố tôi một buổi chiều về làng thăm mộ hai thân. Trong giấc mơ tôi ôm bình tro bố tôi trong tay tôi không biết mình là Nhất Linh, là Trương hay là chính tôi nữa. "*Chiều đến, Trương xuống cuối làng thăm mộ hai thân chàng. Trương không muốn chết ở quê nhưng chàng mong khi chết rồi người ta sẽ đem chàng mai táng ở nghĩa địa nhà; chàng thấy nằm ở các nghĩa địa gần Hà Nội có vẻ tạm thời không được vĩnh viễn và ấm áp như ở đây, cạnh những người thân thuộc. Chàng hơi buồn nghĩ đến chẳng bao lâu nữa lại có những đứa trẻ như chàng hồi còn bé, chạy nhẩy trên mộ chàng, hoặc thả diều, hoặc bắt châu chấu những buổi chiều hè lộng gió. Chàng sẽ không biết đau khổ là gì nữa: trên mặt đất, chỗ chàng nằm chỉ còn có mấy ngọn cỏ may hồng rung rung trước gió thờ ơ và ở một nơi nào đó Thu mà chàng không bao giờ quên vẫn đi lại, cười nói, sống tự nhiên trong ánh sáng của thế gian trên kia.*" (Bướm Trắng - Nhất Linh).

Seattle, đầu năm Thân 2004

CÂU CHUYỆN ÂM NHẠC

SƠN DIỆM VŨ NGỌC ÁNH

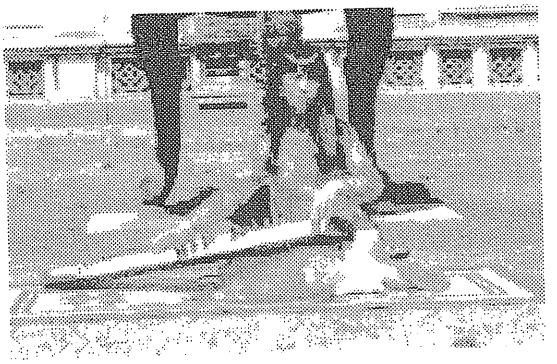

Bài viết này không phải là một bài phê-bình hay khảo-cứu về âm-nhạc vì tôi không có đủ khả năng và kiến-thức để làm những công việc như vậy. Đây chỉ là một bài tạp ghi những giai-thoại, nhận xét và kinh-nghiệm vụn-vặt về âm-nhạc trong cuộc đời của tôi, một gã đã ngót nghét 80 mà tính tình như trẻ con, vẫn còn chút máu văn nghệ văn gừng, thích đàn địch, hát xướng như phần đông mọi người bình thường.

Nói một cách đùa cợt như vậy không có nghĩa là tôi coi nhẹ âm nhạc. Riêng đối với tôi, âm nhạc hết sức quan-trọng, là một lạc thú không thể không có của đời người, và có lẽ cũng chính vì thế mà ai nấy đều cho rằng âm nhạc là ngành nghệ thuật xuất hiện sớm nhất và cũng là phổ biến nhất trong lịch-sử loài người.

Thực vậy những con người đầu tiên dù chưa có ngôn ngữ có thể cũng đã biết hò hét hoặc u-ơ như hát và chế tạo những nhạc khí thô sơ để giải trí hoặc diễn tả những cảm xúc và tâm tình rất đơn thuần của họ. Ngay cho tới ngày nay, vẫn còn có rất nhiều người chẳng biết thơ, biết họa là gì nhưng lại biết hát, dù hát chẳng hay, thích nghe đàn, nghe ca, dù họ chẳng có kiến thức gì về âm nhạc, tức ngành nghệ thuật lâu đời và phổ biến nhất trong số các ngành nghệ thuật. Cho nên xin quý vị cũng đừng lấy làm ngạc nhiên khi thấy tôi bắt đầu câu chuyện về âm nhạc này từ Phát Diệm, một vùng biển quê mùa ở trên cái mỏm đất hẻo lánh tận cùng phía Đông Nam Bắc Việt, một vùng mà khi mới nhắc tới có lẽ phần đông trong chúng ta nghĩ rằng chẳng có giây mơ rễ má hoặc ăn nhập gì tới cái ngành nghệ thuật gọi là âm nhạc.

Phát Diệm: nguồn gốc nhạc đạo Việt nam?

Không biết tôi mê nhạc kể từ lúc nào nhưng chắc chắn là từ khi còn nằm trong lòng mẹ. Từ khi có chút trí khôn, tôi đã rất thích nghe mẹ tôi ru, mẹ tôi hát hoặc ngâm Kiều, Chinh Phụ Ngâm, Tần Cung Oán hay kể chuyện anh Trương Chi bằng văn vần: "Ngày xưa có anh Trương Chi, Người thì thậm xấu tiếng thì thực hay"...

Năm 7,8 tuổi rất ham học đàn mandoline và chơi khẩu cầm (harmonica). Vào khoảng 1934, 35 ông cụ tôi mua được chiếc máy hát Columbia cũ (nhãn hiệu có hình con chó ngồi trước một cái máy hát, dưới có hàng chữ Tây "La voix de son maitre") có một cái loa thiệt to từ đâu về với chừng 20 đĩa hát nhựa cũ mèm, thế là tôi có dịp nghe ông Tây bà Đầm hát và những bản "kèn Tây" mà tôi đã có thể phân biệt là hay hơn các bản kèn Tây của các hội kèn trong vùng Phát Diệm. Lúc đó tôi đã lên tới lớp sơ-học (cours élémentaire), đọc được tiếng Pháp nên biết được đại khái là những bài hát đó có những cái tên như "Au temp des cerisiers," "J'ai deux amours," "La petite Tonkinoise," "La vie en rose," "O solo mio," "L'Internationale," v.v. và những người hát có tên là Lyne Reynaud, Josephine Baker, Maurice Chevalier v.v. Những bản "kèn Tây" thì có những tên rất lạ mà tôi chẳng hiểu gì hết, chẳng hạn như symphonie, ouverture, suite, adagio v.v. Riêng bài L'Internationale nghe riết rồi tôi cũng hầu như thuộc lòng nhưng chẳng hiểu ý-nghĩa của nó là bao nhiêu, cho mãi tới mấy năm về sau tôi mới biết đó là bài hát tranh đấu không phải chỉ riêng của phong trào Thợ thuyền Thế-giới mà còn là bài hát chính thức của Cộng sản Quốc-tế nữa ("Quốc tế ca"). Vì tôi còn quá nhỏ, hơn nữa ở

nhà quê, chẳng có ai biết mà để ý tới. Nếu không, rất có thể người ta đã cho tôi là một thằng cộng sản "tí nhau," rồi đi báo quan và thằng "tí nhau" cũng như bố mẹ nó có thể bị lôi thôi, tù tội rồi chết rũ tù tại nhà hỏa-lò như một người bà con bên ngoại tôi là ông Nguyễn Minh Luân mấy năm trước đó. Nhưng ông Luân, một trong những đồng chí thân-cận của Nguyễn Thái Học là nhà cách mạng thứ thiệt. Còn tôi chẳng qua chỉ là một thằng bé nhà quê hỷ mũi chưa sạch và ngu đần. Rõ hú vía.

Hồi nhỏ ở Phát Diệm đời sống thiệt buồn tẻ nên ngoài cái thú đọc chuyện kiếm hiệp của Lý Ngọc Hưng như Bồng lai Hiệp Khách, Nữ Quái-hiệp, Long Hầu kiếm khách, Đốt cháy chùa Hồng Liên v.v. và Chuyện Trung Nhật chiến-tranh 3 xu ra hằng tuần (chuyện các ông Tưởng Giới Thạch, Uông Tinh Vệ, Trương Học Lương, Mao Trạch Đông v.v. vừa chống Nhật vừa "tả lớ! tả lớ" đánh lộn nhau loạn xà ngầu, vui và hấp dẫn không kém Tam Quốc Chí diễn nghĩa) tôi nghe đĩa hát tối ngày không biết chán, tới độ hầu như thuộc hết các điệu hát được thu trong mấy chục đĩa hát tiếng đã rè rè. Máy hư, tôi quay đĩa bằng tay kiểu như mấy cậu nhỏ da đen chơi nhạc rap hiện nay, nhưng là để nghe chứ không phải để đệm nhạc "hát nói tào lao" theo lối của các cậu nhỏ rappers bây giờ. Hết kim, tôi tìm những kim cũ mài đi mài lại nhiều lần. Vào những năm cuối thập niên 30, tuy mới 12, 13 ngoài cái thú đọc Phong Hoá, rồi Ngày Nay, Tiểu Thuyết Thứ Bảy và các tiểu-thuyết của Lê Văn Trương, Ngọc Giao, Khái Hưng, Thế Lữ, Thạch Lam, Nhất Linh v.v. tôi rất mê nghe nhạc, tất nhiên lúc đó chỉ có nhạc Pháp và ngoại quốc, đặc-biệt là Tino Rossi và Charles Trenet. Nhưng bản nhạc Tino hát dễ nghe và cũng dễ bắt chước hơn, nên có thể nói hầu như bài nào Tino Rossi hát tôi cũng thuộc. Sau đó ít lâu, khi thấy Lê Thương , Đặng Thế Phong, Thẩm Oánh, Dương Thiệu Tước viết nhạc Việt nên vào khoảng mấy năm giữa thập niên 40, tôi cũng tập tễnh bắt chước và tiếp sau đó đã có một thời tôi mê viết nhạc và sáng tác thực say sưa, tưởng chừng như coi nhạc là lẽ sống của mình. Đó là vào mấy năm loạn lạc sau này về sống tại quê tôi ở Phát Diệm (45, 46, 47).

Tôi có nghe thấy nói là Phạm Duy mê nhạc để rồi có tài viết nhạc cũng kể từ khi còn nằm trong lòng mẹ Tôi tin chuyện này xác thực trăm phần trăm vì đó cũng là trường hợp của tôi, chỉ có khác là tôi không có tài lớn như họ Phạm, ngoài ra nhạc của tôi không có cơ hội được phổ biến nên chẳng được ai biết tới ngoài một số rất ít bạn bè Phát Diệm thân thiết nay đều đã thuộc loại thất tuần cổ lai hy trở lên. Có một đêm cách đây mấy năm, ông bạn già Ng. V. Ch. ở Houston chắc nhớ quê cũ và quá khứ vàng son, trằn trọc mãi mà không ngủ được, nên gọi điện-thoại nói chuyện ngày xưa với tôi để rồi bỗng nhiên nổi hứng hát cho tôi nghe bài "Tỳ bà hành" tôi phổ nhạc năm cách đây gần 60 năm. Bản nhạc này tương đối khó hát thế mà ông bạn già của tôi đã nhớ hầu như hoàn toàn, hát khá đúng và trôi chảy từng chữ và nét nhạc. Nghe bạn già hát, tôi tưởng chừng muốn khóc. Quả thực tôi hết sức ngạc nhiên vì không ngờ là sau gần 60 năm vẫn còn có người nhớ nhạc của mình. Tôi thực cảm phục trí nhớ của người bạn già, đồng thời rất xúc động về mối thâm tình tri kỷ của ông. Câu chuyện tôi về già trở lại với cái nghiệp văn chương chữ nghĩa vớ vẩn chẳng khác gì cảnh ngộ người kỹ-nữ về già hành nghề lỡ thời trong bài hành của Bạch Cư Dị và ông bạn già họ Nguyễn chính là anh chàng Tư-mã áo xanh đất Giang-châu kia vậy.

Cách đây hơn 50 năm, để ghi lại những xúc động đầu tiên cũng như những kỷ niệm hồi thơ ấu còn nằm trong nôi nghe mẹ hát, mẹ ru, tôi đã cảm khái viết một bài thơ với những lời lẽ đơn thuần và mộc mạc như sau:

Từ thuở chưa thôi nôi
con nằm trong lòng Mẹ
đón những giọt sữa đầu đời
thường được nghe Mẹ ru, Mẹ hát
. . . . . .
Phòng vắng êm
nhịp võng đưa nhè nhẹ
trong nửa mộng
tiếng à ơi chập chờn
. . . . . .
Lời ru thiệt âu yếm
ngọt ngào như sữa Mẹ
từng giọt, từng giọt,
mà ngập cả biển khơi
. . . . . .
Rồi cứ như thế,
ngày tháng trôi như mơ
"Ru hời ru..."
Mẹ dạy con làm nhạc
"Ru hời ru..."
Mẹ dạy con làm thơ....

Nhân chuyện này tôi bỗng nhớ tới Đinh Hùng và những buổi tối Hà Nội cách đây trên nửa thế

kỷ, trời nóng cũng như trời lạnh, mấy anh em thường nằm cạnh bàn đèn đấu láo với nhau trên một căn gác Đinh Hùng thuê gần khu Hàm Long. Dạo đó (vào khoảng 50 hay 51, 52), con trai đầu lòng (?) của Đinh Hùng mới một hay hai tuổi rất hay quấy khóc. Có lần Đinh Hùng hơi bực mình kể tội con: "Các toa chưa biết đấy thôi, anh chàng bé tí này chưa chi đã làm ra vẻ đa sầu đa cảm như người lớn vậy. Các toa coi, cứ mỗi lần nghe mẹ nó ru, cậu cả chảy nước mắt hoặc khóc rống lên, nghĩ có thối không?" Riêng tôi, tôi cười thầm trong bụng mà không nói gì, bởi vì hồi còn nhỏ, tôi cũng không khác cậu cả này là bao nhiêu. Khác là ở chỗ tôi không khóc nhưng thực sự cảm thấy một cái gì tê tái và buồn buồn mỗi khi nghe mẹ tôi ru hoặc ngâm Chinh phụ ngâm.

Sự kiện tôi thích nghe nhạc và có thời kỳ mê làm nhạc có lẽ cũng còn có một lý do khác nữa: đó là vì tôi là một người Phát Diệm, sinh ra tại Phát Diệm, sống tại Phát Diệm từ thuở lọt lòng tới khi lớn khôn, giữa những tiếng kèn, tiếng trống, tiếng hát, tiếng cầu kinh, tiếng sáo diều và tiếng chuông sớm chiều trầm ấm và nghiêm-trang của nhà Thờ Lớn hoặc thanh tao, rộn ràng của các dòng tu bên Phu Vinh hoặc Lưu Phương.

Phát Diệm thực ra chỉ là một khu thị tứ nhỏ thuộc vùng biển phía Nam Bắc Việt, không có núi cao sông rộng, ngoài nhà Thờ Lớn cha Trần Lục xây cách đây 100 năm, phong cảnh tầm thường với những xóm làng nghèo nàn và tối tăm, không phải là chốn văn vật hay thị-thành, lại càng không phải là Salzbourg hay Vienna, nhưng những người Phát Diệm quê mùa kia dường như suốt tháng ngày sống nhịp nhàng trong tiếng đàn, tiếng hát, mặc dầu cũng chẳng lấy gì làm đặc sắc cho lắm nhưng cũng khiến cho người dân Phát Diệm hầu như ai cũng biết ca, biết hát và phần nào biết thưởng thức âm nhạc một cách rất tự nhiên. Họ ca hát trong khi làm việc ngoài đồng áng, họ ca hát khi thờ phụng tại các thánh đường. Những đêm trăng sáng mùa hạ, trai gái thường chia thành hai phe hát đúm. Trong các làng xóm, đặc biệt là tại các khu vực gần nhà thờ, suốt ngày hầu như lúc nào cũng nghe thấy tiếng kèn, tiếng trống hoặc tiếng đàn phong cầm dìu dịu đâu đây... Tôi còn nhớ mỗi khi đi ngang qua nhà dòng Đức Bà Truyền giáo bên Phu Vinh, tôi như bị mê hoặc bởi tiếng hát thiên thần của các nữ tu văng vẳng vọng lên trời cao, nhất là vào những buổi cầu kinh hạ ngọ (vespers) lúc xế trưa, tôi lần chần đứng trên cây cầu xi-măng trước cổng nhà dòng nghe không biết chán.

Hầu như xứ đạo lớn nào trong vùng cũng có đội Kèn Tây xử dụng các loại kèn đồng như clairons, trompettes, trombones, cors, clarinettes, saxophones, tubas v.v. hoặc một ban nhạc cổ-truyền thường gọi là "đội bát âm," vì những ban nhạc này thường xử dụng tám loại nhạc khí khác nhau. Tuy nói là tám nhưng thực ra thì nhiều hơn, chẳng hạn như đàn nguyệt, đàn tàu, đàn kìm, đàn đáy, đàn tam, tỳ bà, hồ, nhị, kèn Tàu (?), các loại sáo, sênh, mõ v.v. Các em nhỏ thì tham gia các đội đánh trống cơm (?) theo lối cổ truyền. Những xứ đạo lớn như Phát Diệm, Văn Hải, Trì Chính v.v. có đầy đủ cả "Kèn Tây" lẫn Bát âm.

Đêm đêm người Phát Diệm thỉnh thoảng còn được nghe một thứ kèn khá đặc biệt: đó là kèn đám ma, một loại kèn hình loa dài bằng gỗ sơn then (màu đen) trên có khảm hoặc vẽ những giọt nước mắt và cành hoa tang tóc màu trắng. Tiếng kèn nghe bi ai và nức nở như tiếng một người đàn bà vừa khóc người chết vừa kể lể một cách vô cùng thảm thiết. Trong suốt cuộc đời nghe nhạc tôi có cơ hội được nghe hầu như đủ mọi loại nhạc-cụ kể cả những nhạc cụ lạ lùng của các dân sắc-tộc trên thế-giới như kèn dụ rắn ở vùng Trung Đông, kèn làm bằng xương ống chân người ở Phi Châu v.v., nhưng tôi chưa từng được nghe một thứ nhạc nào buồn và ám ảnh một cách ghê gớm đến như vậy nhất là vào khoảng giữa đêm khuya vắng lặng. Không biết ngày nay ở quê tôi có còn loại nhạc này nữa hay không. Tôi còn nhớ là sau khi ông nội tôi qua đời, cả tháng sau, vào những lúc vắng vẻ tôi có cảm tưởng tiếng kèn vẫn văng vẳng bên tai. Theo ý tôi, trong số mấy nhạc cụ âm thanh nghe ám ảnh nhất như sáo, bagpipe, đàn bầu, kèn Tàu v.v., kèn đám ma Việt Nam nhất định dẫn đầu. Nói đến sáo tôi bỗng nhớ tới ông Bính ở phố Trong Phát Diệm cách đây trên 60 năm. Ông Bính nổi tiếng về tài thêu chân dung. Thỉnh thoảng vào những đêm hè ông đem sáo ra ngồi trước cửa tiệm thêu thổi. Hồi đó tôi còn nhỏ nên không rõ tiếng sáo của ông điêu luyện tới mức nào, nhưng tiếng sáo buồn và cao vời vợi của ông quả có sức lôi cuốn lạ lùng. Tôi mê mải nghe tiếng sáo không sao ngủ nổi. Tiếng sáo ngưng lâu rồi mà tôi vẫn bâng khuâng và bị ám ảnh mãi tới khi ngủ lúc nào mà không hay.

Đội kèn Tây ông Chánh Trọng xứ Phát Diệm là ban nhạc đầy đủ nhạc cụ và nổi tiếng nhất vùng. Về phía các ban nhạc cổ truyền, đầy đủ và cũng chơi hay nhất là đoàn bát âm họ Thượng Kiệm do anh Thuật làm trưởng ban và điều khiển. Hồi nhỏ. tôi rất thán phục tài đàn nguyệt của anh

Thuật.

Người Phát Diệm xưa vốn quê mùa và ít học nhưng ngoài nhạc cổ truyền với những điệu hát rất phổ biến như bình bán, lưu thủy, hành vân, tứ đại cảnh v.v. họ rất quen thuộc với Chant grégorien, nguồn gốc của nhạc cổ-điển Tây-phương, và ngoài những bản Thánh ca và nhạc quân-hành của Pháp, các "đội kèn Tây" còn được tập rất nhiều đoản khúc cổ-điển Tây phương, nhất là nhạc của Haendel, Bach và Haydn mà họ không hề để ý hoặc hay biết (mãi về sau này, khi tìm hiểu và làm quen với nhạc cổ điển Tây phương tôi mới khám phá ra sự kiện này).

Về phương diện ca đoàn, hội hát xứ Phát diệm thời ông Giáo Huệ (thân phụ anh cựu Nghị sĩ Nguyễn Gia Hiến) làm chánh hội là ca đoàn hùng hậu, được luyện tập kỹ và hát hay nhất vùng, chỉ có thua ca đoàn trường Lý Đoán (tức trường Thần Học) Thượng Kiệm mà thôi. Thực ra thì hồi còn nhỏ, ngoài một số bài như Adorote Devote, Salve Mater Misericordie v.v. (mà ngày nay mỗi khi nghe tôi không thể không cảm động nhớ tới thời thơ ấu), tôi không mấy thích Chant grégorien, nên mỗi khi nghe chant trong các buổi lễ tôi thường gà gà ngủ gật, tuy nhiên tôi rất thích nghe các thày trường Lý-đoán Thượng kiệm hát vào những dịp lễ lớn.

Vì đàn bà thời đó không được hát chung với đàn ông nên phần soprano do các em nhỏ có giọng hát tốt đảm nhiệm. Thân phụ tôi là một trong những giọng tenor của đoàn nên hồi nhỏ tôi thường được ngồi trên gác đàn trong các buổi lễ và theo ông cụ tham dự các hoạt động của hội nên cho tới ngày hôm nay, sau hơn 60 năm tôi vẫn còn nhớ rất nhiều kỷ niệm về hội.

Một trong những giọng tenor thời đó còn thọ đến bây giờ là cụ Chánh Hoan (cụ sống gần 100 tuổi, vừa mới qua đời tại San Jose, là nhạc-phụ của nhạc sĩ Lê Văn Khoa). Anh Phan Thiêm (gần 80, hội cao niên Trung tâm Công giáo VN) xưa là một em trong nhóm giọng soprano.

Anh Bính (không biết bây giờ anh ở đâu, nếu như còn sống, ít nhất cũng phải gần 90) là một tenor có giọng ca mạnh và ấm áp nhất. Mỗi khi anh độc ca, toàn thể nhà thờ nín lặng nghe anh hát. Tôi thích nhất là bài "Peuple, à genoux!" (tức bài "The Holy Night") anh độc ca bằng tiếng Pháp trước lúc nhập lễ 12 giờ đêm Giáng Sinh hằng năm tại nhà thờ Lớn Chính toà Phát Diệm (thời đó chưa có nhạc thánh ca Việt nam, bản "Silent night" thì tuyệt nhiên không ai biết). Ngày nay, mỗi khi nghe bài "The Holy Night" tôi không thể không nhớ tới giọng ca của anh Bính và mùi vị cháo gà khê. Số là hồi đó, sau lễ nửa đêm, năm nào hội hát xứ Phát Diệm cũng ở lại hội quán ăn réveillon chung với nhau. Vào cuối bữa tiệc bao giờ cũng có món cháo gà và không hiểu tại sao món cháo gà luôn luôn bị khê. Chính vì thế mà mỗi khi nghe bài "The Holy Night" tôi nhớ tới anh Bính, mùi vị cháo gà khê và những đêm Giáng Sinh huyền ảo xa xưa tại quê tôi.

Nói tới hội hát Phát Diệm, tôi không thể không nói tới một nhân vật mà ngày nay rất ít người còn nhớ. Người ta thường gọi ông là Hoành đen (để phân biệt với ông Hoành Ký, chủ hiệu chụp ảnh đầu tiên của Phát Diệm). Nhà ông Hoành đen ở phía Nam bờ hồ nhà Thờ Lớn Phát Diệm. Bà Hoành chuyên bán quà sáng cho bọn nhóc trường Thày dòng chúng tôi. Bà có món xôi chả (xôi đậu rất mềm, chả tôm "rán" nóng ăn ròn tan) ngon hết sảy, có thể nói là độc nhất vô nhị. Tôi dám nói như thế là bởi vì sau này, có dịp đi hầu khắp đất nước Việt Nam, tôi không thấy đâu có cái món xôi chả thơm ngon tuyệt cú mèo này. Ông Hoành hình như xưa là tu xuất, người dỏng

TRẦN CÔNG NGHỊ

Xôn Xao Rơi Giữa

đường về lớp lớp mây che
hoa vàng mấy độ em về mấy nơi

thẩn thờ nghe chiếc lá rơi
trời cao thẳm. lạnh. chơi vơi cõi lòng
áo ai xanh những chờ mong
bồi hồi duyên cũ động lòng trăng sao
một mai em dự hội nào
cho ta cùng đến cùng trao nỗi niềm

ô hay trời đất lặng im
xôn xao rơi giữa trái tim cõi người

cao, dáng đi liêu xiêu, răng đen cải mả và hơi vẩu, lúc nào cũng đội khăn đóng, áo dài bằng vải láng cũ xác, quần cháo lòng, đen đủi xấu trai và hình như suốt năm chỉ tắm có một lần vào dịp tất niên, nhưng ông có lẽ là người am hiểu plain chant nhất Phát Diệm, hằng tuần thường tới dạy học trò trường Thày dòng chúng tôi hát. Ông vốn hiền lành nhưng cục tính, bộ dạng có nhiều phần khác người nên thường bị bọn học trò tinh nghịch chúng tôi trêu chọc, quấy phá. Cứ mỗi lần như vậy ông cầm cây thước kẻ bảng dùng để đánh nhịp vừa đuổi đánh vừa la: "Chúng mày hỗn quá, đồ mất dạy, tao đánh bỏ mẹ chúng mày bây giờ!" Nghề chính thức của ông là viết các sách hát plain chant cho các ca đoàn. Những sách hát này rất lớn, đều có bìa cứng khổ rộng trung bình 20' x 25', một người vác nặng, được đặt trên giá cao cho toàn thể ca đoàn có thể nhìn thấy mà hát . Tôi thường tới nhà ông ăn xôi chả và và rất thích xem ông viết sách hát. Trong căn nhà bé nhỏ bề bộn những bìa, những giấy, bút mực và sách hát, ông cặm cụi vừa viết bằng một cây bút lớn bằng tre ông tự chế vừa lẩm nhẩm hát theo những lời và dấu nhạc ông đương viết trên giấy. Ông viết rất nhanh, tuy nhiên dấu nhạc cũng như chữ ông viết rất đều và đẹp chẳng khác gì in. Trong kho chứa sách hát của xứ Phát Diệm tôi thấy có hằng trăm cuốn sách hát viết tay, cuốn nào cuốn nấy nặng năm, sáu ký, đều do một mình ông Hoành đen viết. Chẳng những ông viết cho xứ Phát Diệm mà các xứ khác trong giáo-phận cũng đều tới nhờ ông viết với một số tiền thù lao thực nhẹ nhàng. Do đó, cũng như món xôi chả độc đáo của bà Hoành, mặc dầu nắm trong tay một cái nghề có thể nói là độc nhất vô nhị, ông suốt đời vẫn rất nghèo.

Bác Hoành ơi, khi tôi viết những dòng này, chắc chẳng còn mấy ai nhớ tới bác, nhưng riêng tôi, chẳng những nhớ bác mà còn hết sức quý mến tính tình và tài riêng hiếm có của bác, một con người Phát Diệm chính tông, hình như cả đời chưa bao giờ đi xe lửa hoặc xe hơi, chưa bao giờ có dịp trông thấy núi Thúy Sơn (Ninh bình) hay hồ Hoàn Kiếm, tuy có tài, nhưng không khoe khoang, không tham vọng, sống đơn sơ, nhẫn nhục và hiền-hòa như con trâu cầy trên đồng ruộng đất Kim Sơn.

Đã nói nhiều tới hội hát Phát Diệm thì không thể nào không nói tới hội "kèn tây" Phát Diệm. Tuy cũng là một hội nhạc nhưng không hiểu sao hội "kèn tây" không được coi trọng như hội hát. Có lẽ vì trên phương diện phụng vụ, hội hát đóng một vai trò quan-trọng hơn. Thường vào những dịp lễ lớn người ta mới thấy sự tham dự của hội kèn, nhưng hội kèn không được vào trong nhà thờ , chỉ được đứng hoặc ngồi tại tiền đình nhà thờ mà thôi. Có lẽ vì người ta sợ tiếng kèn tiếng trống quá ồn ào chăng. Vì có sự bên khinh bên trọng như vậy nên giữa hai hội dường như có sự kình địch nhau. Tôi không rõ ông chánh Trọng, hội trưởng hội kèn Phát Diệm, ngày xưa quen chơi loại nhạc khí nào, nhưng ngoài vai trò điều khiển đội kèn ông còn giữ trọng trách huấn luyện các nhạc công nữa. Xem như vậy, ông hẳn phải có kiến-thức khá về âm-nhạc, nhưng tôi cũng không rõ ông học nhạc từ đâu. Anh Vọng, con trai ông, chơi clarinette khá nhất vùng. Năm 1954, hầu như dân toàn vùng Kim Sơn bỏ làng nước vô Nam tìm đời sống tự do, các hội kèn, hội hát đều bị khai tử. Cho mãi tới năm ngoái, nhân dịp lễ kỷ niệm 100 thành lập giáo-phận, không hiểu từ đâu và tại sao người ta lại có thể đào quật lên được trên 30 chiếc kèn đồng méo bẹp và dỉ sét để rồi ra công tập luyện và hồi sinh đội kèn đồng xứ Phát Diệm đã tất tưởi chết cách đây gần 50 năm. Tôi đã hết sức xúc động khi được nghe hội kèn vừa mới được hồi sinh chơi trong buổi lễ kỷ niệm 100 thành lập giáo-phận, mặc dầu về nhân sự cũng như tài năng và nhạc cụ, hội kèn mới ngày nay kém ngày xưa rất nhiều.

Với bối cảnh nói trên đây, nếu như nói người Phát Diệm ai cũng biết hát hoặc có khiếu về âm nhạc cũng không phải là ngoa hoặc quá đáng, nhất là khi người ta nhận thấy Phát Diệm, tuy chỉ là một khu thị tứ nhỏ bé miền đồng biển quê mùa, đã sản xuất được một số nhạc gia và nhạc sĩ nổi tiếng. Có nhiều gia đình cả nhà đều biết nhạc biết đàn. Ngoài ra, theo như hiểu biết của riêng tôi, có lẽ những bản nhạc đạo lời Việt Nam đầu tiên được soạn ra bởi người Phát Diệm, trước rất xa phong trào nhạc mới Việt Nam ngày nay.

Thực vậy, vào khoảng trước Thế Chiến I, tức là chừng trên 80 năm trước đây, người Phát Diệm đã có sáng kiến đặt những bài hát đạo V.N. đầu tiên theo các điệu nhạc cổ truyền như Lưu thủy, Bình bán, Tứ Đại Cảnh, hát Nói, cung Sử, v.v. Tiếp đến là những bài lời Việt theo điệu các bài thánh ca La-tinh hoặc Pháp. Vì thời đó Giáo hội chưa cho phép xử dụng những bài hát tiếng Việt trong các Thánh lễ nên những bài hát đầu tiên này thường chỉ là những bài hát về Đức Mẹ được xử dụng trong mùa dâng hoa tháng Năm, quen được gọi là những bài văn hoa.

Chừng mấy tháng trước mùa dâng hoa tháng Năm (dương lịch), các bà trùm các ca đoàn (gồm

các thiếu nữ có giọng ca tốt) thi nhau tìm những thày đàn, thày ca nổi tiếng trong vùng để mời tới dạy ca đoàn của mình hát vãn. Chính vì muốn có sự độc đáo và tình trạng thi đua giữa các ca đoàn hát vãn dâng hoa nên mỗi năm người ta phải cố gắng tìm những điệu nhạc lạ và hay để đặt lời ca tiếng Việt. Vào khoảng cuối thập niên 10, ca đoàn họ Lưu Phương do bà Nghị Hổ làm trùm là ca đoàn xuất sắc nhất vì chẳng những hát đã hay mà lại còn có nhiều bài vãn mới lạ nữa. Chính vì thế mà vào dịp rước và dâng hoa cho toàn hạt Kim Sơn, gọi là rước hoa Thanh ký (?), ca đoàn họ Lưu Phương được chọn làm đại diện cho toàn hạt hát vãn dâng hoa. Mẹ tôi lúc đó mới 14, 15 tuổi, cùng với bà thơ Xứng là hai giọng ca hay nhất trong ca đoàn. Ca đoàn có hai thày dạy hát nổi tiếng nhất vùng: Ông cửu Diễm (thân phụ của cố G.s. Lê Ngọc Huỳnh (Chu Văn An) và anh Lê Hữu Mục) là ông thày chuyên về lối hát cổ truyền, ông bộ Thọ chuyên đặt lời ca Việt cho những bài thánh ca Pháp. Cụ cửu Diễm là một trong ba người tài hoa nhất Phát Diệm thời đó. Hai người kia là cụ cửu Uy và ông ngoại tôi, tức cụ cửu Quắc. Mặc dầu trong kỳ thi Hương khóa cuối cùng trường Nam không vị nào lọt tam trường nhưng văn chương, ca nhạc, hội họa, cái gì các cụ cũng hay cả. Gần đây có chuyện tranh cãi về tác-giả của bài ca "Vui đâu bằng nơi Phát Diệm" có người nói tác giả là cụ cửu Uy, hai anh em Lê Hữu Mục và Lê Đình Ngân thì cho là thân phụ các anh mới đích thực là tác-giả của bài hát theo điệu Tứ Đại Cảnh trên đây. Cứ công bình mà nói, căn cứ vào lời văn, cũng như điều tai nghe mắt thấy của tôi về vấn đề này, ông cửu Uy mới đích thực là tác giả. Nhân tiện tôi cũng muốn xin thưa với anh Lê Hữu Mục là những chi tiết anh đưa ra để chứng minh đều không mấy xác thực. Chẳng hạn như Đức Cha Tiên-khởi VN Nguyễn Bá Tòng được phong chức tại Roma rồi về trọng nhậm Phát Diệm từ 1933 chứ không phải 1935, và ngày xưa, vào thời Pháp thuộc, người ta gọi quan đầu tỉnh người Pháp ở hai xứ bảo-hộ Bắc-kỳ (Protectorat du Tonkin) và Trung-kỳ (Protectorat de l'Annam) là công-sứ (résident de France) hoặc đơn giản là ông sứ hay quan sứ. Tôi không rõ công-sứ Ninh Bình lúc đó là ai, nhưng chắc chắn không có công-sứ nào tên là Châtel cả mà chỉ có thống-sứ (resident supérieur) của Bắc-kỳ lúc đó là Yves Châtel mà thôi. Và mỗi khi thống-sứ hay toàn-quyền về Phát-diệm, đầu tiên là thống sứ Châtel, sau đó mấy năm là thống sứ Tholance, rồi tới hai toàn quyền Catroux và Decoux, cả tỉnh phải cờ quạt kèn trống cùng với các quan trong tỉnh từ công-sứ, tuần phủ, giám binh và quân lính túc trực từ sáng sớm tại nhà thờ Phát Diệm để đón rước thực linh-đình. Riêng học-trò trường thày dòng chúng tôi phải tập hát, múa "bài bông" (?) và thể-thao tập-thể (mouvement ensemble) để chào mừng từ mấy tháng trước. Châtel người cao lớn, thường mặc "soóc," đội mũ casque trắng kiểu Bảo-đại, tay cầm "can," bộ điệu rất hách dịch, thích đi cắt băng các hội chợ và múa xoè do các thiếu-nữ người Thái trình diễn (người ta đồn Châtel đặc-biệt thích gái Thái). Khi nào có dịp gặp anh, tôi sẽ trình bày vấn đề này với anh nhiều hơn.

Hơn nữa, anh Mục ơi, lời ca của của bài "Vui đâu bằng nơi Phát Diệm" rất xoàng, và theo như tôi được biết, văn chương của cụ Cửu nhà đâu có đến nỗi tầm thường như vậy? Có lẽ, như anh đã nói, để cho dễ hát, cụ Cửu nhà đã chỉ sửa chữ "xứ" thành chữ "nơi" trong câu đầu của bài hát mà thôi.

Cụ cửu Uy vốn nổi tiếng vẽ và viết chữ đại tự đẹp (chữ cụ đẹp thiệt nhưng quá chân phương). Về phương diện âm nhạc cụ chỉ để lại có bài "Vui đâu bằng nơi Phát Diệm" theo điệu tứ đại cảnh vừa được nói ở trên mà thôi. Tuy lời lẽ tầm thường nhưng vì đề tài là ca tụng Phát Diệm nên tới nay, sau hơn 60 năm, nhiều người PD vẫn còn nhớ. Ông ngoại tôi, cụ cửu Quắc, có lẽ là con người tài tử nhất trong ba nhân vật kể trên, tính tình phóng khoáng, có kiến thức, nhưng cũng rất chịu chơi, đánh trống cô đầu thiệt là hay (mấy đứa con cháu như chúng tôi mà biết đánh trống cô đầu cũng là nhờ cụ chỉ dạy), cách đây hơn 80 năm, dám gửi con gái (tức thân mẫu tôi) lên tỉnh trọ học chữ quốc ngữ và chữ Pháp, về già cụ làm thày lang rất mát tay. Nhưng có lẽ vì dè dặt hoặc khiêm tốn sao đó, ông ngoại tôi rất hà tiện chữ-nghĩa, chỉ để lại vài bài hát nói, bài thơ di-chúc thiệt cảm động có tính cách như một bài kệ cụ viết theo thể lục bát để lại cho con cháu khi sắp qua đời và bài ca hội Yến lão làng Văn hải theo điệu Cung Sử mà thôi.

Sau đây tôi xin tiếp tục trở lại vấn đề vãn dâng hoa tại Phát diệm ngày xưa.

Tôi không rõ tục rước và dâng hoa Đức Mẹ bắt đầu có từ bao giờ, có lẽ từ thời cụ Sáu (Khâm sai Trần Lục), tức cuối thế kỷ 19. Tôi chỉ nhớ là trong suốt tháng Năm dương lịch, vào ba ngày thứ ba, thứ năm và thứ bảy trong tuần, 12 họ đạo thuộc xứ Phát Diệm lần lượt thay phiên nhau rước kiệu hoa vào nhà thờ lớn chính tòa để dâng lên

Đức Mẹ. Kiệu hoa được trang hoàng bằng những loại hoa mùa hạ rực rỡ, trên có bày tượng Đức Mẹ và hai bình hoa lớn, thường là huệ trắng hoặc hoa sen. Đám rước có đủ cờ, trống, bát âm, kèn tây. Các quan viên và chức sắc trong họ đi trước dẫn kiệu (đàn ông mặc áo thụng xanh, đàn bà mặc áo vóc hoặc gấm màu đỏ chót). Cái đinh của buổi rước và dâng hoa tất nhiên là ca đoàn hát văn dâng hoa. Thành công hay thất bại là ở điểm này. Cho nên, bao nhiêu cố gắng tìm bài hát mới, rồi tập tành suốt mấy tuần lễ chỉ có một mục đích là cho một ngày hôm nay mà thôi. Như tôi đã nói ở trên, không rõ ai đã là người Phát Diệm đầu tiên có sáng kiến đặt những bài hát đạo đầu tiên bằng tiếng Việt theo các điệu nhạc cổ truyền hoặc đặt lời Việt cho các bản thánh ca ngoại quốc (thường là Pháp). Tuy nhiên, phần lớn những bài mà mẹ tôi còn nhớ (năm nay cụ đã gần 100 tuổi) đều là do hai ông cửu Diễm (các điệu cổ truyền) và ông bộ Thọ (lời Việt điệu ngoại quốc hoặc chant grégorien) người họ Lưu-phương đặt.

Kể từ những năm đầu thập niên 30, mẹ tôi làm trùm đoàn hát văn họ Rosa ở Phố Ngoài Phát Diệm. Tất nhiên thày dạy hát là ông cụ tôi. Họ Rosa là họ nhỏ nhất trong xứ, nhưng nhờ có cha mẹ tôi, đoàn hát văn dâng hoa họ Rosa bỗng nhiên nổi tiếng là đoàn hát văn hay nhất trong xứ . Vì muốn có những bài hát mới lạ để tranh đua với các họ trong vùng, nên vào thời kỳ đó tôi thường thấy bố tôi thư từ đi lại với một ông cha ở một xứ miền Trung (hình như là Huế hay Nha Trang, tới nay tôi không nhớ rõ) tên gọi là Cha Nguyễn Văn Thích. Có một năm ông cụ tôi chán đặt lời ca vào các bài thánh ca ngoại quốc nên năm đó đoàn hát văn họ Rosa đã hát một bài hát mà không một ai ở Phát Diệm biết xuất xứ ở đâu ra. Bởi vì, thưa quý vị, lời ca cũng như điệu nhạc hoàn toàn do bố tôi sáng tác. Chuyện sáng tác này bố tôi hoàn toàn giữ kín sợ các "Đấng Bề Trên" biết sinh chuyện nên thường ỡm ờ nói đó là điệu nhạc của một bài hát đạo "Tàu" (!). Năm đó hình như Đức Cha Việt Nam Tiên khởi Nguyễn Bá Tòng vừa mới về trọng nhậm cai quản Địa phận Phát Diệm, và tôi lúc mới chừng bảy tuổi mà thôi. Vào khoảng ba, bốn năm sau đó, sau một chuyến đi chơi Hà Nội, bố tôi hý hửng mang về một bản nhạc Việt viết tay khoe với mẹ tôi. Bố tôi cho biết bài hát này hoàn-toàn Việt Nam với cái tên là "Tiếng đàn" do một người tên là Lê Thương vừa mới đặt ra. Mẹ tôi trả lời: "Có gì lạ? Ông không nhớ là chính ông mấy năm trước đây cũng đã tự đặt bài hát hoàn toàn Việt nam đấy sao?" Bố tôi cụt hứng cố cãi: "Ừ nhỉ, phải đấy, nhưng của tôi là một bài văn, chứ đâu có phải là bài hát như của người ta?" Mẹ tôi vẫn bình tĩnh hỏi lại: "Nếu như bài văn không phải là bài hát thì là cái gì?" Bố tôi cố cù nhằng chống đỡ: "Thì tôi đã nói bài văn là bài văn, còn người ta thì là bài hát "đời," khác nhau chứ." Mẹ tôi tức quá gắt giọng: " 'Đời' hay 'không đời' cũng vậy thôi, đều là bài hát cả, sao ông khùng quá vậy ông ơi!" Nghe các cụ cãi vã tôi không thể nhịn được cười, nhưng chịu là Mẹ tôi nói đúng quá và và rất lấy làm hãnh diện về ông bố của mình nên cũng xông vào vòng chiến la to: "Mẹ nói đúng đó, Bố sai rồi Bố ơi!" Bố tôi ậm ừ cười trừ để hòa cả làng. Có chuyện phân biệt bài văn với bài hát là bởi vì thời đó chỉ có những bài hát bằng tiếng Pháp hoặc La-tinh mới được phép dùng để hát trong các lễ-nghi chính-thức của Giáo-hội. Buổi đầu các bài hát đặt lời Việt chỉ dùng để hát vào dịp dâng hoa Đức Mẹ, và được gọi là văn để phân biệt với các bài hát Pháp hoặc La-tinh trong các thánh lễ. Sự phân biệt tôn ty này có lẽ cũng tương tự như gọi mấy ông cha Tây là Cố, các cha Nam thì gọi là Cụ. Có lẽ bố tôi có chút mặc cảm tự ty về bài văn nên mới có vụ cãi vã dớ dẩn kể trên. Về sau mấy ông thày dạy hát văn có sáng kiến đặt thêm những bài văn kính Mình Thánh Chúa, mừng các Thánh v.v. Những bài văn loại này thường chỉ được hát trong những buổi đọc kinh chung tại nhà thờ họ hay cùng lắm là trong những giờ chầu đêm mà thôi. Như tôi đã nói ở trên, người đặt lời Việt hay nhất Phát Diệm thời đó là ông Bộ Thọ thuộc họ Lưu Phương (ông là tu xuất, trước làm phòng-bộ (thơ-ký) cho Đức Cha, nên gọi là Bộ Thọ). Lời ca ông đặt tuy mộc mạc, đơn sơ nhưng rất nhẹ nhàng, tự nhiên và hợp với điệu nhạc một cách thiệt là khéo. Trong số các bài ông đặt lời Việt, tôi thích nhất bài văn Thánh Giuse, lời ca thiệt dịu dàng và cảm động, tả cảnh Chúa ở cạnh Thánh Giuse lúc vị Thánh này sinh thì. Mỗi lần nghe Mẹ tôi hát bài này, tôi xúc động tưởng như muốn rơi nước mắt. Riêng về văn dâng hoa, tôi thích nhất bản theo điệu bài hát la-tinh "Salve Mater misericordieo"và bản "Văn dâng hoa hội Thanh ký." Cả hai đều do ông bộ Thọ đặt lời ca.

Năm 1936, nhân dịp Đại-hội Thanh Niên Công Giáo toàn quốc tại Nam Định, Giám-mục tiên-khởi Việt Nam Nguyễn Bá Tòng đã đặt bài hát mừng Các Thánh Tử Đạo Việt Nam đầu tiên để

hát trong buổi lễ bế mạc đại-hội tại bãi Bảy Mẫu, nơi thời xưa các quan theo lệnh vua xử trảm những người theo Gia-tô giáo. Nhạc điệu bài này không rõ chính Đức Cha soạn, hoặc theo điệu một bài hát đạo Pháp nào, cho tới nay tôi vẫn chưa rõ. Người ta thường khen Đức Cha Tòng có tài hùng biện, diễn thuyết và viết văn Tây hay. Thực ra Đức Cha giảng và viết tiếng Việt cũng hay lắm. Riêng bài hát mừng các Thánh Tử-đạo VN của ông thiệt là xuất sắc. Đã trên 60 năm rồi, bài hát bị mai một. Riêng tôi, tôi chỉ nhớ lõm bõm mấy câu đầu như sau:

Á Thánh Việt Nam
Nay đã được về nơi hiển vinh
Hãy nhớ đoàn con
Đầy nơi khốn cùng
Là biển thế gian.
Á Thánh Việt Nam . . .

Các nét nhạc trầm hùng rất thích hợp với lời ca có tính cách bi tráng trên đây. Không hiểu tại sao, mỗi khi tôi nghe bản hợp ca "Chorus of the Hebrew slaves" trong vở nhạc-kịch Nabucco (Giuseppe Verdi) tôi bỗng liên-tưởng tới Đức Cha Tiên-khởi và bản nhạc kính các Thánh Tử đạo Việt Nam tôi vừa nói trên đây. Có lẽ vì hai bản nhạc này có những nét nhạc phảng phất giống nhau. Vị nào còn nhớ bản nhạc này xin vui lòng cho kẻ viết bài này được biết để ghi lại và lưu trữ về sau.

Vì luôn dược sống thấm nhuần trong một thế-giới sớm chiều chan hoà lời ca tiếng hát cùng đàn địch kèn trống sênh sang, nên người dân Phát Diệm khi cầu kinh cũng lên bổng xuống trầm và nhịp nhàng như ca hát. Có một diều rất lạ và đặc biệt là vào mùa Thương, còn được gọi là Mùa Chay, tức mùa lễ tưởng niệm Chúa chịu chết để cứu chuộc loài người (thời gian 40 ngày trước lễ Phục-sinh) giọng đọc kinh của họ bỗng trở nên buồn buồn. Sau này, tôi để ý mới khám phá ra là giọng đọc kinh của họ bình thường theo cung cách major, nhưng sang mùa Thương, để cho hợp với hoàn cảnh bi thương lúc đó, họ đã vô tình biến giọng đọc kinh của họ sang cung cách minor một cách tự nhiên mặc dầu họ không hề biết gì về luật hòa-âm.

Nhân tiện nhắc tới Tuần Thánh, tôi muốn trình bày sơ qua về lối hát tuồng Thương Khó, tức tuồng do chính dân gian diễn lại việc Chúa chịu nạn (Passion) trong khuôn viên nhà thờ vào mùa lễ Phục-sinh (Easter) tại Phát Diệm ngày xưa. Tuồng này do cha Trần Lục sáng tác vào mấy năm cuối cùng thế-kỷ 19. Không biết Cha Sáu có biết lối diễn tuồng Thương khó do chính dân gian diễn 10 năm một lần tại Oberammergau (Đức) hay không, nhưng trên nguyên tác thì tuồng Phát Diệm cũng giống tuồng Oberammergau nghĩa là do chính dân gian diễn xuất, khác là ở chỗ Phát Diệm dùng tuồng để làm phương tiện phụng vụ, lại không có đầy đủ phương tiện, kỹ thuật và nhân sự, chỉ được diễn vào hai buổi chiều thứ sáu và thứ bảy tuần Thánh, lấy khuôn viên nhà thờ làm sân khấu, trong khi Oberammergau là một công trình nghệ-thuật lớn được chuẩn bị về mọi mặt trong một thời gian kéo dài tới 10 năm. Có điều đặc biệt là tuồng Thương khó Phát Diệm được Việt Nam hóa hoàn toàn, chẳng hạn như về y-phục, "quân dữ" (tức lính La-mã) thì đội nón dấu và mặc quần áo theo kiểu lính thú V.N. đời xưa chứ không phải kiểu lính La-mã, các tông đồ của Chúa thì mặc áo thụng nhiều màu xanh hay tím, khi táng xác, mọi người đội khăn trắng để tang, v.v. Có điều đặc biệt khác nữa là hết thảy các vai đều do đàn ông đóng. Vào mấy năm cuối (đầu thế-kỷ 20) vai Đức Mẹ được một người quen gọi là ông Phó Văn đóng một cách rất xuất sắc. Khi ông ngâm khóc dưới chân thánh giá, hết thảy mọi người đều xúc động, có nhiều bà đã òa lên khóc theo. Đối thoại do chính Cha Trần Lục viết, được các diễn viên ngâm với những giọng điệu rất bi thảm. Tuy cũng chỉ là một lối ngâm ngẫu hứng nhưng rất lạ vì không dựa hoặc phỏng theo một điệu nhạc nào sẵn có. Hơn nữa lối ngâm mới này (hay nói là hát cũng được) phát xuất một cách chân-thành từ những tâm hồn chất phác hoàn toàn Việt Nam nên vô hình chung đã có thể tạo cho người nghe cảm thấy một cái gì thực thấm thía, thực quen thuộc, hoặc nói một cách khác, thực Việt Nam. Phải chăng đó là sự biểu hiện rất tự nhiên trung-thành và chân thực của tinh thần dân-tộc vốn tiềm tàng trong đáy lòng của mỗi người Việt Nam chúng ta. Theo tôi nghĩ, không những là về phương diện tôn giáo mà thôi, mà cả về phương diện văn chương cũng như âm nhạc, đây quả thực là một công trình sáng tác tập thể rất độc đáo của dân gian, đáng được dành một chỗ đứng trong lịch sử âm nhạc và kịch nghệ VN hiện đại cũng như đáng được chúng ta để ý nghiên cứu và phục hồi, nếu có thể. Riêng tôi, tôi rất mong có dịp được trình bày với công chúng những gì tôi biết được về công trình nghệ-thuật có tính cách dân-gian rất độc đáo này.

(Còn tiếp)

Phỏng vấn

HỌA SĨ VŨ THÁI HÒA VÀ VẤN ĐỀ HÒA NHẬP VỚI GIỚI TẠO HÌNH Ở PHÁP

TỪ NGUYÊN, Paris

Họa sĩ Vũ Thái Hòa vừa được các thị xã chung quanh Thành Troyes, Pháp Quốc tổ chức những cuộc triển lãm tranh rất thành công, người tới thưởng ngoạn đông đảo, báo chí địa phương khen ngợi. Nhân dịp, Từ Nguyên từ Paris về La Chapelle St-Luc thăm phòng triển lãm và phỏng vấn Vũ Thái Hòa. Cuộc phỏng vấn ghi lại như sau:

Họa sĩ Vũ Thái Hòa

Từ Nguyên: *Xin anh cho biết học vẽ từ bao giờ ? Tốt nghiệp trường lớp nào?*

Vũ Thái Hòa: Ngay từ khi còn ngồi ghế nhà trường ở bậc tiểu học, tôi đã ham mê văn nghệ, thích đọc văn, thơ, thích tranh ảnh, thích nhạc, ca hát và những thứ gì có màu sắc nghệ thuật.

Từ đấy, tôi chập chững viết văn, làm thơ rồi vẽ chuyện tranh... Lúc đầu làm chơi cho vui, rồi gửi đến các báo thiếu nhi xin cộng tác. Bài vở của tôi gửi đến các báo lúc nào cũng được đón nhận một cách ân cần. Dần già...tôi được mời cộng tác thường xuyên để vẽ chuyện tranh và trang trí cho báo.

Riêng về hội họa : Tôi đã tự học từ khi còn nhỏ bằng cách tìm kiếm sách vở báo chí Việt Nam hay ngoại quốc nói về hội họa đọc và xem tỉ mỉ từng chi tiết các họa phẩm của các họa sĩ, tự thực hành bằng cách tìm môi trường để trau chuốt đường nét của mình... Rồi tự tạo một đường nét, màu sắc và có một khuynh hướng riêng tư.

Điều may mắn cho tôi là hội họa không cần phải chuyển ngữ nên tôi xem và hiểu nhiều qua sách báo ngoại quốc nói về hội họa.

Hỏi: Trong nước, anh đã triển lãm những nơi nào, kết quả ra sao?

Đáp: Khi còn ở trong nước, tôi không hề tổ chức triển lãm. Từ những năm 1970 đến tháng 4/75 tôi có cộng tác vẽ bìa sách, nhạc cho các nhà xuất bản sách tại Sài gòn. Rất nhiều họa phẩm của tôi được các nhà xuất bản sách, nhạc chọn in trên trang bìa các tác phẩm của nhiều văn nghệ sĩ tên tuổi. Nhiều người cho rằng : Tranh bìa sách là một hình thức triển lãm tranh của họa sĩ rất hữu hiệu. Nhờ đấy, tranh của tôi được nhiều người biết và yêu thích.

Hỏi: Tại hải ngoại, làm cách nào để tranh Vũ Thái Hòa có thể hòa nhập được với giới tạo hình tại Pháp?

Đáp: Tôi định cư tại Pháp vào đầu thu 1984. Những tháng ngày rảnh rỗi của thời gian đầu chưa có việc làm, tôi đi thăm các viện bảo tàng hội họa. Tôi không bỏ sót một phòng tranh nào, nếu họ cho vào xem tự do. Tôi học hỏi được biết bao điều mới lạ của nền hội họa đương đại.

Thú thật với anh, khi đến Pháp tôi bị choáng ngộp với thế giới hội họa muôn màu, muôn sắc, muôn khuynh hướng, muôn sáng tạo... Ôi thôi !

thật vĩ đại... Tôi thầm nghĩ : Mình chỉ mới là người mới tập vẽ sơ đẳng, làm sao chen chân vào được với thế giới siêu đẳng này ? Tuy nhiên, tôi cũng vẫn mua màu, cọ và khung vải... vẽ vài tấm tranh khổ nhỏ để tiêu khiển lúc rảnh rỗi.

Đầu mùa xuân 1986 tôi được biết Société Artistique de l'Aube có tổ chức triển lãm tranh dành cho các họa sĩ cư ngụ trong vùng Aube của Pháp Quốc. Đây không phải là cuộc thi vẽ tranh, nhưng cuộc triển lãm tranh này có nhiều giải thưởng dành cho các họa sĩ xuất sắc tham dự tổ chức hằng năm vào dịp mùa xuân tại thành phố Troyes (Pháp), tôi liền gửi đến ban tổ chức ba bức tranh để xin góp mặt.

Lúc gửi đi, tôi chỉ ước mơ là tranh của mình được triển lãm là tôi đã hài lòng lắm rồi. Thật bất ngờ cho tôi, gần ngày khai mạc phòng tranh, tôi được ban tổ chức thông báo sẽ trao tặng tôi giải thưởng *Libé* do nhật báo *Libération Champagne* tài trợ trong ngày khai mạc. Từ đấy, tôi bắt đầu giao lưu với giới tạo hình Pháp trong vùng để học hỏi và phối hợp triển lãm chung với họ ở nhiều nơi trong vùng.

Hỏi: Giới tạo hình Pháp họ có kỳ thị hay coi thường những sáng tác của những người thiểu số sống trên đất Pháp không?

Đáp: Sau nhiều năm sinh hoạt với giới tạo hình trên đất Pháp, tôi thấy không riêng gì giới tạo hình mà cả người Pháp, họ rất trân quý tài năng của các văn nghệ sĩ, không phân biệt sắc tộc, màu da hay ngôn ngữ khác với họ. Pháp Quốc là cái nôi văn hóa nghệ thuật của Thế giới, Pháp Quốc còn là một quốc gia đa văn hóa. Anh thấy đó, ngay ở giữa thủ đô của Pháp, chúng ta thường thấy những cuộc triển lãm về văn hóa nghệ thuật của các dân tộc khác cơ mà.

Hỏi: Anh sáng tác vào lúc nào và trong hoàn cảnh nào?

Đáp: Muốn sáng tác một họa phẩm, họa sĩ nào cũng thế, phải có một thời gian để chuẩn bị hình thể, màu sắc, bố cục...Lúc bắt đầu vẽ cần có một tâm hồn thoải mái để có thể tập trung tư tưởng vào tác phẩm của mình.

Thường thì tôi sáng tác vào những lúc yên tĩnh, không phân biệt ngày đêm với một tâm hồn thật thoải mái không vướng bận hay suy nghĩ gì ngoài tác phẩm của mình đang hình thành.

Hỏi: Những vết nhăn trên giấy vò nhàu trong tranh của anh có biểu tượng hay ẩn ý gì ?

Đáp: Thưa anh, mỗi họa sĩ họ đều có một kỹ thuật làm tranh riêng biệt để tạo cho mình một sắc thái riêng. Riêng tôi, tranh của tôi thường được vẽ trên giấy vò nhàu, đấy là kỹ thuật làm tranh riêng tư, và đấy cũng là những biểu tượng riêng tư.

Hỏi: Xin anh cho biết nguyên do nào họa phẩm "Longue a été la nuit" (Đêm dài) của anh được trưng bày thường trực trong Viện Bảo Tàng Loukine d'Arsonval do họa sĩ R. Loukine sáng lập?

Đáp: Đầu năm 1987, Đại diện của Cơ quan Văn hóa Quốc tế UNESCO, trụ sở tại Troyes đưa thêm 12 họa phẩm của 12 họa sĩ tiêu biểu trong vùng Aube vào Viện bảo tàng Loukine d'Arsonval để cùng góp mặt với tranh của nhà danh họa quốc tế Rostilas Loukine. Tôi là một trong số 12 họa sĩ được Cơ quan Văn hóa quốc tế UNESCO tại Troyes lưu ý đến. Họ đề nghị xin tôi họa phẩm *Longue a été la nuit* để đưa vào triển lãm thường trực trong Viện bảo tàng Loukine d'Arsonval. Dịp này Cơ quan Văn hóa Quốc tế UNESCO trao tặng tôi huy chương hội họa Picasso -Miró.

Tôi xin nói thêm là :

- Họa gia quốc tế Rostilas Loukine (1904-1988) là một họa gia người Nga đến tỵ nạn chính trị tại Pháp và định cư tại Bar sur Aube từ năm 1933. UNESCO đã tôn vinh ông bằng cách thành lập Viện bảo tàng mang tên ông, đó là Viện bảo tàng Loukine d'Arsonval để trưng bày những họa phẩm của ông.

- Huy chương hội họa Picasso - Miró là huy chương của UNESCO dành tặng các họa sĩ có đóng góp tác phẩm của mình cho UNESCO.

Hỏi: Không những là một họa sĩ, anh còn là một nhạc sĩ sáng tác với nhiều tình khúc đã xuất bản và thâu băng tại Sài Gòn trước 1975. Lúc này, anh còn sáng tác nhạc nữa hay chỉ chú tâm vào vẽ tranh?

Đáp: Đã là người có máu văn nghệ, luồng máu đó lúc nào cũng luân lưu trong người mình dù trong bất cứ hoàn cảnh nào. Trước 75 tôi có được môi trường cho ra mắt nhiều tình khúc của tôi. Từ đó đến nay tôi vẫn sáng tác nhạc, nhưng không tìm được môi trường để phổ biến nên nhạc của tôi không có dịp đến với giới yêu nhạc.

Hỏi: Xin anh cho biết dự tính trên lãnh vực hội họa?

Đáp: Hiện nay, tôi đang chuẩn bị các cuộc triển lãm ở nhiều thành phố khác và vẫn tiếp tục sáng tác.

Từ Nguyên : Xin cảm ơn anh Vũ Thái Hòa.

Vũ Thái Hòa: Xin cám ơn anh Từ Nguyên và quý độc giả đã theo dõi cuộc phỏng vấn của tôi.

NGƯỜI PHÁP ĐÃ NGỤY TẠO VÀ BÓP MÉO LỊCH SỬ VIỆT NAM NHƯ THẾ NÀO?

NGUYỄN QUỐC TRỊ

(Xin xem từ số 176)

A. Vua Hàm Nghi mạt sát Nguyễn Văn Tường qua "Chiếu Cần Vương 2"?

Trong chiến dịch chống quan lại Việt chống Pháp, người thực dân có thể đã không ngần ngại sử dụng tư liệu ngụy tạo để ly gián và bôi lọ hai ông phụ chánh Tường và Thuyết. Đó là trường hợp bản "Chiếu Cần Vươngo"đề ngày 11 tháng 8 năm Ất Dậu [19-9-1885], thường được gọi là "Chiếu Cần Vương 2". Theo Giáo sư Sử học Trần Viết Ngạc, văn kiện này được tác giả Capitaine Ch. Gosselin ghi chú trong phần phụ lục của cuốn Le Laos et le protectorat francais [Paris, 1990, 320-326], với nhan đề "Bản tuyên cáo được nhân danh vua Hàm Nghi phát đi trong nước Nam, sau khi vua dời khỏi Huế" [Proclamation lancée en Annam au nom du roi Ham-Nghi après son départ de Huế]. ("Có hay không 'Chiếu Cần Vương' đề ngày 11 tháng 8 Ất Dậu" Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 2[36].2002, 127). GS Ngạc đã khảo chứng tư liệu này, và đưa ra nhiều nhận xét rất tinh tường về tính cách giả mạo của nó: "Gosselin không nêu xuất xứ nguyên bản cũng như không cho in nguyên bản chữ Hán" (Ibid., 128); bản văn chứa đựng nhiều sai lầm về hình thức mà một 'chiếu' phải tuân theo, như chiếu thì chỉ có thể là của vua, chớ không thể do ai viết nhân danh vua; bản văn dùng danh từ 'An Nam,' chứ không phải Đại Nam để chỉ quốc hiệu, và mở đầu với ngày tháng ban hành, trái với thông lệ là ngày tháng để ở cuối. Về nội dung, bản chiếu mắc phải nhiều sai lầm không thể chấp nhận được trong một văn kiện long trọng như vậy của vua, như thời điểm Pháp chiếm các tỉnh miền Tây Nam kỳ là 1862 thay vì 1867; việc thiêu hủy cái ấn vua Tàu xảy ra nhân hiệp ước 1883, thay vì 1884; quân Pháp đóng ở Hoàng thành, thay vì ở một góc của Kinh thành; vua Hàm Nghi không thể dùng chữ 'tiên đế' để chỉ vua Tự Đức; bản văn kết thúc với những cụm từ không đúng với thông lệ trong một chiếu; bản chiếu không hề được nhắc nhở đến trong cuốn L'Empire d'Annam, mà chính tác Gosselin xuất bản bốn năm sau, 1904, nơi mà đáng lý một văn kiện quan trọng như vậy phải được bàn tới; các nguồn tư liệu quen thuộc khác như Đại Nam Thực Lục, Hạnh Thục Ca, Về thất thủ kinh đô, Đại loạn năm Ất dậu đều không hề đề cập đến bản chiếu này. (Ibid., 127-131) Và Gs Ngạc kết luận:

Vua Hàm Nghi

"Một tư liệu rất quan trọng lại chỉ do một nguồn thông tin cung cấp một bản dịch, không ghi rõ xuất xứ, không trưng ra nguyên bản, có quá nhiều sai lầm cả hình thức lẫn nội dung và chính người công bố lại không công bố bốn năm sau đó trong một cuốn sách đáng ra phải công bố, đủ để cho chúng ta khẳng định rằng tư liệu đó không đáng tin chút nào." (*Ibid.*, 131)

Nội dung bản chiếu, ngoài việc kêu gọi nhân dân giúp vua chống Pháp xâm lăng, nói là Hội đồng Cơ mật có trù liệu là sau khi tấn công Pháp, nếu thắng thì NVT sẽ đón vua ra Nghệ An, Hà Tĩnh còn Tôn Thất Thuyết thì ở lại diệt hết luôn người đạo, bằng nếu thua thì cùng ra với vua mưu đồ khôi phục; nhưng NVT đã phản phúc, lén vào Nhà Thờ Kim Long, rồi đánh lừa dụ vua về... Chiếu cũng cho biết thêm là hiện vua ở Ấu Sơn, Hương Khê. Chiếu được công bố gần hai tuần sau khi NVT đã bị đi đày, và gần một tuần sau khi tin vua Đồng Khánh lên ngôi đã được công bố, và vua đã được đưa vào Cung chờ làm lễ tấn

tôn, mà không đả động gì đến các biến cố quan trọng này cả. (Xem bản chiếu đăng trong Việt - Sử của Tăng Xuân An, 81-2, do Võ Đức Hạnh dẫn, op. *cit.*, 1404; hay Phan Trần Chúc, Vua Hàm Nghi. Nhà Xuất bản Thuận Hóa, 1995, 120-123). Vì vậy, cũng theo sử gia Ngạc, chiếu Cần Vương giả hiệu nói trên "hình như chỉ có một mục đích là ***thóa mạ*** hết lời, hết chữ Nguyễn Văn Tường" và gọi ông là "***tên yêu quái, tên gian giảo, hèn mạt và giả dối, phản phúc***!" (Ibid., 129, NQT nhấn mạnh) LM Delvaux đã có khai thác bản chiếu này để mạt sát hai ông Tường Thuyết, nhưng cũng có vẻ không tin gì lắm ở xác tính của nó, vì chính tác giả có đặt câu hỏi rằng, trong lúc vua đang bị lùng bắt mà chiếu lại nói vua hiện ở Ấu Sơn, thì có phải đó là "một sự khiêu khích để khinh miệt phe địch, hay là một sự khôi hài để phá hỏng cuộc truy nã của họ?" ("Quelques précisions... ." *BAVH, Ibid.*, 283, 293). Gần đây Devillers có đề cập đến chiếu đó, viện dẫn từ sách của Tướng Prud'homme (Devillers, op. *cit.*, 308), nhưng chỉ lưu ý đến khía cạnh kêu gọi chống Pháp mà thôi. Tính cách ngụy tạo của bản chiếu càng thể hiện rõ hơn nữa, khi chính tác giả Gosselin trong cuốn sách ra sau bốn năm, không những đã không nhắc nhở gì đến cái chiếu này, trong đó nói NVT có nhiệm vụ đưa vua đi Nghệ An theo quyết định của Viện Cơ mật, mà còn nói mình không biết rõ NVT nghĩ gì sau khi từ giã Đức Cha Caspar ở Nhà Thờ Kim Long:

"Thật rất khó cho chúng tôi đưa ra một tài liệu, văn kiện gì để yểm trợ cho giả thuyết của chúng tôi, và chúng tôi rất ngần ngại đưa ra một ý kiến chính xác hơn, bởi vì tố cáo một người ở địa vị như vậy là đã phản lại vị vua của mình, mà chức chưởng của mình làm mình có bổn phận bảo vệ, là một chuyện rất hệ trọng." (Gosselin, L'Empire, op. cit., 208).

Một điểm đáng lưu ý nữa ở đây là cuốn *Le Laos et le protectorat francais* của Gosselin trước đó đã được Hàn Lâm Viện Pháp khen thưởng [couronné], mà nay công nhận là nó có chứa đựng một văn kiện giả mạo thì cũng khó ăn , khó nói, chi bằng "phớt lờ" đi thì tiện hơn. Mặc dầu không "ăn khách" lắm, bản chiếu giả hiệu ấy đã có ảnh hưởng tai hại đến uy tín của NVT, vì nó có thể đã làm cơ sở để một số sử gia cho NVT là tham lam, gian xảo, phản phúc. Việc tai hại hơn nữa là sử gia ta sau này thường lầm lẫn chiếu Cần Vương giả hiệu này, đề ngày 11-8 Hàm Nghi 1 (19-9-1885) với một dụ đề ngày 2-6 năm Ất Dậu (13-7-1885) của vua Hàm Nghi ban hành từ Tân Sở, Quảng Trị khoảng một tuần sau ngày thất thủ kinh đô. Văn kiện thực này được chính sử xác nhận là dụ "thiên hạ cần vương" (ĐNTL, XXXVI, 221, 225), nhưng nguyên văn bản dụ không được đăng ra, như hai dụ gởi NVT và hoàng tộc, có lẽ vì nội dung chống Pháp quá mạnh mẽ và lộ liễu của nó. Nguyên văn chữ Hán của dụ thiệt này, theo GS Ngạc, "chỉ do một nguồn tư liệu duy nhất cung cấp là Trung Pháp chiến tranh tư liệu, tập 7. *Chu Thiên dịch và in trong cuốn Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ XIX với nhan đề 'Hàm Nghi đế chiếu.' [ ] Cũng từ nguồn tư liệu trên, một bản dịch khác của Lê Thước, nhan đề 'Chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi' in trong phần phụ lục cuốn Bài ngoại liệt truyện [bản dịch] của Phan Trọng Mưu." (Ngạc, Ibid.*, 127)

Sự lẫn lộn đó có thể khiến cho một số sử gia vô tình tố cáo NVT là phản vua Hàm Nghi dựa trên một văn kiện giả mạo mà không biết. Thật vậy, việc chính tác giả Gosselin đã mặc thị phủ nhận tính cách trung thực của dụ Cần Vương II đã không ngăn cản biết bao sử gia đã dùng nó để mạt sát NVT phản vua, phản nước. Sự chêm vào sử những tư liệu ngụy tạo như vậy cũng đưa đến hậu quả là sự tiền hậu bất nhất, lúc khen lúc chê NVT, trong những sử sách viết theo cách chắp nối, tài tử, thiếu sự phối kiểm cũng như sự phân tích, tiêu hóa và tổng hợp tài liệu.

B. Dụ Vua Tự Đức "khâm phục Công giáo"?

Văn kiện giả mạo nói trên có thể đã được các viên chức Pháp thực dân, phụ trách việc phản gián, ngụy tạo ra để ly gián hai ông Tường, Thuyết, hay ly gián triều đình ở lại và triều đình lưu vong. Ngoài ra, thời điểm văn kiện ngụy tạo được tung ra, non hai tuần sau khi NVT bị đưa đi đày, cũng có thể nói lên dụng ý bôi lọ NVT là phản vua Hàm Nghi, hầu giảm bớt phản ứng bất lợi trong dân chúng cho phía Pháp. Liền sau khi NVT bị bắt đưa đi thì ngày 10-9-1885, báo *Avenir du Tonkin* của phe Đức Cha Puginier cũng đăng tin là vua Hàm Nghi bị đau nặng, hay đã bị đầu độc chết, hầu làm dễ dàng việc đưa vua Đồng Khánh lên ngôi. (Delvaux, 'Quelques précisions...' BAVH, Ibid., 277). Trong một cuộc chiến dai dẳng hàng chục năm trời, dùng mọi loại phương tiện, quân sự cũng như chính trị, sự ngụy tạo văn kiện do phe thực dân thực hiện, để vu cáo, hay đánh lạc hướng đối phương, không phải là một biệt lệ. Các ông Brière de l'Isle và Silvestre

trong 'nhóm Hà Nội' đã từng sử dụng phương tiện này, dưới nhiều hình thức, để buộc tội hai ông phụ chính vi phạm hiệp ước, như dùng một cái văn kiện cho trưng thu gạo có ấn triện của Triều đình, để chứng minh là Triều đình mật thông với quân Tàu. (S.O.M. A0 [72] 2/1885, dẫn do Fourniau, Annam-Tonkin, op. *cit.*, 29, ct. 31). Ngoài ra, cũng có trường hợp tính cách giả mạo của một tư liệu được nhận định tương đối dễ dàng hơn.

Sử gia Mỹ Mark W. McCleod (The Vietnamese Response, op. *cit.*, 89-95), chẳng hạn, đã nêu ra trường hợp một bản dụ do tác giả LM Phan Phát Huồn viện dẫn để chứng minh rằng vua "Tự Đức ca tụng lòng trung thành của người công-giáo và công nhận là người công-giáo đã bị vu oan." (Phan-Phát-Huồn c. SS. R, Viêt-Nam Giáo-Sử, Quyển I [1533-1933]. Saigon: Cứu Thế Tùng Thư, 1965, 513) Vị linh mục kể rằng, sau khi một vụ loạn Văn thân bị diệt, thì có tin đồn rằng vua Tự Đức lên Kim Long rửa tội, vô đạo Công giáo và sẽ giết tất cả những người không theo đạo. Rồi tác giả đưa ra khẳng định nói trên về sự thay đổi căn bản trong thái độ của vua Tự Đức đối với đạo Ky Tô. Sự thay đổi thái độ đó đã được suy diễn ra từ những đoạn sau đây trong một dụ của Vua Tự Đức:

"Cách đây vài năm Pháp và Tây-Ban-Nha đã đến chiếm cứ đất đai của chúng ta, để kháng cự lại, chúng ta tất cả đã phải chịu bao nỗi khó khăn, các quan tâu với Trẫm rằng: 'Chính bọn Công-giáo vì không được tự-do giữ đạo đã cầu cứu hai nước ấy' do đó, các ông bảo phải phân sáp, phải giam tù tất cả những người công-giáo để tránh một tai họa lớn lao. Vì báo cáo sai lầm và đầy mâu thuẫn tình thế lại bấp bênh, Trẫm không biết đâu là sự thật, không biết phải nghe ai, nên Trẫm và các quan đại thần đã dùng những biện pháp nghiêm ngặt." (Phan Phát Huồn, op. cit., 510-1, NQT nhấn mạnh; người viết dẫn nguyên văn của tác giả Huồn, thay vì dịch đoạn Anh ngữ từ sách của McCleod, t. 90); hoặc:

"Phần các người công-giáo, Trẫm nhận rằng: Công-giáo ở vào một tình thế đau đớn, nhưng dù sao sự trung thành của công-giáo đối với Đạo và luật nước làm Trẫm hết sức khâm phục." (Phan Phát Huồn, op. cit., 512)

Theo McCleod, không ai có thể phủ nhận sự đúng đắn của khẳng định đó của vị linh mục, nếu bản dụ nói trên có thật. Tuy nhiên, tính cách xác thực của văn kiện đó rất đáng nghi ngờ. Vì những tư tưởng nói trong dụ đó không phải là tư tưởng quen thuộc của vua, trước cũng như suốt thời chiến tranh với Pháp, tưởng linh mục tác giả có bổn phận tiết lộ nguồn gốc xuất xứ của bản dụ đó. Nhưng việc đó, vị linh mục đã không làm, ngay cả ngày tháng dụ được ban hành cũng mù mờ: 'sau lúc khám phá được âm-mưu của Văn-Thân' (Huồn, op. *cit.*, 510) tức, theo linh mục, có thể là sau vụ nổi loạn của thí sinh kỳ thi năm 1864 ở Huế. Một số từ ngữ lạ lùng, khác thường và các mâu thuẫn văn hóa càng làm cho sự xác thực của bản dụ đáng nghi ngờ hơn. Thật vậy, vào cuối thế kỷ 19, vua Tự Đức không thể dùng chữ 'Công giáo' để chỉ Ky Tô Giáo La Mã, và 'người Công giáo' để chỉ người Việt theo đạo này. Danh từ này mới được dùng về thời đại sau này, do chính người theo đạo Ky Tô đặt ra, với ý nghĩa rằng đó là một đạo của mọi người, đón nhận tất cả mọi cá nhân, đoàn nhóm, quốc gia chớ không phải chỉ dành cho một đoàn thể, quốc gia nào riêng biệt. Ý nghĩa đó đi ngược lại quan điểm của vua quan Việt Nam hồi thế kỷ 19, coi đạo Ky Tô như là 'tà thuyết' [heterodox doctrine] riêng rẽ của các nước Tây phương, và liên kết chặt chẽ với cuộc xâm lược quân sự của họ chống lại Việt Nam. Về phương diện triết lý, một hoàng đế Việt Nam của thế kỷ 19 không thể dùng danh từ 'công giáo' để chỉ đạo này, mà không thừa nhận nguyên tắc tôn giáo đa nguyên. Mà làm như vậy có nghĩa là phủ nhận sự bất khả phân giữa đạo đức Khổng Mạnh và quyền lực chính trị, cái nguyên tắc chính trị làm nền tảng căn bản cho vương quốc. Như vậy, gán vào miệng một vị vua Việt Nam của thế kỷ 19 danh từ công giáo là một sự bất hợp thời thật phi lý. (McCleod, op. *cit.*, 90-1). Quan điểm của sử gia McCleod về vấn đề danh vị này được chính sử nhà Nguyễn xác nhận, vì sau đó, vào gần cuối năm 1874, vua Tự Đức:

"Chuẩn cho dân đi đạo đổi gọi là giáo dân, dân đi lương đổi gọi là bình dân. *[Từ trước đến nay, dân theo đạo, hoặc gọi là dữu dân, hoặc gọi là tả - đạo, từ khi bỏ cấm, bỏ các chữ dữu, chữ tả chỉ gọi đơn giản bằng chữ đạo. Gần đây cứ lời khâm sứ đóng ở kinh nói rằng: lương, đạo đều gọi, chưa khỏi sĩ nhục giáo ấy. Đã chuẩn cho quan ở nha Thương bạc đem nghĩa hai chữ ấy trả lời, nói: lương là an thường thủ phận, không làm gian ác. Đạo là khuyên người làm lành, không làm bất chính, hai chữ đối nhau, văn nghĩa giống nhau, lại tốt xấu gì, đạo gọi là đạo mà lương không gọi là lương thì gọi là gì? Rồi sứ ấy đã biết chữ lương*

không thể bỏ được, lại yêu cầu phàm những người theo giáo ấy gọi là nghĩa dân, đức dân, quan ở nha Thương bạc cho là sứ ấy đã nói nhiều như thế, ***xin gọi là giáo dân****. Vua y cho, nhân chuẩn cho dân lương cũng đổi gọi là bình dân.]" (ĐNTL, XXXIII, 122-3, NQT nhấn mạnh)*

Sử gia McCleod viết tiếp rằng, như vậy, cái dụ, nói là của vua Tự Đức, có thể là:

. . .một bản dịch ra tiếng Việt, do tác giả Huồn thực hiện, của một văn kiện gọi là sắc dụ được công bố trong bản dịch ra tiếng Pháp của Annales de la propagation de la Foi, tập XXXVIII, 1865. Cái văn kiện được công bố trong đó được trích từ một bức thơ của Linh Mục Bernard gởi cho Đức Cha Sohier vào tháng 9 năm 1864. LM Bernard không cung cấp ngày tháng chính xác hay một bản chính của bản dụ để so sánh với bản dịch của ông. Dù sao, ***đặt tin tưởng vào sự xác thật của bản văn kiện tiếng Việt, do Phan Phát Huồn đưa ra như là một sắc dụ do vua Tự Đức sáng tác, quả là một chuyện nguy hiểm.*** (McCleod, op. *cit.*, 91, NQT dịch và nhấn mạnh)

Thật vậy, nội dung hai đoạn trích dẫn nói trên của LM Huồn nằm trong bản dịch tiếng Pháp [trang 326 và 328] của 'Sắc dụ của Tự Đức ưu ái giáo dân' [ÉDIT DE TU-DUC EN FAVEUR DES CHRÉTIENS] kèm theo thơ ngày 17-9-1864 của LM Bernard gởi Đức Cha Sohier. Sắc dụ dài cả 10 trang, từ trang 325 đến 334, chỉ gồm bản văn mà không nói gì đến bất kỳ chi tiết gì khác cho phép phối kiểm được xuất xứ của nó. Bức thư dài 8 trang (t.318-325) cũng không cho biết gì thêm về sắc dụ này, ngoài việc nói rằng, sau vụ nội loạn:

" *Nỗi sợ hãi của vua không kéo dài lâu, và được thay thế bằng một sự phẫn nộ mà kết quả đầu tiên là cái sắc dụ mà tôi gởi cho ngài. Đó là một văn kiện quan trọng, có thể được xem như là một sự công bố tự do tôn giáo: nó đã có một tác dụng vô cùng to lớn trên mọi tâm khảm, và ngài cần cho phổ biến. Tôi gởi nó cho ngài bằng tiếng An Nam; xin ngài thân hành dịch nó ra tiếng Pháp." (Annales de la Propagation de la Foi, Tome trente-septième, 1865, 323-4, NQT dịch).*

Ngoài ra, bức thư của Cha Bernard còn chứa đựng khá nhiều tin tức dựa vào lời đồn đãi và tưởng tượng hơn là sự thật. Thật vậy, trong lúc chính sử nhà Nguyễn kể rằng trong vụ loạn Hồng Tập này do vị linh mục tường thuật, Phủ Doãn Thừa thiên là NVT và Phủ Thừa là Nguyễn Hữu Dương vì "biết trích phát ra bọn gian, đều thưởng gia một cấp và cho mỗi người một cái nhẫn nạm vàng khảm hạt pha lê lóng lánh" (ĐNTL, XXX, 156) thì thơ LM Bernard lại nói ngược lại: Rằng vua "trách mắn gắt gao các ông ở phủ Thừa thiên [gourmanda vertement ces messieurs de la préfecture] vì đã không nghe theo các khiếu nại của tôi, và vì đã không biết gì đến vụ âm mưu, và vụ này sẽ không được ai hay biết nếu không có lời kêu nài của tôi" ; và vua "cách chức viên phủ doãn vì đã không báo cáo gì cho ngài biết cả" (Il cassa le préfet [le phu doan] pour ne l'avoir averti de rien); còn "viên phủ thừa [sous-préfet], thuộc vào hàng ngũ phản động, mất chức và nhận 15 roi: bây giờ con người này mà, năm ngoái, đã chất vấn Đức Cha, sẽ chết trong ngục." Rồi sau khi tường thuật việc trừng phạt các hoàng thân và quan lại đã âm mưu với Công Tử Hồng Tập để diệt đạo và giết các quan đóng vai quan trọng trong việc ký kết hiệp ước 1862, vị thừa sai Pháp kết luận :

"Sự sợ hãi đã trở qua với người tà đạo; chúng nói rằng Trời có uy quyền mạnh, rằng người đạo Ky tô được vua thương mến, rằng vua muốn rửa tội và giết chúng như đã giết người đạo vậy; chúng lo sợ, và để cho chúng ta yên." [La peur a passé chez les paiens; ils disent que le Ciel est puissant, que les chrétiens sont aimés du roi, que le roi veut se convertir et les tuer comme il a tué les chrétiens; ils craignent, et nous laissent tranquilles.] (Annales, ibid., 320, 324-5, NQT dịch).

Mặt khác, về phía Việt Nam, không thấy một văn kiện nào của vua Tự Đức, trong Đại Nam Thực Lục, Tự Đức Thánh chế văn tam tập, hay Hợp tuyển thơ văn yêu nước của Chu Thiên, có nội dung tương tự như bản sắc dụ của LM Bernard. Trái lại, đúng như McLeod đã xác nhận sau khi phân tích các dụ ban hành về sau vào các năm 1874 và 1875 của Tự Đức, nhà vua không có thay đổi ý kiến đối với bên đạo, mà vẫn chia xẻ với giới văn thân mối tin tưởng rằng đạo Ky Tô là một 'tà đạo.' Nhưng nhà vua bị bó buộc phải diệt những người sát đạo là vì Triều đình có bổn phận thi hành hiệp ước 1862 mà mình đã ký với Pháp cho phép hành đạo. (McLeod, op. *cit.*, 91-5)

Dù sao đi nữa, những văn kiện như loại đã kể có thể góp phần không nhỏ vào việc ly gián vua Tự Đức và giới Văn thân, làm cho giới này đánh giá một cách nông nổi chánh sách của nhà nước, và càng thêm tin tưởng sai lầm rằng Triều đình đã đầu hàng Pháp với những khẩu hiệu như "Phan

Lâm phản quốc, Triều đình khi dân." Mặt khác, căn cứ vào những tin tức như vậy, nhiều sử gia đã ngay tình phê phán rằng nhà vua chỉ thích văn chương thơ phú, còn về việc trị nước thì chỉ biết 'đánh võ rừng' chứ không có đường lối, chánh sách gì để giữ nước cả. (Về sách lược chống Pháp của vua, xin xem bài 'Nguyễn Văn Tường và sách lược chống Pháp dưới Triều Nguyễn' đã dẫn). Trong vụ này, những kẻ 'chủ chiến' trong hoàng tộc, Triều đình, và dân gian, vì lòng yêu nước bồng bột, đã nổi loạn vì không thấu hiểu được lý do thầm kín tại sao vua đã bị bó buộc phải cho ký Hiệp ước 1862. Những việc làm sau đây chứng tỏ rằng vua Tự Đức không phải là một ông vua nhu nhược, hay ngây ngô, bất tài vô tướng như sử sách thực dân đã mô tả. Việc đại quân của ta tập trung ở quanh vùng Sài Gòn dưới quyền của vị tướng tài ba nhất là Nguyễn Tri Phương đã thất bại trong việc giữ đất, và đồn Kỳ Hòa xây dựng với biết bao công của đã thất thủ, chứng tỏ rõ rệt ta không còn hy vọng gì đánh lấy lại các tỉnh miền đông bằng phương tiện quân sự. Với sự chiếm đóng các tỉnh miền đông, người Pháp đâu có để cho ta yên. Họ phong tỏa các cửa biển, ngăn cản đường trạm, việc thông thương, và chuyên chở tài nguyên trù phú, nhứt là lúa gạo, từ miền đông cũng như miền tây Nam kỳ ra Trung và Bắc. Đồng thời, loạn Lê Duy Phụng, do các giáo sĩ Y Pha Nho yểm trợ, bành trướng rầm rộ và dữ dội ở miền đông Bắc Kỳ. Tình hình an ninh toàn quốc đã trở nên bi đát, hăm dọa đến cả sự tồn vong của quốc gia và triều đại. Sau khi ngầm để cho hai ông Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp ký Hiệp ước 1862 để tạm hòa hoãn với Pháp, vua phủ nhận việc làm của hai vị đại thần này về bề ngoài để thoa dịu phe chủ chiến, nhưng nhân đó cho kéo đại quân của Nguyễn Tri Phương từ Nam Kỳ ra dẹp loạn ở Bắc. Đại quân của Triều đình đã phải vất vả nhiều năm mới bắt được Lê Văn Phụng, đem lại trật tự cho đất nước, và giữ vững được chế độ. Đồng thời vua cho thương thuyết với Pháp xin chuộc lại các tỉnh đã mất. Cuộc điều đình đã đưa đến kết quả khá khả quan với tạm ước Aubaret. Theo tạm ước đó, Pháp bằng lòng trả lại các tỉnh đã chiếm, và Việt Nam thỏa thuận dành cho Pháp quyền tự do thông thương buôn bán trên các sông Sài Gòn, mở một số hải cảng cho tự do thương mãi, bồi thường chiến tranh, và cho tự do hành đạo. Giới thực dân và một số lớn các thừa sai Pháp đã mở một chiến dịch sâu rộng và quyết liệt để phản đối tạm ước này, nên Hoàng Đế Nã Phá Luân đệ Tam đã thay đổi ý kiến và không phê chuẩn nó. Aubaret, người đã cùng ông Phan Thanh Giản soạn thảo tạm ước, tin tưởng chân thành rằng nó sẽ cho phép phía Pháp thực hiện mọi mục tiêu của mình một cách hòa bình, không phải tốn kém tài sản và nhân mạng: đem lại ánh sáng văn minh của người da trắng qua việc trao đổi thương mãi, và đem lại ánh sáng phúc âm cho người Việt với sự tự do hành đạo. Mặc dầu Aubaret là một người Công giáo nhiệt thành, muốn đem lại một sự hợp tác thân hữu thật sự giữa hai dân tộc Pháp Việt có lợi ích cho cả đôi bên, ông ta đã bị giới thực dân, và nhứt là các giáo sĩ Pháp, mạt sát thậm tệ vì việc làm này. Ông Phan Thanh Giản, một vị đại thần đã 'chấp nhận vai trò phạm nhân' để giúp nước nhà thoát qua cơn hiểm nghèo, mặc dầu về sau đã tuẫn tiết để tỏ lòng trong trắng và trung nghĩa của mình, vẫn bị sử sách phê phán một cách oan nghiệt là chủ bại, đầu hàng, bán nước. (Về vấn đề này, xin xem chi tiết ở Fourniau, Việt Nam, op. *cit.*, 91-160; và McCleod, op. *cit.*, 41-59)

C. Vừa đánh giặc ở đất Bắc, vừa bị giáng chức vì dân kiện ở Thừa Thiên?

Từ năm Tự Đức 21, 1868 đến Tự Đức 26, 1873, NVT được điều động đánh giặc dẹp loạn ở Bắc. Năm 1868, khi đang làm bang biện Thành Hóa, NVT được cử sung chức tán tương quân vụ đi theo ba đoàn quân, do Đô Thống Đoàn Thọ tiết chế, ra Bắc dẹp loạn quân nhà Thanh bên Tàu tràn sang cướp phá. Tán tương là một "Chức quan được bổ nhiệm đến một đơn vị quân sự để hợp đồng thực hiện mệnh lệnh khẩn cấp của cấp trên, có nhiều trường hợp như phái viên Nhà nước, nhưng cũng có nhiều khi ở luôn đơn vị ấy với tư cách tham mưu." (Trần Thanh Tâm, Quan chức nhà Nguyễn. Nhà xuất bản Thuận Hóa, 1999, 252) Khoảng đời quân vụ này của NVT không được sử sách Pháp Việt thời Pháp thuộc biết đến. Thay vì tường thuật những đóng góp, thành công và thất bại quan trọng của ông trong nhiệm vụ dẹp loạn liên hệ đến vận mạng đất nước, sử sách hầu hết chỉ nói như là ông đang đền tội, sau khi bị dân kiện, như thực dân đã dựng ra; hay là đền tội sau khi bị cách chức phủ doãn vì vụ loạn Chày Vôi, với nhiệm vụ bang biện, thấp hơn tri huyện, ở Thành Hóa, nơi ma thiêng nước độc; hoặc làm một việc gì khác, không rõ ràng và đáng kể, hay bị cho về vườn. Đây cũng là một trường hợp cách biệt giữa hai cách viết sử: một, dựa vào tài liệu

thứ ba, thứ tư của người Pháp thực dân, hai, dựa vào tài liệu gốc hoặc sát gốc, như thơ văn, tấu sớ của chính nhân vật lịch sử đó, hay bộ Đại Nam Thực Lục, chính sử của nhà Nguyễn, cái triều đại mà chính nhân vật lịch sử đã phục vụ suốt đời mình. Vì vậy, quãng đời quân vụ của NVT, mà rất ít người biết đến, sẽ được trình bày sau đây, rồi so sánh với những gì sử sách quen thuộc, bị thực dân chi phối, thường nói để tỏ rõ sự thiên lệch, cố ý bôi lọ, của nền sử học thực dân.

Được vua Tự Đức cử ra Bắc với chức tán tương, NVT đã phục vụ khắp nơi ở chiến trường đông bắc, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Thái Nguyên, và Bắc Ninh. Có khi thì ông cầm quân ra trận, khi thì bàn định kế hoạch quân sự trong bộ tham mưu của các đô thống Đoàn Thọ, Võ Trọng Bình, Hoàng Kế Viêm, khi thì tiếp xúc với quân tướng nhà Thanh lúc ở đất Tàu, lúc ở đất Việt theo lệnh vua Tự Đức, để cùng hoạch định mưu lược dẹp quân phản loạn Trung Hoa, biến thành giặc cướp, từ Lưỡng Quảng tràn sang. Khi thất trận, NVT đã từng bị khiển trách, cách chức, rồi khi thắng trận lại được khai phục và khen thưởng, cũng như hầu hết mọi đồng nghiệp của ông. NVT luôn luôn chấp nhận sự thưởng phạt như là một phương lược cần thiết để khích lệ sự cố gắng hầu thực hiện mục tiêu công ích, như ông đã trình bày lên vua là 'sấm sét hay mưa móc thảy đều ngụ ý sinh thành.' (Bản tấu lên Tự Đức ngày 17 tháng 6 nhuận năm Tự Đức 26, 1873) Giai đoạn lịch sử này, mặc dầu chính sử chỉ tường thuật các sự kiện một cách khô khan, rời rạc, và vắn tắt, có thể được xem như là một bằng chứng hùng hồn cải chính mọi luận cứ xuyên tạc bôi lọ của phe thực dân về sự bất lực, hèn nhát của quan quân Việt. (ĐNTL, XXXI, XXXII, passim) Thật vậy, chỉ kể sau vài năm chiến đấu, vào mùa xuân năm Tự Đức thứ 23, 1870, lúc tướng nhà Thanh là Phùng Tử Tài [chỉ huy quân Tàu được phái sang để cùng dẹp giặc Cờ Đen, Cờ Vàng, và Cờ Trắng . . .], rút quân về cửa quan vì tình hình đã tạm yên, quân đội Việt có thể đã chết đến độ hai mươi lăm phần trăm [25%], giống như quân đội Tàu được phái sang, (ĐNTL, XXXII, 32) gồm khá nhiều quan lại văn võ cao cấp, trong quân thứ do Triều đình cử ra cũng như tại địa phương, chưa kể những kẻ bị thương tích hay bệnh hoạn. Số quan lớn hy sinh tính mạng không phải là hiếm, có người chết vì đánh trận, như Tổng thống Đoàn Thọ ở Lạng Sơn (Ibid., 61), Tri phủ Nguyễn Thận ở Hưng Hóa (ĐNT L , XXXI, 330), Phó Lãnh binh Vũ Văn Phùng ở Bắc Ninh (XXXII, 46), Phó Vũ học Hoàng Hữu Tài (Ibid., 94), người thì tự tử sau khi bị bắt mà không chịu đầu hàng giặc, như Đề đốc Phan Bân (Ibid., 11), Án sát Hoàng Tạo ở Cao Bằng (Ibid, 46), Lãnh binh Lê Văn Dã ở Lạng Sơn (Ibid.I, 61, 72). Thật là bao nhiêu anh hùng vô danh mà đáng lẽ sử sách ngày nay phải đề cao!

Trong bối cảnh loạn lạc, đầy nguy biến, bất trắc suốt năm năm ở miền biên giới Việt Bắc, NVT đã chiến đấu với tất cả bầu nhiệt huyết của một kẻ sĩ ý thức đầy đủ nhiệm vụ của mình với vua, với nước. Lòng trung quân ái quốc của ông đã được biểu lộ trong một số bài thơ bằng chữ Hán mà các tác giả Trần Viết Ngạc, Trần Đại Vinh, và Vũ Đức Sao Biển đã sưu tầm, phiên âm, và dịch. (Kỳ Vĩ Quận Công Nguyễn Văn Tường Thi Tập. Tài liệu đánh máy trình bày ở HNNVTDHSP96; Hoàng Liên, "Một cuốn thơ" Văn Học, số 129 & 130, 22-32). Trước nỗi cơ cực của đồng bào đất Bắc vì nạn cướp bóc lúc đó, NVT đã than thở: Bốn thành cỏ lúa sờn kêu khóc. Rồi ông nhận thức ngay nhiệm vụ của mình khi mới vừa đến Lạng Sơn là lo cho dân chúng khỏi bị áp bức:

Tuy nhiên lòng chó sói,
Há để kề bên hông.
Bọn ta thẹn ngồi không
Kẻ nào đáng hưởng lộc
Nguyện cùng nhau lo toan
May dân khỏi bức bách.

Cũng ở Lạng Sơn, hồi tưởng lại chuyến du hành vừa qua vào Gia Định đàm phán với Pháp, ông mơ ước diệt hết quân xâm lăng:

Diệt hết lũ cừ khôi,
Khỏi ô uế bờ cõi.
Dẹp loài ranh khác tộc,
Nam bắc cùng một mối.

Vốn lạc quan và dầy nhiệt huyết, ông khao khát chiến thắng cuối cùng:

Bao giờ sông núi ghi công đó
Chẳng phụ giang sơn mấy nỗi niềm.

Sau năm năm lặn lội trên một chiến trường gian nan và bế tắc ở miền biên giới Việt-Hoa, nơi giặc cướp lúc ẩn lúc hiện, ông đã nhận định nhiệm vụ phức tạp và khó khăn của mình:

Năm năm bảy lượt trấy sông Xương,
Cam chịu gian truân mấy đỗi đường,
Cứu hiểm chẳng rành tài sông nước,
Lái cầm chưa vững cột buồm rung.
Việc đời cuồn cuộn vời con nước,
Bế tắc lòng tôi đọng tợ sương.

Sau đây là một vài chiến trận thử thách khả

năng quân sự của một người gốc là văn quan như NVT. Vào mùa thu năm Tự Đức thứ 23, 1870, thành Lạng Sơn bị giặc họ Tô đánh úp ban đêm. Lãnh binh Lạng Sơn Lê Văn Dã, và Tổng thống đạo quân thứ Thái Nguyên Đoàn Thọ bị giặc giết. Tổng thống đạo quân Lạng, Bằng Võ Trọng Bình cùng Tuần vũ Lạng Sơn Đặng Toán và Tham Tán NVT vượt qua thành chạy, bơi qua sông đến họp với Tán lý Ông Ích Khiêm và Án sát Lạng Sơn Hoàng Tướng Hiệp. Hai ông Khiêm và Hiệp mới dẫn quân về đến Kỳ Lừa, sau khi đem đại binh đánh sào huyệt giặc ở Nà Dương rồi nghe tin thành Lạng có biến. Mất thành, Võ Trọng Bình bị vua Tự Đức cách chức, tạm cho hàm hồng lô tự khanh, NVT bị giáng xuống hàm trước tác, Đặng Toán xuống làm Thị độc, đều được giao cho tổng đốc Bắc Ninh tùy nghi sử dụng. Sau đó, NVT được vua chuẩn cho quyền sung chức Tán tương, và sai viết quốc thư trao cho Tuần phủ Quảng Tây và Đề đốc Phùng Tử Tài, yêu cầu trợ giúp đắc lực hơn. (ĐNTL, XXXII, 61-2) Vào cuối thu năm ấy, đầu mục giặc Tô Quốc Hán, theo lời phủ dụ của quan quân ta, xin ra hàng và trả lại thành Lạng Sơn. Thống đốc quân vụ đại thần Hoàng Kế Viêm và NVT cùng Nguyễn Bính và Nguyễn Huy Kỷ, vì có công chiêu dụ, đều được vua khen thưởng, cho gia cấp, và tặng mỗi người một đồng kim tiền. (ĐNTL, XXXII, 81) Vào đầu năm sau, giặc đã ra hàng rồi, lại nổi lên lại, vây thành Lạng Sơn và quấy nhiễu Bắc Ninh. Phó Vũ học Hoàng Hữu Tài, do quân thứ phái, đánh nhau với giặc và bị chết trận. NVT được Thống đốc Hoàng Kế Viêm ủy cho đem hơn hai ngàn quân, hợp lại cùng với quân thủ dõng của Bố chánh sứ Bắc Ninh là Phạm Thận Duật, đánh nhau với giặc ở xã Tiên Dược, huyện Kim Anh. Bọn giặc tan vỡ. Sau chiến thắng khá lớn này, NVT được vua cho khai phục hàm Quang lộc tự khanh; Hoàng Kế Viêm và Phạm Thận Duật được thưởng quân công. (ĐNTL, XXXII, 94) Vào cuối xuân năm Tự Đức thứ 25, 1872, NVT cùng phó Đề đốc Trần Mân, Tham tán Ông Ích Khiêm dẹp tan giặc trốn từ Trung quốc sang ở đồn Thanh Dã, Thái Nguyên, và được thăng thưởng. (ĐNTL, XXXII, 189)

Tinh thần hợp tác, cũng như khả năng và nhiệt tâm chiến đấu của NVT, đã được vua và các đồng nghiệp nhìn nhận. Thật vậy, sau khi đoàn quân thứ đến đất Bắc được ít lâu, và NVT đang giữ chức tham tán quân thứ Tuyên Quang, thì được vua y cho ở lại quân thứ Lạng Sơn để bàn tính kế hoạch, theo lời xin của Thống đốc Võ Trọng Bình (ĐNTL, XXXI, 325). Tổng đốc Sơn, Hưng, Tuyên Nguyễn Bá Nghi cũng tâu vua rằng Tán tương quân thứ Tuyên Quang Nguyễn Văn Tường giỏi giang hiểu biết, xin cất lên chức đốc phủ. (ĐNTL, XXXI, 330-1). Vua Tự Đức lại rất tin cậy vào tài giao thiệp của NVT nên đã ủy thác cho ông việc thương thuyết với tướng Tàu Phùng Tử Tài. Vào mùa thu năm Tự Đức thứ 22, 1869, tuân lệnh vua, Võ Trọng Bình và NVT bàn với họ Phùng gấp đem quân đến Thái Nguyên, Bắc Ninh, Sơn Tây, và Tuyên Quang để cùng đánh giặc thổ phỉ (ĐNTL, XXXI, 357). Khi tướng họ Phùng mang quân đi Thái Nguyên từ nơi nghỉ quân là Bắc Ninh, Võ Trọng Bình và NVT, với sự chấp thuận của vua, đã tiễn đưa đến tỉnh Thái rồi mới về lại Bắc Ninh. Vào mùa xuân năm Tự Đức thứ 23, 1870, vua sai Võ Trọng Bình cùng NVT yêu cầu tướng họ Phùng tiến quân ngay đến thành Tuyên Quang để cùng dẹp giặc, và họ Phùng đã sốt sắng nghe theo. *Vua ngợi khen Bình, Tường giỏi về ứng đối, đặc cách cho chuyên sung việc hộ dẫn, theo bàn mưu kế đánh dẹp vỗ về.* (ĐNTL, XXXII, 11) Được tin Tổng trấn Tàu Quan Tùng Chi đau chết, vua Tự Đức ủy cho NVT làm Khâm mạng phúng điếu bạc 200 lạng, và một số quí vật như trầm hương, quế Thanh, và 3000 lạng bạc cho các quân doanh nước Thanh. (ĐNTL, XXXII, 30). Sau khi quân Tướng Phùng rút về, vì tình thế đã tạm yên, NVT tâu vua công việc cần làm về sau là nên chọn lọc quan văn võ thanh liêm, mẫn cán bổ nhiệm vào các chức vụ tổng đốc và đề đốc ở mỗi tỉnh, và cấp cho 500 quân tinh nhuệ. Quan tốt và chính, theo NVT, thì dân kính nể và không có phản nghịch lớn. Ở Hà Nội thì ông thấy cần một kinh lược đại sứ, được cấp cho 2000 quân tinh nhuệ. Vị quan này phải là người có lòng công bằng, chính trực, và tài cai trị với uy vọng lớn như Nguyễn Tri Phương. (ĐNTL, XXXII, 31-2) Ý kiến này về sau được vua áp dụng cho thành Hà Nội. Nhưng không bao lâu thì tình hình sôi động lại tái diễn. Quân phiến loạn, lâu nay trốn về lại Tàu, hoặc ẩn núp trong vùng núi rừng, lại xuất hiện và cuộc chiến kéo dài.

Đầu năm Tự Đức 26, 1873, thống đốc Pháp ở Nam Kỳ gởi thơ yêu cầu lập hiệp ước mới, hầu hợp thức hóa việc nhượng giao ba tỉnh miền Tây. Đình thần cho là việc ấy chắc không phải do quốc trưởng Pháp quyết định, nên xin cho sứ bộ sang Pháp hỏi rõ rồi sẽ liệu biện. Vua y theo và, nhận thấy khả năng ngoại giao của NVT, cho triệu ông về Kinh đợi tham gia phái bộ, cùng với Kinh lược Lê Tuấn.

(Còn tiếp)

Trúc Lâm Thiền Viện.com

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Buông vọng không theo
Không bẹt hai bên

Đối cảnh vô tâm
Hàng sống với lẽ thật

Là phương pháp tu do Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt sáng lập để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo pháp môn Thiền Tông Việt Nam cuối Thế Kỷ 20, đầu Thế Kỷ 21.

Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang.

Xin liên lạc **Tâm An:** *(714) 891-6742*

9455 Bolsa # E, Westminster, CA 92683

hay **www.TrucLamThienVien.com**

Web Site: ThienTongVietNam.HuongSen.com

HÙNG SƠN
JEWELRY. INC.
SINCE 1950

ENGAGEMENT - WEDDING - LOOSE STONES
G.I.A. CERTIFICATION DIAMONDS

9200 BOLSA AVE. # 128 WESTMINSTER, CA 92683 TEL 714-897-6600
(INSIDE ASIAN GARDEN MALL - PHƯỚC LỘC THỌ)

Giá Bán 5 Mỹ Kim